

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

VŨ VĂN TƯ

TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ CỦA PHÁP NHÂN THƯƠNG
MẠI TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

VŨ VĂN TƯ

TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ CỦA PHÁP NHÂN THƯƠNG
MẠI TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

Ngành: Luật hình sự và Tổ tụng hình
sự Mã số: 9.38.01.04

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: 1. TS. Phạm Mạnh Hùng
2. TS. Nguyễn Trung Thành

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu đã sử dụng trong luận án là trung thực. Những kết luận nêu trong luận án chưa có công bố ở bất kỳ công trình khoa học nào.

TÁC GIẢ LUẬN ÁN

Vũ Văn Tư

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU.....	8
1.1. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài và ở Việt Nam.....	8
1.2. Đánh giá tình hình nghiên cứu và những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu.....	30
1.3. Câu hỏi nghiên cứu và giả thiết nghiên cứu.....	33
Kết luận Chương 1.....	35
Chương 2: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ CỦA PHÁP NHÂN THƯƠNG MẠI.....	36
2.1. Khái niệm trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại.....	36
2.2. Cơ sở của việc quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại Việt Nam.....	44
2.3. Nội dung và kỹ thuật quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân.....	60
2.4. Trách nhiệm hình sự của pháp nhân ở một số nước trên thế giới và kinh nghiệm cho Việt Nam.....	70
Kết luận Chương 2.....	77
Chương 3: QUY ĐỊNH CỦA LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ CỦA PHÁP NHÂN THƯƠNG MẠI...	78
3.1. Khái quát lịch sử vấn đề trách nhiệm hình sự liên quan đến pháp nhân ở Việt Nam trước khi Bộ luật hình sự 2015 được ban hành	78
3.2. Quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại.....	81
3.3. Nhận xét, đánh giá chung.....	107

Kết luận Chương 3.....	113
Chương 4: THỰC TIỄN, YÊU CẦU, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN VÀ BẢO ĐẢM ÁP DỤNG QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VỀ	
TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ CỦA PHÁP NHÂN.....	114
4.1. Thực tiễn áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại phạm tội.....	114
4.2. Yêu cầu của việc hoàn thiện và bảo đảm áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự về trách nhiệm hình sự của pháp nhân.....	120
4.3. Giải pháp hoàn thiện và bảo đảm áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự về trách nhiệm hình sự của pháp nhân.....	124
Kết luận Chương 4.....	152
KẾT LUẬN.....	153
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC 1	

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BLDS:	Bộ luật Dân sự
BLHS:	Bộ luật Hình sự
BLHS 2015:	Bộ luật Hình sự, sửa đổi, bổ sung năm 2017
BLTTHS:	Bộ luật TTHS
PNTM:	Pháp nhân thương mại
TNHS:	Trách nhiệm hình sự
CQĐT:	Cơ quan điều tra
TA:	TA
THTT:	Tiến hành tố tụng
TTHS:	Tổ tụng hình sự
VKS:	Viện kiểm sát
VKSND :	Viện kiểm sát nhân dân
XHCN:	Xã hội chủ nghĩa

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trách nhiệm hình sự của pháp nhân không phải là vấn đề mới, xét dưới góc độ pháp luật quốc tế, TNHS của pháp nhân đã ghi nhận trong nhiều Công ước của Liên Hợp Quốc như Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (Công ước TOC), Công ước chống tham nhũng (Công ước UNCAC), Nghị định thư về việc ngăn ngừa, phòng chống và trừng trị việc buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, bổ sung Công ước về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia của Liên Hợp Quốc và các điều ước quốc tế về chống khủng bố và chống tài trợ khủng bố. Xét dưới góc độ pháp luật quốc gia, ngay từ cuối thế kỷ thứ XVIII vấn đề TNHS của pháp nhân đã được quy định trong pháp luật hình sự của nhiều nước trên thế giới.

Ở Việt Nam, tại kỳ họp thứ 10, ngày 27 tháng 11 năm 2015, Quốc hội khóa XIII đã thông qua BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, trong đó quy định chính thức chế định TNHS của PNTM. Theo đó, cùng với các quy định chung thì BLHS 2015 đã hình sự hóa TNHS của PNTM với 33 tội danh PNTM phải chịu TNHS. BLHS 2015 đánh dấu bước phát triển mang tính đột phá trong chính sách và tư duy lập pháp hình sự của Nhà nước ta. Điều này đã làm thay đổi tư duy truyền thống về tội phạm và hình phạt, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống các hành vi phạm tội do pháp PNTM thực hiện. Quá trình xây dựng BLHS 2015 mặc dù đã có những nghiên cứu cụ thể, tham khảo ý kiến đóng góp của các chuyên gia, nhà khoa học và sự tham khảo kinh nghiệm của một số nước trên thế giới, tuy nhiên, do pháp luật hình sự của mỗi quốc gia có những quy định khác nhau về TNHS của pháp nhân nên việc tiếp thu những kinh nghiệm gặp nhiều khó khăn, phức tạp. Trong khi đó, TNHS của PNTM là một chế định lần đầu tiên được quy định trong BLHS, chưa có tiền lệ. Chính vì vậy, việc quy định TNHS của pháp nhân trong BLHS 2015 không tránh khỏi những hạn chế, bất cập như: Xác định PNTM là chủ thể của tội phạm hay chỉ là chủ thể chịu TNHS; hành vi phạm tội, lỗi của PNTM được xác định như thế nào;

các loại hình phạt nào áp dụng cho PNTM phạm tội; giới hạn phạm vi về tội phạm mà PNTM phải chịu TNHS; những điều kiện cụ thể nào để PNTM chịu TNHS...

Về mặt lý luận, trước và sau khi BLHS 2015 ban hành đã có một số công trình nghiên cứu của các nhà khoa học, các chuyên gia lập pháp phân tích, lý giải và làm rõ những vấn đề về TNHS của pháp nhân, PNTM. Trong đó, các công trình nghiên cứu trước khi BLHS 2015 được ban hành chủ yếu tập trung nghiên cứu các công trình ở nước ngoài về TNHS của pháp nhân; các quy định về TNHS của pháp nhân trong pháp luật hình sự của một số nước trên thế giới. Các công trình nghiên cứu sau khi BLHS 2015 được ban hành cũng đã phân tích và khái quát những vấn đề lý luận, pháp luật và thực tiễn quy định TNHS của PNTM. Tuy nhiên những công trình nghiên cứu này chỉ đề cập đến những góc độ khác nhau hoặc nghiên cứu khái quát về TNHS của pháp nhân, PNTM mà chưa nghiên cứu tổng thể, đồng bộ và chuyên sâu cả về lý luận, pháp luật và thực tiễn áp dụng các quy định của BLHS 2015 về TNHS của PNTM để từ đó đề ra các giải pháp, kiến nghị cụ thể nhằm hoàn thiện pháp luật về TNHS của pháp nhân và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật, góp phần quan trọng vào công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm do pháp nhân thực hiện.

Về mặt thực tiễn, sau hơn 05 năm kể từ khi BLHS 2015 có hiệu lực đến nay, cơ quan có thẩm quyền tố tụng mới chỉ khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử 02 vụ án hình sự liên quan đến PNTM mặc dù hành vi vi phạm pháp luật nói chung của pháp nhân trong thời gian qua là tương đối phổ biến và nghiêm trọng. Điều này cho thấy, quá trình áp dụng chế định TNHS của PNTM vào thực tiễn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc. Có nhiều nguyên nhân của thực trạng này, tuy vậy có thể chỉ ra các nguyên nhân chủ yếu như: Do những mâu thuẫn, bất cập trong quy định của BLHS 2015 về TNHS của PNTM; công tác giải thích, hướng dẫn luật chưa kịp thời; trình độ, năng lực của đội ngũ người THTT trong việc nghiên cứu, áp dụng pháp luật để truy cứu TNHS đối với PNTM vẫn còn hạn chế; có những hành vi phạm pháp của PNTM ở mức độ nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng cần phải xử lý hình sự nhưng không xử lý được do BLHS

chura quy

định PNTM bị xử lý hình sự về hành vi đó...

Ngoài ra, trước xu thế “quốc tế hóa”, “toàn cầu hóa” và trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường theo định hướng XHCN và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng hiện nay, Việt Nam đã tham gia một số tổ chức kinh tế thế giới như: Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương (APEC), tổ chức thương mại thế giới (WTO), diễn đàn kinh tế Á – Âu (ASEM), hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)... và đã ký kết, tham gia nhiều công ước quốc tế về phòng chống tội phạm như: Công ước về phòng chống khủng bố, Công ước chống mua bán trái phép chất ma túy năm 1988, Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia năm 2000, Công ước chống tham nhũng năm 2003... và 21 hiệp định tương trợ tư pháp song phương về hình sự và dân sự. Để thực hiện các nghĩa vụ trong các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, BLHS 2015 đã hình sự hóa TNHS của PNTM với 33 tội danh PNTM phải chịu TNHS, tuy nhiên, phạm vi chịu TNHS của PNTM trong BLHS hiện nay vẫn chưa nội luật hóa hết các điều ước quốc tế mà nhà nước ta là thành viên như: Công ước về phòng, chống khủng bố; Công ước chống mua bán trái phép chất ma túy ...

Từ những luận giải trên, NCS thấy rằng, việc nghiên cứu làm rõ lý luận và quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về chế định TNHS của PNTM, cũng như việc áp dụng chế định này vào thực tiễn nhằm góp phần xác định rõ vị trí, tầm quan trọng của việc quy định chế định này trong BLHS Việt Nam; phân tích và làm rõ những điểm còn hạn chế, bất cập, mâu thuẫn trong quy định của chế định TNHS của PNTM để kiến nghị việc sửa đổi, bổ sung hoàn thiện; làm rõ những khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân của việc áp dụng chế định TNHS của PNTM vào thực tiễn nhằm đề xuất các giải pháp, kiến nghị bảo đảm áp dụng các quy định gắn với chế định TNHS của PNTM là vấn đề có tính cấp thiết hiện nay. Do đó, NCS lựa chọn vấn đề: “*Trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại phạm tội trong Luật hình sự Việt Nam*” làm đề tài luận án Tiến sĩ, chuyên ngành: Luật hình sự và TTHS của mình.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

- Tìm ra những luận cứ khoa học cho việc hoàn thiện lý luận cũng như quy định của pháp luật hình sự về TNHS của PNTM để bảo đảm tính khả thi của các quy định này.
- Xây dựng các giải pháp bảo đảm áp dụng các quy định của BLHS hiện hành về TNHS của PNTM trong thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm liên quan đến PNTM.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nêu trên, luận án xác định và thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu sau đây:

- Tìm hiểu, phân tích, đánh giá tổng quan các công trình nghiên cứu khoa học ở trong và ngoài nước về TNHS của pháp nhân, rút ra những kết quả, thành tựu nghiên cứu cần kế thừa làm cơ sở cho việc nghiên cứu đề tài luận án. Trên cơ sở đó, xác định những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án, xây dựng giả thuyết nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu.
- Phân tích, luận giải làm rõ những vấn đề lý luận về TNHS của PNTM trên các bình diện khái niệm, cơ sở, nội dung, kỹ thuật lập pháp TNHS của PNTM.
- Phân tích, bình luận làm sáng tỏ nội dung các quy định của pháp luật hình sự Việt Nam (lịch sử và hiện hành) về TNHS của PNTM, chỉ ra mặt tích cực, hoàn thiện, cũng như hạn chế, bất cập trong các quy định; đánh giá khái quát quy định của pháp luật hình sự một số nước về TNHS của pháp nhân, rút ra kinh nghiệm cho Việt Nam.
- Đánh giá khái quát thực tiễn áp dụng các quy định của BLHS hiện hành về TNHS của PNTM, rút ra những khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân trong thực tiễn áp dụng. Trên cơ sở đó đề ra yêu cầu và xây dựng các giải pháp tiếp tục hoàn thiện các quy định của BLHS về TNHS của PNTM và đảm bảo áp dụng những quy định đó trong thực tiễn.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là những quan điểm lý luận, các học thuyết về TNHS của pháp nhân, quy định của pháp luật hình sự về TNHS của PNTM và thực tiễn áp dụng ở Việt Nam.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung: Nghiên cứu toàn diện, hệ thống các vấn đề TNHS của pháp nhân dưới góc độ khoa học luật hình sự và luật TTHS.
- Về không gian, thời gian: Nghiên cứu thực tiễn áp dụng chế định TNHS của PNTM trên địa bàn cả nước trong khoảng thời gian 10 năm, từ năm 2011 đến 2021.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp luận

Luận án nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận của phép duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác – Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về cải cách tư pháp, về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật và hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung, tội phạm được thực hiện bởi pháp nhân nói riêng, các học thuyết về TNHS của pháp nhân.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, luận án sử dụng tổng hợp nhiều phương pháp nghiên cứu khác nhau. Tùy thuộc đối tượng nghiên cứu trong từng chương, mục mà luận án lựa chọn và sử dụng phương pháp nghiên cứu phù hợp trong các phương pháp sau:

- *Phương pháp phân tích, so sánh tài liệu:* Sử dụng để nghiên cứu, phân tích, đánh giá, so sánh các công trình, các tài liệu lý luận về TNHS của pháp nhân; các văn bản pháp luật hình sự Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới về TNHS của pháp nhân; các tài liệu phản ánh về thực tiễn áp dụng chế định TNHS của PNTM phạm tội trong thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm.
- *Phương pháp tổng hợp:* Sử dụng để tổng hợp các kết quả nghiên cứu, các quan điểm nghiên cứu để thấy được bức tranh toàn cảnh liên quan đến vấn đề nghiên cứu; tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến TNHS của PNTM phạm tội; tổng hợp

các nguyên nhân để đề ra các giải pháp nhằm tiếp tục hoàn thiện BLHS Việt Nam về TNHS của PNTM phạm tội và xử lý tội phạm

- *Phương pháp thống kê, phân tích, so sánh số liệu thống kê, thống kê tội phạm:* Sử dụng để điều tra, khảo sát thực tế; thống kê, nghiên cứu, đánh giá và xử lý các số liệu về tình hình vi phạm pháp luật của pháp nhân, tình hình thực tiễn áp dụng chế định TNHS của PNTM phạm tội và tình hình khác có liên quan.

- *Phương pháp tổng kết thực tiễn:* Sử dụng để nghiên cứu, đánh giá những kết quả, tài liệu thu thập từ thực tiễn về tình hình vi phạm pháp luật của pháp nhân, tình hình thực tiễn áp dụng chế định TNHS của PNTM phạm tội và tình hình khác có liên quan.

- *Phương pháp điều tra điển hình:* Sử dụng để thu thập thông tin và đánh giá một số vụ án điển hình truy cứu TNHS đối với PNTM phạm tội và kết quả tổ chức thực hiện chế định TNHS của PNTM phạm tội ở Việt Nam.

- *Phương pháp chuyên gia:* Sử dụng để tham khảo ý kiến của các nhà nghiên cứu, nhà khoa học và cán bộ thực tiễn về tất cả những vấn đề có liên quan đến lý luận TNHS của pháp nhân; quy định về TNHS của PNTM phạm tội trong Luật hình sự Việt Nam và thực tiễn áp dụng; yêu cầu và giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và bảo đảm áp dụng chế định TNHS của pháp nhân ở Việt Nam.

5. Những đóng góp mới về khoa học của luận án

Thứ nhất, luận án là một trong những công trình đầu tiên ở Việt Nam nghiên cứu một cách toàn diện về lý luận TNHS của pháp nhân.

Thứ hai, luận án phân tích, đánh giá, làm rõ một cách toàn diện các quy định của BLHS hiện hành về TNHS của PNTM phạm tội; chỉ ra cụ thể điểm còn hạn chế, bất cập, mâu thuẫn.

Thứ ba, luận án phân tích, đánh giá khái quát thực tiễn áp dụng chế định TNHS của PNTM phạm tội trong phạm vi cả nước, chỉ ra những kết quả đạt được, những hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân.

Thứ tư, luận án xây dựng hệ thống các giải pháp nhằm hoàn thiện chế định TNHS của PNTM trong BLHS 2015 và bảo đảm áp dụng chế định này trong thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm do pháp nhân thực hiện.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Về ý nghĩa lý luận

- Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần bổ sung, hoàn thiện làm giàu lý luận về TNHS của pháp nhân nói chung, PNTM nói riêng.
- Kết quả nghiên cứu của luận án còn là cơ sở lý luận giúp cho việc nhận thức thống nhất vấn đề TNHS của PNTM.
- Kết quả nghiên cứu của luận án là cơ sở khoa học cho việc hoạch định chính sách hình sự đối với PNTM phạm tội.

6.2. Về ý nghĩa thực tiễn

- Luận án là tài liệu mà các nhà lập pháp có thể tham khảo để nghiên cứu, xem xét, sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật hình sự về TNHS của pháp nhân.
- Luận án là tài liệu tham khảo có tác dụng chỉ dẫn cơ quan và người có thẩm quyền áp dụng và có hiệu quả chế định TNHS của PNTM trong đấu tranh phòng, chống tội phạm.
- Luận án còn là tài liệu tham khảo trong nghiên cứu, giảng dạy, học tập ở các cơ sở đào tạo chuyên ngành luật.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, nội dung luận án được kết cấu thành 04 chương:

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu.

Chương 2. Những vấn đề lý luận về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại.

Chương 3. Quy định của luật hình sự Việt Nam về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại.

Chương 4. Thực tiễn, yêu cầu, giải pháp hoàn thiện và bảo đảm áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự về trách nhiệm hình sự của pháp nhân.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài và ở Việt Nam

1.1.1. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

Vấn đề TNHS của pháp nhân chính thức được ghi nhận trong Luật hình sự của Cộng hòa Pháp từ thế kỷ thứ XVIII và tiếp tục được quy định trong Luật hình sự các nước theo truyền thống pháp luật “common law” từ thế kỷ thứ XIX. Ngày nay vấn đề này đã được quy định trong Luật hình sự của 119 nước trên thế giới [3]. Tuy nhiên, tùy thuộc vào điều kiện phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và truyền thống pháp luật mà ở mỗi quốc gia có những quan điểm, quy định khác nhau về TNHS của pháp nhân trong Luật hình sự. Mặc dù như vậy nhưng khi bàn về TNHS của pháp nhân vẫn còn những ý kiến khác nhau giữa các nhà nghiên cứu pháp luật hình sự của các quốc gia trên thế giới, có quan điểm ủng hộ nhưng cũng có quan điểm phản đối việc quy định TNHS của pháp nhân; cũng như khác nhau về việc xác định các cơ sở, nội dung của việc quy định TNHS của pháp nhân. Có thể viện dẫn một số công trình điển hình sau đây:

- M.F.C Von Savigny (1841), *Traité de droit romain*, trad. de ch. ruenoux, Paris, librairie firmin didot (*tạm dịch là: Chuyên luận về Luật La Mã*). Trong công trình này tác giả có quan niệm tội phạm là tổng hợp các dấu hiệu thuộc hành vi khách quan (actus reus - Lat) và dấu hiệu lỗi chủ quan (mens rea - Lat). Trong đó lý giải hành vi khách quan của tội phạm phải do chính người phạm tội trực tiếp thực hiện. Pháp nhân là một thực thể pháp lý trừu tượng. Pháp nhân là một người vô hình, do các thành viên hợp lại và đại diện cho tất cả các thành viên. Tác giả nhấn mạnh: “*Pháp nhân... chỉ là một thực thể trừu tượng... sự tồn tại thực tế của nó dựa trên các quyết định của một hoặc một số những người đại diện mà chiếu theo sự trừu tượng được xem như là các quyết định của chính bản thân pháp nhân, một sự đại diện như thế... loại trừ ý chí theo đúng nghĩa*” [115, tr.312].

- Donnedieu De Vabres (1947), *Traite de droit criminel et de législation pénale compare*, Paris, Librairie du Recueil Sirey (*tạm dịch là: Chuyên luận về Luật hình sự và Luật hình sự so sánh*). Trong cuốn sách này, tác giả đã khẳng định “*nằm trong sự tất yếu của sự việc là bắt một pháp nhân phải chịu một hình phạt có những hậu quả bất lợi đối với những người thứ ba vô tội*” [94, tr.149]. Donnedieu nêu ra bất cập về mặt thực tế khi áp dụng chế tài hình sự cho pháp nhân. Các hình phạt được coi là đặc trưng, truyền thống và có hiệu quả trong luật hình sự như tử hình, phạt tù... không thể áp dụng được đối với pháp nhân. Theo tác giả “*Người ta có thể phạt tù, bắt giam như thế nào đối với một thực thể mà bản chất của nó là vô hình? làm thế nào có thể tước mạng sống của một chủ thể giả tưởng mà bản chất của nó là thiếu sự tồn tại của thực thể hữu hình*” [102, tr.149].

Hai công trình nghiên cứu nêu trên là hai trong số các công trình nghiên cứu thể hiện quan điểm không ủng hộ việc quy định TNHS của pháp nhân. Theo các tác giả thì pháp nhân không có khả năng thực hiện hành vi phạm tội, không thể có lỗi; mặt khác các chế tài hình sự không thể áp dụng được cho pháp nhân. Mặc dù là các công trình không ủng hộ việc quy định TNHS của pháp nhân nhưng việc tiếp cận, nghiên cứu các công trình này giúp cho NCS có cái nhìn đa chiều đối với TNHS của pháp nhân; giúp cho việc hình thành tư duy, luận điểm, lý lẽ để phản biện các quan điểm không ủng hộ và bổ sung, xây dựng, hoàn thiện lý luận về TNHS của pháp nhân.

Từ nửa cuối thế kỷ XX đến nay, ngày càng có nhiều nhà hình sự học ủng hộ TNHS của pháp nhân. Những người theo quan điểm này không chỉ bác bỏ các lập luận của những người không ủng hộ TNHS của pháp, mà còn nhìn nhận vấn đề từ góc độ nhận thức hiện đại, từ thực tiễn và nhu cầu phát triển xã hội hiện đại. Có thể viện dẫn một số công trình điển hình sau đây:

- M. Delmas-marty (1993), *Droit pénal d'affaires*, Paris (*tạm dịch là: (Luật hình sự thương mại)*). Đây là một công trình nghiên cứu tập hợp nhiều bài viết khác nhau. Trong công trình này có bài viết “*La volonté à la lumière du nouveau code pénal*” (*tạm dịch là: Ý chí dưới ánh sáng của luật hình sự mới*)

của tác giả Y.

Mayaud đã đưa ra nhận định pháp nhân không phải là một trừu tượng pháp lý thuần túy, nó với những đặc tính không đổi được thừa nhận chung, có sự tồn tại thực tế của nó trong mối quan hệ với các thành viên của pháp nhân. Về thực tế, *“pháp luật đã ghi nhận và tổ chức nó trên phương diện pháp lý. Pháp nhân có ý chí độc lập chứ không đơn thuần chỉ là con số cộng ý chí của các cá nhân thành viên pháp nhân, tập đoàn được pháp nhân hoá; pháp nhân có thể tự quyết định một cách tự do và theo đuổi những mục tiêu cụ thể của mình và độc lập với những lợi ích của các cá nhân tạo nên pháp nhân đó”* [117, tr.214]. Nói cách khác, các tổ chức mặc dù bao gồm các cá nhân nhưng được hình thành bởi những lợi ích tập trung và được tổ chức thông qua các cấu trúc pháp lý xác định. Trong các tổ chức, những định hướng chủ đạo thể hiện những mục tiêu của chính mỗi tập thể được đưa ra không chỉ hoàn toàn giới hạn bởi tổng số các ý chí riêng của các thành viên tập đoàn. Pháp nhân hoàn toàn có ý chí của riêng mình bởi vì nó sinh ra, tồn tại và phát triển bằng sự gặp gỡ giữa các ý chí cá nhân của các thành viên của mình.

Trong công trình này tác giả đã lý luận và khẳng định pháp nhân không phải là một trừu tượng pháp lý thuần túy, nó có ý chí của riêng mình. Đây là vấn đề mà NCS có thể tham khảo để lý giải cho việc có thể xác định được lỗi của pháp nhân khi xây dựng lý luận về TNHS của pháp nhân.

- H.L. Bolton (engineering) Company Ltd. v. T.J. Graham &son Ltd (1957) i.q.b.159, 172. Trong tác phẩm này, các tác giả trình bày quan điểm pháp nhân không phải là một chủ thể trừu tượng mà là một chủ thể độc lập, có ý chí. Pháp nhân có thể, với nhiều danh nghĩa, được so sánh với con người. *“Nó có bộ não, có hệ thần kinh trung ương kiểm tra những gì nó làm. Nó cũng có tay để cầm công cụ và hành động theo các mệnh lệnh của hệ thần kinh trung ương”* [111, tr.172]. Ông ủng hộ quan điểm pháp nhân rõ ràng là một thực thể có ý chí, có mong muốn riêng của mình, được xử sự tự do và hưởng quyền tự chủ của chủ thể có thể so sánh với quyền tự chủ của cá nhân và vì vậy có năng lực thực hiện tội phạm một cách có lỗi và đương nhiên có thể bị xử lý về hình sự.

Trong công trình nghiên cứu trên, các tác giả không chỉ khẳng định pháp

nhân không phải là một chủ thể trừu tượng, mà còn khẳng định pháp nhân có năng lực thực hiện được tội phạm một cách có lỗi, tức là pháp nhân thực hiện được hành vi mà pháp luật hình sự coi là tội phạm và hoàn toàn có thể xác định được lỗi của pháp nhân khi thực hiện hành vi. Đây là vấn đề mà NCS có thể tham khảo để xây dựng lý luận về về hành vi, về lỗi của pháp nhân khi thực hiện tội phạm.

- Pharmaceutical Society v London and Provincial Supply Association (1880), limited respondents, LonDon (*tạm dịch là: Các kháng cáo lại Hội Dược phẩm và Công ty Cung ứng Luân Đôn và địa phương*). Trong bản kháng cáo này thể hiện ý kiến phản bác quan điểm cho rằng các pháp nhân về bản chất là những thực thể vô hình nên không thể áp dụng hình phạt đối với nó. Theo đó, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học về hình phạt, quan điểm không thể áp dụng hình phạt với pháp nhân đã không còn có sức thuyết phục. Mặc dù tử hình hoặc các hình phạt tước hoặc hạn chế quyền tự do thân thể không thể áp dụng với pháp nhân phạm tội nhưng những loại hình phạt khác dần dần được phát triển tương hợp hoàn toàn với bản chất pháp nhân phạm tội với mục đích làm cho nó phải chịu hậu quả pháp lý bất lợi của hành vi phạm tội mà nó đã gây ra cho xã hội. Cũng chính từ những quan điểm này và sau đó được rộng rãi các quốc gia ủng hộ, áp dụng đã cho thấy luật hình sự có xu hướng giảm hoặc thay thế các hình phạt được cho là truyền thống quá nghiêm khắc như tử hình, tước tự do bằng các hình phạt nhân đạo hơn không tước tự do nhưng có giá trị phòng ngừa cao hơn, đặc biệt là các hình phạt liên quan đến tài sản hoặc hoạt động của tổ chức [110].

- V. Simonart (1995), *la personnalité morale en droit compare*, Bruxelles (*tạm dịch là: Tư cách pháp nhân trong luật so sánh*). Tác giả cho rằng việc áp dụng hình phạt đối với pháp nhân phạm tội đã thể hiện nguyên tắc công bằng và bình đẳng, nguyên tắc mọi hành vi phạm tội không thoát khỏi sự trừng trị của pháp luật hình sự được củng cố. Từ nhận thức nguyên tắc cá thể hoá hình phạt không thể tách rời khỏi nhận thức về chế tài áp dụng đối với pháp nhân. Nếu pháp nhân là những thực thể có khả năng phạm tội thì có lý nào các pháp nhân

lại không bị chịu sự trách cứ về hình sự của nhà nước khi nó phạm tội. Vì vậy, theo tác giả thì chế tài hình sự

buộc phải áp dụng trực tiếp và chỉ đối với chính bản thân chủ thể phạm tội, tức là đòi hỏi việc trừng trị nhằm trực tiếp vào những pháp nhân, khi các thực thể này phạm tội [124].

Những vấn đề được nêu ra trong “The pharmaceutical society. v. The London and provincial supply association ltd” (1880) và V. Simonart (1995), *la personnalité morale en droit compare* có giá trị tham khảo đối với NCS trong quá trình thực hiện luận án liên quan tới việc xác định, đánh giá về nội dung chế tài áp dụng đối với pháp nhân. Bởi theo các tác giả thì hoàn toàn có thể áp dụng hình phạt đối với pháp nhân. Hệ thống chế tài áp dụng đối với pháp nhân sẽ phù hợp khi áp đặt các chế tài nhằm đến sự tồn tại của nó như giải thể, đóng cửa, liên quan đến hoạt động của nó như cấm tiến hành những hoạt động nhất định, hoặc liên quan đến tài sản như phạt tiền, tịch thu tài sản...

- Linklaters (2016), *Corporate criminal liability - A review of law and practice across the globe*, allens.com.au (*tạm dịch: TNHS của công ty - Đánh giá luật pháp và thực tiễn trên toàn cầu*) [120]. Đây là một tập san nghiên cứu, trong đó các tác giả (gồm 24 luật sư) đã rà soát pháp luật và thực tiễn liên quan đến TNHS của doanh nghiệp tại 24 khu vực pháp lý trên khắp Châu Âu, Châu Phi, Châu Mỹ và Châu Á - Thái Bình Dương và kinh nghiệm trong pháp luật hình sự của nhiều quốc gia trên thế giới như: Cộng hòa Pháp, Hà Lan, Bỉ... Qua đó nhóm tác giả đã đề cập đến một số về TNHS pháp nhân ở một số quốc gia như sau:

Quan điểm pháp luật của Bỉ cho rằng pháp nhân với tư cách là chủ thể của TNHS là pháp nhân có mục đích sinh lời trên cơ sở các hoạt động của pháp nhân như PNTM, pháp nhân dân sự. Trường hợp pháp nhân được thành lập và hoạt động không vì mục đích sinh lời nhưng có đăng ký hoạt động hợp lệ như các hiệp hội, giáo hội, công đoàn, đảng phái và nhóm chính trị... vẫn phải chịu TNHS theo quy định tại Điều 5 của BLHS Bỉ. Ngoài ra, tại Bỉ cũng quy định cụ thể các loại hình phạt áp dụng đối với pháp nhân phạm tội như: Phạt tiền, tịch thu tài sản của pháp nhân, giải thể pháp nhân, tước quyền sử dụng giấy phép hoặc tạm đình chỉ hoạt động của pháp nhân, đóng cửa pháp nhân, niêm yết quyết

định đã được TA tuyên

hoặc thông báo quyết định đó trên các phương tiện nghe nhìn. Trong đó, hình phạt tiền là hình phạt chính áp dụng đối với tất cả các tội phạm do pháp nhân thực hiện. Một quốc gia khác cũng được đề cập trong tập san này là Singapore, theo quan điểm của pháp luật Singapore về TNHS của pháp nhân được mô tả như sau: *Thứ nhất*, chỉ coi tổ chức là chủ thể của TNHS chứ không phải là chủ thể của tội phạm. Hướng đến việc chỉ có một chủ thể duy nhất thực hiện tội phạm là cá nhân và có hai chủ thể của TNHS là cá nhân và pháp nhân, việc quy định TNHS cá nhân của thương mại chỉ là bổ sung các quy định về chủ thể thứ hai phải chịu TNHS. *Thứ hai*, mở rộng phạm vi truy cứu TNHS, pháp luật Singapore xác định chủ thể bị truy cứu TNHS ngoài cá nhân còn có tổ chức, bao gồm mọi loại hình công ty hoặc hiệp hội, hoặc bất kỳ tổ chức nào dù đã được thành lập hợp pháp hay chưa, điều này đảm bảo áp dụng pháp luật một cách triệt để, công bằng đối với nhiều đối tượng. *Thứ ba*, ở Singapore không giới hạn phạm vi tội danh truy cứu TNHS đối với tổ chức, vì các quy định và hình phạt nằm trong các văn bản pháp luật chuyên ngành nên Singapore sẽ dễ dàng bổ sung các điều khoản truy cứu TNHS đối với tổ chức.

Ngoài ra, theo chế tài Singapore, Mỹ và các nước phát triển thì hình phạt tiền đã đủ sức răn đe các pháp nhân, còn việc đình chỉ hoạt động hay đóng cửa các pháp nhân sẽ mang lại hệ lụy không hề nhỏ vì nếu làm như vậy sẽ ảnh hưởng đến các cổ đông, nhân viên, những người lao động,... Cuối cùng dẫn đến việc nền kinh tế bị ảnh hưởng.

Tập san nghiên cứu *Corporate criminal liability - A review of law and practice across the globe (TNHS của công ty - Đánh giá luật pháp và thực tiễn trên toàn cầu)* đã cung cấp những luận điểm quan trọng về việc xác định liên quan đến TNHS của pháp nhân như: Pháp nhân là chủ thể tội phạm hay chủ thể TNHS; có nên giới hạn về mặt chủ thể pháp nhân và phạm vi tội phạm mà pháp nhân phải chịu TNHS hay không; hình phạt nào là hữu hiệu nhất được áp dụng đối với pháp nhân... Đây là những vấn đề có giá trị tham khảo quan trọng cho NCS trong quá trình thực hiện đề tài luận án.

- Andrew Ashworth (2003), *Principle of Criminal Law*, Oxford University Press (tạm dịch: *Những nguyên tắc của luật hình sự*). Trong cuốn sách này tác giả đã đề cập tới việc ra đời thuyết trách nhiệm thay thế và từ những năm 1800, các TA của Anh đã bắt đầu áp dụng nguyên tắc TNHS thay thế để truy cứu TNHS đối với tổ chức. Theo nội dung của thuyết trách nhiệm thay thế, TNHS của tổ chức là loại TNHS được quy cho các tổ chức trên cơ sở hành vi phạm tội của các nhân viên của tổ chức trong khi tiến hành các chức năng, nhiệm vụ của mình trong tổ chức và không đòi hỏi việc xác định lỗi của chủ thể trong việc thực hiện tội phạm [97].

- Gennady A Esakov (2010), *Corporate Criminal Liability: A Comparative Review*” *City University of Hong Kong Law Review*, Vol.2:1 (tạm dịch: *TNHS của doanh nghiệp: Đánh giá so sánh*). Trong bài viết này tác giả cho rằng nguyên tắc đồng nhất trách nhiệm quy tội cho công ty trên cơ sở hành vi và lỗi của những người thể hiện “tư tưởng chỉ đạo và ý chí” của công ty. Những người đó còn được gọi là “người quản lý cấp cao”. Để xác định ai là người thể hiện tư tưởng chỉ đạo và ý chí của công ty thì các cơ quan THTT phải dựa vào các văn bản mang tính chất cốt lõi cho việc tổ chức và hoạt động của công ty như các bản ghi nhớ, điều lệ của công ty. Nói chung, nguyên tắc đồng nhất trách nhiệm chỉ giới hạn TNHS của tổ chức đối với hoạt động của ban giám đốc, giám đốc điều hành và các cán bộ cấp cao của tổ chức, những người thực hiện chức năng quản lý và phát ngôn, hành động với tư cách của công ty. Điều đó có nghĩa là khi nào mà hành vi khách quan và lỗi của tội phạm được quy cho các cá nhân đó thì công ty mới phải chịu TNHS về tội phạm [107].

Hai công trình “*Principle of Criminal Law (Những nguyên tắc của luật hình sự)*”, và “*TNHS của doanh nghiệp: Đánh giá so sánh*” nêu trên cung cấp những luận điểm về nền tảng lý luận hết sức quan trọng cho việc quy định TNHS của pháp nhân, đó là những luận điểm dựa trên Thuyết trách nhiệm thay thế và Thuyết đồng nhất hóa trách nhiệm. Nhưng vấn đề này có giá trị tham khảo quan trọng để

NCS có thể luận giải về mặt lý luận TNHS của pháp nhân.

- Gert Vermeulen, Wendy De Bondt, Charlotte Ryckman (2012), *Liability of Legal Persons for Offences in the EU*, Maklu, Antwerpen (tạm dịch là: *Trách nhiệm pháp lý của các tội phạm tại EU*). Trong công trình này các tác giả bình luận và dẫn chứng vấn đề mối quan hệ giữa TNHS của pháp nhân và cá nhân trong BLHS của Pháp, theo đó, theo Điều 121-2 quy định: “*pháp nhân, ngoại trừ Nhà nước, chịu TNHS đối với các hành vi vi phạm do hành vi của người đại diện của họ*” và khẳng định trách nhiệm này không đương nhiên loại trừ TNHS của cá nhân [108].

Đây là bài viết có đề cập tới nguyên tắc trách nhiệm kép khi quy định TNHS của pháp nhân, theo đó việc truy cứu TNNHS pháp nhân không loại trừ trách nhiệm của cá nhân thực hiện tội phạm mà pháp nhân phải chịu TNHS. Do đó, bài viết này có giá trị tham khảo đối với NCS khi nghiên cứu tới vấn đề trách nhiệm cá nhân trong mối liên quan tới TNHS của pháp nhân trong quá trình thực hiện đề tài luận án.

Ngoài các công trình nghiên cứu đã viện dẫn như trên, còn một số công trình nghiên cứu khác đề cập tới những khía cạnh khác nhau về TNHS của pháp nhân. Có thể kể đến một vài công trình như:

- Rodríguez-López, Silvia (2017), *Criminal Liability of Legal Persons for Human Trafficking Offences in International and European Law*, Journal of Trafficking and Human Exploitation (tạm dịch: *TNHS của pháp nhân đối với tội phạm buôn bán người trong luật quốc tế và châu Âu*). Bài viết nhấn mạnh gần đây việc phòng chống nạn buôn người đòi hỏi các nước phải quy định các biện pháp trừng phạt đối với các pháp nhân liên quan đến tội phạm này. Điều này nhằm mục đích để đáp ứng với những rủi ro ngày càng tăng của các loại hình du lịch do các công ty tổ chức và lợi dụng để thực hiện hành vi buôn bán người. Từ những tổng kết về các trở ngại chính cản trở việc truy tố và trừng phạt các pháp nhân chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội buôn bán người, cuốn sách khuyến nghị các biện pháp tăng cường hiệu quả phòng chống, trong đó có việc hoàn thiện hệ thống pháp

luật hình sự [122, tr. 95-114].

- Carna AR (2015), *criminal liability of legal entities, international comparisons in the laws of the United States, Great Britain, Spain and Italy*, Civil & Legal Sciences, Volume 4, Issue 2, 1000144 (*tạm dịch: TNHS của pháp nhân, những so sánh quốc tế trong pháp luật của Hoa Kỳ, Anh, Tây Ban Nha và Ý*). Trong bài viết có đề cập đến các tình tiết định khung tăng nặng trong luật của các nước đối với hành vi phạm tội của pháp nhân. Trong phần phân tích quy định của Luật hình sự Mỹ, bài viết chỉ ra tại Chương 8 quy định các tình tiết làm tăng đáng kể mức độ nguy hiểm từ hành vi phạm tội của pháp nhân như: Hỗ trợ hoặc bao che cho hoạt động tội phạm; tái phạm; cố tình vi phạm lệnh; có hành vi cản trở điều tra, truy tố, xét xử. Chế tài được áp dụng căn cứ vào mức độ nguy hiểm và khả năng gánh chịu của pháp nhân. Trong pháp luật Vương quốc Anh, tác giả phân tích tính hiệu lực về không gian đối với việc xử lý pháp nhân phạm tội, theo đó pháp luật Vương quốc Anh được áp dụng khi có bất cứ hành vi nào được thực hiện toàn bộ hoặc một phần trên lãnh thổ Vương quốc Anh, hoặc không có hành vi phạm tội diễn ra ở Anh, nhưng người phạm tội có mối quan hệ mật thiết với Vương quốc Anh. Hay đối với luật hình sự Tây Ban Nha, tác giả phân tích các trường hợp pháp nhân không bị truy cứu TNHS nếu là cơ quan Nhà nước, tổ chức công cộng, các đảng chính trị, công đoàn... [100].

Hai bài viết trên đề cập tới vấn đề mở rộng TNHS đối với pháp nhân đối với tội mua bán người và vấn đề các tình tiết định khung tăng nặng trong luật của các nước đối với hành vi phạm tội của pháp nhân. Những nội dung này cũng có giá trị tham khảo nhất định trong quá trình NCS thực hiện đề tài luận án.

1.1.2. Tình hình nghiên cứu ở Việt Nam

Vấn đề TNHS của pháp nhân đã được các nhà nghiên cứu lý luận ở nước ngoài quan tâm từ lâu và có nhiều công trình nghiên cứu, trao đổi dưới nhiều góc độ và trên nhiều phương diện khác nhau để lý giải về sự cần thiết phải quy định TNHS của pháp nhân trong pháp luật hình sự. Tuy nhiên ở Việt Nam, kể khi đất

nước bước vào thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế cho đến trước khi BLHS 2015 ban hành, vấn đề TNHS của pháp nhân mới được một số ít các nhà nghiên cứu lý luận về pháp luật hình sự nghiên cứu, trao đổi, đề cập. Sau khi BLHS 2015 được Quốc hội ban hành đã nhận được sự quan tâm sâu rộng không chỉ đối với các nhà nghiên cứu lý luận mà còn nhận được sự quan tâm của nhiều người làm công tác thực tiễn áp dụng pháp luật. Do đó, đã có khá nhiều công trình, đề tài, bài viết về TNHS của pháp nhân được công bố.

Các công trình nghiên cứu được thực hiện trước khi BLHS 2015 ban hành tập trung chủ yếu vào việc làm rõ hơn quan điểm ủng hộ việc quy định TNHS của pháp nhân; cơ sở lý luận, thực tiễn của việc quy định TNHS của pháp nhân và các vấn đề có liên quan đến nội dung quy định TNHS của pháp nhân như: Điều kiện, chủ thể, phạm vi chịu TNHS, cũng như những vấn đề về kỹ thuật lập pháp khi quy định TNHS của pháp nhân trong BLHS. Có thể viện dẫn một số công trình điển hình sau đây:

- Phạm Hồng Hải (1999), *Pháp nhân có thể là chủ thể của tội phạm hay không*, Tạp chí Luật học, số 06/1999 [27]. Trong bài viết của mình, tác giả đã đưa ra năm vấn đề trao đổi. *Một là*, pháp nhân có thể là chủ thể của tội phạm hay không, vẫn còn đang là vấn đề tranh cãi trong giới khoa học cũng như cán bộ làm công tác thực tiễn trong và ngoài nước. Do đó cần có câu trả lời nghiêm túc và khoa học về vấn đề này. *Hai là*, thời điểm nào luật hình sự quy định hay không quy định pháp nhân là chủ thể của tội phạm cho phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể của mỗi quốc gia. *Ba là*, đánh giá thực trạng của pháp luật Việt Nam và trên cơ sở nghiên cứu tài liệu đã phân tích pháp luật hình sự một số nước mà ở đó quy định pháp nhân là chủ thể của tội phạm như Mỹ, Cộng hòa Pháp, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và giải thích cơ sở TNHS đối với pháp nhân tại các nước này. Ở các quốc gia quy định TNHS của pháp nhân có hệ thống hình phạt riêng áp dụng cho pháp nhân phạm tội, hình phạt bao gồm: hình phạt tiền hoặc hình phạt hạn chế quyền tự do kinh doanh của pháp nhân. *Bốn là*, từ việc nghiên cứu báo cáo của các cơ quan có thẩm quyền đánh giá thực trạng tình hình vi phạm pháp luật của

pháp nhân trong lĩnh vực kinh tế; dẫn chiếu các ví dụ cụ thể về tình hình tội phạm ở Việt Nam, tác giả đã nhận định nguyên nhân có lẽ vì Nhà nước không sử dụng biện pháp cứng rắn là biện pháp hình sự để xử lý vi phạm của pháp nhân nêu trên và trong pháp luật hình sự Việt Nam còn nhiều bất cập trong việc xử lý các tổ chức, pháp nhân vi phạm. *Năm là*, sự cần thiết phải quy định TNHS của pháp nhân trong pháp luật hình sự Việt Nam và luận giải về lý luận cơ sở quy định TNHS của pháp nhân trong pháp luật hình sự. Về phạm vi tội phạm pháp nhân phải chịu TNHS, tác giả kiến nghị cụ thể hóa TNHS của pháp nhân đối với các tội phạm về kinh tế mà pháp nhân thực hiện như trốn thuế, kinh doanh trái phép, làm hàng giả, vi phạm quy định về quản lý đất đai, vi phạm quy định về bảo vệ môi trường.

Bài viết của tác giả Phạm Hồng Hải chứa đựng nhiều vấn đề từ lý luận, pháp luật và thực tiễn có liên quan đến TNHS của pháp nhân. Đặc biệt là tác giả đã đề cập một số vấn đề cơ bản để luận giải về cơ sở quy định TNHS của pháp nhân trong pháp luật hình sự. Đây là những nội dung hết sức quan trọng mà NCS tham khảo để xây dựng lý luận về TNHS của pháp nhân trong quá trình thực hiện luận án.

- TS. Cao Thị Oanh (2011), *Nghiên cứu so sánh cơ sở lý luận và thực tiễn việc áp dụng trách nhiệm hình sự của pháp nhân*, Đề tài khoa học cấp Bộ [47].

Nội dung của đề tài đã nghiên cứu tương đối toàn diện những vấn đề lý luận, pháp luật, thực tiễn có liên quan đến TNHS của pháp nhân, để từ đó làm rõ sự cần thiết phải quy định TNHS của pháp nhân và những vấn đề pháp lý đặt ra khi quy định trách nhiệm hình sự của tổ chức trong luật hình sự Việt Nam, đồng thời xây dựng mô hình lý luận về TNHS của tổ chức. Trong đó nổi bật là những vấn đề sau đây:

Một là, trên cơ sở phân tích, làm rõ hơn các học thuyết về TNHS của tổ chức, pháp nhân (*Học thuyết trách nhiệm thay thế, Học thuyết đồng nhất hóa trách nhiệm, Học thuyết văn hóa*) tác giả khẳng định dù có cách lý giải khác nhau về TNHS của tổ chức nhưng các học thuyết đó đưa ra những điều kiện

tương đối giống nhau về hành vi phạm tội, về chủ thể của tội phạm, về quy định của pháp luật... để truy cứu TNHS đối với tổ chức [47, tr.31]. Các học thuyết này cũng là

cơ sở để lý giải về TNHS của pháp nhân, xác định về điều kiện, phạm vi và hình thức TNHS của tổ chức, pháp nhân.

Hai là, trên cơ sở nghiên cứu quy định về TNHS của tổ chức trong luật hình sự các nước theo hệ thống common law (như: Anh, Mỹ, Canada...), các nước theo hệ thống luật châu Âu lục địa (như: Pháp, Thụy sĩ...), các nước châu Á (như: Singapore, Indonesia, Trung Quốc...), tác giả xác định tính phổ biến và tính đặc thù trong quy định TNHS của tổ chức ở các nước trên thế giới. Theo đó, TNHS của tổ chức, pháp nhân được quy định ở hầu hết các quốc gia; các quốc gia đều dựa vào các học thuyết TNHS của pháp nhân để lý giải cơ sở TNHS; về điều kiện chịu TNHS, phạm vi chủ thể, tội phạm và hình thức TNHS được quy định khác nhau trong luật hình sự các nước.

Ba là, trên cơ sở nghiên cứu lý luận và tham khảo kinh nghiệm quy định TNHS của tổ chức, pháp nhân trong luật hình sự một số nước trên thế giới, đồng thời gắn với thực tiễn ở Việt Nam, tác giả đã làm nổi rõ sự cần thiết phải quy định TNHS của pháp nhân trong BLHS Việt Nam thông qua việc phân tích, làm rõ cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn của việc quy định. Theo tác giả thì tổ chức, pháp nhân có thể là chủ thể của tội phạm và tác giả cũng đã làm rõ những vấn đề pháp lý đặt ra như: Xác định hành vi phạm tội, lỗi của tổ chức; áp dụng nguyên tắc trách nhiệm kép trong giải quyết vấn đề TNHS của tổ chức - điều kiện về TNHS của tổ chức là phải có cá nhân người lãnh đạo, chỉ huy của tổ chức đã thực hiện tội phạm trong khuôn khổ hoạt động hoặc vì lợi ích của tổ chức; giới hạn phạm vi tội phạm mà tổ chức phải chịu TNHS; xây dựng hệ thống hình phạt riêng bao gồm cả hình phạt chính và hình phạt bổ sung áp dụng đối với pháp nhân phạm tội và trong đó chú trọng đến hình phạt về tài sản, nhất là hình phạt tiền. Ngoài ra, tác giả còn xây dựng mô hình lý luận về TNHS của tổ chức cho việc quy định TNHS trong BLHS Việt Nam.

Công trình nghiên cứu của TS Cao Thị Oanh là công trình có giá trị lý luận sâu sắc, làm rõ rất nhiều vấn đề có tính lý luận, kiến giải cho việc quy định TNHS của tổ chức trong BLHS Việt Nam. Đối với NCS, đây là tài liệu hết sức quan trọng

để tham khảo trong quá trình thực hiện đề tài luận án. Tuy vậy, mặc dù xuyên suốt công trình nghiên cứu này quan điểm của tác giả xác định tổ chức là chủ thể của tội phạm với việc bổ sung thêm Khoản 2 ở Điều 2. Cơ sở của trách nhiệm hình sự: “2. Thuật ngữ “người nào” nêu ở khoản 1 điều luật này bao gồm: a) *Thể nhân*;

b) *Tổ chức kinh tế, tổ chức sự nghiệp, đơn vị sự nghiệp có tư cách pháp nhân (được gọi chung là tổ chức)*” [47, tr.102] nhưng trong mô hình lý luận mà tác giả xây dựng lại toát lên việc xác định tổ chức phải chịu TNHS khi thỏa mãn các điều kiện chịu TNHS. Và dường như với mô hình lý luận đó thì tổ chức nghiêng về việc “bị coi”, “bị quy kết” là tội phạm hơn là một chủ thể thực hiện tội phạm. Đây cũng là vấn đề mà trong quá trình thực hiện đề tài luận án, NCS cần làm rõ và có quan điểm nhất quán, rõ ràng.

- TS. Trịnh Quốc Toàn (2011), *Trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong pháp luật hình sự*, Sách chuyên khảo [70]. Nội dung của cuốn sách nghiên cứu và phân tích vấn đề TNHS của pháp nhân của một số nước trên thế giới như: Vương Quốc Anh, Canada, Cộng hòa Pháp, Hà Lan, Vương Quốc Bỉ, Thụy Sĩ, Lúcxămbua, Trung Quốc. Trên cơ sở đó, tác giả đã đưa ra mô hình lý luận về trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong tương lai của pháp luật hình sự Việt Nam. Trong đó, có các nội dung nổi bật sau đây:

Thứ nhất, từ kết quả nghiên cứu lịch sử hình thành và phát triển pháp luật hình sự một số nước trên thế giới, tác giả nhận định việc thừa nhận TNHS của pháp nhân là một xu hướng phát triển của nhiều nước.

Thứ hai, từ kết quả nghiên cứu chế định TNHS của pháp nhân trong một số nước trên thế giới, tác giả rút ra một số kết luận về: Phạm vi áp dụng TNHS hình sự đối với pháp nhân; điều kiện áp dụng TNHS đối với pháp nhân; hình phạt và các biện pháp tha, miễn hình phạt áp dụng đối với pháp nhân phạm tội; vấn đề tổng hợp trách nhiệm pháp nhân chịu TNHS riêng hay đồng thời với cá nhân về cùng một tội phạm; các quy định về thủ tục TTHS áp dụng đối với các vụ án pháp nhân phạm tội; những vướng mắc khi áp dụng nguyên tắc TNHS của pháp nhân và các giải pháp khắc phục.

Thứ ba, xuất phát từ những điều kiện kinh tế, xã hội, pháp luật, văn hóa, lịch sử cụ thể trong giai đoạn phát triển hiện nay của Việt Nam và trên cơ sở nghiên cứu về mặt lý luận, thực tiễn kinh nghiệm pháp luật hình sự quy định TNHS nước ngoài và ở Việt Nam, tác giả cho rằng có đủ cơ sở lý luận và thực tiễn để công nhận TNHS của pháp nhân và đưa ra mô hình lý luận về TNHS của pháp nhân trong pháp luật hình sự Việt Nam. Trong đó, tác giả nhấn mạnh cần phải ghi nhận toàn bộ các vấn đề liên quan đến TNHS của pháp nhân như phạm vi TNHS của pháp nhân, những điều kiện chịu TNHS của pháp nhân và hệ thống hình phạt đối với pháp nhân phạm tội. Đồng thời, tác giả đã dự kiến một số nội dung quy định cụ thể và kỹ thuật lập pháp đối với chế định TNHS của pháp nhân khi sửa đổi, bổ sung BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Công trình nghiên cứu của TS Trịnh Quốc Toàn là nguồn tài liệu tham khảo rất hữu ích để NCS tiếp tục nghiên cứu và phân tích vấn đề TNHS của pháp nhân của một số nước trên thế giới, từ đó đề xuất những kiến nghị, giải pháp hoàn thiện luật hình sự Việt Nam. Đặc biệt là hoàn thiện quy định về cơ sở chịu TNHS và phạm vi chủ thể tội phạm chịu TNHS.

- Bộ Tư pháp (2014), *Đề án trách nhiệm hình sự của pháp nhân*, Hà Nội [7].

Nội dung của Đề án đã nghiên cứu một cách toàn diện những vấn đề có liên quan đến TNHS của pháp nhân, trong đó tập trung phân tích, lý giải và làm rõ những vấn đề cụ thể sau đây:

Một là, tình hình vi phạm pháp luật của pháp nhân ở Việt Nam giai đoạn trước năm 2015, hậu quả gây ra cho xã hội và việc áp dụng các hình thức trách nhiệm pháp lý của pháp luật hiện hành thời điểm đó đối với các hành vi vi phạm, từ đó rút ra những hạn chế bất cập cần phải khắc phục, đặc biệt là sự cần thiết phải quy định TNHS của pháp nhân trong BLHS.

Hai là, quy định của pháp luật quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia có liên quan đến TNHS của pháp nhân, quy định TNHS của pháp nhân trong pháp luật hình sự của một số quốc gia điển hình trên thế giới như: Cộng hòa Pháp, Vương quốc Anh, Liên bang Hoa Kỳ, Trung Quốc, Thụy sĩ, Hà Lan, Singapore.

Từ đây đặt ra các vấn đề cần thiết phải TNHS hóa các quy định của các công ước quốc tế trong pháp luật hình sự của Việt Nam, cũng như việc tiếp thu kinh nghiệm các nước khi quy định về TNHS trong BLHS.

Ba là, những vấn đề lý luận cần phải giải quyết liên quan đến việc quy định TNHS của pháp nhân như: Lý luận về tội phạm, hành vi phạm tội, chủ thể của tội phạm, lỗi; về khái niệm và đặc điểm TNHS của pháp nhân, các hình thức TNHS.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, Đề án đã đưa ra những kiến nghị, đề xuất về việc bổ sung TNHS của pháp nhân trong BLHS với các nội dung chủ yếu: Cơ sở và nguyên tắc TNHS của pháp nhân, loại pháp nhân phải chịu TNHS, điều kiện áp dụng TNHS đối với pháp nhân, loại tội phạm mà pháp nhân phải chịu TNHS, hình phạt đối với pháp nhân phạm tội và vấn đề quyết định hình phạt, miễn giảm hình phạt.

Kết quả nghiên cứu của Đề án là tài liệu then chốt để các chuyên gia, các nhà khoa học pháp lý, các nhà lập pháp tham khảo, đề xuất trong quá trình xây dựng, góp ý, sửa đổi, bổ sung BLHS 2015. Đối với NCS, đây là tài liệu hết sức quan trọng để tham khảo trong quá trình thực hiện đề tài luận án, bởi Đề án chứa đựng rất nhiều vấn đề liên quan đến TNHS của pháp nhân, từ những vấn đề lý luận, pháp luật cho tới thực tiễn. Tuy vậy, cần phải thấy rằng, Đề án được nghiên cứu năm 2014 làm cơ sở cho việc xây dựng BLHS 2015, sau khi BLHS 2015 và được áp dụng vào thực tiễn thì nhận thức về những vấn đề có liên quan đến TNHS của pháp nhân ở Việt Nam ít nhiều có những thay đổi nhất định. Do đó, cũng có những luận điểm trong Đề án cần được nhận thức lại để phù hợp với thực tiễn hiện tại về TNHS của pháp nhân nói chung, TNHS của PNNTM nói riêng.

- PGS.TS. Trần Văn Độ (2014), *Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc quy định trách nhiệm hình sự đối với tổ chức, pháp nhân trong luật hình sự Việt Nam*, tài liệu tham khảo phục vụ xây dựng Đề án TNHS của pháp nhân [17].

Cách tiếp cận của tác giả đi từ cách đặt vấn đề là xác định việc quy định TNHS đối với pháp nhân là một xu thế chung trong pháp luật hình sự thế giới ở góc độ quốc gia cũng như ở góc độ pháp luật quốc tế. Vì vậy, có thể nói, việc

nghiên cứu lý luận và thực tiễn của việc quy định TNHS đối với pháp nhân có tính cấp thiết và có ý nghĩa quan trọng về lý luận cũng như thực tiễn. Từ cách đặt vấn đề đó, tác giả bài viết đã tập trung nghiên cứu phân tích ba nội dung cơ bản là: Khái niệm TNHS của tổ chức, cơ sở thực tiễn quy định TNHS của tổ chức và những vấn đề cần phải giải quyết liên quan đến quy định TNHS của tổ chức trong luật hình sự Việt Nam. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, tác giả bài viết đã xác định những vấn đề lý luận liên quan đến TNHS của pháp nhân, tổ chức cần phải giải quyết khi quy định trong luật hình sự Việt Nam và đưa ra một số kiến nghị việc bổ sung TNHS của pháp nhân vào BLHS. Theo đó, tác giả đã kiến nghị rõ những vấn đề như: Điều kiện để pháp nhân chịu TNHS, phạm vi chủ thể và tội phạm mà pháp nhân phải chịu TNHS, hệ thống hình phạt áp dụng cho pháp nhân.

Tuy vậy, bên cạnh những kết quả nêu trên thì trong bài viết, mặc dù tác giả đã nêu ra vấn đề khái niệm TNHS của tổ chức nhưng lại không đưa ra khái niệm mà chỉ luận giải xoay quanh các học thuyết về cơ sở TNHS của tổ chức, đồng thời nêu ra sự so sánh giống và khác nhau về mặt đặc điểm giữa TNHS đối với tổ chức, pháp nhân và TNHS đối với thể nhân.

Từ những phân tích trên thấy rằng, kết quả nghiên cứu của tác giả là rất có giá trị để NCS tham khảo nhằm làm rõ hơn các vấn đề về cơ sở lý luận, pháp luật và thực tiễn của việc quy định TNHS của pháp nhân. Một vài điểm hạn chế nhỏ lại có giá trị để NCS tiếp tục đào sâu nghiên cứu, bổ sung nhằm hoàn thiện những vấn đề lý luận về TNHS của tổ chức, pháp nhân.

- GS.TSKH. Đào Trí Úc (2015), *Vấn đề trách nhiệm hình sự của Pháp nhân trong luật hình sự*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 03/2015 [86].

Bài viết đã phân tích và làm rõ sự đa dạng trong quan điểm về TNHS của pháp nhân và sự khác nhau nhất định trong việc quy định TNHS của pháp nhân trong luật hình sự của một số quốc gia trên thế giới qua đó xác định vấn đề TNHS của pháp nhân đã được quy định trong pháp luật hình sự của nhiều quốc gia trên thế giới. Trên cơ sở phân tích sự đa dạng trong quan điểm về TNHS của pháp nhân, tác giả đã đi sâu nghiên cứu và làm rõ cách thức xác định TNHS của pháp

nhân là xác định “lỗi” của pháp nhân trong cấu trúc pháp lý của TNHS đối với pháp nhân và cách thứ hai là chỉ truy cứu trách nhiệm hành chính và trách nhiệm dân sự đối với tội phạm do pháp nhân gây ra và cách thứ ba là áp dụng các biện pháp cưỡng chế có tính chất hình sự đang được áp dụng đối với pháp nhân phạm tội ở một số nước như: Áo, Tây Ban Nha, Nhật Bản... Mặt khác trong nội dung của bài viết đã phân tích, làm rõ sự khác nhau của pháp luật hình sự một số nước trên thế giới trong việc xác định pháp nhân là chủ thể của tội phạm và phải chịu TNHS, những hình phạt có thể được áp dụng đối với pháp nhân, đồng thời làm rõ sự cần thiết phải sửa đổi pháp luật Việt Nam và vấn đề TNHS của pháp nhân.

Nội dung của bài viết “*Vấn đề trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong luật hình sự*” đã đi sâu nghiên cứu và làm rõ cách thức xác định TNHS của pháp nhân, đây là vấn đề có tính lý luận để NCS có thể tham khảo nhằm làm rõ nội dung về mặt điều kiện để truy cứu TNHS của pháp nhân.

Sau khi BLHS năm 2015 (2017) được ban hành, vấn đề TNHS của pháp nhân đã nhận được sự quan tâm nghiên cứu, trao đổi của các nhà nghiên cứu lý luận và những người làm công tác thực tiễn áp dụng pháp luật. Có thể viện dẫn một số công trình nghiên cứu điển hình sau đây:

- GS.TS. Nguyễn Ngọc Hòa chủ biên cuốn, *Trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại – Nhận thức cần thống nhất?*, sách chuyên khảo do nhiều tác giả biên soạn, Nxb Tư pháp xuất bản năm 2020 [34].

Đây là cuốn sách đầu tiên tập hợp nhiều công trình nghiên cứu của các nhà nghiên cứu lý luận hình sự học về TNHS của pháp nhân. Nội dung cuốn sách chia làm ba phần, tập trung nghiên cứu các vấn đề sau đây: Phần thứ nhất: Trách nhiệm hình sự của pháp nhân – Khái quát lý luận và thực tiễn dưới góc độ so sánh; Phần thứ hai: Pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia về trách nhiệm hình sự của pháp nhân; Phần thứ ba: Trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại – Những góc nhìn khác nhau. Trong đó, có thể viện dẫn các bài viết tiêu biểu sau:

+ Bài viết “*Trách nhiệm hình sự của pháp nhân – Bản chất, nội dung và kỹ*

thuật quy định”, của GS.TS Nguyễn Ngọc Hòa [34, tr.15-34]. Bài viết thể hiện quan điểm của tác giả về bản chất việc quy định TNHS của pháp nhân thể hiện ở các vấn đề cốt yếu sau:

Một là, việc quy định TNHS của pháp nhân về bản chất là việc bổ sung chủ thể thứ hai có thể phải chịu TNHS bên cạnh chủ thể phải chịu TNHS có tính “truyền thống” là cá nhân/thể nhân; pháp nhân chỉ có thể là chủ thể của TNHS, tuy vậy, khi pháp nhân thỏa mãn các điều kiện phải chịu TNHS thì cũng có thể bị coi là đã thực hiện tội phạm, bị coi là chủ thể của tội phạm và do vậy có thể được gọi tên là pháp nhân phạm tội [34, tr.15-33].

Hai là, bản chất của việc quy định TNHS của pháp nhân là xác định nội dung quy định TNHS của pháp nhân. Theo đó, nội dung quy định cần thiết phải được xây dựng gồm: (1) Điều kiện chịu TNHS của pháp nhân; (2) Phạm vi chủ thể được xác định là pháp nhân; (3) Phạm vi các tội pháp nhân phải chịu TNHS; (4) Các chế tài đối với pháp nhân.

Trong đó, khi đề cập tới điều kiện chịu TNHS của pháp nhân, tác giả đã chỉ ra ba trường hợp với điều kiện cụ thể mà pháp nhân có thể phải chịu TNHS. Về phạm vi chủ thể và tội pháp nhân phải chịu TNHS, tác giả khẳng định việc xác định loại hình tổ chức nào là chủ thể của TNHS phụ thuộc vào từng quốc gia và khi quy định TNHS của pháp nhân cũng cần giới hạn phạm vi các tội phạm mà pháp nhân phải chịu TNHS [34, tr.23-34].

+ Bài viết “*Sự không thống nhất trong nhận thức và trong thực tiễn lập pháp về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại trong Luật hình sự Việt Nam*” của tập thể tác giả [34, tr.78-86] và bài viết “*Trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại trong Bộ luật hình sự Việt Nam – Lý luận và thực tiễn lập pháp*” của PGS.TS.Nguyễn Văn Hương [34, tr.129-178]. Hai bài viết này có quan điểm nghiên cứu là tương đối tương đồng, trong đó đã phân tích và làm rõ sự không thống nhất trong một số vấn đề cơ bản khi nghiên cứu và lập pháp về TNHS của pháp nhân:

Một là, sự không thống nhất nhận thức về bản chất của việc quy định TNHS của pháp nhân. Theo đó, cả hai bài viết đều phân chia ra ba nhóm quan

điểm

nguyên cứu chính về TNHS của pháp nhân, gồm: (1) Nhóm quan điểm xác định pháp nhân là chủ thể của tội phạm; (2) Nhóm quan điểm xác định pháp nhân là chủ thể của TNHS nhưng nội dung nghiên cứu có phần thể hiện pháp nhân là chủ thể của tội phạm; (3) Nhóm quan điểm xác định pháp nhân là chủ thể của TNHS và chỉ bị coi là chủ thể của tội phạm. Trên cơ sở phân chia thành các nhóm quan điểm như trên, cả hai bài viết đều đã phân tích, làm rõ những điểm hợp lý và chưa hợp lý trong các quan điểm nghiên cứu.

Hai là, sự không thống nhất giữa các quy định của BLHS 2015 về TNHS của PNTM. Theo đó, các hai bài viết đều cho rằng các quy định về TNHS của PNTM trong BLHS 2015 tuy đã thể hiện được các nội dung cần thiết để truy cứu TNHS đối với PNTM nhưng còn nhiều điểm mâu thuẫn trong các quy định thể hiện việc PNTM là chủ thể của tội phạm hay chỉ là chủ thể của TNHS và các vấn đề khác có liên quan đến việc xác định PNTM phạm tội như: Lỗi, phân loại tội phạm, đồng phạm...

Trên cơ sở nghiên cứu, tác giả PGS.TS.Nguyễn Văn Hương đã kiến nghị một số vấn đề: (1) cần thống nhất quan niệm việc quy định TNHS của pháp nhân chỉ là xác định các trường hợp hay các điều kiện có thể buộc pháp nhân phải chịu TNHS về hành vi phạm tội do cá nhân thực hiện; (2) cần sửa đổi BLHS theo hướng bỏ những nội dung thể hiện có tội phạm thứ hai là tội phạm do PNTM thực hiện.

+ Bài viết *“Trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại – Quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 và những vấn đề pháp lý phức tạp”* của PGS.TS.Nguyễn Văn Hương [34, tr.339-352]. Trong bài viết tác giả đã đặt ra những câu hỏi cần phải nghiên cứu làm rõ bao gồm: PNTM có phải là chủ thể của tội phạm hay chỉ là chủ thể của TNHS; hành vi phạm tội của PNTM được xác định như thế nào và dựa vào những căn cứ nào; lỗi của PNTM đối với hành vi phạm tội được xác định như thế nào và dựa vào những căn cứ nào; mức độ TNHS của PNTM và tính khả thi của các quy định về TNHS của PNTM trong một số trường hợp.

Với từng câu hỏi đưa ra, tác giả đã tiến hành phân tích các quy định tương

ứng về TNHS của PNTM phạm tội trong BLHS 2015, cũng như dựa trên những

lập luận của mình để đưa ra câu trả lời theo quan điểm của tác giả về các câu hỏi đó. Trong đó quan điểm cốt lõi của tác giả được toát lên là *“Pháp nhân thương mại chỉ là đối tượng có thể bị “coi”, bị “quy kết” là phạm tội và phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của phạm tội của cá nhân trong pháp nhân thực hiện. Điều đó cũng cho thấy rằng pháp nhân thương mại không phải là chủ thể của tội phạm. Chủ thể của tội phạm chỉ có thể là con người”* [34, tr.345].

Ngoài các bài viết được đề cập ở trên, sách chuyên khảo *“Trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại – Nhận thức cần thống nhất?”* do GS.TS Nguyễn Ngọc Hòa chủ biên còn nhiều bài viết khác nghiên cứu về TNHS của pháp nhân trong pháp luật quốc tế và quốc gia; so sánh quy định TNHS của pháp nhân trong luật hình sự Việt Nam và luật hình sự một số quốc gia trên thế giới dưới; quy định TNHS của PNTM phạm tội trong BLHS 2015 và những điểm, nội dung mâu thuẫn... Trên cơ sở đó các bài viết của các tác giả đều đưa ra những kiến nghị, đề xuất sửa đổi, bổ sung quy định về TNHS của PNTM phạm tội trong BLHS 2015 nhằm bảo đảm sự thống nhất, logic và khoa học, chính xác.

Kết quả nghiên cứu của tập thể tác giả thể hiện trong cuốn sách chuyên khảo *“Trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại – Nhận thức cần thống nhất?”* do GS.TS Nguyễn Ngọc Hòa chủ biên có tính toàn diện, tổng thể về vấn đề TNHS của pháp nhân ở cả góc độ lý luận, pháp luật và thực tiễn áp dụng. Đây là tài liệu có giá trị tham khảo quan trọng trong quá trình NCS thực hiện đề tài luận án của mình, đặc biệt là các vấn đề có tính lý luận như nội dung quy định TNHS của pháp nhân (nhất là vấn đề các trường hợp với điều kiện cụ thể mà pháp nhân phải chịu TNHS); xác định hành vi, lỗi của pháp nhân... cũng như các vấn đề mâu thuẫn hiện tại trong các quy định của BLHS 2015 về TNHS của PNTM phạm tội và những kiến nghị, đề xuất sửa đổi, bổ sung nhằm bảo đảm sự thống nhất, logic và khoa học, chính xác. Mặt khác, xuyên suốt quan điểm nghiên cứu của các tác giả trong cuốn sách chuyên khảo này đều cho rằng pháp nhân không phải là chủ thể của tội phạm, chủ thể của tội phạm chỉ có thể là con người, pháp nhân chỉ là chủ thể chịu TNHS. Đây là vấn đề mà NCS cần phải đào sâu nghiên cứu, bằng lý luận

và lập luận của mình để làm rõ vấn đề pháp nhân là chủ thể của tội phạm hay chỉ là chủ thể của TNHS, từ đó làm rõ hơn những vấn đề khác liên quan tới việc xác định pháp nhân phạm tội hoặc xác định pháp nhân phải chịu TNHS.

- PGS.TS. Trần Văn Độ (2020), *Đổi mới nhận thức một số vấn đề lý luận về tội phạm và cấu thành tội phạm*, Tạp chí Nhân lực Khoa học xã hội số 10/2020 [18].

Bài viết của tác giả đề cập tới một số luận điểm cốt lõi trong lý luận về Tội phạm và cấu thành tội phạm. Theo tác giả, nhiều nội dung như khái niệm tội phạm, các dấu hiệu của tội phạm, khái niệm, vai trò cấu thành tội phạm, mối quan hệ giữa tội phạm và cấu thành tội phạm... dường như đã được giải quyết và có nhận thức thống nhất. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của khoa học luật hình sự trong bối cảnh kinh tế, xã hội mới, tình hình thế giới mới có những sự thay đổi đòi hỏi sự thay đổi về nhận thức lý luận. Theo đó, ở góc độ lý luận cơ bản về tội phạm và cấu thành tội phạm, về khái niệm tội phạm được xây dựng từ các dấu hiệu bản chất của tội phạm thì theo tác giả chỉ cần khái niệm “*Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong pháp luật hình sự*”. Còn các dấu hiệu về chủ thể của tội phạm và dấu hiệu về lỗi như hiện nay vẫn được đề cập trong khái niệm pháp lý về tội phạm (Điều 8 BLHS) theo tác giả không phải là dấu hiệu bản chất của tội phạm mà là những dấu hiệu về điều kiện TNHS của chủ thể. Pháp luật hình sự quy định điều kiện riêng cho mỗi loại chủ thể theo chính sách pháp luật hình sự của mỗi quốc gia.

Quan điểm nghiên cứu của tác giả thể hiện trong bài viết chứa đựng nhiều vấn đề mới về mặt nhận thức lý luận, đặc biệt là vấn đề phân định khái niệm tội phạm, cấu thành tội phạm và điều kiện chịu TNHS. Đây là những vấn đề có giá trị tham khảo quan trọng cho NCS khi thực hiện đề tài luận án, bởi khi đưa vấn đề quy định TNHS của pháp nhân vào BLHS thì cũng phát sinh những vấn đề vướng mắc trong việc quy định lập pháp về khái niệm tội phạm, kéo theo đó là những vấn đề về lỗi, phân loại tội phạm, đồng phạm... Kết quả nghiên cứu của tác giả bài viết là sự gợi mở nhiều vấn đề quan trọng cho việc đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định trong BLHS có liên quan đến TNHS của pháp nhân.

- PGS.TS Trịnh Tiến Việt (2021), *Trách nhiệm hình sự và loại trừ trách nhiệm hình sự*, Sách chuyên khảo, Nxb Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội [90].

Nội dung của cuốn sách tác giả đã đi sâu nghiên cứu và phân tích làm rõ những nội dung cơ bản liên quan đến TNHS và loại trừ TNHS, xu hướng phát triển và những kiến nghị hoàn thiện các quy định về TNHS và loại trừ TNHS. Liên quan đến TNHS của PNTM, tác giả đã đề cập và phân tích các vấn đề như: Khái niệm PNTM, cơ sở TNHS đối với PNTM, thời hiệu truy cứu TNHS đối với PNTM. Qua đây cho thấy, quan điểm của tác giả xác định PNTM là chủ thể của tội phạm và phải chịu TNHS đối với tội phạm đã thực hiện khi thỏa mãn các điều kiện chịu TNHS theo quy định của pháp luật. Khi đề cập tới xu hướng phát triển và những kiến nghị hoàn thiện các quy định về TNHS và loại trừ TNHS, tác giả cho rằng cần sửa đổi quy định về điều kiện để truy cứu TNHS đối với PNTM; nghiên cứu mở rộng thêm một số tội phạm mà PNTM phải chịu TNHS (như Tội mua bán người, Tội vi phạm quy định về quản lý chất thải nguy hại, Tội vi phạm quy định về an toàn thực phẩm, Tội xâm phạm thi thể, mồ mả, hài cốt...); đồng thời phải ban hành văn bản hướng dẫn thi hành và làm sáng tỏ quan hệ pháp luật hình sự và quan hệ pháp luật TTHS.

Kết quả nghiên cứu của tác giả thể hiện trong cuốn sách là tài liệu tham khảo có giá trị phục vụ cho việc nghiên cứu vấn đề TNHS nói chung, TNHS của PNTM nói riêng. Mặt khác, đây là một trong số ít công trình đưa ra khái niệm TNHS có đề cập tới PNTM. Mặc dù tác giả không xây dựng khái niệm độc lập về TNHS của PNTM nhưng khái niệm mà tác giả đưa ra đã thể hiện những đặc điểm có tính “cố hữu” về TNHS của cá nhân hay của PNTM. Đây là vấn đề có giá trị tham khảo quan trọng nhằm xây dựng khái niệm TNHS của pháp nhân trong quá trình nghiên cứu đề tài luận án.

Ngoài các công trình nghiên cứu đã được đề cập ở trên, còn có nhiều bài báo khoa học đề cập đến TNHS của pháp nhân được công bố trên các tạp chí chuyên ngành, bàn về từng khía cạnh, từng góc độ khác nhau hay những vấn đề có liên quan đến TNHS của pháp nhân. Đây cũng là những công trình nghiên cứu có giá

trị tham khảo cho NCS khi nghiên cứu về từng khía cạnh, từng góc độ khác nhau của vấn đề TNHS của pháp nhân hay những vấn đề có liên quan đến TNHS của pháp nhân trong luật hình sự Việt Nam.

1.2. Đánh giá tình hình nghiên cứu và những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu

1.2.1. Đánh giá tình hình nghiên cứu

Thứ nhất, đánh giá tình hình nghiên cứu ở nước ngoài.

Vấn đề TNHS của pháp nhân đã được đặt ra ở các nước phát triển từ thế kỷ thứ XVIII, tuy nhiên đây là vấn đề phức tạp và đã nhận được sự quan tâm nghiên cứu của các nhà hình sự học. Qua nghiên cứu các công trình khoa học về TNHS của pháp nhân ở nước ngoài có thể đưa ra một số đánh giá như sau:

- Có các công trình nghiên cứu phản đối TNHS của pháp nhân (theo học thuyết cổ điển), tuy vậy, ngày càng có nhiều công trình ủng hộ TNHS của pháp nhân, đặc biệt là từ nửa thế kỷ XIX đến nay. Các nhà hình sự học theo quan điểm ủng hộ TNHS của pháp nhân không chỉ bác bỏ lập luận của các nhà hình sự học theo học thuyết cổ điển mà còn khẳng định việc quy định TNHS của pháp nhân trong pháp luật hình sự của các nước làm một xu hướng khách quan, có cơ sở khoa học và cơ sở thực tiễn.

- Các công trình ủng hộ TNHS của pháp nhân đã nghiên cứu, phân tích trên nhiều phương diện, dưới nhiều góc độ khác nhau về TNHS của pháp nhân, trong đó, có đề cập tới các vấn đề về chủ thể (pháp nhân là chủ thể của tội phạm hay là chủ thể của TNHS, phạm vi TNHS của pháp nhân), về nội dung và kỹ thuật quy định TNHS của pháp nhân trong pháp luật hình sự, về TNHS của pháp nhân đối với các tội phạm cụ thể, vấn đề hình phạt áp dụng đối với pháp nhân...

- Tùy thuộc vào điều kiện phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, truyền thống pháp luật, kỹ thuật lập pháp mà mỗi quốc gia đều có những quy định khác nhau về TNHS của pháp nhân, về phạm vi các tội phạm mà pháp nhân có thể phải chịu TNHS, về nguyên tắc xử lý, về điều kiện phải chịu TNHS và về hình phạt áp dụng đối với pháp nhân phạm tội...

Thứ hai, đánh giá tình hình nghiên cứu ở Việt Nam.

Các tác giả đã đi sâu phân tích, lý giải và làm rõ những vấn đề cơ bản về TNHS của pháp nhân như: Pháp nhân có phải là chủ thể của tội phạm và chủ thể của TNHS hay không; phạm vi chủ thể, phạm vi tội phạm pháp nhân phải chịu TNHS; điều kiện phải chịu TNHS; các loại hình phạt áp dụng và các vấn đề khác liên quan. Có thể khẳng định rằng, các công trình này có giá trị hết sức quan trọng trong việc xác định sự cần thiết phải quy định TNHS của pháp nhân trong pháp luật hình sự Việt Nam, những nội dung cần bổ sung vào BLHS cũng như những nội dung cần sửa đổi, bổ sung trong các văn bản pháp luật khác có liên quan để bảo đảm sự thống nhất của hệ thống pháp luật.

So với các nước trên thế giới, vấn đề TNHS của pháp nhân ở nước ta mới được đặt ra từ những năm cuối của thế kỷ XX và đặc biệt là từ khi BLHS 2015 quy định về TNHS của PNTM đến nay. Qua nghiên cứu các công trình về TNHS của pháp nhân ở Việt Nam có thể đưa ra một số đánh giá như sau:

- Các công trình về TNHS của pháp nhân trước khi BLHS 2015 được ban hành chủ yếu tập trung nghiên cứu các công trình ở nước ngoài về TNHS của pháp nhân; các học thuyết về TNHS của tổ chức, pháp nhân; các quy định về TNHS của pháp nhân trong pháp luật hình sự của một số nước trên thế giới, từ đó đưa ra ý kiến đề xuất cần thiết phải quy định TNHS của pháp nhân trong BLHS của Việt Nam và những kiến giải và mô hình lý luận về TNHS của tổ chức, pháp nhân.

- Các công trình nghiên cứu về TNHS của PNTM theo quy định của BLHS 2015 đã phân tích và khái quát những vấn đề lý luận và thực tiễn về quy định TNHS của PNTM, trong đó vẫn còn những quan điểm khác nhau về việc PNTM là chủ thể của tội phạm hay chủ thể của TNHS. Một số công trình đã phân tích và chỉ ra những điểm mâu thuẫn trong quy định về TNHS của PNTM phạm tội, những hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng các quy định của BLHS để xử lý đối với PNTM và đề xuất một số kiến nghị về giải thích pháp luật và hoàn thiện pháp luật.

Kết quả nghiên cứu các công trình khoa học về TNHS của pháp nhân của

các

tác giả ở nước ngoài và ở Việt Nam đã giúp cho tác giả thực hiện đề tài luận án nhận thức được tổng quan những vấn đề cần nghiên cứu về TNHS của pháp nhân cả về phương diện lý luận và cả về các quy định của pháp luật hình sự. Tuy nhiên những công trình nghiên cứu nêu trên chỉ đề cập đến những góc độ khác nhau hoặc nghiên cứu khái quát về TNHS của pháp nhân, chưa nghiên cứu tổng thể, đồng bộ và chuyên sâu cả về lý luận, pháp luật và thực tiễn áp dụng các quy định của BLHS 2015 về TNHS của PNTM để từ đó đề ra các giải pháp, kiến nghị cụ thể nhằm hoàn thiện pháp luật và góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm do PNTM thực hiện ngày càng có hiệu quả. Mặc dù vậy các công trình nghiên cứu về TNHS của pháp nhân ở nước ngoài và ở Việt Nam là nguồn tài liệu quan trọng giúp cho tác giả của luận án tham khảo, kế thừa và phát triển trong quá trình thực hiện đề tài luận án của mình.

1.2.2. Những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu

Luận án nghiên cứu một cách tổng thể, đồng bộ và chuyên sâu về TNHS của PNTM theo quy định của pháp luật hình sự Việt Nam trên cả phương diện lý luận, pháp luật, thực tiễn và giải pháp, kiến nghị trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN và theo yêu cầu cải cách tư pháp, do đó cần tiếp tục nghiên cứu những vấn đề sau đây:

Một là, nghiên cứu và làm rõ hơn những vấn đề lý luận về TNHS của pháp nhân như: Khái niệm TNHS của pháp nhân; cơ sở của việc quy định TNHS của pháp nhân, nội dung và kỹ thuật quy định TNHS của pháp nhân.

Hai là, đi sâu nghiên cứu các quy định của BLHS 2015 về vấn đề TNHS của PNTM, làm rõ thực trạng các quy định của BLHS 2015 về TNHS của PNTM; đồng thời khảo sát, thu thập thông tin, tài liệu, số liệu và tiến hành đánh giá thực trạng áp dụng các quy định của BLHS về TNHS của PNTM từ khi BLHS 2015 có hiệu lực, từ đó ghi nhận những kết quả đạt được, đánh giá những tồn tại, khó khăn, vướng mắc trong các quy định của pháp luật và thực tiễn áp dụng.

Ba là, trên cơ sở tổng hợp kết quả nghiên cứu lý luận, pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về TNHS đối với PNTM, luận án đề xuất các giải pháp nhằm

hoàn thiện các quy định của BLHS 2015 về TNHS của PNTM và bảo đảm áp dụng các quy định của BLHS 2015 về TNHS của PNTM trong thực tiễn.

1.3. Câu hỏi nghiên cứu và giả thiết nghiên cứu

Trên cơ sở đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu ở nước ngoài và tình hình nghiên cứu ở Việt Nam có thể đặt ra các câu hỏi cần phải tiếp tục nghiên cứu và các giả thiết nghiên cứu sau đây:

1.3.1. Các câu hỏi nghiên cứu

- Pháp nhân là chủ thể thực hiện tội phạm hay chỉ là chủ thể phải chịu TNHS? Nếu pháp nhân là chủ thể của tội phạm, có thể thực hiện được hành vi phạm tội thì hành vi phạm tội của pháp nhân cần được xác định như thế nào? Lỗi của pháp nhân được xác định ra sao?

- TNHS của pháp nhân có khác TNHS của cá nhân không?

- Để xác định pháp nhân phạm tội và chịu TNHS cần những điều kiện nào? Có cần thiết giới hạn phạm vi về chủ thể và phạm vi về các tội phạm mà pháp nhân phải chịu TNHS không? Khi truy cứu TNHS của pháp nhân có loại trừ TNHS của cá nhân có liên quan hay không?

- Các loại hình phạt áp dụng đối với PNTM như thế nào là phù hợp?

- Các quy định của BLHS hiện hành về TNHS của PNTM cần được sửa đổi, bổ sung như thế nào?

1.3.2. Các giả thuyết nghiên cứu

- Pháp nhân hoàn toàn có thể thực hiện được tội phạm, việc xác định pháp nhân là chủ thể của tội phạm và là chủ thể của TNHS, việc pháp nhân thực hiện hành vi phạm tội một cách có lỗi hoàn toàn không trái với lý luận về tội phạm.

- Về bản chất TNHS của pháp nhân không khác biệt so với TNHS của cá nhân. Có đủ cơ sở về mặt lý luận và thực tiễn để quy định TNHS của pháp nhân trong pháp luật hình sự.

- Việc xác định pháp nhân phạm tội phải căn cứ vào điều kiện chịu TNHS của pháp nhân và những điều kiện này cũng có những đặc điểm đặc thù khác với các điều kiện chịu TNHS của cá nhân.

- Pháp nhân không thể thực hiện mọi tội phạm như cá nhân, do đó, cần thiết phải giới hạn phạm vi các tội mà pháp nhân có thể thực hiện và chịu TNHS.
- Hình phạt áp dụng đối với pháp nhân là hoàn toàn khả thi nhưng phải áp dụng các hình phạt phù hợp, không thể áp dụng hình phạt như đối với cá nhân.
- BLHS 2015 quy định TNHS của PNTM, điều này đã làm thay đổi tư duy có tính truyền thống về tội phạm và hình phạt, đáp ứng yêu cầu đấu tranh chống các hành vi phạm tội do PNTM thực hiện ở Việt nam. Tuy vậy, TNHS của PNTM là một chế định lần đầu tiên được quy định trong BLHS, chưa có tiền lệ, vì vậy chế định TNHS của pháp nhân trong BLHS 2015 vẫn còn những mâu thuẫn, hạn chế, bất cập.

Kết luận Chương 1

1. Trên thế giới nói chung, Việt Nam nói riêng đã có khá nhiều công trình, quan điểm nghiên cứu về TNHS của pháp nhân, trong đó có các công trình phản đối TNHS của pháp nhân, tuy nhiên từ nửa thế kỷ XIX đến nay ngày càng có nhiều công trình, quan điểm ủng hộ TNHS của pháp nhân. Các công trình ủng hộ TNHS của pháp nhân đã nghiên cứu, phân tích trên nhiều phương diện, dưới nhiều góc độ khác nhau các về lý luận, pháp luật và thực tiễn TNHS của pháp nhân như: Cơ sở nào để luận giải và quy định TNHS của pháp nhân; pháp nhân là chủ thể của tội phạm hay chủ thể của TNHS; phạm vi chủ thể, phạm vi tội phạm pháp nhân phải chịu TNHS; điều kiện phải chịu TNHS; nội dung và kỹ thuật quy định TNHS của pháp nhân....

2. Mặc dù đã có khá nhiều công trình nghiên cứu như đã đề cập, tuy nhiên trên cả phương diện lý luận, pháp luật, thực tiễn vẫn còn nhiều vấn đề mà NCS nhận thấy chưa được làm rõ một cách đầy đủ, toàn diện. *Về góc độ lý luận*, Chưa có công trình nào xây dựng một cách đầy đủ, toàn diện lý luận về TNHS của pháp nhân; *về góc độ pháp luật*, chưa có công trình nào phân tích, làm rõ một cách chuyên sâu, toàn diện quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về TNHS của PNTM; *về góc độ thực tiễn*, chưa có công trình nào đánh giá việc áp dụng chế định TNHS của PNTM vào thực tiễn kể từ khi BLHS 2015 có hiệu lực.

3. Những khoảng trống về lý luận, pháp luật và thực tiễn đề cập như trên là những vấn đề đặt ra mà luận án cần phải tiếp tục nghiên cứu, làm rõ trong quá trình thực hiện đề tài luận án. Và để làm được điều đó, trong chương Tổng quan tình hình nghiên cứu này, NCS đã chỉ rõ những vấn đề cụ thể cần tiếp tục nghiên cứu gắn với vấn đề lý luận, pháp luật và thực tiễn TNHS của PNTM. Bên cạnh đó, để làm cơ sở cho việc nghiên cứu được sát hợp, NCS cũng đã xây dựng các câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu gắn với từng vấn đề cụ thể về lý luận, pháp luật và thực tiễn TNHS của PNTM.

Chương 2

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ CỦA PHÁP NHÂN THƯƠNG MẠI

2.1. Khái niệm trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại

Pháp nhân đó là một tổ chức hội đủ các điều kiện cần và đủ do pháp luật quy định. Nói cách khác, pháp nhân là một chủ thể quan hệ pháp luật, khác với thể nhân (cá nhân), pháp nhân là một tổ chức nhưng không phải là tổ chức bất kỳ mà chỉ là những tổ chức có đủ điều kiện do pháp luật quy định đó là được thành lập hợp pháp (theo sáng kiến của cá nhân, tổ chức hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền), có cơ cấu tổ chức chặt chẽ, có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản đó, pháp nhân nhân danh mình khi tham gia vào các quan hệ pháp luật một cách độc lập. Theo đó pháp nhân bao gồm: Cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang, tổ hội – nghề nghiệp, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, các tổ chức khác khi có đủ điều kiện [84, tr.608].

Cũng có quan điểm khác cho rằng pháp nhân được thành lập theo quy định của Bộ luật dân sự, Luật doanh nghiệp hoặc các luật khác có liên quan, có cơ cấu tổ chức theo quy định của Bộ luật dân sự, có tài sản riêng, độc lập với tài sản của cá nhân, pháp nhân khác và pháp nhân phải tự chịu trách nhiệm bằng tài sản do pháp nhân sở hữu, nhân danh mình tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập. Pháp nhân được chia thành hai loại là pháp nhân thương mại và pháp nhân phi thương mại [41, tr.225].

Với hai quan điểm trên về pháp nhân, đều có sự thống nhất ở bốn yếu tố để có thể nhận diện pháp nhân đó là: Được thành lập theo quy định của pháp luật; có tài sản riêng; chỉ nhân danh mình khi tham gia quan hệ pháp luật; tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình.

Căn cứ vào mục đích, tôn chỉ hành động của pháp nhân mà người ta có thể chia pháp nhân thành PNTM và pháp nhân phi thương mại. Hai loại pháp nhân này có điểm giống nhau là đều có cơ cấu tổ chức chặt chẽ, có tài sản độc lập với

tổ chức, cá nhân khác, nhân danh mình tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập. Bên cạnh đó, PNTM và pháp nhân phi thương mại đều chịu sự điều chỉnh của Bộ luật Dân sự và các luật khác có liên quan. Tuy nhiên PNTM có yếu tố riêng biệt là có mục tiêu chính là tìm kiếm lợi nhuận và lợi nhuận được chia cho các thành viên. PNTM bao gồm doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác.

PNTM có thể hiểu là một hình thức của pháp nhân nên trước hết PNTM phải có đủ bốn yếu tố đặc trưng của pháp nhân như đã nêu trên, ngoài ra PNTM còn có hai đặc điểm khác đó là: Pháp nhân lấy mục tiêu chính là tìm kiếm lợi nhuận và lợi nhuận được chia cho các thành viên của pháp nhân. PNTM gồm doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác. Doanh nghiệp như Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, nhiều thành viên, công ty cổ phần, công ty mẹ, công ty con và các công ty thành viên khác trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác như Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã...

Nghiên cứu pháp luật hình sự của các quốc gia trên thế giới và Việt Nam thấy rằng, không có định nghĩa lập pháp về khái niệm TNHS mà khái niệm TNHS thường được đề cập đến trong khoa học Luật hình sự. Ở Việt Nam, thuật ngữ “trách nhiệm” trong khoa học pháp lý thường được hiểu theo hai nghĩa, thứ nhất, trách nhiệm là nghĩa vụ, bổn phận của một người trước người khác, trước xã hội, trước nhà nước như: Trách nhiệm của công dân trong việc xây dựng và bảo vệ đất nước; trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức với nhiệm vụ được giao; trách nhiệm của con cái với bố mẹ... Thứ hai, trách nhiệm là hậu quả của một người phải gánh chịu trước người khác, trước xã hội, trước Nhà nước do đã có hành vi vi phạm nghĩa vụ, bổn phận của người đó [93, tr.200]. Trách nhiệm pháp lý được hiểu theo nghĩa thứ hai. Trách nhiệm pháp lý khác với các loại trách nhiệm khác ở chỗ, trách nhiệm pháp lý luôn gắn liền với sự cưỡng chế nhà nước, với việc áp dụng chế tài do pháp luật quy định. Trách nhiệm pháp lý bao gồm TNHS, trách nhiệm dân sự, trách nhiệm hành chính, trách nhiệm kỷ luật.

Hiện nay đã có nhiều công trình nghiên cứu, quan điểm của nhiều nhà nghiên cứu đưa ra khái niệm về TNHS. Trong Từ điển luật học, TNHS là trách nhiệm của người phạm tội phải chịu những hậu quả pháp lý bất lợi về hành vi phạm tội của mình. TNHS là một dạng của trách nhiệm pháp lý, bao gồm nghĩa vụ phải chịu sự tác động của hoạt động truy cứu TNHS, chịu bị kết tội, chịu biện pháp cưỡng chế của TNHS (hình phạt, các biện pháp tư pháp) và chịu mang án tích [84, tr.801]. Theo TS.Phạm Mạnh Hùng, TNHS là một dạng trách nhiệm pháp lý, là hậu quả pháp lý bất lợi mà người phạm tội phải gánh chịu trước Nhà nước do việc người đó thực hiện tội phạm và là kết quả của việc áp dụng các quy định pháp luật hình sự, được thể hiện ở bản án kết tội của TA có hiệu lực pháp luật và một số biện pháp cưỡng chế hình sự khác do luật hình sự quy định [35, tr.37]. Theo PGS.TS Trần Văn Độ, TNHS là hậu quả pháp lý của việc thực hiện tội phạm mà người phạm tội phải gánh chịu trước Nhà nước về hành vi phạm tội của mình, được thực hiện bằng hình phạt hoặc các biện pháp cưỡng chế khác theo quy định của BLHS [7, tr.39, 40].

Tiếp cận các quan điểm về TNHS như trên thấy rằng, mặc dù về câu từ có một vài điểm khác nhau, nhưng các khái niệm về TNHS đều xác định những vấn đề gồm: (1) TNHS là một dạng cụ thể của trách nhiệm pháp lý; (2) là hậu quả tất yếu của việc thực hiện tội phạm; (3) là sự lên án của Nhà nước đối với hành vi phạm tội; (4) là quan hệ đặc biệt giữa Nhà nước với người phạm tội; (5) mang tính công khai, được thực hiện bằng biện pháp cưỡng chế Nhà nước, đặc biệt là hình phạt. TNHS không chỉ giới hạn ở trách nhiệm của người phạm tội mà cần được hiểu rộng hơn với nghĩa vụ tổng hợp các quyền và nghĩa vụ của các chủ thể: Nhà nước bên thực hiện TNHS và người phạm tội bên chịu TNHS. Trong đó, Nhà nước có quyền truy tố, xét xử và buộc người phạm tội phải chịu hình phạt hoặc biện pháp tư pháp tương xứng. Đồng thời Nhà nước cũng phải có nghĩa vụ đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của người phạm tội khi bị pháp luật tước bỏ. Người phạm tội có nghĩa vụ phải chịu sự tác động của hoạt động truy cứu TNHS, các biện pháp cưỡng chế Nhà nước và có quyền yêu cầu Nhà nước bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của mình, có quyền khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan, nhà nước, các cá nhân có thẩm

quyền trong khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử.

Tuy nhiên, trước đây các khái niệm TNHS hầu hết đều đề cập tới vấn đề TNHS của cá nhân/thể nhân, chưa bao hàm TNHS của pháp nhân. Điều này dễ thấy rằng, khi vấn đề TNHS của pháp nhân được đặt ra và cần thiết đưa vào BLHS để nhằm đáp ứng yêu cầu của công tác đấu tranh phòng, chống vi phạm pháp luật do pháp nhân thực hiện, cũng như việc thực hiện các cam kết của các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia, thì khái niệm TNHS cần phải được xây dựng và xác định bao gồm cả TNHS của thể nhân và TNHS của pháp nhân.

Hiện nay, rất ít công trình nghiên cứu đưa ra khái niệm TNHS của pháp nhân. Bàn về TNHS của pháp nhân, theo PGS.TS Trịnh Tiến Việt, TNHS của pháp nhân tuy khác TNHS của cá nhân song đều có mối liên hệ chặt chẽ và tác động qua lại lẫn nhau vì cả hai đều có cùng một cơ sở là xuất phát từ hành vi phạm tội cụ thể của cá nhân người phạm tội [90, tr.29]. Với quan điểm như vậy, gắn với các quy định của BLHS về TNHS của PNTM, PGS.TS Trịnh Tiến Việt đưa ra khái niệm TNHS như sau: TNHS là một dạng của trách nhiệm pháp lý nghiêm khắc nhất và là hậu quả pháp lý bất lợi của việc thực hiện tội phạm và được thể hiện bằng việc áp dụng một hoặc nhiều biện pháp cưỡng chế hình sự do BLHS quy định đối với người hoặc PNTM phạm tội [90, tr.29]. So với các khái niệm về TNHS khác mà tác giả tiếp cận thì thấy rằng không có sự khác biệt về bản chất của TNHS, khái niệm này bổ sung cụm từ “hoặc PNTM phạm tội” để mở rộng khái niệm TNHS sang gồm cả PNTM.

Về cơ bản NCS đồng tình với quan điểm của PGS.TS Trịnh Tiến Việt như trên, bởi về bản chất pháp lý, TNHS của pháp nhân cũng giống như TNHS của thể nhân. Đó là hậu quả pháp lý bất lợi mà pháp nhân phải gánh chịu do TA nhân danh Nhà nước quyết định áp dụng đối với pháp nhân vì đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội được luật hình sự quy định là tội phạm. Nội dung TNHS của pháp nhân cũng như cá nhân đều là các biện pháp cưỡng chế nhà nước thể hiện ở chỗ TA áp dụng: Hình phạt, các biện pháp tư pháp hình sự và án tích đối với pháp nhân [7, tr.27].

Vấn đề đặt ra ở đây là, theo quan niệm truyền thống, cơ sở của TNHS là việc thực hiện hành vi được luật hình sự quy định là tội phạm. Để truy cứu

TNHS đối

với một người, cơ quan THPT phải xác định được hành vi phạm tội (actus reus) và yếu tố lỗi (mens rea) của người thực hiện hành vi đó. Yếu tố hành vi đòi hỏi phải có hành vi khách quan thể hiện ra bên ngoài và hậu quả do hành vi đó gây ra, yếu tố chủ quan đòi hỏi chủ thể có một thái độ tâm lý là khi thực hiện hành vi phạm tội nhận thức được hành vi và điều khiển được ý chí của mình. Quan điểm tội phạm là một thể thống nhất giữa các yếu tố khách quan (khách thể, mặt khách quan) và các yếu tố chủ quan (chủ thể, lỗi) đã được thừa nhận chung trong lý thuyết truyền thống về tội phạm. Điều này hoàn toàn đúng khi TNHS được áp dụng đối với thể nhân. Trong khi đó, đối với pháp nhân, được coi là “con người pháp lý”, được hình thành nên bởi sự kết hợp của nhiều thể nhân và “hành vi” của nó được thực hiện thông qua các thể nhân cụ thể thì lý thuyết truyền thống trở nên bất cập. Các vấn đề như pháp nhân có thái độ tâm lý, có thể tính đến yếu tố chủ quan, yếu tố lỗi như quan điểm truyền thống hay không, toàn bộ pháp nhân có phải chịu TNHS đối với hành vi do một số cá nhân thực hiện hay không... không thể giải quyết được bằng lý thuyết truyền thống về tội phạm [7, tr.42].

Tuy vậy, những vấn đề lý luận trong việc áp dụng TNHS đối với pháp nhân đặt ra ở trên hoàn toàn có thể giải quyết được, luận giải được bằng việc dựa trên các học thuyết về TNHS của pháp nhân đã được khoa học luật hình sự thừa nhận rộng rãi. Theo đó, hiện nay có nhiều học thuyết về TNHS của pháp nhân, trong đó nổi bật là ba học thuyết: Học thuyết trách nhiệm thay thế (Vicarious liability), Học thuyết đồng nhất hóa trách nhiệm (Identification liability) và Học thuyết hệ thống/ văn hóa (Systems/Culture Theory).

Theo học thuyết trách nhiệm thay thế, có thể áp đặt trách nhiệm lên người đứng đầu hoặc pháp nhân đối với hành vi của người làm công hoặc người được giao nhiệm vụ. Để áp dụng TNHS đối với pháp nhân cần phải: (1) Trước hết, khẳng định hành vi của cá nhân cũng cấu thành tội phạm nhất định; (2) “Áp đặt” TNHS của các cá nhân đó lên pháp nhân bởi chính mối quan hệ giữa các cá nhân đó với pháp nhân. Theo đó, bất cứ hoạt động nào mà người làm công, cá nhân nhân danh pháp nhân thực hiện trên cơ sở mối quan hệ giữa pháp nhân với nhân viên theo quy định của pháp luật đều được coi là chính do tổ chức, pháp nhân

thực

hiện. Vì vậy, người làm công có hành vi vi phạm do thực hiện nhiệm vụ thì người giao nhiệm vụ là pháp nhân phải gánh chịu trách nhiệm.

Học thuyết đồng nhất hóa trách nhiệm coi hành vi và lỗi của những người quản lý (chỉ đạo, điều hành) tổ chức, pháp nhân như chính là hành vi, lỗi của pháp nhân. Điều đó có nghĩa, hành vi, lỗi của pháp nhân được đánh giá thông qua hành vi, lỗi của cá nhân những người có quyền quản lý, điều hành pháp nhân đó. Về điều kiện cần và đủ để truy cứu TNHS đối với pháp nhân, học thuyết này có quan điểm rõ ràng đó là: (1) Pháp nhân phải chịu trách nhiệm đối với hành vi của các nhân; (2) Hành vi phạm tội được cá nhân thực hiện nhân danh, thay mặt hoặc đại diện cho tổ chức, pháp nhân; (3) Hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của tổ chức, pháp nhân; (4) Hành vi được dự lãnh đạo, điều hành hoặc cho phép của pháp nhân. Như vậy, để có thể truy cứu TNHS pháp nhân, chỉ cần chứng minh hành vi của cá nhân là tội phạm và các điều kiện trách nhiệm hình sự nêu trên của pháp nhân.

Học thuyết hệ thống/văn hóa xác định tội của pháp nhân thông qua đánh giá vấn đề văn hóa của pháp nhân và việc thực thi văn hóa trong pháp nhân. Nội dung của học thuyết này khi nhận định về cơ sở để truy cứu TNHS một pháp nhân thông qua các yếu tố thuộc về văn hóa của pháp nhân như: Nhân viên quản lý cấp cao của tổ chức, pháp nhân trao cho một người hay một số người nào đó quyền để thực hiện hành vi cấu thành tội phạm hoặc sự phục tùng và tin tưởng vào sự chấp thuận từ lãnh đạo pháp nhân nên có thành viên của pháp nhân đã thực hiện hành vi phạm tội. Để truy cứu TNHS đối với pháp nhân, cần phải có ba yếu tố: (1) Có hành vi phạm tội của nhân viên tổ chức, công ty; (2) Nhân viên đó thực hiện hành vi trong phạm vi chức năng, thẩm quyền được giao hoặc ủy quyền; (3) Thông qua văn hóa tổ chức, pháp nhân có chứng cứ cho thấy rằng nhân viên thực hiện hành vi phạm tội đó nhận thức được rằng tổ chức, pháp nhân đã chỉ đạo, ủng hộ hay không phản đối hành vi mà họ thực hiện hoặc có lỗi là đã không tạo ra và duy trì một kiểu văn hóa (Điều lệ, quy định...) đòi hỏi sự tuân thủ pháp luật trong phạm vi tổ chức, công ty [17, tr.13]. Như vậy, với việc chấp nhận các học thuyết về TNHS của pháp nhân nêu

trên để làm cơ sở lý luận cho việc luận giải việc áp dụng TNHS đối với pháp nhân thì có thể giải quyết được điểm nghẽn về mặt lý luận, làm cơ sở lý luận vững chắc cho việc quy định TNHS của pháp nhân trong luật hình sự. Theo các học thuyết về TNHS đối với pháp nhân nêu trên thì việc quy định về TNHS đối với pháp nhân không trái quan điểm truyền thống của khoa học luật hình sự, bởi vì, tổ chức, pháp nhân chịu TNHS thông qua hành vi của thể nhân ở dạng đại diện, được ủy quyền (thuyết trách nhiệm thay thế, thuyết văn hóa pháp nhân...) hoặc ở dạng đồng nhất, coi hành vi lãnh đạo, chỉ huy, điều hành của cá nhân có thẩm quyền chính là hành vi của tổ chức, pháp nhân [7, tr.25]. Cũng từ các học thuyết TNHS của pháp nhân thấy rằng, để áp dụng TNHS đối với pháp nhân thì cần xác định những điều kiện TNHS nhất định, những điều kiện đó khác với điều kiện TNHS đối với thể nhân.

Ở đây, nếu chưa đề cập tới việc xác định pháp nhân như thế nào là phạm tội (nếu quan niệm pháp nhân là chủ thể của tội phạm) hay bị “quy kết” là phạm tội (nếu quan niệm pháp nhân chỉ là chủ thể của TNHS) mà chỉ đề cập tới việc áp đặt TNHS đối với pháp nhân thì có thể khẳng định rằng có thể truy cứu TNHS của pháp nhân khi chấp nhận các học thuyết về TNHS của pháp nhân để làm cơ sở lý luận cho việc luận giải việc áp dụng TNHS đối với pháp nhân. Tuy vậy, trong điều kiện và tư duy lập pháp của Việt Nam, NCS cho rằng sử dụng thuyết đồng nhất hóa trách nhiệm và đồng thời kết hợp một số yếu tố hợp lý của các học thuyết khác là hợp lý nhất để làm căn cứ lý luận cho việc luận giải TNHS của pháp nhân. Theo đó, chủ yếu bằng cách đồng nhất hành vi, lỗi của cá nhân người lãnh đạo, chỉ huy với hành vi, lỗi của tổ chức là cách lý giải đơn giản và hợp lý cơ sở TNHS của tổ chức. Nói cách khác, hành vi, lỗi của người lãnh đạo, chỉ huy cũng được coi là hành vi, lỗi của tổ chức. Hơn nữa, với việc thừa nhận kết quả học thuyết đồng nhất hóa trách nhiệm và kết hợp một số yếu tố hợp lý của các học thuyết khác sẽ giải quyết được yêu cầu đảm bảo tính thống nhất của pháp luật và sự bình đẳng của cá nhân và tổ chức trong xử lý tội phạm. Việc không quy định TNHS của tổ chức, pháp nhân sẽ tạo ra sự thiếu thống nhất của hệ thống pháp luật và sự bất bình đẳng,

thiếu công bằng trong xử lý tội phạm và vi phạm pháp luật ở nước ta [17, tr.24]. Hơn nữa với những hành vi phạm tội của pháp nhân được thực hiện thông qua hành vi của một hay nhiều cá nhân là thành viên của pháp nhân đó. Các cá nhân đó thực hiện hành vi phạm tội nhân danh, thay mặt, vì lợi ích của tổ chức, pháp nhân hoặc ít nhất là hành vi đó được tổ chức, pháp nhân chấp nhận và chịu sự kiểm soát của tổ chức, pháp nhân mà người đó là thành viên. Thế nhưng, nếu pháp luật hình sự quy định cá nhân đó có thể phải chịu TNHS, còn pháp nhân có thể được hưởng lợi từ hành vi đó thì lại không phải chịu TNHS là một điều bất hợp lý, thiếu thuyết phục, điều này sẽ vô hình trung trở thành sự khuyến khích cho những hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng của pháp nhân [28, tr.17].

Như vậy, có thể thấy các quan điểm đều thống nhất TNHS của pháp nhân là một loại trách nhiệm pháp lý nghiêm khắc nhất được áp dụng đối với pháp nhân khi pháp nhân đó thực hiện một hành vi phạm tội thể hiện bằng biện pháp cưỡng chế nhà nước dưới hình thức hình phạt. Truy cứu TNHS pháp nhân là khởi tố vụ án, tiến hành điều tra, truy tố và xét xử đối với một pháp nhân. Các cơ quan THTT có trách nhiệm điều tra, buộc tội khi tìm đủ chứng cứ cần thiết để chứng minh hành vi phạm tội của pháp nhân thì có quyền truy cứu TNHS của pháp nhân, trong đó có quyền truy tố ra TA để xét xử để TA xem xét có kết tội và áp dụng hình phạt hay không. Về chế tài hình sự áp dụng đối với pháp nhân không thể áp dụng hình phạt tử hình hoặc phạt tù như đối với cá nhân mà nhiều chế tài hình sự áp dụng đối với pháp nhân phải mang tính chất đặc trưng như là chế tài giải tán pháp nhân, buộc pháp nhân đó bị hạn chế một số quyền trong hoạt động kinh doanh, tăng thuế, bị tịch thu tài sản, tiền bạc, phạt tiền... Trong các chế tài này, có một số chế tài này không thể áp dụng đối với cá nhân.

Bên cạnh đó, với việc chấp nhận và sử dụng học thuyết đồng nhất hóa trách nhiệm, đồng thời kết hợp một số yếu tố hợp lý của các học thuyết khác thì cũng có nghĩa rằng hoàn toàn có thể xác định pháp nhân nói chung, PNTM nói riêng là chủ thể của tội phạm, thực hiện được tội phạm và phải chịu TNHS khi phạm một

tội cụ thể được BLHS quy định. Còn vấn đề TNHS của PNTM là gì thì như quan điểm của NCS đã nêu ra, NCS đồng tình với khái niệm của PGS.TS Trịnh Tiến Việt để khẳng định rằng TNHS của PNTM cũng là một dạng trách nhiệm pháp lý áp dụng đối với các hành vi vi phạm pháp luật nghiêm khắc nhất là tội phạm, TNHS đối với PNTM và TNHS đối với thể nhân cơ bản là giống nhau về bản chất, nội dung. Hai loại TNHS này khác nhau chủ yếu ở: Chủ thể của TNHS; điều kiện chịu TNHS, phạm vi các tội phạm làm phát sinh TNHS và hệ thống các hình thức TNHS (hình phạt) (các vấn đề này NCS sẽ làm rõ hơn ở các nội dung tiếp theo của luận án).

Từ những phân tích và luận giải như trên, NCS đưa ra khái niệm TNHS của PNTM như sau: *Trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại là hậu quả pháp lý bất lợi thông qua các biện pháp cưỡng chế hình sự (hình phạt, biện pháp tư pháp hình sự, án tích) mà pháp nhân đó phải gánh chịu đối với tội phạm được thực hiện và pháp nhân thương mại đó thoả mãn các điều kiện trách nhiệm hình sự quy định trong Bộ luật hình sự. Việc truy cứu trách nhiệm này được thực hiện thông qua trình tự, thủ tục tố tụng được quy định trong pháp luật TTHS.*

2.2. Cơ sở của việc quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại Việt Nam

2.2.1. Cơ sở chính trị

Là lực lượng lãnh đạo nhà nước và toàn xã hội, quan điểm của Đảng về đấu tranh phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm gắn với từng thời kỳ cách mạng là cơ sở chính trị quan trọng trong việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật hình sự và được bảo đảm thực hiện bằng việc thể chế hóa thành quy định của pháp luật hình sự.

Từ Đại hội lần thứ VI (1986) của Đảng tới nay, Đảng và Nhà nước ta nhất quán đường lối phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN và hội nhập quốc tế sâu rộng; xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân và vì dân, quan điểm của Đảng về chính sách hình sự là hướng tới việc bảo vệ quyền

con người, quyền công dân; bảo vệ lợi ích của nhà nước; quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; bảo vệ công lý và quyền bình đẳng giữa các chủ thể khi tham gia vào quan hệ pháp luật hình sự, trong đó bao gồm chủ thể là cá nhân/thể nhân và chủ thể là các tổ chức, pháp nhân. Cũng trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, nhiều năm qua một số pháp nhân vì tìm kiếm lợi nhuận đã vi phạm pháp luật trên nhiều lĩnh vực khác nhau gây thiệt hại lớn về tài sản, sức khỏe cho nhân dân, gây ra nhiều bức xúc và dẫn đến nhiều khiếu kiện, tố cáo, ảnh hưởng đến tình hình trật tự an toàn xã hội. Trong khi đó, pháp luật hiện hành trước khi BLHS 2015 được ban hành chỉ quy định các hành vi của pháp nhân xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân là vi phạm pháp luật và áp dụng các chế tài dân sự, hành chính để xử lý. Điều này là chưa đủ mạnh, chưa đủ sự răn đe, ngăn ngừa, chưa bảo đảm nguyên tắc công bằng và bình đẳng của cá nhân, tổ chức trước pháp luật; thiếu hiệu quả trong bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả gây ra đối với các nạn nhân. Trong bối cảnh đó, Đảng ta đã lãnh đạo, chỉ đạo và kịp thời ban hành một số nghị quyết về công tác tư pháp, lập pháp, hoàn thiện pháp luật và công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm.

Đối với công tác tư pháp, Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị đã chỉ rõ: *“Công tác tư pháp phải ngăn ngừa có hiệu quả và xử lý kịp thời, nghiêm minh các loại tội phạm hình sự, đặc biệt là tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia, tội tham nhũng, tội phạm có tổ chức; bảo vệ và tôn trọng dân chủ, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân”*.

Về đổi mới công tác lập pháp, chính sách hình sự, Nghị quyết số 48-NQ-TW ngày 24/5/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 đã xác định mục tiêu là *“xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch... Đổi mới cơ bản cơ chế, xây dựng và thực hiện pháp luật để góp phần quản lý xã hội, giữ vững, ổn định chính trị, phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế, xây dựng nhà nước trong sạch vững mạnh, thực hiện quyền con người, quyền tự do dân chủ của công dân...”*. Về định hướng xây

dựng và hoàn thiện hệ thống pháp

luật, bảo đảm hợp tác quốc tế có hiệu quả, Nghị quyết còn chỉ rõ *“tiếp tục ký kết, gia nhập các Công ước quốc tế về chống khủng bố quốc tế, chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, chống tham nhũng, các hiệp định tương trợ tư pháp, chú trọng việc nội luật hóa những điều quốc tế mà nhà nước ta là thành viên...”*.

Về phương hướng của chiến lược cải cách tư pháp, Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 đã khẳng định *“hoàn thiện chính sách pháp luật hình sự và dân sự phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa...”*. Để đẩy mạnh việc thực hiện chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 theo tinh thần Nghị quyết số 49-NQ/TW, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XI năm 2011 của Đảng tiếp tục khẳng định *“xây dựng hệ thống tư pháp trong sạch vững mạnh, bảo vệ công lý, tôn trọng và bảo vệ quyền con người, hoàn thiện chính sách pháp luật về hình sự...”* và hướng tới mục tiêu *“Xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; hoạt động tư pháp mà trọng tâm là hoạt động xét xử được tiến hành có hiệu quả và hiệu lực cao”*.

Qua nghiên cứu các quan điểm của Đảng và thực tiễn thấy rằng, các quan điểm của Đảng nêu trên đã và đang được thể chế thành các quy định của pháp luật nhằm đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới. Cụ thể và quan trọng, Quốc hội (khóa XIII, XIV) đã thông qua BLHS năm 2015. Một trong những định hướng quan trọng của BLHS được xác định là *“Đổi mới tư duy về tội phạm và hình phạt, về cơ sở của trách nhiệm hình sự, khắc phục những bất cập, hạn chế trong thực tiễn, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm trong tình hình mới”*; chính là việc quy định trách nhiệm hình sự đối với PNTM phạm tội; điều này đã làm thay đổi tư duy truyền thống về tội phạm và hình phạt, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống các hành vi phạm tội do PNTM thực hiện.

2.2.2. Cơ sở lý luận

Một cách chung nhất, cơ sở lý luận của việc quy định TNHS của pháp nhân, PNTM chính là những lý lẽ để trả lời cho câu hỏi: *“Có thể quy định được TNHS*

của pháp nhân, pháp nhân thương mại hay không?''. Vấn đề này đã là chủ đề gây tranh cãi không chỉ ở những nước chưa quy định TNHS của pháp nhân mà ngay cả những nước pháp luật đã quy định vấn đề này. Tuy vậy, có thể khẳng định rằng, cùng với sự phát triển của khoa học pháp lý và đặc biệt là sự ra đời của các học thuyết TNHS của tổ chức, pháp nhân thì ngày nay hoàn toàn có thể luận giải việc pháp nhân, PNTM phạm tội và quy định TNHS của pháp nhân, PNTM. Luận án khái quát các luận điểm chủ yếu sau làm cơ sở lý luận cho việc quy định TNHS của pháp nhân, PNTM trong luật hình sự Việt Nam:

Thứ nhất, pháp nhân hoàn toàn có thể thực hiện được hành vi nguy hiểm cho xã hội một cách có ý chí (nói cách khác pháp nhân hoàn toàn có thể thực hiện được tội phạm).

Ngày nay quan điểm cho rằng chỉ duy nhất các cá nhân/thể nhân mới trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, có năng lực biểu lộ ý chí của chính mình khi thực hiện hành vi phạm tội và vì vậy, chỉ có cá nhân/thể nhân mới thực hiện được tội phạm, phải chịu TNHS và cho rằng các pháp nhân chỉ là những trừu tượng pháp lý (fiction juridique) nên không thể thực hiện được tội phạm đã không còn được chấp nhận, không còn phù hợp với thực tế tồn tại của các pháp nhân với tư cách là “đại diện cho các sức mạnh của thời đại” [98]. Các học thuyết pháp lý và thực tiễn xét xử của TA nhiều nước đã thoát khỏi quan niệm trên và hình thành nên nhận thức mới về vị trí, vai trò của pháp nhân trong xã hội cùng với việc từ bỏ quan niệm thuần túy cho rằng chỉ có cá nhân mới phải chịu TNHS [119].

Hành vi pháp lý có thể hiểu là hành vi thực hiện một sự kiện thực tế, cụ thể theo ý chí của con người làm xuất hiện, thay đổi hoặc chấm dứt quan hệ pháp luật. Hành vi thương mại là hành vi của thương nhân trong đầu tư sản xuất, trao đổi hàng hóa, cung ứng dịch vụ nhằm mục đích kiếm lợi nhuận, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các thương nhân với nhau hoặc giữa thương nhân với các bên có liên quan. Hành vi của thương nhân có thể do chính thương nhân đó thực hiện, ngoài ra còn thông qua những hoạt động của pháp nhân thương mại mà thương nhân đó đại diện và hoạt động của pháp nhân thương mại lúc này chính

là hành vi

của pháp nhân thương mại. Khi hành vi của pháp nhân thương mại phù hợp với quy định của pháp luật thì pháp nhân thương mại đó thực hiện hành vi hợp pháp, nếu hành vi của pháp nhân thương mại trái với các quy định của pháp luật sẽ là hành vi bất hợp pháp và khi thực hiện hành vi bất hợp pháp mà gây nguy hiểm đáng kể cho xã hội thỏa mãn các dấu hiệu được mô tả trong cấu thành tội phạm được BLHS quy định thì pháp nhân thương mại đó sẽ bị coi là tội phạm. Hành vi phạm tội của pháp nhân thương mại được biểu hiện dưới hình thức không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định của pháp luật hoặc đã làm những việc mà pháp luật cấm gây thiệt hại hoặc dẫn đến nguy cơ gây thiệt hại cho các lợi ích khác nhau được pháp luật bảo vệ (hành vi hành động và hành vi không hành động). Khác với thể nhân, hành vi của pháp nhân thương mại chỉ được thực hiện thông qua người đại diện, lãnh đạo, điều hành của PNTM hoặc có thể là thành viên nào đó của PNTM đã thực hiện hành vi phạm tội nhân danh PNTM. Trong thực tế, một người nào đó không phải là thành viên của PNTM nhưng được PNTM ủy quyền thực hiện một nhiệm vụ nhất định và khi người này nhân danh PNTM đó thực hiện nhiệm vụ được giao gây ra hành vi phạm tội thì hành vi phạm tội của người này vẫn là hành vi phạm tội của PNTM mà họ được ủy quyền. Tùy thuộc vào loại hình của PNTM, người có thẩm quyền thực hiện hoạt động nhân danh PNTM có thể là khác nhau như Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên và những người quản lý khác. Thông thường đó là người đại diện theo pháp luật của PNTM, tuy nhiên trường hợp có người là thành viên của PNTM tuy không có chức danh lãnh đạo cụ thể, nhưng lại là người lãnh đạo trong thực tế, từ là người có quyền lực thực tế trong PNTM nếu hành vi của họ gây ra hậu quả khi nhân dân PNTM để lãnh đạo, điều hành thực hiện chức năng, nhiệm vụ của PNTM thì cũng được quy kết cho hành vi của PNTM.

Với các học thuyết mới, nhận thức mới về TNHS thì có thể thấy rằng, cũng như thể nhân, pháp nhân cũng có hành vi của mình. Trong các điều lệ, văn bản của pháp nhân luôn có quy định về tổ chức, hoạt động và hoạt động đó chính là

hành vi của pháp nhân, hành vi của pháp nhân được thực hiện thông qua hành vi cụ thể của thành viên pháp nhân. Và theo đó, hành vi khách quan (hành vi nguy hiểm cho xã hội) trong việc thực hiện tội phạm của pháp nhân được xác định thông qua hành vi của thể nhân ở dạng đại diện, được ủy quyền (theo: Thuyết trách nhiệm thay thế, thuyết văn hóa pháp nhân) hoặc coi hành vi lãnh đạo, chỉ huy, điều hành của cá nhân có thẩm quyền chính là hành vi của pháp nhân (theo: Thuyết đồng nhất hóa trách nhiệm). Tuy vậy, cũng phải lưu ý rằng, không phải mọi hành vi nguy hiểm cho xã hội của người đại diện pháp nhân được xác định là hành vi khách quan của pháp nhân trong việc thực hiện tội phạm mà chỉ được xác định khi hành vi đó đi kèm theo cả những dấu hiệu thuộc về yếu tố chủ quan, mà ở đây là yếu tố mục đích, nó phản ánh mối “quan hệ đặc biệt” giữa pháp nhân với hành vi nguy hiểm cho xã hội mà người đại diện pháp nhân đã thực hiện. Cụ thể, xác định hành vi của người đại diện pháp nhân là hành vi của pháp nhân khi thực hiện tội phạm khi hội đủ hai yếu tố: (1) Hành vi phải là hành vi nhân danh cho pháp nhân;

(2) Hành vi phải là vì lợi ích của pháp nhân. Đây là hai yếu tố phản ánh “quan hệ đặc biệt” giữa pháp nhân với hành vi nguy hiểm cho xã hội được thực hiện, là cơ sở để “đồng nhất” hành vi nguy hiểm cho xã hội được thực hiện bởi người đại diện của pháp nhân với hành vi nguy hiểm cho xã hội của pháp nhân. Điều này có nghĩa rằng, nếu người đại diện của pháp nhân thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng hành vi đó không nhân danh cho pháp nhân và không nhằm mục đích mang lại lợi ích nào đó cho pháp nhân thì hành vi đó không được coi là hành vi nguy hiểm cho xã hội của pháp nhân.

Bên cạnh có thể xác định việc pháp nhân hoàn toàn có thể thực hiện được hành vi nguy hiểm cho xã hội thì cũng hoàn toàn có thể xác định được ý chí của pháp nhân khi thực hiện hành vi (nói cách khác là lỗi của pháp nhân). Theo quan điểm lập pháp ở Việt Nam, lỗi là trạng thái (hay thái độ) tâm lý của chủ thể đối với hành vi và hậu quả của hành vi. Vấn đề là lỗi của pháp nhân đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội được xác định như thế nào và dựa vào những căn cứ nào khi mà trong khi đó, hoạt động của một pháp nhân nhất định phải có sự kết hợp

của

nhều người, mỗi người lại có hoạt động tâm lý riêng, có cách đánh giá khác nhau về tính hợp pháp của hành vi, về hậu quả của hành vi đó. Có quan điểm cho rằng “*pháp nhân là do con người lập ra và hoạt động của nó chỉ có thể được thực hiện thông qua những con người cụ thể nên nó không thể và không bao giờ có lỗi...*” [14, tr.642]. Tuy vậy, cũng có quan điểm cho rằng “*pháp nhân hưởng ý chí độc lập chứ không phải chỉ là con số cộng ý chí tâm lý của cá nhân các thành viên trong tổ chức được pháp nhân hóa, nó có thể tự quyết định một cách tự do và theo đuổi những mục tiêu cụ thể của mình và độc lập với những lợi ích của cá nhân tạo nên pháp nhân đó* [70, tr.574]... *Pháp nhân có thể “được so sánh với con người. Nó có bộ não, có hệ thần kinh trung ương kiểm tra những gì nó làm. Nó cũng có tay để cầm công cụ và hành động theo các mệnh lệnh của hệ thần kinh trung ương”* [111, tr.172].

Theo NCS, cơ sở để xác định được yếu tố lỗi trong việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội của pháp nhân được luận giải như sau: Trước hết, lỗi được hiểu là dấu hiệu thuộc mặt chủ quan của tội phạm phản ánh chủ thể của quan hệ pháp luật đã lựa chọn thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội khi có đủ điều kiện lựa chọn thực hiện hành vi khác phù hợp với đòi hỏi của xã hội. Như vậy, lỗi của PNTM về bản chất là sự phủ định chủ quan của PNTM với đòi hỏi của xã hội và cũng như cá nhân, một PNTM có thể thông qua người đại diện của PNTM tạo ra những hành xử nhân danh PNTM thông qua hành vi hành động hoặc không hành động gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đáng kể cho xã hội mặc dù có thể lựa chọn một cách hành xử khác không gây nguy hiểm cho xã hội với hình thức phủ định chủ quan đối với xã hội thông qua người đại diện của PNTM này được gọi là cố ý phạm tội. Trong đó, cũng có thể chia thành lỗi cố ý trực tiếp và cố ý gián tiếp. Ngoài ra, cũng có trường hợp PNTM thông qua người đại diện khi quyết định thực hiện một hành vi nhất định không ý thức được hành vi đó sẽ là hành vi có tính chất phạm tội nhưng có đủ điều kiện để ý thức được hoặc có thể ý thức được được gọi là vô ý phạm tội và lỗi vô ý phạm tội của PNTM cũng có thể chia thành hai loại là lỗi vô ý vì quá tự tin và lỗi vô ý vì cẩu thả

Trên một bình diện khác có thể hiểu, trong hoạt động của pháp nhân mỗi thành viên (cá nhân) của pháp nhân là một thực thể độc lập trong một tập thể, nhưng lại được phân công trách nhiệm cụ thể với chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền theo sự phân công hay uỷ quyền của pháp nhân. Tại thời điểm các cá nhân nhận được trách nhiệm thì chính cá nhân đã được tự do ý chí, họ có quyền nhận hay không nhận trách nhiệm đó. Do vậy, những người hoạt động nhân danh pháp nhân và vì lợi ích của pháp nhân có lỗi thì đương nhiên lỗi đó sẽ bị coi là lỗi của pháp nhân và chính pháp nhân phải chịu trách nhiệm về lỗi đó. Sự liên quan của các cá nhân trong pháp nhân chính là do sự phân công, uỷ quyền này. Mặt khác, tính có lỗi của pháp nhân còn có thể được xác định do pháp nhân hoàn toàn có thể biết trước và điều khiển hành vi cũng như hậu quả của hành vi do người mà mình đã trao trách nhiệm thực hiện (thể hiện ở việc quản lý, chỉ đạo, điều hành của người lãnh đạo, ban lãnh đạo của pháp nhân). Trong trường hợp này, việc xác định lỗi không còn việc xác định lỗi trong trường hợp cụ thể xảy ra khi diễn ra hoạt động trái pháp luật của cá nhân nữa mà xác định lỗi ở việc người lãnh đạo, ban lãnh đạo của pháp nhân đã chỉ đạo, điều hành việc thực hiện tội phạm của cá nhân.

Ngoài ra, cũng có trường hợp cá nhân được pháp nhân phân công, uỷ quyền đã nhân danh pháp nhân thực hiện nguy hiểm cho xã hội nhưng hành vi đó lại nằm ngoài hoặc vượt quá phạm vi được phân công, uỷ quyền bởi pháp nhân. Trong trường hợp này, pháp nhân đã không xác định trước được hành vi có thể xảy ra ở người được phân công, uỷ quyền lúc tiến hành uỷ quyền cho cá nhân đó. Khi đó, phải xác định hai trường hợp: (1) Pháp nhân có biết và có thể kiểm soát được hành vi của cá nhân người được phân công, uỷ quyền; (2) Pháp nhân không biết và cũng không thể kiểm soát được hành vi của người được uỷ quyền. Trong trường hợp thứ nhất, pháp nhân được xác định là có lỗi vì nếu không có danh nghĩa của pháp nhân thì cá nhân đó không thể thực hiện được hành vi phạm tội. Nói cách khác, pháp nhân vẫn bị xác định là chủ thể có lỗi trong trường hợp này khi không ngăn cản mà đã chấp thuận việc cá nhân thực hiện hành vi nguy hiểm

cho xã hội. Tính có lỗi

của pháp nhân ở đây được xác định do pháp nhân hoàn toàn có thể biết và điều khiển hành vi cũng như hậu quả của hành vi do người mà mình đã trao trách nhiệm thực hiện. Trong trường hợp thứ hai, người được uỷ quyền thực hiện hành vi ngoài phạm vi uỷ quyền mà pháp nhân không thể biết và cũng không thể kiểm soát, thì có thể khẳng định pháp nhân không có lỗi.

Từ những sự phân tích và luận giải trên thấy rằng, pháp nhân có thể đưa ra các lý do hợp lý cho các quyết định của nó; cũng như có năng lực để thay đổi các mục tiêu, chính sách và thay đổi các tiến trình ra quyết định trực tiếp liên quan đến các mục tiêu, chính sách này. Do đó, hoàn toàn có thể xác định được lỗi của pháp nhân trong việc thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, “*pháp nhân rõ ràng là một thực thể có ý chí, có mong muốn riêng của mình, được xử sự tự do và hưởng quyền tự chủ của chủ thể có thể so sánh với quyền tự chủ của cá nhân và vì vậy có năng lực thực hiện tội phạm một cách có lỗi và đương nhiên có thể bị xử lý về hình sự. Vì thế, việc quy kết TNHS cho pháp nhân là hoàn toàn không phải quy tội khách quan*” [70, tr.231]. Trong các trường hợp pháp nhân có lỗi thì người đại diện cho pháp nhân sẽ thay mặt pháp nhân nhận trách nhiệm của người “có trạng thái tâm lý của chủ thể đối với hành vi và hậu quả của hành vi”.

Thứ hai, việc áp dụng hình phạt cho pháp nhân thương mại là có khả năng thực thi.

Hình phạt với ý nghĩa là một biện pháp cưỡng chế mang tính nhà nước nghiêm khắc nhất được luật hình sự quy định và do TA áp dụng có nội dung tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của chủ thể phạm tội nhằm trừng trị chủ thể đó và giáo dục đối với những chủ thể khác và chính chủ thể đó tôn trong pháp luật, đấu tranh phòng, chống tội phạm. Tính nghiêm khắc của hình phạt thể hiện ở nội dung tước bỏ, hạn chế quyền và lợi ích của chủ thể bị kết án như quyền sở hữu, quyền tự do hoạt động... cũng như ở hậu quả pháp lý kèm theo mà chủ thể này phải gánh chịu như án tích. Hình phạt sau khi được áp dụng sẽ được đảm bảo thi hành bằng bộ máy cưỡng chế của Nhà nước.

Với ý nghĩa của hình phạt như trên, các lý thuyết mới, quan niệm mới, nhận

thức mới về TNHS của pháp nhân đã bác bỏ quan điểm cho rằng các pháp nhân về bản chất là những thực thể vô hình nên không thể áp dụng hình phạt đối với nó. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học về hình phạt, quan điểm không thể áp dụng hình phạt với pháp nhân đã không còn có sức thuyết phục. Mặc dù tử hình hoặc các hình phạt tước hoặc hạn chế quyền tự do thân thể rõ ràng là không thể áp dụng với pháp nhân phạm tội nhưng những loại hình phạt khác dần dần được phát triển tương hợp hoàn toàn với bản chất các tổ chức và pháp nhân phạm tội với mục đích làm cho nó phải chịu hậu quả pháp lý bất lợi của hành vi phạm tội mà nó đã gây ra cho xã hội.

Lịch sử phát triển pháp luật hình sự trong thế giới hiện đại cho thấy rõ xu hướng giảm hoặc thay thế các hình phạt được cho là truyền thống quá nghiêm khắc như tử hình, tước tự do bằng các hình phạt nhân đạo hơn không tước tự do nhưng có giá trị phòng ngừa cao hơn, đặc biệt là các hình phạt liên quan đến tài sản hoặc hoạt động của tổ chức. Pháp nhân có các quyền và có tài sản. Vì vậy, đối với pháp nhân có thể áp dụng các hình phạt tước hoặc hạn chế quyền hoặc tài sản. Kinh nghiệm tư pháp hình sự trong lĩnh vực này ở nhiều nước như Anh, Hoa Kỳ, Canada, Pháp, Hà Lan, Bỉ, Trung Quốc... đã chỉ ra rằng hệ thống hình phạt đủ mềm dẻo để cung cấp những hình phạt và những biện pháp cưỡng chế phù hợp cho việc xử phạt các tổ chức liên quan đến sự tồn tại của nó như giải thể, đóng cửa; liên quan đến hoạt động của nó như cấm tiến hành những hoạt động nhất định; hoặc liên quan đến tài sản như phạt tiền, tịch thu tài sản... các hình phạt này không chỉ có tính cưỡng chế, mà còn có giá trị phòng ngừa cao [47, tr.17].

Thứ ba, việc quy định TNHS của pháp nhân và áp dụng hình phạt với pháp nhân không trái với nguyên tắc công bằng và cá thể hoá hình phạt trong luật hình sự.

Việc quy định TNHS của pháp nhân và áp dụng hình phạt với pháp nhân không trái với nguyên tắc công bằng và cá thể hoá hình phạt trong luật hình sự bởi trách nhiệm hình sự của cá nhân không loại trừ trách nhiệm hình sự của pháp nhân. Điều đó có nghĩa, có trường trường hợp cá nhân đại diện cho PNTM phạm tội phải chịu TNHS

nhưng PNTM không phải chịu TNHS hoặc cá nhân đại diện cho PNTM không phải chịu TNHS nhưng PNTM vẫn phải chịu TNHS hoặc có trường hợp khác cá nhân đại diện PNTM phải chịu TNHS đồng thời PNTM đó cũng phải chịu TNHS.

Theo khoa học hình sự hiện đại thì nguyên tắc cá thể hoá hình phạt không thể tách rời khỏi nhận thức về chế tài áp dụng đối với pháp nhân, tổ chức. Nếu pháp nhân, tổ chức là những thực thể có khả năng phạm tội thì có lý nào các pháp nhân lại không bị chịu sự trách cứ về hình sự của nhà nước khi nó phạm tội. Chế tài hình sự buộc phải áp dụng trực tiếp và chỉ đối với chính bản thân chủ thể phạm tội, tức là đòi hỏi việc trừng trị nhằm trực tiếp vào những tổ chức, khi các thực thể này phạm tội [124, tr.256]. Quan điểm cho rằng việc áp dụng hình phạt đối với pháp nhân phạm tội là vi phạm nguyên tắc cá thể hoá hình phạt, theo chúng tôi đã có sự nhầm lẫn về nguyên tắc này. Thực tế cho thấy tất cả các bản án đều có thể gây ra những hậu quả cho người thứ ba vô can. Bắt giam một người hoặc phạt họ với một hình phạt tiền nghiêm khắc có thể cướp đi của gia đình họ một khoản thu nhập nhưng nó không trái với nguyên tắc cá thể hoá hình phạt, bởi vì bản án không trực tiếp nhằm chống lại các thành viên của gia đình người bị kết án mà là đối với người phạm tội. Bản án kết tội đối với một pháp nhân khác với bản án có thể xảy ra của các thành viên pháp nhân, nó không nhằm vào cá nhân các thành viên của pháp nhân mà là chính pháp nhân - chủ thể chịu TNHS [47, tr.19].

Công bằng không có nghĩa là phải trừng trị cá nhân này hoặc cá nhân khác, thành viên của tổ chức hoặc pháp nhân có liên quan nhiều hơn mà công bằng chính là buộc tổ chức cụ thể phạm tội phải chịu hình phạt. Không có lý lẽ công bằng nào mà lại buộc cá nhân những người cấp dưới vốn chẳng có quyền hành gì và các nhà quản lý có trách nhiệm thành những người phải hứng chịu hậu quả thay cho tổ chức phạm tội [113, tr.166]. Cũng không có sự công bằng nào mà về cùng một hành vi phạm tội lại có những cách đối xử khác nhau, đối với pháp nhân phạm tội cùng loại thì xử lý bằng các biện pháp trách nhiệm dân sự hoặc trách nhiệm hành chính, còn đối với cá nhân những người lãnh đạo, người đại

diện của pháp nhân

phạm tội vì lợi ích hoặc trong khuôn khổ hoạt động của pháp nhân lại bị trừng trị bằng biện pháp TNHS nghiêm khắc hơn nhiều.

Tóm lại, với các luận điểm trên có thể khẳng định, về mặt lý luận thì khoa học luật hình sự hiện đại đã giải quyết cơ bản, khoa học về vấn đề TNHS của pháp nhân. Cũng từ cơ sở lý luận đó, NCS đồng tình với các quan điểm xác định pháp nhân, PNTM có thể là chủ thể của tội phạm, thực hiện được tội phạm và có thể phải chịu TNHS đối với tội phạm mà mình thực hiện.

2.2.3. Cơ sở thực tiễn

Từ góc độ thực tiễn, tính cấp thiết của việc quy định TNHS của tổ chức, pháp nhân được quyết định bởi thực tiễn tình hình kinh tế xã hội, hội nhập quốc tế; thực trạng vi phạm pháp luật của tổ chức, pháp nhân và hệ thống pháp luật nước ta trong việc xử lý vi phạm pháp luật của tổ chức, pháp nhân. Cụ thể là:

Thứ nhất, về tình hình vi phạm pháp luật của tổ chức, pháp nhân.

Công cuộc đổi mới đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng sau hơn 35 năm đã đạt được những thành tựu to lớn trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Nền kinh tế trong những năm qua luôn tăng trưởng ở mức cao, cùng với đó là sự hội nhập quốc tế sâu rộng, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được khẳng định, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao. Tuy nhiên, trong những năm qua đây dưới tác động của mặt trái nền kinh tế thị trường, tình hình vi phạm pháp luật nói chung diễn ra hết sức phức tạp, trong đó không ít pháp nhân hoạt động kinh doanh vì chạy theo lợi nhuận cục bộ đã có sự thông đồng từ người phụ trách đến nhân viên, thực hiện nhiều hành vi trái pháp luật mang tính chất tội phạm trong nhiều lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội, trong đó phổ biến là các vi phạm trên các lĩnh vực: Thuế; kinh doanh, thương mại; tài chính, ngân hàng; bảo hiểm; môi trường; sở hữu trí tuệ (*xem Phụ lục 1*).

Thực tiễn cho thấy, tình hình vi phạm pháp luật của các pháp nhân là các doanh nghiệp diễn ra khá phổ biến, thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống kinh tế - xã hội, có xu thế tăng với tính chất và mức độ ngày càng nghiêm trọng, gây hậu quả nghiêm trọng không chỉ là những thiệt hại về tài sản, mà còn đe dọa

trực tiếp sự an toàn về tính mạng, sức khỏe và sự phát triển lành mạnh của giống nòi, ảnh hưởng đến trật tự quản lý kinh tế và trong nhiều trường hợp có thể dẫn đến tình trạng gây mất ổn định xã hội... Do đó, Nhà nước cần có những biện pháp phòng ngừa hữu hiệu hơn để ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng này vi phạm của loại pháp nhân này, đảm bảo sự phát triển lành mạnh, an toàn, bền vững của xã hội và để thực hiện một trong những quyền hiến định của người dân đó là quyền được sống trong một môi trường trong lành và được đảm bảo an sinh xã hội.

Thứ hai, việc xử lý vi phạm pháp luật của tổ chức, pháp nhân bằng pháp luật dân sự, hành chính đã bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập, chưa triệt để và nghiêm khắc, tính trừng trị và răn đe giáo dục còn hạn chế.

Trước khi được thể chế hóa trong BLHS, hành vi của pháp nhân xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân được áp dụng các chế tài dân sự, hành chính để xử lý. Vấn đề đã này gây khó khăn trong công tác quản lý nhà nước cũng như công tác phòng ngừa tội phạm và bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập. Điều này thể hiện như sau:

Một là, trong một số trường hợp, việc áp dụng biện pháp xử phạt hành chính đối với pháp nhân thực hiện hành vi vi phạm tỏ ra không tương xứng với hành vi vi phạm và hậu quả do hành vi đó gây ra. Luật Xử lý vi phạm hành chính tuy đã được điều chỉnh theo hướng nâng mức phạt cao hơn so với trước kia, nhưng cũng không đủ sức răn đe doanh nghiệp, tổ chức vi phạm. Mức phạt tối đa theo điều điểm k khoản 1, khoản 2 Điều 24 Luật Xử lý vi phạm hành chính áp dụng đối với tổ chức đến 2 tỷ đồng chỉ trong một số lĩnh vực (quản lý các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam; quản lý hạt nhân và chất phóng xạ, năng lượng nguyên tử; tiền tệ, kim loại quý, đá quý, ngân hàng, tín dụng; thăm dò, khai thác dầu khí và các loại khoáng sản khác; bảo vệ môi trường), trong khi đó hậu quả do hành vi vi phạm của pháp nhân gây ra trong nhiều trường hợp là đặc biệt nghiêm trọng. So với lợi nhuận tạo ra, nhiều trường hợp pháp nhân sẽ chấp nhận nộp phạt để tiếp tục hoạt động và vi phạm.

Bên cạnh đó, trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm hành

chính hiện nay đối với vi phạm của pháp nhân cũng gặp nhiều khó khăn, nhất là việc thu thập, xác minh hành vi vi phạm và mức độ thiệt hại do hành vi vi phạm của pháp nhân gây ra. Tuy nhiên nếu pháp nhân bị truy cứu TNHS, với sự vào cuộc của một CQĐT chuyên trách, với một trình tự, thủ tục tố tụng tư pháp chặt chẽ, khách quan, có đủ điều kiện về các biện pháp cưỡng chế, ngăn chặn sẽ làm cho hoạt động thu thập chứng cứ, xác minh tội phạm và chứng minh thiệt hại gây ra sẽ thuận lợi, nhanh chóng, khả thi hơn nhiều. Quy định truy cứu TNHS với pháp nhân cũng đảm bảo khắc phục hạn chế từ thủ tục hành chính, tạo điều kiện cho pháp nhân được bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình thông qua quy định về bào chữa, quyền kháng cáo...

Hai là, việc buộc pháp nhân khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự. Điều đó có nghĩa là để được bồi thường, người bị thiệt hại phải khởi kiện vụ án dân sự ra trước TA có thẩm quyền để yêu cầu bồi thường thiệt hại theo quy định về bồi thường ngoài hợp đồng. Tuy nhiên, biện pháp buộc bồi thường thiệt hại theo thủ tục bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng của pháp luật dân sự đòi hỏi người bị thiệt hại phải tự chứng minh mức độ thiệt hại. Trong khi đó, để chứng minh được mức độ thiệt hại, nhất là thiệt hại do hành vi gây ô nhiễm môi trường (như ô nhiễm đất, không khí, nguồn nước...) với nhiều loại thiết bị, máy móc, thông qua công tác xét nghiệm, giám định... là chuyện rất khó và không phải lúc nào thiệt hại đó cũng biểu hiện ngay lập tức. Do vậy, nếu chỉ bằng biện pháp mang tính dân sự thì bị hại rất khó có điều kiện để thực hiện quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại của mình.

Mặt khác, theo quy định của BLDS, đối với các pháp nhân là doanh nghiệp có hành vi vi phạm có thể bị xử lý thông qua khởi kiện vụ án dân sự, nhưng trên thực tế, do hành vi xảy ra trong một khoảng thời gian dài, với nhiều đối tượng bị hại khác nhau nên việc xác định ai là người khởi kiện gặp nhiều khó khăn. Hơn nữa, việc khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại luôn đi kèm theo tạm ứng án phí dân sự không phải nhỏ mà không phải người bị thiệt hại nào cũng lo được và chính người khởi kiện phải tự mình chứng minh thiệt hại phải gánh chịu [17, tr.23]. Như

vậy, trước hành vi vi phạm của tổ chức, doanh nghiệp, người dân vừa bị thiệt hại lại vừa phải đi tự chứng minh thiệt hại trước khi đòi bồi thường. Trong khi đó, nếu truy cứu theo thủ tục TTHS thì việc chứng minh tội phạm và xác định mức độ thiệt hại do hành vi vi phạm của pháp nhân gây ra thuộc trách nhiệm của cơ quan THTT, điều này sẽ tạo thuận lợi và giảm tải rất nhiều áp lực cho chính bị hại. Hơn nữa, đa số các trường hợp thiệt hại do pháp nhân gây ra cho rất nhiều người và không phải cá nhân nào cũng muốn hoặc đủ khả năng khởi kiện, làm cho việc giải quyết vụ án bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng thiếu hiệu quả, thiếu triệt để, thiếu toàn diện và kéo dài... Mặt khác, cũng có trường hợp trong khoảng thời gian chờ TA đưa ra các phán quyết thông qua hoạt động xét xử, PNTM vẫn có thể tiếp tục gây nguy hiểm cho xã hội nhưng nếu PNTM bị khởi tố thì có thể áp dụng các biện pháp ngăn chặn, cưỡng chế cụ thể để loại bỏ nguy cơ tiếp tục gây thiệt hại cho xã hội của PNTM

Ba là, việc áp dụng các hình thức xử lý vi phạm không phải là xử lý hình sự đối với các vi phạm pháp luật của pháp nhân là không triệt để.

Trước khi pháp luật hình sự quy định TNHS của pháp nhân, chính sách hình sự của nhà nước ta chỉ truy cứu TNHS đối với chủ thể phạm tội là các cá nhân. Tuy nhiên, khi Luật doanh nghiệp (sửa đổi) có hiệu lực, chính sách này tỏ ra không phù hợp, vì hoạt động quản lý của các doanh nghiệp có thể được quyết định bởi cá nhân người điều hành, nhưng cũng nhiều trường hợp các quyết định đưa ra (bao gồm cả những quyết định vi phạm) phải trên cơ sở bàn bạc, biểu quyết tập thể (thông thường là các quyết định mang tính quan trọng, các quyết định liên quan đến tổ chức doanh nghiệp, các quyết định liên quan đến việc sử dụng tỉ lệ vốn lớn của doanh nghiệp hay các quyết định có ảnh hưởng tới nhiều mối quan hệ khác mà doanh nghiệp thông thường sẽ đưa ra bàn bạc trước khi biểu quyết...). Như vậy, đây là trường hợp lãnh đạo tập thể, quyết định tập thể và hưởng lợi tập thể. Trong những trường hợp này, vai trò của người điều hành, người đại diện, người ký văn bản chỉ là người chấp hành quyết định của tập thể. Vì vậy, nếu chỉ buộc một số cá nhân chịu TNHS, những người khác cũng biểu quyết, được hưởng lợi từ những quyết định tập thể ấy là không triệt để. Do đó, nếu vẫn duy trì chính sách

hình sự chỉ xử lý cá nhân người phạm tội, thì mới chỉ xử lý đến cá nhân người trực tiếp điều hành, trực tiếp ký các quyết định sai phạm mà chưa xử lý những ông chủ thật sự - người được hưởng lợi chính từ những hành vi vi phạm của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, về góc độ bồi thường thiệt hại, việc chỉ xử lý TNHS đối với cá nhân kéo theo việc pháp luật chỉ buộc cá nhân đó dùng tài sản của mình để bồi thường thiệt hại. Nhưng thực tế pháp nhân là đơn vị được hưởng lợi thông qua việc vi phạm (mà thường là vi phạm nghiêm trọng, ảnh hưởng đến quyền nghĩa vụ của rất nhiều người bị hại) nên nếu không có chế tài hình sự với chính pháp nhân đó là một sự thiếu sót lớn.

Thứ ba, việc quy định TNHS của pháp nhân là đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế hiện nay.

Trong quá trình hội nhập sâu, rộng như hiện nay, Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia nhiều công ước quốc tế về phòng, chống tội phạm như: Công ước về chống khủng bố (gồm 9 công ước); Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia năm 2000, trong đó có hai nghị định thư quan trọng kèm theo là Nghị định thư phòng ngừa, trấn áp và trừng trị Tội mua bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em; Nghị định thư chống đưa người di cư trái phép bằng đường bộ, đường thủy và đường không; Công ước chống tham nhũng năm 2003. Đây là những công ước quan trọng của Liên hợp quốc về phòng, chống tội phạm có tổ chức. Nội dung của các công ước nói trên không chỉ khuyến cáo và bắt buộc các quốc gia thành viên phải TNHS hóa các quy định của công ước trong luật hình sự về các hành vi phạm tội của tổ chức, cá nhân về các hành vi bị coi là tội phạm. Bên cạnh đó, Việt Nam còn ký kết và tham gia Công ước chống tài trợ khủng bố, 40 Khuyến nghị của lực lượng đặc nhiệm tài chính về chống rửa tiền (FATF),... Do đó việc bảo đảm thực hiện các cam kết quốc tế trong đó có vấn đề về TNHS của pháp nhân, thể hiện trách nhiệm tuân thủ của Việt Nam với các quy định của luật pháp quốc tế. Ngoài ra, ngày nay hầu hết pháp luật hình sự của các quốc gia trên thế giới đều đã quy định về TNHS của pháp nhân. Thậm chí ở một số quốc gia TNHS của pháp nhân còn được quy định trong pháp luật chuyên ngành.

Do đó, việc quy định TNHS của PNTM trong Luật hình sự là hết sức cần

thiết, đây cũng là biện pháp nhằm tăng cường hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, tạo lòng tin cho các đối tác quốc tế, tạo thuận lợi hơn cho quá trình hội nhập, đặc biệt là hội nhập về kinh tế quốc tế.

2.3. Nội dung và kỹ thuật quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân

2.3.1. Nội dung liên quan đến quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân

Bản chất của việc quy định TNHS của pháp nhân là xác định nội dung quy định TNHS của pháp nhân. Theo NCS, nội dung cần thiết phải được xây dựng khi quy định TNHS của pháp nhân là: (1) Cơ sở TNHS của pháp nhân; (2) Điều kiện phải chịu TNHS của pháp nhân; (3) Phạm vi pháp nhân và phạm vi các tội pháp nhân phải chịu TNHS; (4) Các chế tài đối với pháp nhân; (5) Về trách nhiệm của cá nhân trong việc truy cứu trách nhiệm hình sự pháp nhân. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và áp dụng vào thực tiễn ở Việt Nam, NCS xây dựng nội dung liên quan đến quy định trách nhiệm hình sự pháp nhân như sau:

Thứ nhất, về cơ sở trách nhiệm hình sự của pháp nhân.

Để truy cứu TNHS đối với cá nhân nào đó, cơ quan THTT phải chứng minh được cá nhân đó phạm vào một tội cụ thể được BLHS quy định và hành vi nguy hiểm cho xã hội do cá nhân thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm đó. Điều này phù hợp với Điều 11 Tuyên ngôn toàn thế giới về nhân quyền của Liên hợp quốc: *“Không ai có thể bị kết án về một tội hình sự do những điều mình đã làm hay không làm, nếu những điều ấy không cấu thành tội hình sự chiếu theo luật pháp quốc gia hay luật pháp quốc tế hiện hành”*.

Ở Việt Nam, về vấn đề pháp nhân phạm tội và TNHS của pháp nhân cũng có quan điểm khác nhau. Có quan điểm cho rằng thực chất TNHS của pháp nhân là việc pháp nhân phải chịu TNHS đối với tội phạm do cá nhân thực hiện trong mối liên hệ có tính ràng buộc với pháp nhân, và như thế pháp nhân chỉ là một chủ thể phải chịu TNHS chứ pháp nhân không phải là chủ thể của tội phạm. Do đó, cơ sở chịu TNHS của pháp nhân là sự “áp đặt” TNHS lên pháp nhân từ hành vi phạm tội của thể nhân. Quan điểm này cho rằng, pháp nhân không phải là chủ thể của tội phạm.

Với quan điểm xuyên suốt các vấn đề lý luận đã trình bày, NCS quan niệm rằng pháp nhân hoàn toàn có thể là chủ thể tội phạm, thực hiện được tội phạm và có thể phải chịu TNHS đối với tội phạm mà pháp nhân đã thực hiện. Việc xác định pháp nhân là chủ thể tội phạm và phải chịu TNHS không trái quan điểm truyền thống của khoa học luật hình sự về tội phạm và TNHS, bởi vì: (1) Tổ chức, pháp nhân chịu TNHS thông qua hành vi của thể nhân ở dạng đại diện, được ủy quyền (thuyết trách nhiệm thay thế, thuyết văn hóa pháp nhân...) hoặc ở dạng đồng nhất, coi hành vi lãnh đạo, chỉ huy, điều hành của cá nhân có thẩm quyền chính là hành vi của tổ chức, pháp nhân; (2) Không phải mọi trường hợp người phải chịu TNHS phải trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội (người thực hành). Cần phải hiểu thuật ngữ thực hiện hành vi phạm tội theo nghĩa rộng, bao gồm cả hành vi thực hành và các hành vi liên quan đến tội phạm được thực hiện đó theo luật định. Hay nói cách khác, các chủ thể phải thỏa mãn các điều kiện luật định đối với tội phạm mà chủ thể đó bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Ví dụ, trong trường hợp đồng phạm thì chỉ người thực hành mới là người trực tiếp thực hiện hành vi được quy định trong mặt khách quan của cấu thành tội phạm còn những người khác như tổ chức, xúi giục, giúp sức vẫn phải chịu TNHS. Đối với TNHS pháp nhân cũng có thể được hiểu như là một dạng đồng phạm đặc biệt đó; (3) Pháp nhân chỉ phải chịu TNHS trong trường hợp cá nhân thành viên pháp nhân thực hiện hành vi trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, ủy quyền được giao [7, tr.40].

Từ việc xác định như trên, theo NCS, cơ sở chịu TNHS của pháp nhân cũng tương tự như cơ sở chịu TNHS của cá nhân/thể nhân, đó là khi pháp nhân thực hiện một tội phạm cụ thể được quy định trong BLHS.

Từ những phân tích trên, theo NCS, cơ sở chịu TNHS của pháp nhân phải được quy định theo hướng: *Pháp nhân chỉ phải chịu TNHS khi phạm vào một tội được BLHS quy định*. Nói cách khác, PNTM được xác định là phạm tội và phải chịu TNHS khi cơ quan THTT chứng minh được pháp nhân đó phạm vào một tội cụ thể được BLHS, tức hành vi nguy hiểm cho xã hội của pháp nhân phải đủ yếu tố cấu thành tội phạm cụ thể mà BLHS quy định.

Thứ hai, về điều kiện phải chịu TNHS của pháp nhân.

Từ việc xác định cơ sở chịu TNHS của pháp nhân như trên, đồng thời tham khảo bài viết “*Trách nhiệm hình sự của pháp nhân – Bản chất, nội dung và kỹ thuật quy định*” của GS.TS. Nguyễn Ngọc Hòa trong cuốn “*Trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại – Nhận thức cần thống nhất?*”, NCS đồng tình với quan điểm của tác giả nêu ra ba trường hợp mà pháp nhân có thể phải chịu TNHS. Cụ thể là:

Trường hợp thứ nhất, pháp nhân có thể phải chịu TNHS về tội phạm mà tội phạm đó là hành vi cố ý không thực hiện nghĩa vụ được quy định trực tiếp cho pháp nhân như nghĩa vụ đóng thuế nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động... Trong trường hợp này hành vi phạm tội của pháp nhân gắn liền với lợi ích của pháp nhân và hành vi này chỉ có thể được thực hiện bởi người có trọng trách nhất định của pháp nhân [34, tr.24].

Trường hợp thứ hai, pháp nhân có thể phải chịu TNHS về tội phạm mà tội phạm đó được cá nhân nhân danh pháp nhân thực hiện và vì lợi ích của pháp nhân. *Ví dụ*: Lãnh đạo doanh nghiệp đưa hối lộ cho quan chức để được giải quyết công việc của doanh nghiệp.

Về lý thuyết, trường hợp thứ nhất và trường hợp thứ hai là hai trường hợp khác nhau. Tuy nhiên, cũng có thể coi trường hợp thứ nhất là dạng đặc biệt của trường hợp thứ hai vì trường hợp thứ nhất cũng có tính chất “nhân danh pháp nhân” và “vì lợi ích của pháp nhân” [34, tr.25-26].

Trường hợp thứ ba, pháp nhân có thể phải chịu TNHS trong trường hợp thành viên của pháp nhân đã phạm tội khi thực hiện công việc được pháp nhân giao và việc xảy ra tội phạm này có phần lỗi (chỉ đạo, điều hành hoặc cho phép) của pháp nhân. *Ví dụ*: Công nhân A được xí nghiệp giao sửa chữa nhà cho khách hàng. Trong khi hàn, công nhân A đã gây hỏa hoạn dẫn đến chết người, hủy hoại tài sản của người khác vì đã không tuân thủ đúng quy định về phòng cháy [34, tr.27].

Các trường hợp mà pháp nhân có thể phải chịu TNHS được nêu ra như trên

hoàn toàn phù hợp với cơ sở lý luận mà NCS đã đề cập tại mục **2.2.1** để luận giải

cho việc quy định TNHS của pháp nhân. Theo đó, dựa trên cơ sở lý luận đã phân tích, NCS đã khẳng định, pháp nhân hoàn toàn có thể thực hiện được tội phạm và có thể phải chịu TNHS.

Đối với ba trường hợp nêu trên, phân tích từng trường hợp sẽ thấy rõ hơn những điều kiện cụ thể để xác định việc pháp nhân phạm tội và phải chịu TNHS đối với tội phạm được thực hiện. Cụ thể như sau:

Với trường hợp thứ nhất và thứ hai:

- Gắn với trường hợp thứ nhất, pháp nhân được pháp luật quy định phải thực hiện nghĩa vụ nào đó (đóng thuế, đóng bảo hiểm xã hội...). Để thực hiện nghĩa vụ này thì lãnh đạo của pháp nhân phải thực hiện hoặc lãnh đạo, ban lãnh đạo của pháp nhân phải bàn bạc, chỉ đạo, điều hành và giao nhiệm vụ cho nhân viên của pháp nhân thực hiện.

Căn cứ vào cơ sở lý luận đã trình bày thì trong trường hợp này đã có hành vi “nhân danh pháp nhân” thực hiện tội phạm nhằm “mang lại lợi ích cho pháp nhân”. Và như vậy, hành vi, lỗi của cá nhân được đồng nhất với hành vi, lỗi của pháp nhân. Và do đó, pháp nhân phạm tội và phải chịu TNHS với tội phạm đã thực hiện.

- Gắn với trường hợp thứ hai, ở đây đã nêu rõ hành vi phạm tội được thực hiện “nhân danh pháp nhân” và “vì lợi ích của pháp nhân”. Để nhân danh pháp nhân thì cá nhân đó phải là người lãnh đạo của pháp nhân hoặc người đó được lãnh đạo, ban lãnh đạo của pháp nhân giao, phân công, ủy quyền và được sự chỉ đạo, điều hành của pháp nhân (lãnh đạo, ban lãnh đạo của pháp nhân) về việc thực hiện tội phạm. Bên cạnh đó, cũng có thể xảy ra trường hợp pháp nhân (lãnh đạo, ban lãnh đạo của pháp nhân) ban đầu không chỉ đạo, điều hành việc cá nhân có quyền “nhân danh pháp nhân” thực hiện tội phạm, tuy nhiên cá đó vẫn thực hiện tội phạm vì lợi ích của pháp nhân, pháp nhân (lãnh đạo, ban lãnh đạo của pháp nhân) biết nhưng không ngăn cản mà lại chấp thuận việc phạm tội đó.

Trong các trường hợp phân tích đều cho thấy đã có hành vi phạm tội của cá nhân “nhân danh pháp nhân” và “vì lợi ích của pháp nhân”, hành vi phạm tội

lại

được sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân. Và do đó, hành vi, lỗi của cá nhân trong trường hợp này được đồng nhất với hành vi, lỗi của pháp nhân. Vì thế, pháp nhân phạm tội và phải chịu TNHS với tội phạm đã thực hiện.

Với trường hợp thứ ba: Tội phạm xảy ra trong khi người trực tiếp phạm tội (là người của pháp nhân) thực hiện công việc của pháp nhân, và việc tội phạm xảy ra có nguyên nhân từ phía pháp nhân. Pháp nhân đã không thực hiện đầy đủ trách nhiệm phòng ngừa hậu quả nguy hiểm có thể xảy ra từ công việc của các thành viên với ý nghĩa là công việc được giao và là bộ phận hợp thành hoạt động chung của pháp nhân. Do vậy, việc truy cứu TNHS pháp nhân trong trường hợp này là có cơ sở và cần thiết để răn đe pháp nhân, buộc pháp nhân phải có biện pháp phòng ngừa sự tái diễn tội phạm tương tự trong tương lai. Việc quy định TNHS của pháp nhân trong trường hợp này là theo thuyết văn hóa pháp nhân - Hành vi phạm tội gây thiệt hại của cá nhân được quy cho pháp nhân cùng phải chịu khi pháp nhân có lỗi đối với việc tội phạm xảy ra [34, tr.27].

Trong ba trường hợp có thể quy định TNHS của pháp nhân gắn với các điều kiện cụ thể được nêu trên đây, trường hợp thứ nhất là trường hợp rõ và dễ được chấp nhận nhất, tiếp đó là trường hợp thứ hai. Trường hợp thứ ba là trường hợp mở rộng TNHS và cũng khó được chấp nhận nhất. Theo đó, trong thực tiễn lập pháp, nhiều quốc gia xác nhận TNHS của pháp nhân thuộc trường hợp thứ nhất và thứ hai.

Từ những phân tích trên và gắn với điều kiện, tư duy lập pháp ở Việt Nam, NCS cho rằng khi đưa quy định về TNHS của pháp nhân vào trong BLHS thì trước mắt đưa hai trường hợp thứ nhất và thứ hai là hợp lý. Và như vậy, gắn với hai trường hợp này thì điều kiện để chịu xác định pháp nhân phạm tội và pháp nhân chịu TNHS phải được quy định bảo đảm các điều kiện sau:

(1) Hành vi phạm tội của pháp nhân được thực hiện thông qua hành vi của cá nhân; (2) Hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh pháp nhân; (3) Hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân; (4) Hành vi phạm tội được thực hiện với sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân.

Thứ ba, về phạm vi pháp nhân và phạm vi các tội mà pháp nhân phải chịu TNHS.

Khi quy định pháp nhân là chủ thể của tội phạm, chủ thể của TNHS, các nước cũng có quy định khác nhau về điều kiện chủ thể. Việc quy định phạm vi loại hình pháp nhân là chủ thể của tội phạm thường dựa vào tính chất, mục đích hoạt động của pháp nhân, thực trạng tình hình vi phạm pháp luật, hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật gây ra cho lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích của tổ chức, cá nhân, tính khả thi của việc áp dụng các chế tài của TNHS cũng như các điều kiện khác về phát triển kinh tế - xã hội.

Nghiên cứu pháp luật của một số nước thấy rằng, có nước quy định phạm vi chủ thể TNHS rất rộng như: Luật hình sự Pháp quy định tất cả các pháp nhân, trừ Nhà nước và một số trường hợp ngoại lệ, đều phải chịu TNHS; luật hình sự Trung quốc quy định chủ thể phải chịu TNHS là cơ quan, tổ chức, đơn vị...; có nước lại quy định phạm vi chủ thể TNHS rất hẹp như: Luật hình sự Singapore coi pháp nhân kinh tế là chủ thể duy nhất phải chịu TNHS...

Việc xác định phạm vi các tổ chức có thể là chủ thể của TNHS là quyền lựa chọn của mỗi quốc gia. Khi đã thừa nhận TNHS của pháp nhân, các quốc gia cần xác định cụ thể các loại hình tổ chức có thể phải chịu TNHS và đặt tên chung cho các chủ thể đã được xác định đó. Đối với Việt Nam, theo NCS, để truy cứu TNHS đối với pháp nhân, buộc pháp nhân phải gánh chịu các biện pháp cưỡng chế nhà nước, bảo đảm tính giáo dục, phòng ngừa thì buộc pháp nhân đó phải thỏa mãn những điều kiện nhất định. Hơn nữa, khác với TNHS của thể nhân, hình thức TNHS đối với pháp nhân chủ yếu là các biện pháp cưỡng chế mang tính lợi ích (chủ yếu là lợi ích kinh tế) và hoạt động của pháp nhân. Vì vậy, để có thể đáp ứng mục đích của việc áp dụng TNHS thì tư cách pháp nhân chính là điều kiện quan trọng nhất để xác định chủ thể TNHS. Tuy vậy, hiện nay có nhiều loại hình pháp nhân khác nhau, vấn đề đặt ra là có phải mọi pháp nhân phải chịu TNHS khi thực hiện tội phạm hay không? Về mặt lý luận thì hoàn toàn có thể truy cứu TNHS đối với mọi pháp nhân khi pháp nhân đó thực hiện hành vi nguy hiểm được xác định

là tội phạm trong BLHS. Tuy vậy, về mặt thực tiễn việc xác định loại hình pháp nhân nào phải chịu TNHS khi thực hiện tội phạm còn phải căn cứ vào quan điểm lập pháp và điều kiện kinh tế - xã hội của từng quốc gia. Như vậy, thể nhân bị truy cứu TNHS khi thể nhân đó thực hiện hành vi tội phạm được quy định trong BLHS và đủ năng lực TNHS, còn đối với pháp nhân bị truy cứu TNHS còn phụ thuộc vào việc BLHS quy định loại hình pháp nhân nào mới phải chịu TNHS.

Khi quy định TNHS của pháp nhân, cũng cần xác định phạm vi các tội phạm mà chủ thể này có thể phải chịu trách nhiệm. Về nguyên tắc, pháp nhân có thể phải chịu TNHS về tất cả các tội phạm khi pháp nhân phạm vào tội đó. Tuy nhiên, cần phải thấy rằng, khác với thể nhân, một số tội phạm được quy định trong BLHS như các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình, một số tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người như tội giết con mới đẻ, tội hiếp dâm, tội giao cấu với trẻ em, tội hành hạ cha mẹ, vợ chồng, con, cháu... do tính chất đặc thù, pháp nhân không thể thực hiện được hành vi phạm tội. Do đó, không thể quy định pháp nhân phải chịu TNHS đối với mọi tội phạm như đối với thể nhân. Mặt khác, tùy thuộc vào quan điểm lập pháp, điều kiện kinh tế - xã hội, mục đích của việc truy cứu TNHS mà từ đó mỗi quốc gia xác định cụ thể loại tội phạm mà pháp nhân phải chịu TNHS.

Thứ tư, về các chế tài đối với pháp nhân.

Xuất phát từ các yếu tố có tính chất đặc thù về mặt chủ thể và mục đích của hình phạt mà hình thức TNHS áp dụng đối với pháp nhân có điểm khác với cá nhân là con người cụ thể. Nghiên cứu pháp luật hình sự của các nước trên thế giới cho thấy, nhìn chung pháp luật hình sự của các quốc gia đều có quy định hệ thống hình phạt dành cho pháp nhân và độc lập với hệ thống hình phạt dành cho thể nhân. Tuy vậy, quy định hình phạt đối với pháp nhân trong pháp luật hình sự các nước có khác nhau, có nước quy định hình phạt tiền là hình phạt duy nhất áp dụng đối với pháp nhân phạm tội (các nước theo truyền thống common law và Trung quốc), trong khi các nước khác (như Cộng hòa Pháp, Vương quốc Bỉ, Hà Lan...) ngoài hình phạt tiền còn quy định các loại hình phạt như: Giải thể, cấm tiến hành

trực tiếp hoặc gián tiếp một hoặc nhiều hoạt động nghề nghiệp trong một thời gian nhất định; tịch thu vật đã được sử dụng vào việc thực hiện tội phạm hoặc phạm tội mà có; niêm yết bản án, quyết định đã được TA tuyên về hành vi phạm tội của pháp nhân trên phương tiện truyền thông đại chúng. Các hình phạt này được áp dụng với tư cách là hình phạt chính hoặc hình phạt bổ sung. Tùy theo luật hình sự mỗi nước, các hình phạt có thể phân ra thành ba nhóm tùy thuộc vào đối tượng bị áp dụng: 1) Các hình phạt nhằm vào sự tồn tại của pháp nhân phạm tội; 2) Các hình phạt về tài sản; 3) Các hình phạt hạn chế hoặc đình chỉ các hoạt động của pháp nhân.

Theo NCS, các chế tài TNHS đối với pháp nhân chỉ có thể hạn chế hoặc tước bỏ lợi ích (chủ yếu là lợi ích kinh tế) và hoạt động pháp nhân, điều này vừa có tính trừng trị, giáo dục, vừa có tính phòng ngừa pháp nhân tiếp tục phạm tội; đồng thời bảo đảm cho việc áp dụng chế tài không tạo ra hậu quả xã hội và kinh tế không đáng có đối với sự tồn tại và hoạt động kinh doanh của pháp nhân thương mại. Do đó, đối với pháp nhân chỉ có thể bị kết án và áp dụng các hình phạt như phạt tiền, tịch thu tài sản, thu hồi giấy phép hoạt động, cấm hoạt động, cấm huy động vốn, đóng cửa cơ sở hoạt động, giải thể tổ chức cá nhân... Điều này tạo khả năng cho TA trên cơ sở đánh giá toàn diện các tình tiết của tội phạm và chủ thể thực hiện, quyết định loại và mức hình phạt phù hợp đảm bảo thực hiện tốt nguyên tắc cá thể hoá TNHS khi giải quyết từng vụ án cụ thể.

Ngoài hình phạt, pháp nhân còn có thể áp dụng các biện pháp tư pháp đặc thù, trong đó có các biện pháp như buộc khôi phục tình trạng ban đầu, buộc thực hiện các biện pháp khắc phục, ngăn chặn hậu quả. Đây là các biện pháp tư pháp có ý nghĩa quan trọng trong phòng ngừa tội phạm của pháp nhân.

Thứ năm, về trách nhiệm của cá nhân trong việc truy cứu trách nhiệm hình sự pháp nhân.

Khi quy định TNHS của pháp nhân, một vấn đề đặt ra vừa mang tính lý luận, vừa mang tính thực tiễn là cá nhân đã có hành vi phạm tội mà vì nó pháp nhân được xác định là phạm tội và phải chịu TNHS thì cá nhân đó có bị truy cứu TNHS không?

Về mặt thực tiễn, nghiên cứu pháp luật của một số quốc gia trên thế giới quy

định về TNHS của pháp nhân thấy rằng, hầu hết tất cả các quốc gia đều áp dụng nguyên tắc “trách nhiệm kép” (double jeopardy rules) [126] khi truy cứu TNHS đối với pháp nhân. Theo đó, pháp luật hình sự các nước châu Âu như Anh, Pháp quy định TNHS kép, khi một tội phạm được thực hiện, ngoài tổ chức phải chịu TNHS thì cá nhân người lãnh đạo, điều hành, nhân viên cao cấp của tổ chức thực hiện hành vi mà tổ chức đó bị truy cứu cũng phải chịu TNHS. Quy tắc trách nhiệm kép cũng được sử dụng ở các nước châu Á như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản đều thể hiện việc ngoài việc lý giải TNHS của tổ chức, còn khẳng định rằng khi tổ chức thực hiện tội phạm thì không chỉ tổ chức đó phải chịu TNHS, mà cả thể nhân là người lãnh đạo, điều hành của tổ chức, người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội được quy kết cho tổ chức cũng phải chịu TNHS. Có thể viện minh họa về nguyên tắc trách nhiệm kép được quy định tại Điều 31 BLHS Trung Quốc năm 1997: *“Tổ chức phạm tội thì xử phạt tiền đối với tổ chức và xử lý hình sự đối với người trực tiếp quản lý và những người chịu trách nhiệm trực tiếp...”*.

Về mặt lý luận, khi đã dựa vào các học thuyết TNHS của pháp nhân, đặc biệt là sử dụng thuyết đồng nhất hóa trách nhiệm và học thuyết trách nhiệm thay thế để luận giải TNHS của pháp nhân thì việc quy định “nguyên tắc trách nhiệm kép” (double jeopardy rules) là hoàn toàn hợp lý. Do tội phạm của pháp nhân được xác định thông qua hành vi của cá nhân người lãnh đạo, chỉ huy, người được pháp nhân phân công, giao trách nhiệm, ủy quyền cho nên khi có tội phạm xảy ra, đồng thời với việc truy cứu TNHS pháp nhân thì những cá nhân nêu trên trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội cũng phải bị truy cứu TNHS. Việc áp dụng “nguyên tắc trách nhiệm kép” một mặt thể hiện bản chất TNHS của tổ chức là trách nhiệm đó thông qua trách nhiệm của thể nhân cụ thể; mặt khác, làm tăng hiệu quả của việc áp dụng TNHS trong thế giới hiện đại. Khi người lãnh đạo, chỉ huy nhân danh, thay mặt và vì lợi ích của một tổ chức thực hiện tội phạm thì việc truy cứu TNHS chỉ với tổ chức hoặc chỉ với người lãnh đạo, chỉ huy đó là chưa đủ để đạt được mục đích của hình phạt, nhất là mục đích phòng ngừa tội phạm [47, tr.86].

Từ sự phân tích trên, NCS xác định khi quy định TNHS của pháp nhân trong BLHS thì cần áp dụng nguyên tắc “nguyên tắc trách nhiệm kép” (double jeopardy rules) khi truy cứu TNHS. Theo đó, việc truy cứu TNHS của pháp nhân không loại trừ TNHS của những cá nhân đã “*chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận*” việc thực hiện tội phạm (tức là lãnh đạo hay Ban lãnh đạo của pháp nhân) và cá nhân là người thực hành trong việc thực hiện tội phạm.

Ngoài những nội dung nêu trên, cũng có các quan điểm cho rằng cần thiết xác định các nội dung khác như: Lỗi, các giai đoạn phạm tội của pháp nhân. Tuy vậy, theo NCS, với cơ sở lý luận đã phân tích thì việc xác định tội phạm của pháp nhân được dựa trên cơ sở “đồng nhất” hành vi, lỗi của cá nhân với hành vi, lỗi của pháp nhân. Vì lẽ đó, không cần thiết phải xác định và quy định riêng các vấn đề về lỗi hay giai đoạn phạm tội của pháp nhân.

2.3.2. Kỹ thuật quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân

Kỹ thuật quy định TNHS của pháp nhân phụ thuộc vào nội dung quy định về TNHS của pháp nhân cũng tương tự như bản chất của việc quy định TNHS của pháp nhân quyết định nội dung cần được quy định về vấn đề này. Nghiên cứu kỹ thuật quy định TNHS của pháp nhân một số nước trên thế giới thấy rằng, ở một số nước như Trung Quốc, Pháp, Hà Lan, Thụy sỹ quy định TNHS của pháp nhân được bổ sung vào cả phần chung và cả phần các tội phạm cụ thể. Theo đó, trong phần chung của BLHS bổ sung các quy định có tính nguyên tắc như: Phạm vi chủ thể, điều kiện chịu TNHS, phạm vi tội phạm chịu TNHS, hệ thống chế tài; trong phần tội phạm cụ thể bổ sung vào các điều luật khung hình phạt đối với pháp nhân. Ở một số nước như Áo, Nhật bản thì TNHS của pháp nhân không được quy định trong BLHS mà được quy định trong ở luật riêng (Luật Trách nhiệm của đơn vị - Áo), hoặc trong các luật chuyên ngành (Nhật Bản).

Ở Việt Nam, từ năm 1986 đến nay, ngành luật hình sự Việt Nam coi nguồn duy nhất của ngành luật này là BLHS. Chính vì vậy, cùng với việc xác định pháp

nhân là chủ thể của tội phạm, pháp nhân có thể phải chịu TNHS đối với tội phạm được thực hiện thì theo NCS, về kỹ thuật quy định TNHS của pháp nhân cần bổ sung các quy định ở cả phần chung và phần các tội phạm cụ thể. Theo đó, ở phần chung, cần quy định TNHS của pháp nhân thành một chương độc lập về những vấn đề có tính nguyên tắc, đặc thù áp dụng đối với pháp nhân như: Điều kiện chịu TNHS của pháp nhân; các biện pháp trách nhiệm hình sự Đồng thời cần bổ sung

thêm chế tài đối với pháp nhân trong các điều luật quy định tội phạm mà pháp nhân có thể phải chịu TNHS.

2.4. Trách nhiệm hình sự của pháp nhân ở một số nước trên thế giới và kinh nghiệm cho Việt Nam

2.4.1. Trách nhiệm hình sự của pháp nhân ở một số nước trên thế giới

2.4.1.1. Trách nhiệm hình sự của pháp nhân theo pháp luật Anh.

Kể từ sau Cách mạng Pháp năm 1789, Anh là nước đầu tiên xác lập chế định TNHS của pháp nhân trong pháp luật hình sự trên cơ sở các án lệ của TA. Theo đó, TA Anh đã áp dụng TNHS đối với pháp nhân, coi pháp nhân là một thực thể xã hội chứ không phải là một trừu tượng pháp lý, không phải là con của các cá nhân. Thực thể xã hội này có sự tồn tại của chính nó và với tư cách đó nó phải tự mình chịu trách nhiệm về những hành vi phạm tội đã thực hiện.

Nghiên cứu án lệ của Anh cho thấy thời kì đầu TNHS của pháp nhân chỉ áp dụng đối với các tội phạm do lỗi vô ý được thực hiện dưới dạng không hành động. Việc buộc pháp nhân chịu trách nhiệm về loại tội phạm này sẽ không gặp khó khăn, vì phạm một tội như thế không đòi hỏi bằng chứng về lỗi (*means rea*) và cũng không đòi hỏi tội phạm phải được thực hiện dưới hình thức hành động [117]. Sau đó, các TA ở Anh dần dần buộc pháp nhân phải chịu TNHS với các tội gây thiệt hại cho cộng đồng cả trong trường hợp hành động và không hành động vi phạm nghĩa vụ pháp lý gây hại cho cộng đồng.

Về phạm vi áp dụng TNHS, một số loại tội phạm mà pháp nhân có thể bị xét xử như: (1) Các tội gây nguy hại cho cộng đồng: Cản trở giao thông, hành vi buôn bán gây khó chịu cho người khác, bán thức ăn không thích hợp cho người

tiêu

dùng, vi phạm các quy định về môi trường...; (2) Các tội phỉ báng, bôi nhọ: Là các hành vi công bố bài viết, lời phát biểu có mục đích bôi nhọ, hạ thấp danh dự, nhân phẩm của cá nhân người khác trong nhận thức hoặc suy nghĩ của các thành viên trong cộng đồng... (3) Tội coi thường TA như: có các hành vi ngăn cản, có ý định ngăn cản việc thực hiện pháp luật của cơ quan TA; dùng từ ngữ đe dọa, gây phiền phức tại phiên tòa; dùng lời nói tục tĩu vượt quá giới hạn. Một số tội phạm do có những đặc trưng riêng nên pháp nhân không thể thực hiện được và pháp luật cũng không xác định TNHS của pháp nhân như một số các tội xâm phạm tình dục, tội vi phạm chế độ một vợ một chồng hay các tội đòi hỏi yếu tố bạo lực trong hành vi khách quan thì cũng không áp dụng đối với pháp nhân.

Về hình phạt, do sự phát triển mạnh của hình phạt tiền, nên pháp luật hình sự của Anh chỉ quy định tiền phạt là hình phạt duy nhất được áp dụng đối với pháp nhân phạm tội.

2.4.1.2. Trách nhiệm hình sự của pháp nhân theo pháp luật Canada.

Cuối thế kỷ 19, tính cần thiết phải có quy định về xử lý đối với pháp nhân phạm tội được đặt ra ở Canada. Tiếp thu kinh nghiệm của Anh trong vấn đề TNHS của pháp nhân, trong thời kì đầu, các TA của Canada chỉ xử lý đối với pháp nhân phạm các tội xâm phạm tài sản, sau đó tiếp tục xử lý các tội phạm gây hại cho đời sống cộng đồng như hành vi gây tiếng ồn, làm ô nhiễm công nghiệp, hủy hoại môi trường... và sau đó mở rộng phạm vi xử lý các pháp nhân phạm các tội phạm khác.

Đến Luật sửa đổi, bổ sung Bộ luật năm 2003 có hiệu lực ngày 31/3/2004, thì chế định TNHS của pháp nhân trong Luật hình sự Canada đã được hoàn thiện một cách cơ bản. Theo đó, TNHS đối với pháp nhân phạm tội trong BLHS Canada có một số điểm nổi bật sau:

Về chủ thể chịu TNHS là pháp nhân được quy định tại Điều 2 có phạm vi rất rộng, có thể là các tổ chức xã hội – nghề nghiệp, các tổ chức, đảng phái chính trị, các nhóm, các pháp nhân theo luật công hoặc luật tư, các công ty, xí nghiệp, các nghiệp đoàn... hay nói cách khác, chủ thể ở đây có thể là các tổ chức hoặc cá thể

có tư cách pháp nhân, hoặc có thể là các nhóm lợi ích, các hội, hiệp hội không có tư cách pháp nhân.

Về yếu tố lỗi, Điều 22 quy định pháp nhân phải chịu TNHS về một tội phạm do vô ý. Việc thực hiện hành vi do vô ý là do một hoặc một nhóm người trong pháp nhân thực hiện, nhưng những người này phải hành động trong khuôn khổ các chức năng của pháp nhân trong thời điểm phạm tội. Điều 22-2 quy định ba trường hợp mà pháp nhân có thể bị xử lý hình sự mà nhận thức rõ được sự việc hoặc cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Đó là các trường hợp (1) một cán bộ cấp trên phạm tội để mang lại lợi ích trực tiếp cho pháp nhân, (2) cán bộ cấp trên có ý định để cấp dưới vô tội thực hiện hành vi vật chất nhằm thu lợi cho pháp nhân, (3) cán bộ cấp trên biết là những nhân viên dưới quyền thực hiện một tội phạm những người cán bộ này không hề làm gì để ngăn cản, bởi vì muốn pháp nhân được hưởng lợi từ việc phạm tội của các nhân viên này.

Về loại tội phạm mà pháp nhân phải chịu TNHS, theo Luật hình sự phần chung (Droit pénal général) và các lĩnh vực của Luật hình sự Phần các tội phạm (Droit pénal spécial) như: Luật hình sự về thuế, môi trường, lao động, thương mại... thì nguyên tắc TNHS của pháp nhân được áp dụng đối với mọi tội phạm.

Về hình phạt, Luật hình sự Canada chỉ đưa ra một loại hình phạt duy nhất cho pháp nhân phạm tội là phạt tiền. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với pháp nhân phạm tội, các Thẩm phán cần phải dựa vào các yếu tố nhất định được quy định để xác định mức phạt tiền áp dụng.

2.4.1.3. Trách nhiệm hình sự của pháp nhân theo pháp luật Cộng hòa Pháp.

Trong pháp luật hình sự trước năm 1789 ở Pháp cũng đã có thừa nhận nguyên tắc TNHS của pháp nhân. Nhưng kể từ sau Cách mạng năm 1789, pháp luật hình sự và thực tiễn xét xử hình sự ở Pháp đã loại bỏ pháp nhân ra khỏi phạm vi chủ thể chịu TNHS và chỉ xét xử đối với cá nhân phạm tội. Nhưng các lĩnh vực khác như dân sự, kinh tế, hành chính lại vẫn coi pháp nhân là chủ thể và xác định trách nhiệm của pháp nhân vi phạm pháp luật.

BLHS của Cộng hòa Pháp được Quốc hội thông qua năm 1992 và có hiệu

lực năm 1994 xác định TNHS của pháp nhân là một trong những quy định mới, quan trọng của BLHS. BLHS này không quy định TNHS của pháp nhân thành một chương riêng mà chỉ quy định những điều khoản cụ thể trong các chương tương ứng quy định về TNHS của cá nhân.

Về chủ thể, pháp luật hình sự Pháp có quy định khác nhau trong lĩnh vực tư và lĩnh vực công. Trong lĩnh vực tư, các pháp nhân có mục đích sinh lợi trong quá trình hoạt động có đủ tư cách chịu TNHS, gồm các pháp nhân dân sự và PNTM. Đối với các pháp nhân không có mục đích sinh lợi, cũng có thể phải chịu TNHS nếu họ là các hiệp hội đã đăng ký hợp lệ, các công đoàn, giáo đoàn, các đảng phái... Trong lĩnh vực công, Nhà nước không phải chịu TNHS; còn các tập thể lãnh thổ và các tổ chức của nó như các công xã, các tỉnh và vùng lãnh thổ phải chịu TNHS đối với tội phạm được thực hiện trong khi tiến hành những hoạt động có thể là đối tượng của sự thỏa thuận ủy quyền công vụ [34, tr.71,72]. Ngoài ra, tất cả các pháp nhân theo luật công khác đều phải chịu TNHS đối với hành vi của pháp nhân gây ra.

Các tội phạm cụ thể mà pháp nhân có thể bị xét xử theo pháp luật hình sự của Pháp được quy định cụ thể trong các văn bản luật, do đó muốn xác định pháp nhân phạm tội hay không, phạm tội gì thì phải căn cứ vào các văn bản luật và văn bản thuộc lĩnh vực chuyên biệt như lao động, kinh doanh, đặc biệt là trong lĩnh vực môi trường.

Về hình phạt mà pháp nhân phải chịu gồm:

Các hình phạt đối với pháp nhân phạm trọng tội và khinh tội: BLHS của Pháp quy định tất cả các hình phạt dành cho pháp nhân là hình phạt chính, không có hình phạt bổ sung hoặc hình phạt thay thế. Hình phạt tiền là hình phạt phổ biến đối với pháp nhân phạm tội. Bên cạnh đó, các hình phạt khác có thể áp dụng đối với pháp nhân gồm: Giải thể, Cấm tiến hành trực tiếp hoặc gián tiếp một hoặc nhiều hoạt động nghề nghiệp hoặc hoạt động xã hội trong thời hạn tối đa đến 5 năm hoặc vĩnh viễn, Chịu sự giám sát tư pháp trong thời hạn tối đa là 5 năm, Đóng cửa một trong nhiều cơ sở của pháp nhân mà pháp nhân đã sử dụng để tiến hành

các hoạt động phạm tội trong thời hạn tối đa là 5 năm hoặc vĩnh viễn, Cấm việc huy động vốn trong thời hạn tối đa là 5 năm hoặc vĩnh viễn, Cấm phát hành séc hoặc sử dụng thẻ thanh toán trong thời hạn tối đa là 5 năm, Tịch thu vật đã được sử dụng vào việc thực hiện tội phạm hoặc do phạm tội mà có.

Các hình phạt áp dụng đối với pháp nhân phạm tội vi cảnh: BLHS Pháp quy định hình phạt gồm phạt tiền và một số hình phạt tước hoặc hạn chế các quyền của pháp nhân. Đối với nhóm tội này, có thể có hình phạt bổ sung là tịch thu vật đã được sử dụng hoặc dành cho việc thực hiện hành vi phạm tội hoặc vật do phạm tội mà có; cấm phát hành séc.

Ngoài ra BLHS Pháp còn có quy định một số biện pháp tha, miễn hình phạt áp dụng đối với pháp nhân phạm tội như: Án treo thường (pháp luật của Pháp quy định có ba loại án treo là án treo thông thường, án treo có kèm theo thử thách và án treo kèm theo lao động công ích); miễn hình phạt; hoãn tuyên hình phạt.

2.4.1.4. Trách nhiệm hình sự của pháp nhân theo pháp luật Trung Quốc.

Pháp luật hình sự Trung Quốc không sử dụng thuật ngữ “pháp nhân” là chủ thể của tội phạm. Trong quy định tại Tiết 4 chương III phần chung BLHS Trung quốc năm 1997: “*Tội phạm có chủ thể là các cơ quan, đơn vị và tổ chức*”. Điều 30 BLHS Trung Quốc thì cơ quan, đơn vị và tổ chức là chủ thể chịu TNHS có phạm vi rất rộng, gồm: Các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, các công ty, xí nghiệp, đơn vị sự nghiệp, cơ quan, đoàn thể, các hội, hiệp hội...

Các tội phạm mà pháp nhân có thể bị xét xử theo pháp luật Trung Quốc chủ yếu là các tội phạm kinh tế. Tại Chương 3 BLHS Trung Quốc có các tội phạm như: Các tội sản xuất, tiêu thụ hàng giả, hàng hóa kém chất lượng (từ Điều 140 đến Điều 148); Các tội buôn lậu (từ Điều 151 đến Điều 157); Các tội phá hoại trật tự quản lý công ty, xí nghiệp (từ Điều 158 đến Điều 169); Các tội xâm phạm quản lý trật tự tài chính, tội lập quỹ trái phép, tội làm giả giấy phép khai thác, tội cho vay lãi nặng, tội gian dối trong huy động tiền tiết kiệm...; Các tội liên quan đến thuế (Điều 201, 203 đến 209, 211); Các tội xâm phạm trật tự quản lý thị trường (từ Điều 221 đến Điều 231). Ngoài ra, pháp nhân có thể phải chịu TNHS

với một

số loại tội khác.

Về hình phạt, pháp luật hình sự Trung Quốc cũng giống như pháp luật hình sự của nhiều nước khác, hình phạt tiền là hình phạt duy nhất được áp dụng với pháp nhân phạm tội.

2.4.2. Kinh nghiệm cho Việt Nam

Nghiên cứu pháp luật hình sự một số nước về TNHS của pháp nhân có thể rút ra một số kinh nghiệm cho Việt Nam như sau:

- Hiện nay luật hình sự của nhiều nước quy định TNHS của pháp nhân đều có phạm vi điều chỉnh rộng hơn, không chỉ giới hạn đối với PNTM. Quá trình nghiên cứu pháp luật hình sự của một số nước cho thấy thường là có các quy định trừ pháp nhân công quyền (Nhà nước và một số tổ chức pháp nhân có tính đặc thù) thì tất cả các pháp nhân khác đều phải chịu TNHS do hành vi của mình gây ra. Pháp luật của nhiều nước cũng không có sự khác biệt nhiều trong TNHS đối với PNTM và pháp nhân phi thương mại, một số nước chỉ có sự khác biệt theo hệ thống luật công và hệ thống luật tư. Và TNHS của pháp nhân không loại trừ trách nhiệm của cá nhân với tư cách là người thực hành trực tiếp.

- Luật hình sự của các nước đều quy định theo hướng pháp nhân không phải chịu trách nhiệm về mọi tội phạm mà chỉ phải chịu TNHS về một số tội phạm có thể được thực hiện bởi pháp nhân. Việc các quốc gia quy định như vậy là do quan niệm rằng một số tội phạm không thể thực hiện được bởi pháp nhân, ví dụ các tội phạm có yếu tố vũ lực trong hành vi, xâm hại đến tính mạng sức khỏe, một số tội xâm hại tình dục mà cần phải có con người cụ thể mới thực hiện được. Tuy nhiên, phạm vi các tội phạm áp dụng đối với pháp nhân cũng khá rộng, liên quan đến nhiều nhóm tội khác nhau mà pháp nhân có thể thực hiện được.

- Hình phạt đối pháp nhân chủ yếu là phạt tiền. Ngoài ra còn một số hình phạt bổ sung.

Đối với Việt Nam, sự ra đời của BLHS 2015 đánh dấu bước phát triển mang tính đột phá trong chính sách và tư duy lập pháp hình sự của Nhà nước ta. Lần đầu tiên trong lịch sử lập pháp hình sự, BLHS quy định TNHS đối với

PNTM. Điều

này đã làm thay đổi tư duy có tính truyền thống về tội phạm và hình phạt, đáp ứng yêu cầu đấu tranh chống các hành vi phạm tội do PNTM thực hiện ở Việt nam trong những năm gần đây, tạo cơ sở pháp lý trong hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng chống tội phạm, nhất là các loại tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia. Tuy vậy, là lần đầu tiên quy định TNHS của pháp nhân nên các nhà lập pháp thể hiện sự thận trọng, BLHS Việt Nam hiện nay mới chỉ giới hạn phạm vi chủ thể của tội phạm là PNTM, còn các pháp nhân khác không phải PNTM thì không phải là chủ thể của TNHS. Bên cạnh đó, phạm vi các tội phạm áp dụng đối với PNTM còn khá hẹp, chỉ thuộc các nhóm tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế (22 tội), tội phạm về môi trường (09 tội) và tội phạm xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng (02 tội).

Từ những nghiên cứu và đúc rút kinh nghiệm lập pháp của các nước trên thế giới có quy định về TNHS của pháp nhân, NCS cho rằng cần tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện pháp luật hình sự của Việt Nam cho phù hợp với xu hướng phát triển thế giới, phù hợp với thực tiễn ở Việt Nam về xử lý hành vi vi phạm pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng của pháp nhân.

Kết luận Chương 2

Để giải quyết những vấn đề lý luận về TNHS của pháp nhân, trong Chương 2 của luận án đã nghiên cứu, phân tích và làm rõ những vấn đề:

1. Trước hết luận án phân tích, xây dựng khái niệm TNHS của pháp nhân. Về cơ bản khái niệm TNHS của pháp nhân được xây dựng dựa trên quan điểm, khái niệm TNHS đã được thừa nhận trong khoa học luật hình sự. Bên cạnh đó, luận án đã phân tích khái quát các học thuyết về TNHS của pháp nhân để luận giải cho việc xác định TNHS của pháp nhân. Từ đó, làm cơ sở cho việc xây dựng khái niệm TNHS của pháp nhân.

2. Luận án đã đi sâu phân tích cơ sở của việc quy định TNHS của pháp nhân trong BLHS Việt Nam, gồm: Cơ sở chính trị, cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn. Điều này để luận giải và tiếp tục khẳng định tính có cơ sở việc quy định TNHS của pháp nhân trong luật hình sự, điều này hoàn toàn phù hợp với tình hình kinh tế, xã hội Việt Nam hiện nay. Đặc biệt với việc nêu ra và phân tích những luận điểm trong cơ sở lý luận để luận giải TNHS của pháp nhân, NCS xác định pháp nhân là chủ thể của tội phạm, pháp nhân thực hiện được tội phạm và có thể phải chịu TNHS đối với tội phạm mà pháp nhân thực hiện.

3. Luận án đã đi sâu phân tích nội dung và kỹ thuật quy định TNHS của pháp nhân. Trong đó với quan điểm xuyên suốt xác định pháp nhân là chủ thể của tội phạm, pháp nhân thực hiện được tội phạm và có thể phải chịu TNHS thì luận án đã xây dựng nội dung quy định TNHS của pháp nhân gồm: 1) Cơ sở TNHS của pháp nhân; (2) Điều kiện phải chịu TNHS của pháp nhân; (3) Phạm vi pháp nhân và phạm vi các tội pháp nhân phải chịu TNHS; (4) Các chế tài đối với pháp nhân; (5) Về trách nhiệm của cá nhân trong việc pháp nhân phạm tội.

Ngoài ra trong Chương 2 cũng nghiên cứu, phân tích những vấn đề về TNHS của pháp nhân được quy định trong pháp luật hình sự của một số quốc gia trên thế giới từ đó rút ra những kinh nghiệm cho Việt Nam.

Chương 3

QUY ĐỊNH CỦA LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ CỦA PHÁP NHÂN THƯƠNG MẠI

3.1. Khái quát lịch sử vấn đề trách nhiệm hình sự liên quan đến pháp nhân ở Việt Nam trước khi Bộ luật hình sự 2015 được ban hành

Nghiên cứu lịch sử pháp luật hình sự Việt Nam cho thấy, trước cách mạng tháng Tám năm 1945 vấn đề trách nhiệm của tổ chức đã được ghi nhận trong một số văn bản quy phạm pháp luật hình sự. Chẳng hạn, Quốc triều hình luật (Luật hình triều Lê), tại Điều 62 Chương Tập luật đã quy định: *“Những trang trại ven biển mà đón tiếp thuyền buôn, ngầm đỡ hộ hàng hóa lên bờ, thì bị xử biếm 3 tư, phải phạt gấp 3 tang vật để dung công; lấy một phần thưởng cho người tố giác. Người chủ trang trại ấy mất chức giám trang”* [94, tr.210]. Qua đây thấy rằng, Luật hình triều Lê đã có sự phân biệt TNHS của “trang trại” với tư cách là một tổ chức và cá nhân “chủ trang trại”.

Trong pháp luật trước cách mạng tháng Tám năm 1945, vấn đề TNHS của pháp nhân được quy định tại Điều 12 Dự số 45.1088 ngày 03/5/1945 về trừng trị các hành vi phạm luật lệ hối đoái: *“Đối với trường hợp vi phạm luật lệ hối đoái thì không những giám đốc, quản trị viên, quản lý của pháp nhân bị truy tố mà chính bản thân pháp nhân cũng có thể bị truy tố và bị phạt bạc”* [55, tr.112].

Sau cách mạng tháng Tám thành công, nước ta trở thành quốc gia độc lập, có chủ quyền. Bên cạnh thực hiện ba nhiệm vụ lớn là duyệt giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm, chính quyền cách mạng non trẻ còn phải thực hiện nhiều nhiệm vụ để bảo vệ thành quả cách mạng mới giành được. Trước tình hình đó, Hồ Chủ tịch đã ký sắc lệnh số 47/SL ngày 10-10-1945 quy định tạm thời giữ các luật lệ cũ ở Bắc – Trung – Nam bộ trên tinh thần chỉ được thi hành khi nào không trái với nguyên tắc độc lập của Nhà nước Việt Nam và chính thể dân chủ cộng hòa. Cùng với đó, Nhà nước còn ban hành nhiều văn bản pháp luật mới phục vụ cho việc trấn áp bọn phản động chống lại chính quyền nhân dân, chống bọn đế quốc đang âm mưu tiêu diệt Nhà nước, giữ vững chính quyền nhân dân non trẻ, chuẩn

bị cho cuộc trường kỳ kháng chiến của nhân dân ta. Do vậy, vấn đề pháp nhân phạm tội chưa được đặt ra trong giai đoạn lập pháp hình sự này.

Sau năm 1954, nghiên cứu các văn bản pháp luật hình sự trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc NCS thấy rằng, vấn đề pháp nhân phạm tội và TNHS của pháp nhân dù được ghi nhận tại Điều 13 Sắc lệnh số 282/SL ngày 14/12/1956 do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký kèm theo Luật về chế độ báo chí được Quốc hội thông qua bởi Luật số 100/SL/LO02 ngày 20/5/1957, theo đó: *“Báo chí nào vi phạm Điều 8, sẽ bị trừng phạt: Tịch thu ấn phẩm, đình bản vĩnh viễn và bị truy tố trước TA, sẽ bị phạt tiền từ mười vạn đồng (100.000 đồng) đến năm mươi vạn đồng (500.000 đồng), hoặc người có trách nhiệm bị phạt tù từ một tháng đến một năm, hoặc cả hai hình phạt đó.*

Báo chí nào vi phạm Điều 9 hoặc Điều 12 sẽ bị trừng phạt: Tùy theo lỗi nặng, nhẹ mà bị cảnh cáo, tịch thu ấn phẩm, đình bản tạm thời, đình bản vĩnh viễn, hoặc bị truy tố trước TA, có thể bị phạt tiền từ mười vạn đồng (100.000 đồng) đến một triệu đồng (1.000.000 đồng), hoặc người chịu trách nhiệm bị phạt tù từ một tháng đến hai năm, hoặc cả hai hình phạt đó. Nếu xét đương sự phạm vào những luật lệ khác, TA sẽ chiếu theo những luật lệ ấy mà trừng phạt thêm”. Điều 14 quy định tiếp: *“Trong mọi trường hợp vi phạm, chủ nhiệm và chủ bút của tờ báo chịu trách nhiệm chính; quản lý và người viết bài cũng phải liên đới chịu trách nhiệm về phần của mình. Nếu in những báo chí đã có lệnh tịch thu, đình bản và những báo chí chưa có giấy phép thì chủ nhà in cũng phải liên đới chịu trách nhiệm”* [12, tr.421].

Tuy nhiên, các văn bản pháp luật hình sự cũng như các hướng dẫn của TA tối cao đều chỉ nghiêng về TNHS của cá nhân, không đề cập TNHS của pháp nhân, tổ chức, đơn vị. Vì thế, trong thực tế, vấn đề pháp nhân phạm tội và TNHS của pháp nhân cũng chưa đặt ra.

Sau đại thắng mùa xuân năm 1975 đất nước được hoàn toàn thống nhất, Nhà nước ban hành một số văn bản pháp luật tạo cơ sở pháp lý quan trọng trong đấu tranh phòng chống tội phạm. Tuy nhiên, các văn bản pháp luật hình sự chưa quy định đầy đủ các hành vi có tính chất tội phạm nảy sinh trong đời sống xã hội, về

hình thức đều là văn bản dưới luật, hiệu lực pháp lý không cao, không đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới. Vì vậy để đáp ứng yêu cầu trên, ngày 27 tháng 6 năm 1985, tại kỳ họp thứ 9 khóa VII Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam đã thông qua BLHS năm 1985 (có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 1986). Tuy nhiên, BLHS năm 1985 được ban hành dựa trên cơ sở pháp lý nền tảng Hiến pháp 1980, khi Nhà nước xây dựng nền kinh tế quốc dân chủ yếu có hai thành phần, kinh tế quốc doanh thuộc sở hữu toàn dân và kinh tế hợp tác xã thuộc sở hữu tập thể với cơ chế quản lý kinh tế chính sách tập trung bao cấp ... cho nên trong Bộ luật này vẫn chưa quy định TNHS của pháp nhân.

Trong 15 năm áp dụng, BLHS năm 1985 đã được sửa đổi, bổ sung 4 lần; một trong những định hướng sửa đổi, bổ sung BLHS năm 1985 là vấn đề TNHS của pháp nhân. Tại kỳ họp lần thứ 3 của Quốc hội khóa X, Chính phủ đã trình xin ý kiến Quốc hội về việc quy định TNHS đối với các tổ chức kinh tế có hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng, cần phải xử lý bằng chế tài hình sự. Tại Bản dự thảo BLHS sửa đổi BLHS năm 1985 lần thứ 10 (03/1998) đã đưa vào khoản 2 Điều 2 quy định: *“Cơ quan, tổ chức, đơn vị (sau đây gọi chung là tổ chức) phải chịu TNHS về hành vi phạm tội do người đại diện của mình thực hiện vì lợi ích của tổ chức đó”*. Đến Dự thảo BLHS sửa đổi lần thứ 11, Quốc hội cho rằng, vấn đề TNHS của pháp nhân là vấn đề còn mới, còn có nhiều ý kiến khác nhau, cần được tiếp tục nghiên cứu kỹ hơn. Việc bổ sung chỉ đặt ra khi có đủ điều kiện. Chính vì vậy, khi BLHS năm 1999 được ban hành, vấn đề TNHS của pháp nhân vẫn chưa được quy định. Đến năm 2008, Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 1999, vấn đề TNHS của pháp nhân tiếp tục được đưa vào dự thảo. Tuy vậy, Ủy ban thường vụ Quốc hội cho rằng *“Đây là một vấn đề lớn, cần nghiên cứu kỹ, làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của TNHS, khái niệm tội phạm, hệ thống hình phạt, các nguyên tắc áp dụng, quyền và nghĩa vụ của pháp nhân trong TTHS... Do đó, đề nghị Quốc hội cho tiếp tục nghiên cứu phục vụ cho việc sửa đổi cơ bản, toàn diện BLHS trong thời gian tới”* [85]. Do vậy, BLHS năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 vẫn chưa quy định về TNHS của pháp nhân.

Sau 15 năm thi hành, BLHS năm 1999 đã có những đóng góp quan trọng, thể

hiện khá toàn diện chính sách hình sự của Đảng, Nhà nước ta trong công tác đấu tranh, phòng, chống tội phạm, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ chế độ, nền dân chủ XHCN, lợi ích Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Tuy nhiên, Việt Nam đã và đang phải đối mặt với nhiều biểu hiện tiêu cực phát sinh trong nền kinh tế thị trường như các hành vi vi phạm quy định về độc quyền, cạnh tranh không lành mạnh, buôn lậu, trốn thuế, trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho một số lượng lớn người lao động, xâm phạm sở hữu trí tuệ, gian lận thương mại, làm ô nhiễm môi trường... gây ra hoặc đe dọa gây ra những hậu quả rất nghiêm trọng, thậm chí đặc biệt nghiêm trọng cho xã hội. Trong đó, rất nhiều hành vi vi phạm do những doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế gây ra. Trong khi đó chế tài xử phạt hành chính trong Luật Xử lý vi phạm hành chính vừa thiếu tính răn đe lại vừa không đầy đủ. Điều này dẫn đến trên thực tế có tình trạng pháp nhân coi thường pháp luật, ngang nhiên vi phạm. Chính vì vậy, tại kỳ họp thứ 10, ngày 27/11/2015 Quốc hội khóa XIII đã thông qua BLHS 2015 và ngày 20/6/2017 tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS 2015, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2018, bổ sung chế định TNHS đối với PNTM với 33 tội danh PNTM phải chịu TNHS. Điều này cũng phù hợp với xu thế chung trên thế giới, trong đó có Hiệp hội các nước Đông Nam Á đã quy định TNHS đối với pháp nhân.

3.2. Quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại

3.2.1. Quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại trong Phần chung

3.2.1.1. Quy định về cơ sở của trách nhiệm hình sự

Cơ sở TNHS của PNTM là quy định mang tính định hướng, làm tiền đề cho các quy định cụ thể về TNHS của pháp nhân. Về cơ sở TNHS của PNTM, khoản 2 Điều 2 BLHS 2015 quy định: “*Chỉ PNTM nào phạm một tội đã được quy định tại Điều 76 của Bộ luật này mới phải chịu TNHS*”.

Như vậy, pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành chỉ đặt ra vấn đề TNHS đối

với PNTM, mà không đặt ra đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, chính trị xã hội, các đơn vị lực lượng vũ trang và các tổ chức không có tư cách pháp nhân, hoặc các tổ chức có tư cách pháp nhân nhưng không phải là PNTM. Việc quy định TNHS chỉ đặt ra đối với PNTM xuất phát từ việc Nhà nước đánh giá các hành vi vi phạm hiện nay chủ yếu tập trung từ các hoạt động kinh doanh, môi trường, thuế... tồn tại chủ yếu ở doanh nghiệp. Hơn nữa, đây là lần đầu tiên pháp luật quy định loại chủ thể này nên các nhà làm luật cũng thận trọng, tạo bước đệm để xu thế sẽ mở rộng trong tương lai.

TNHS đối với PNTM cũng chỉ được đặt ra khi PNTM “*phạm một tội được quy định tại Điều 76 BLHS*”. Khi phân tích nội dung này, có quan điểm cho rằng, bên cạnh tội phạm do cá nhân thực hiện thì có tội phạm do PNTM thực hiện. Cũng theo quan điểm này, PNTM là chủ thể của tội phạm và điều này phù hợp với quy định về khái niệm tội phạm tại khoản 1 Điều 8 BLHS 2015 “*Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội.... do người có năng lực TNHS và PNTM thực hiện...*”. Nhưng cũng có quan điểm cho rằng, nếu coi PNTM là chủ thể của tội phạm sẽ mâu thuẫn với Điều 75 BLHS 2015 quy định về điều kiện chịu TNHS của PNTM. Theo quan điểm này, PNTM chịu TNHS đối với tội phạm mà cá nhân đã thực hiện trong mối liên hệ ràng buộc nhất định giữa PNTM với cá nhân người phạm tội, tức chỉ coi PNTM là chủ thể của TNHS chứ không phải là chủ thể của tội phạm. Do đó, cơ sở chịu TNHS của PNTM phải được hiểu là: *PNTM chỉ phải chịu TNHS về tội phạm được xác định tại Điều 76 của BLHS khi thỏa mãn các điều kiện được quy định tại Điều 75 của Bộ luật này; hoặc PNTM chỉ phải chịu TNHS khi các điều kiện phải chịu TNHS được quy định trong Bộ luật này thỏa mãn* [29, tr.100]. Theo NCS, hai luồng quan điểm với hai cách hiểu như trên về cơ sở chịu TNHS của PNTM là chưa thật sự chính xác. Trong Chương 2, khi đề cập tới cơ sở của việc quy định TNHS của pháp nhân, NCS đã phân tích làm rõ cơ sở lý luận của việc quy định TNHS của pháp nhân. Theo đó, khi xây dựng chế định TNHS của PNTM, các nhà làm luật đã chấp nhận và dựa trên các học thuyết về TNHS đối với tổ chức, pháp nhân và khẳng định rằng quy định về TNHS đối với tổ chức,

pháp nhân không trái quan điểm truyền thống của khoa học luật hình sự, bởi vì: *Một là*, pháp nhân chịu TNHS thông qua hành vi của thể nhân ở dạng đại diện, được ủy quyền (thuyết trách nhiệm thay thế, thuyết văn hóa pháp nhân...) hoặc ở dạng đồng nhất, coi hành vi thực hiện do có sự lãnh đạo, chỉ huy, điều hành của cá nhân có thẩm quyền hoặc sự cho phép của pháp nhân chính là hành vi của pháp nhân; *Hai là*, không phải mọi trường hợp người phải chịu TNHS phải trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Ví dụ, trong trường hợp đồng phạm thì chỉ người thực hành mới là người trực tiếp thực hiện hành vi được quy định trong mặt khách quan của cấu thành tội phạm còn những người khác như tổ chức, xúi giục, giúp sức vẫn phải chịu TNHS. Đối với TNHS của pháp nhân cũng có thể được hiểu như là một dạng đồng phạm đặc biệt đó; *Ba là*, pháp nhân chỉ phải chịu TNHS trong trường hợp cá nhân thành viên pháp nhân thực hiện hành vi trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, ủy quyền được giao [7, tr.25]. Và do đó phải nhận thức rằng, tội phạm do PNTM thực hiện thực chất là tội phạm do cá nhân thực hiện trong mối liên hệ ràng buộc nhất định về mặt pháp lý giữa PNTM với cá nhân người phạm tội và được “đồng nhất” với tội phạm do cá nhân thực hiện. Từ đây cần phải khẳng định rằng, cơ sở TNHS của PNTM phải là việc PNTM phạm một tội (nào đó) được quy định trong BLHS (PNTM thực hiện một tội phạm được quy định trong BLHS). Mặt khác, cũng không phải có tội phạm độc lập do PNTM thực hiện bên cạnh tội phạm do cá nhân thực hiện.

Từ những phân tích trên, theo NCS, quy định cơ sở TNHS của PNTM là việc PNTM phạm một tội được quy định trong BLHS (PNTM thực hiện tội phạm được quy định trong BLHS) là hợp lý. Tuy nhiên, quy định nguyên văn về mặt từ ngữ và nội dung như khoản 2 Điều 2 BLHS 2015: “*Chỉ PNTM nào phạm một tội đã được quy định tại Điều 76 của Bộ luật này mới phải chịu TNHS*” lại có những điểm bất cập nhất định. Cụ thể:

Một là, việc xác định PNTM phạm tội và phạm tội gì là quá trình chứng minh đủ các yếu tố cấu thành tội phạm của các tội mà PNTM phải chịu TNHS (được quy định tại Điều 76) và thỏa mãn các điều kiện chịu TNHS của PNTM (được quy

định tại Điều 75). Do đó, theo NCS, không cần phải quy định trong điều luật về cơ sở TNHS nội dung thể hiện PNTM phạm vào tội được quy định tại Điều 76 mà chỉ cần quy định phạm vào tội được BLHS quy định.

Hai là, cơ sở TNHS của PNTM là quy định mang tính định hướng, làm tiền đề cho các quy định cụ thể về TNHS của pháp nhân. Tuy nhiên, việc tách riêng thành một khoản để quy định cơ sở TNHS của pháp nhân như BLHS hiện đã dẫn tới việc có cách hiểu bên cạnh tội phạm do cá nhân thực hiện thì có tội phạm do PNTM thực hiện. Mặt khác, NCS cũng thấy rằng chính quy định như vậy cũng đã dẫn tới việc có một số quan điểm đặt ra câu hỏi rằng: Lỗi, các giai đoạn phạm tội của PNTM được xác định như thế nào? Quy định ra sao? Đã quy định riêng về cơ sở TNHS của pháp nhân thì cũng phải triển khai các quy định cụ thể về TNHS của pháp nhân như lỗi, các giai đoạn phạm tội... Trong khi đó, như NCS đã đề cập nhiều lần trong luận án thì hành vi, lỗi của cá nhân được “đồng nhất” với hành vi, lỗi của pháp nhân, điều này có nghĩa rằng không cần xác định và quy định riêng các vấn đề về lỗi hay giai đoạn phạm tội của PNTM.

Từ những phân tích trên, theo NCS, để bảo đảm tính khoa học, chính xác, logic trong quy định về cơ sở TNHS của PNTM với các quy định khác về TNHS của PNTM, cũng như bảo đảm cách hiểu thống nhất khi diễn giải vấn đề này thì quy định tại Điều 2 BLHS hiện hành về cơ sở TNHS nói chung, của PNTM cần phải tiếp tục xem xét sửa đổi.

3.2.1.2. Quy định về phạm vi chịu chịu trách nhiệm hình sự

Theo quy định tại Điều 76 của BLHS 2015, phạm vi chịu TNHS của PNTM với 33 tội danh, trong đó, 22 tội thuộc Chương XVIII - Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế (gồm: Điều 188, Điều 189, Điều 190, Điều 191, Điều 192, Điều 193, Điều 194, Điều 195, Điều 196, Điều 200, Điều 203, Điều 209, Điều 210, Điều 211, Điều 213, Điều 216, Điều 217, Điều 225, Điều 226, Điều 227, Điều 232, Điều 234), 09 tội thuộc Chương XIX - Các tội phạm về môi trường (gồm: Điều 235, Điều 237, Điều 238, Điều 239, Điều 242, Điều 243, Điều 244, Điều 245, Điều 246) và 02 tội thuộc chương XXI - Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự

công cộng (gồm: Điều 300, Điều 324).

Như vậy, TNHS của PNTM chỉ đặt ra trong giới hạn phạm vi các tội được liệt kê ở Điều 76 BLHS 2015. Việc quy định phạm vi chịu TNHS của PNTM như trên xuất phát từ yêu cầu của thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm, trên cơ sở tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế, theo đó PNTM phải chịu TNHS với những tội phạm thường hay vi phạm (có tính chất phổ biến); có mức độ nguy hiểm cần phải xử lý hình sự; có thể chứng minh trên thực tế. Theo quan điểm của NCS, tại thời điểm ban hành BLHS 2015 việc quy định chủ thể chịu TNHS là PNTM và giới hạn phạm vi tội phạm mà PNTM phải chịu TNHS là phù hợp với đặc điểm tình hình kinh tế xã hội, phù hợp với công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm và quy luật tất yếu khách quan của quá trình xây dựng luật hình sự của nước ta; phù hợp với tính chất lần đầu tiên quy định “vừa làm vừa xem xét rút kinh nghiệm để hoàn thiện”.

Tuy nhiên, hiện nay tình hình vi phạm pháp luật của pháp nhân ngày càng phổ biến và phức tạp, bên cạnh những hành vi mang tính chất tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, môi trường, an toàn công cộng, trật tự công cộng thì trong thời gian qua có tình trạng tội phạm núp bóng doanh nghiệp để thực hiện nhiều loại hành vi phạm pháp luật trên các lĩnh vực khác xâm phạm tới lợi ích của Nhà nước, của xã hội, của công dân. Tiêu biểu như vụ án “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Rửa tiền*” xảy ra tại Công ty cổ phần địa ốc Alibaba do Nguyễn Thái Luyện làm chủ tịch, số nạn nhân lên đến 3.924 người với số tiền bị lừa đảo, chiếm đoạt hơn 2.373 tỷ đồng... Hay gần đây nhất là vụ án “*Vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng; Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ; Đưa hối lộ; Nhận hối lộ*” xảy ra tại Công ty Việt Á và các đơn vị, địa phương liên quan. Theo đó, với quy định pháp luật hình sự hiện hành về phạm vi chịu TNHS của PNTM thì chỉ mới xử lý được các cá nhân phạm tội chứ chưa thể xử lý pháp nhân phạm tội trong trường hợp này, mặc dù Công ty Việt Á đã có hành vi đưa hối lộ cho cán bộ của CDC một số địa phương. Từ thực tiễn đó, đồng thời trên cơ sở tham khảo kinh nghiệm lập pháp TNHS của pháp nhân một số nước trên thế

giới, theo NCS, việc nghiên cứu quy định phạm vi chịu TNHS của pháp nhân theo hướng mở rộng hơn, không chỉ là các tội xâm phạm đến lĩnh vực kinh tế, môi trường và an toàn công cộng, trật tự công cộng cần được đặt ra để đáp ứng công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm do pháp nhân thực hiện, đáp ứng yêu cầu của việc phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, cũng như bảo đảm việc nội luật hóa đầy đủ hơn các Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia có liên quan tới TNHS của pháp nhân.

3.2.1.3. Quy định về điều kiện chịu trách nhiệm hình sự

Cơ sở TNHS của PNTM là việc PNTM phạm một tội được quy định trong BLHS (PNTM thực hiện tội phạm được quy định trong BLHS). Căn cứ vào quy định của BLHS hiện hành xác định, để truy cứu TNHS đối với PNTM cần phải chứng minh đủ các yếu tố cấu thành tội phạm của các tội mà PNTM phải chịu TNHS được quy định tại Điều 76 và thỏa mãn các điều kiện chịu TNHS của PNTM được quy định tại Điều 75. Trong đó chứng minh thỏa mãn các điều kiện cần và đủ được quy định tại Điều 75 là hết sức quan trọng. Các điều kiện đó gồm:

Điều kiện thứ nhất, hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh PNTM.

Điều kiện này phản ánh mối quan hệ ràng buộc giữa PNTM với cá nhân thực hiện hành vi phạm tội, PNTM chỉ có thể phải chịu TNHS về tội phạm được liệt kê tại Điều 76 BLHS nếu hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh PNTM. Hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh PNTM được hiểu là hành vi của cá nhân nhưng được thực hiện không phải dưới danh nghĩa cá nhân mà dưới danh nghĩa PNTM. Để có thể nhân danh PNTM thực hiện hành vi phạm tội, cá nhân này phải có địa vị pháp lý nhất định: Phải là người chỉ đạo, quản lý, điều hành, kiểm soát đối với PNTM hoặc được pháp nhân giao trách nhiệm, “*Để đảm bảo tính “nhân danh” đòi hỏi người thực hiện tội phạm phải là người lãnh đạo hoặc thuộc cơ quan lãnh đạo của tổ chức, có quyền quyết định hoạt động của tổ chức. Họ có thể trực tiếp thực hiện hoặc giao cho người khác thực hiện. Hành vi tự ý của các thành viên bình thường của tổ chức không thể là hành vi nhân danh tổ chức*” [32, tr.87 - 88].

Như vậy, không phải thành viên nào trong PNTM cũng có thể nhân danh

PNTM mà chỉ có những người về địa vị pháp lý là đại diện của PNTM thì mới có thể nhân danh PNTM, bao gồm người đứng đầu PNTM (đại diện theo pháp luật) hoặc là người được người đứng đầu trực tiếp ủy quyền (đại diện theo ủy quyền) hoặc người được pháp nhân giao nhiệm vụ. Hành vi phạm tội của cá nhân được thực hiện nhân danh PNTM thì PNTM mới phải chịu TNHS. Nếu người lãnh đạo, người điều hành PNTM hoặc được PNTM ủy quyền, giao nhiệm vụ thực hiện hành vi phạm tội dưới danh nghĩa của cá nhân họ thì không thể truy cứu TNHS đối với PNTM ngay cả khi họ là người đại diện hợp pháp của PNTM.

Điều kiện thứ hai, hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của PNTM.

PNTM chỉ có thể phải chịu TNHS về hành vi phạm tội của cá nhân được thực hiện nhân danh PNTM nếu việc thực hiện hành vi phạm tội đó vì lợi ích của PNTM chứ không phải vì lợi ích cá nhân của họ. Điều kiện này phản ánh mối quan hệ giữa PNTM với tội phạm được thực hiện. Tức là, mục đích việc thực hiện hành vi phạm tội mang lại lợi ích chung cho PNTM, kể cả trong trường hợp lợi ích của PNTM không phải là duy nhất. Lợi ích của PNTM có thể là lợi ích về vật chất, lợi ích về tinh thần hoặc lợi thế nhất định cho PNTM. Do đó, khi xác định điều kiện này, cần phải lưu ý rằng nếu cá nhân đủ thẩm quyền nhân danh PNTM nhưng khi nhân danh PNTM để thực hiện hành vi phạm tội lại không vì lợi ích của PNTM mà chỉ nhằm trục lợi cho bản thân hoặc cho đối tượng khác thì không đủ yếu tố cấu thành tội phạm đối với PNTM.

Cần lưu ý rằng, lợi ích ở đây không nhất định phải được cố định trong một ngữ nghĩa là trên thực tế phải đem về cho PNTM một lợi ích vật chất, phi vật chất cụ thể nào đó. PNTM ra đời và hoạt động với tôn chỉ duy nhất là tìm kiếm lợi nhuận và lợi nhuận đó sẽ được phân chia cho các thành viên đã sáng lập ra nó và tất nhiên trước khi đưa ra quyết định cho một vấn đề, sự việc cụ thể nào, người đại diện của pháp nhân luôn luôn mong muốn và hướng đến những giá trị lợi ích nhất định, lợi ích đó có thể được thể hiện dưới dạng vật chất như tiền, tài sản, bất động sản, cổ phiếu... hay dưới dạng lợi phi vật chất là các mối quan hệ làm ăn kinh doanh, uy tín, địa vị..., lợi ích đó có thể biểu hiện ở hiện tại hoặc tương lai.... Vì

vậy, khi xác định hành vi phạm tội của PNTM, chúng ta không cần quan tâm liệu tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội PNTM đã đạt được lợi ích nào từ việc thực hiện hành vi phạm tội.

Điều kiện thứ ba, hành vi phạm tội được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của PNTM.

Theo điều kiện này, những hành vi phạm tội mà cá nhân (người đại diện của PNTM, người được PNTM giao nhiệm vụ) thực hiện đều có sự chi phối của PNTM và hoàn toàn không phải là do họ (cá nhân) tự ý thực hiện. Như vậy, điều kiện này phản ánh mối quan hệ đặc biệt (quan hệ chi phối, ràng buộc) giữa PNTM với hành vi phạm tội đã thực hiện cũng như với cá nhân thực hiện hành vi phạm tội đó.

Ngoài ra, điều kiện này còn phản ánh yếu tố lỗi của PNTM thông qua việc đánh giá ý thức chủ quan của người đứng đầu, Ban lãnh đạo PNTM. PNTM chỉ phải chịu TNHS khi người đứng đầu, Ban lãnh đạo của PNTM nhận thức được hành vi trái pháp luật của người thực hiện nhưng vẫn chỉ đạo, trực tiếp điều hành người đó thực hiện hành vi nhằm phục vụ cho lợi ích chung của PNTM. Trường hợp tuy không có sự chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo của PNTM nhưng lại có sự chấp thuận của những người đứng đầu, Ban lãnh đạo PNTM thì PNTM cũng phải chịu TNHS về tội phạm đã thực hiện. Trường hợp có đủ căn cứ cho rằng, người đại diện theo pháp luật hoặc Ban lãnh đạo của PNTM đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định của pháp luật như: Xây dựng đầy đủ hệ thống xử lý khí thải, nước thải, ban hành nội quy, quy chế xử lý trước khi thải ra môi trường... nhưng hành vi phạm tội vẫn xảy ra, trong trường hợp này không thể xử lý TNHS đối với PNTM và cũng không thể truy cứu TNHS đối với cá nhân người đại diện của PNTM.

Tuy vậy, một vấn đề đặt ra ở đây là dựa trên cơ sở nào để xác định “*hành vi phạm tội nhân danh PNTM*”, “*vì lợi ích của PNTM*” là đã “*có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của PNTM*”. Rõ ràng, để xem xét vấn đề này cần căn cứ vào loại hình của PNTM cùng với bộ máy, cơ cấu, tổ chức của nó. Bởi lẽ không phải mọi hành vi, giao dịch của PNTM đều do người đại diện quyết định mà tùy

vào loại hình, có những vấn đề cần phải có sự xem xét, quyết định của một bộ

phận (Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đối với loại hình doanh nghiệp cổ phần; Hội đồng thành viên đối với doanh nghiệp trách nhiệm hữu hạn...). Mặt khác, về hình thức của việc “*chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của PNTM*” có thể được biểu hiện dưới rất nhiều hình thức khác nhau như lời nói, văn bản (Biên bản họp, Nghị quyết, thư điện tử) hoặc có thể chỉ đạo ngầm qua hành vi, cử chỉ nhất định mà chỉ có những cá nhân thân cận mới có thể nắm bắt được. Từ sự phân tích này, nhận thấy các cơ quan có thẩm quyền cần ban hành hướng dẫn về hoạt động chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của PNTM cho cá nhân thực hiện hành vi phạm tội nhân danh PNTM, vì lợi ích của PNTM gắn với từng loại hình PNTM cụ thể để dễ dàng áp dụng, thực hiện.

Nghiên cứu ba điều kiện trên thấy rằng: Mặc dù nội dung điều luật không hề đề cập tới hành vi phạm tội ở đây là của cá nhân hay của pháp nhân. Về mặt pháp luật và thực tiễn thì pháp nhân hoàn toàn có thể nhân danh pháp nhân trong các hoạt động của mình và để mang lại những lợi ích cho chính mình trong các hoạt động. Tuy nhiên, khi nói “*hành vi phạm tội được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của PNTM*” thì ở đây nhà làm luật đề cập tới hành vi phạm tội của cá nhân, cá nhân trong mối liên hệ có tính ràng buộc pháp lý với PNTM (người đại diện, người có trách nhiệm của PNTM hoặc người được PNTM giao nhiệm vụ) đã thực hiện hành vi phạm tội, hành vi phạm tội đó có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của PNTM, nhân danh PNTM và vì lợi ích của PNTM và do đó, PNTM phải chịu TNHS đối với tội phạm mà cá nhân đã thực hiện. Cũng với việc lập luận này, có quan điểm cho rằng bản chất vẫn là hành vi phạm tội của cá nhân, vẫn chỉ có cá nhân là chủ thể của tội phạm, còn PNTM chỉ là chủ thể chịu TNHS mà không phải là chủ thể của tội phạm. Tuy vậy, theo NCS, với việc thừa nhận cơ sở lý luận của các học thuyết về TNHS của pháp nhân, cũng như khẳng định không phải mọi trường hợp người phạm tội phải trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội thì mới là chủ thể của tội phạm (các trường hợp đồng phạm), ở đây cần phải xác định rằng PNTM là chủ thể của TNHS và cũng là chủ thể của tội phạm được thực hiện bởi cá nhân “*nhân danh PNTM*”, “*vì lợi ích của PNTM*” và “*có sự chỉ đạo,*

điều hành hoặc chấp thuận của PNTM”. Và do đó, cũng cần nghiên cứu bổ sung thêm điều kiện thể hiện rõ hơn việc xác định hành vi của cá nhân trước ba điều kiện “*nhân danh PNTM*”, “*vì lợi ích của PNTM*” và “*có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của PNTM*”.

Điều kiện thứ tư, chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS.

Cũng giống như trường hợp truy cứu TNHS đối với cá nhân phạm tội, khi truy cứu TNHS đối với PNTM cần phải xác định thời hiệu truy cứu TNHS còn hay không. Thời hiệu truy cứu TNHS được quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 27 của BLHS 2015 tùy thuộc vào loại tội phạm, cụ thể: 05 năm đối với tội phạm ít nghiêm trọng; 10 năm đối với tội phạm nghiêm trọng; 15 năm đối với tội phạm rất nghiêm trọng; 20 năm đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Thời hiệu này được tính từ ngày tội phạm được thực hiện. Tuy vậy, theo NCS, thời hiệu truy cứu TNHS là quy định chung, được áp dụng chung cho cả cá nhân và PNTM phạm tội và được quy định tại Chương V BLHS 2015. Do đó, không cần thiết phải quy định điều kiện thứ tư về thời hiệu truy cứu TNHS đối với PNTM.

Còn liên quan tới việc xác định thời hiệu để truy cứu TNHS của PNTM thì đòi hỏi phải phân loại được đối với tội phạm do PNTM hiện diện. Việc xác định thế nào tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng để tính thời hiệu truy cứu TNHS đối với PNTM được quy định tại khoản 2 Điều 9 BLHS. Theo đó, việc phân loại tội phạm căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội quy định tại khoản 1 Điều 9 và quy định tương ứng đối với các tội phạm được quy định tại Điều 76 của BLHS (là các tội phạm mà PNTM bị truy cứu TNHS). Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 9 BLHS 2015 thì khung hình phạt nêu ra là các hình phạt áp dụng đối với cá nhân phạm tội (gồm: Phạt tiền, cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn, tù chung thân hoặc tử hình), còn đối với PNTM thì phải áp dụng các hình phạt quy định ở Điều 33 BLHS 2015, duy chỉ có hình phạt tiền là hình phạt được áp dụng chung cho cả cá nhân và PNTM. Vì vậy, nếu khung hình phạt áp dụng cho PNTM tương ứng với các tội phạm được quy định tại Điều 76 của BLHS là

hình phạt tiền thì sẽ phân loại được đối với loại tội phạm do PNTM thực hiện, còn trong trường hợp PNTM bị áp dụng khung hình phạt có quy định đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động vĩnh viễn thì không phân loại tội phạm được theo Khoản 1 Điều 9 BLHS.

Mặt khác, quy định Điều 76 BLHS liệt kê các tội mà PNTM có thể phải chịu TNHS và không đề cập tới việc phân loại tội phạm. Trong khi đó, Khoản 2 Điều 9 lại viện dẫn việc phân loại tội phạm đối với tội mà PNTM phải chịu TNHS được căn cứ vào “...*quy định tương ứng đối với các tội phạm được quy định tại Điều 76*”, vấn đề này hiện nay vẫn còn những cách hiểu khác nhau. Nếu hiểu “*quy định tương ứng*” nghĩa là căn cứ vào mức cao nhất của hình phạt áp dụng đối với PNTM trong từng tội cụ thể đó để phân loại tội phạm do PNTM thực hiện, thì tội phạm mà PNTM phải chịu TNHS chỉ được phân loại là tội phạm ít nghiêm trọng (nếu là khoản ấy quy định là phạt tiền) và sẽ không phân loại được nếu khoản ấy quy định hình phạt đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động vĩnh viễn. Nếu hiểu “*quy định tương ứng*” nghĩa là dùng mức hình phạt cao nhất của khung hình phạt áp dụng với cá nhân để phân loại tội phạm mà PNTM phải chịu TNHS, điều ấy có nghĩa cá nhân thực hiện hành vi phạm tội thuộc loại tội phạm nào thì loại tội phạm PNTM phải chịu TNHS cũng được phân theo loại ấy, bất kể loại tội phạm mà PNTM phải chịu TNHS thuộc trường hợp có thể bị phạt tiền hay bị phạt hình phạt khác. Hiểu như vậy có hạt nhân hợp lý ở chỗ, về nguyên tắc TNHS của PNTM được xác định thông qua hành vi của người đại diện và hiểu như vậy cũng là cơ sở để cơ quan áp dụng pháp luật xác định được tội phạm mà PNTM bị truy cứu TNHS là loại tội gì mà không bị lúng túng, bởi chỉ cần đối chiếu với hành vi của cá nhân đã được quy định ở các khoản trên đó là được. Tuy nhiên, thuận lợi cho người áp dụng không có nghĩa đã chính xác về mặt lập pháp, bởi nếu hiểu theo cách này sẽ mâu thuẫn ở chỗ loại hình phạt và mức hình phạt đối với cá nhân và PNTM được luật hình sự quy định dưới các hình thức khác nhau nhưng lại được dùng chung cho một loại tội phạm, điều này chỉ đúng khi mức cao nhất của khung hình phạt của hai đối tượng này giống nhau về tính chất nguy

hiểm. Hay nói cách khác, không thể lấy tính chất, mức độ nguy hiểm đã được lượng hóa dành cho cá nhân để áp đặt sự tương thích về mức độ nguy hiểm của cả một tổ chức [81, tr.74, 75].

Mặt khác, đối với hình phạt đình chỉ hoạt động vĩnh viễn, theo cách mô tả trong tất cả các điều luật trong BLHS 2015 mà PNTM phải chịu TNHS, hình phạt này đều nằm ở một điểm riêng trong khoản riêng quy định về hình phạt áp dụng với PNTM. Trong khi đó, điểm này lại không được dẫn chiếu để áp dụng bằng cách đối chiếu với mức cao nhất của khung hình phạt dành cho cá nhân ở các khoản trên đó như các điểm có quy định hình phạt tiền và hình phạt đình chỉ hoạt động có thời hạn. Điều 79 BLHS chỉ giải thích trường hợp nào bị áp dụng hình phạt đình chỉ hoạt động vĩnh viễn, chứ trong nội dung không có mức cao nhất của khung hình phạt để xác định loại tội phạm. Như vậy cơ quan áp dụng pháp luật có viện dẫn Điều 76 hay khoản 1 Điều 9 theo đúng dẫn chiếu từ khoản 2 Điều 9 thì cũng không xác định được đây là loại tội phạm gì. Vì vậy, khoản 2 Điều 9 về phân loại tội phạm đối với pháp nhân dùng từ “quy định tương ứng đối với các tội phạm được quy định tại Điều 76 của Bộ luật này” cũng không chính xác, không bao quát hết các trường hợp [81, tr.75].

Từ những phân tích trên để thấy rằng, việc tính thời hiệu để làm căn cứ truy cứu TNHS đối với PNTM gặp khó khăn, thậm chí không tính được thời hiệu do các quy định về phân loại tội phạm đối với PNTM có nhiều mâu thuẫn, bất cập. Do đó, cần nghiên cứu sửa đổi các quy định có liên quan tới phân loại tội phạm đối với tội phạm do PNTM thực hiện để làm cơ sở cho việc truy cứu TNHS đối với PNTM.

Tiếp đến tại khoản 2 Điều 75 BLHS 2015 quy định mối quan hệ giữa TNHS cả PNTM với TNHS của cá nhân, theo đó “Việc PNTM chịu TNHS không loại trừ trách nhiệm của cá nhân”. Về vấn đề này, khi phân tích luật, có quan điểm cho rằng đó là TNHS của cá nhân được xem xét trong 02 trường hợp: (1) Phải làm rõ có hay không có hành vi phạm tội vượt quá của một người hay một nhóm người nhân danh PNTM phạm tội. Nếu có thì phải phân định rõ hành vi phạm tội vượt quá để xác định đúng TNHS của PNTM và TNHS của cá nhân; (2) Ngoài

việc xác

định hành vi phạm tội của PNTM thì còn phải làm rõ có hay không có hành vi của một người hay một nhóm người lợi dụng danh nghĩa PNTM để phạm tội vì lợi ích riêng của họ [125]. Cách diễn giải khoản 2 Điều 75 như vậy là chưa chính xác, trách nhiệm của cá nhân được đề cập ở đây phải là trách nhiệm gắn liền với tội phạm mà PNTM phải chịu TNHS và trong phạm vi của tội phạm mà PNTM phải chịu TNHS. Quy định “*Việc PNTM chịu TNHS không loại trừ trách nhiệm của cá nhân*” chính là quy định thể hiện nguyên tắc “trách nhiệm kép” (double jeopardy rules). Theo đó, phải được hiểu là cả hai chủ thể (PNTM và cá nhân) cùng phải chịu TNHS về cùng tội phạm đã được thực hiện. Trong trường hợp này, TNHS đối với PNTM không thể thay thế, loại trừ TNHS của cá nhân đã thực hiện hành vi phạm tội (mà PNTM phải chịu TNHS). Tuy vậy, có một vấn đề đặt ra ở đây là cá nhân được đề cập trong khoản 2 Điều 75 là cá nhân trực tiếp thực hiện tội phạm hay là cá nhân, những cá nhân đã “*chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận*” việc thực hiện tội phạm (tức là người lãnh đạo hay những người trong Ban lãnh đạo của PNTM). Theo NCS, cá nhân được đề cập ở đây được hiểu là cả cá nhân trực tiếp thực hiện tội phạm và cả cá nhân, những cá nhân đã “*chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận*” việc thực hiện tội phạm (tức là lãnh đạo hay Ban lãnh đạo của PNTM). Theo đó:

- Đối với người trực tiếp thực hiện một trong những tội phạm được quy định tại Điều 76 BLHS 2015 sẽ chịu TNHS về cùng tội danh với PNTM, trừ trường hợp hành vi của người này không đủ yếu tố để cấu thành tội phạm hoặc người này không phải chịu TNHS hoặc được miễn TNHS theo quy định của BLHS.

- Đối với người hoặc những người đứng đầu của PNTM, nếu những người này đều biết và thống nhất chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận cho việc thực hiện tội phạm được quy định tại Điều 76 BLHS, thì họ cùng chịu TNHS chung về tội phạm đó với PNTM và người trực tiếp thực hiện hành vi tội phạm. Nếu có căn cứ cho rằng, trong số họ có người không biết hoặc phản đối việc thực hiện hành vi phạm tội này, thì họ không phải chịu TNHS chung về tội phạm (tội danh) cùng với PNTM.

Tuy vậy, cần phải thấy rằng không phải mọi hành vi của PNTM đều do người đại diện quyết định mà tùy vào loại hình, có những vấn đề cần phải có sự xem xét, quyết định của một tập thể (Đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị đối với loại hình doanh nghiệp cổ phần; hội đồng thành viên đối với doanh nghiệp trách nhiệm hữu hạn...). Mặt khác, thực tiễn từ trước đến nay, hầu hết trong các vụ việc phạm tội cụ thể, nhà nước chỉ truy cứu TNHS của “người đứng đầu” là giám đốc (tổng giám đốc) hay chủ tịch hội đồng quản trị... Do đó, NCS cho rằng đối với trường hợp hành vi phạm tội được chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận bởi quyết của một tập thể của PNTM như hội đồng quản trị của công ty cổ phần, hội đồng thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn... thì tất cả thành viên này chịu TNHS hay không cùng với PNTM cần được các cơ quan có thẩm quyền xem xét và có hướng dẫn cụ thể.

3.2.1.4. Quy định về hình thức trách nhiệm hình sự

Thứ nhất, quy định về hình phạt áp dụng đối với PNTM phạm tội.

Ở Việt Nam, TNHS của pháp nhân chỉ đặt ra đối với PNTM, xuất phát từ tính chất đặc trưng của PNTM, “...là một tổ chức kinh tế độc lập, hoạt động vì mục đích lợi nhuận và không sử dụng ngân sách Nhà nước, cho nên hình phạt mang tính chất kinh tế được cho là phù hợp và hiệu quả nhất và cũng phù hợp với phạm vi tội phạm được xác định có thể truy cứu TNHS đối với PNTM” [26, tr.30], BLHS 2015 chỉ quy định những hình phạt mang tính chất kinh tế, tức là có khả năng hạn chế lợi ích kinh tế của PNTM.

Với ý nghĩa như vậy, tại Điều 33 BLHS 2015 quy định hệ thống hình phạt áp dụng đối với PNTM, bao gồm ba hình phạt chính là: Phạt tiền, đình chỉ hoạt động có thời hạn, đình chỉ hoạt động vĩnh viễn và ba hình phạt bổ sung là: Cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định; cấm huy động vốn; phạt tiền nếu không phải là hình phạt chính. Đối với mỗi tội phạm mà PNTM bị truy cứu TNHS, PNTM chỉ bị áp dụng một hình phạt chính và có thể bị áp dụng một hoặc một số hình phạt bổ sung. Trên cơ sở quy định tại Điều 33 BLHS 2015 còn quy định điều kiện và phạm vi áp dụng từng loại hình phạt từ Điều 78 đến

Điều 87, cụ thể là:

- *Hình phạt tiền quy định tại Điều 77 BLHS 2015:* Hình phạt tiền được áp dụng với PNTM là hình phạt chính hoặc hình phạt bổ sung. Nếu hình phạt tiền được TA áp dụng đối với PNTM là hình phạt chính thì không áp dụng hình phạt này là hình phạt bổ sung đối với PNTM. Trường hợp TA áp dụng hình phạt khác (không phải hình phạt tiền) là hình phạt chính có thể áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với PNTM.

Mức tiền phạt được quyết định căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm do PNTM gây ra, có xét đến tình hình tài chính của PNTM phạm tội, sự biến động của giá cả nhưng không được thấp hơn 50.000.000 đồng. Khi quyết định mức phạt tiền cụ thể đối với PNTM cần căn cứ vào mức phạt tiền được quy định trong khung hình phạt ở các tội danh mà PNTM phải chịu TNHS.

- *Hình phạt đình chỉ hoạt động có thời hạn quy định tại Điều 78 BLHS 2015:* Theo đó, đình chỉ hoạt động có thời hạn đối với PNTM là tạm dừng hoạt động của PNTM trong một hoặc một số lĩnh vực mà PNTM đã gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe con người, môi trường hoặc an ninh, trật tự, an toàn xã hội và hậu quả gây ra có khả năng khắc phục trên thực tế (các lĩnh vực khác của PNTM không bị đình chỉ vẫn được hoạt động). Thời hạn đình chỉ hoạt động là từ 06 tháng đến 03 năm. Bên cạnh nhằm đạt được mục đích chung của hình phạt, việc áp dụng hình phạt này đối với PNTM còn khuyến khích pháp nhân khắc phục sai phạm, sửa chữa lỗi lầm để tiếp tục sản xuất kinh doanh. Để xác định lĩnh vực của PNTM bị đình chỉ hoạt động cần xác định chính xác lĩnh vực đó đã gây thiệt hại, hậu quả và đặc biệt cần đánh giá được, kết luận được khả năng khắc phục trên thực tế hậu quả mà PNTM đã gây ra.

Tuy nhiên, việc quy định “...*hậu quả gây ra có khả năng khắc phục trên thực tế*” theo NCS có phần chưa thực sự chính xác. Như trường hợp PNTM gây ra hậu quả là thiệt hại về tính mạng rõ ràng không thể khắc phục được. Trên thực tế chỉ có thể khắc phục được nguyên nhân, tác nhân gây ra hậu quả đó. NCS cho rằng, đây cũng là vấn đề cần được xem xét chỉnh sửa để bảo đảm tính chính xác trong

nội dung của điều luật.

- *Hình phạt đình chỉ hoạt động vĩnh viễn quy định tại Điều 79 BLHS 2015*: Đây là hình phạt nghiêm khắc nhất được áp dụng đối với PNTM. Đình chỉ hoạt động vĩnh viễn được hiểu là chấm dứt hoạt động của PNTM trong một hoặc một số lĩnh vực mà PNTM gây thiệt hại hoặc có khả năng thực tế gây thiệt hại đến tính mạng của nhiều người, gây sự cố môi trường hoặc gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và không có khả năng khắc phục hậu quả gây ra.

Bản chất của hình phạt này là chấm dứt hoạt động của PNTM. Tuy nhiên, phạm vi chấm dứt hoạt động tùy từng trường hợp của tội phạm mà PNTM phải chịu TNHS. Căn cứ vào Điều 79 BLHS 2015, có thể xác định hai trường hợp đình chỉ vĩnh viễn hoạt động đối với PNTM như sau:

+ Đình chỉ vĩnh viễn hoạt động của PNTM trong một lĩnh vực hoặc một số lĩnh vực. Việc đình chỉ vĩnh viễn trong trường hợp này được TA áp dụng khi có đủ hai điều kiện sau: (1) Hành vi phạm tội mà PNTM phải chịu TNHS gây thiệt hại hoặc có khả năng thực tế gây thiệt hại đến tính mạng của nhiều người, gây sự cố môi trường hoặc gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; (2) Không có khả năng khắc phục hậu quả gây ra. BLHS quy định yếu tố hậu quả là gây thiệt hại hoặc có khả năng gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng (thiệt hại tính mạng của nhiều người, gây sự cố môi trường...) và dấu hiệu không có khả năng khắc phục hậu quả (sự cố) là hai căn cứ để áp dụng hình phạt này.

PNTM bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn ở một hoặc một số lĩnh vực thì vẫn có thể tiếp tục hoạt động ở các lĩnh vực khác mà PNTM không bị đình chỉ. Trường hợp PNTM chỉ đăng ký hoạt động ở các lĩnh vực đã bị đình chỉ vĩnh viễn thì PNTM có thể đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoạt động trên các lĩnh vực khác chứ không bắt buộc PNTM đó phải giải thể.

+ Đình chỉ vĩnh viễn toàn bộ hoạt động của PNTM trong trường hợp pháp nhân đó được thành lập chỉ để thực hiện tội phạm. Căn cứ để áp dụng hình phạt này là PNTM được thành lập chỉ để thực hiện tội phạm, mục đích thành lập

PNTM

ngay từ đầu đã được xác định để nhằm thực hiện các hành vi phạm tội như trốn thuế, buôn lậu... nên cần phải xử lý nghiêm khắc.

- *Cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định quy định tại Điều 80 BLHS 2015*: Đây là hình phạt bổ sung được áp dụng khi xét thấy nếu để PNTM bị kết án tiếp tục kinh doanh hoặc hoạt động trong lĩnh vực đó, có thể gây nguy hại cho tính mạng, sức khỏe của con người hoặc cho xã hội. Thời hạn cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định là từ 01 năm đến 03 năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Xét về bản chất, hình phạt này giống về tính chất cưỡng chế như hình phạt đình chỉ hoạt động có thời hạn đối với PNTM quy định tại Điều 78 BLHS 2015, điều khác biệt ở chỗ, đình chỉ hoạt động có thời hạn là hình phạt chính, còn cấm kinh doanh trong một số hoạt động nhất định là hình phạt bổ sung. Tuy nhiên, xét về tính nghiêm khắc, hình phạt cấm kinh doanh trong một số hoạt động nhất định nghiêm khắc hơn hình phạt đình chỉ hoạt động có thời hạn. Bởi cấm kinh doanh trong một số hoạt động nhất định có thời hạn từ 01 năm đến 03 năm, còn đình chỉ hoạt động có thời hạn chỉ có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm. Theo NCS, quy định tính cưỡng chế của hình phạt chính không bằng hình phạt bổ sung là không phù hợp. Do đó, cần quy định thời hạn của hình phạt cấm kinh doanh trong một số hoạt động nhất định phải thấp hơn thời hạn của hình phạt đình chỉ hoạt động có thời hạn mới bảo đảm được tính cưỡng chế của hình phạt chính.

- *Cấm huy động vốn quy định tại Điều 81 BLHS 2015*. Hình phạt cấm huy động vốn là hình phạt bổ sung được áp dụng khi xét thấy nếu để PNTM bị kết án huy động vốn thì có nguy cơ tiếp tục phạm tội. Khoản 2 Điều 81 BLHS 2015 quy định rõ các hình thức cấm huy động vốn bao gồm: a) Cấm vay vốn ngân hàng, tổ chức tín dụng hoặc các quỹ đầu tư; b) Cấm phát hành, chào bán chứng khoán; c) Cấm huy động vốn khách hàng; d) Cấm liên doanh, liên kết trong và ngoài nước; đ) Cấm hình thành quỹ tín thác bất động sản. Khi quyết định hình phạt bổ sung cấm huy động vốn, TA có thể quyết định áp dụng một

hoặc một số hình thức cấm

huy động vốn nêu trên. Thời hạn cấm huy động vốn là từ 01 năm đến 03 năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Từ những quy định về hình phạt nêu trên cho thấy, hình phạt được áp dụng đối với PNTM phạm tội có sự tương đồng đối với hình phạt được quy định trong luật hình sự một số nước thuộc hệ thống pháp luật Châu Âu lục địa. Trong hệ thống hình phạt áp dụng đối với PNTM phạm tội có cả hình phạt chính và hình phạt bổ sung, trong đó chú trọng đến hình phạt tiền, vừa áp dụng là hình phạt chính, vừa áp dụng là hình phạt bổ sung khi không áp dụng là hình phạt chính. Việc quy định hệ thống hình phạt đa dạng như vậy đã tạo cho TA khả năng áp dụng linh hoạt đối với PNTM phạm tội; bảo đảm thực hiện nguyên tắc phân hóa TNHS và cá thể hóa hình phạt khi giải quyết vụ án cụ thể. Tuy nhiên, để thi hành đúng các quy định này, cần sớm ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về điều kiện, nội dung, bảo đảm việc áp dụng được thống nhất và đúng pháp luật. Ngoài ra, cũng cần tham khảo kinh nghiệm của một số nước trên thế giới trong việc quy định thêm một số hình phạt như: Niêm yết bản án, quyết định đã được TA tuyên về hành vi phạm tội của pháp nhân trên phương tiện truyền thông đại chúng.

Thứ hai, quy định về miễn hình phạt đối với PNTM.

Điều 88 BLHS năm 2015 (2017) quy định: *PNTM phạm tội có thể được miễn hình phạt khi đã khắc phục toàn bộ hậu quả và đã bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra*. Điều luật xác định pháp nhân thương mại có thể được miễn hình phạt khi thỏa mãn các điều kiện nhất định. Theo đó, có hai điều kiện để PNTM được miễn hình phạt đó là: (1) Đã khắc phục toàn bộ hậu quả của tội phạm và (2) bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra. Có nghĩa là PNTM đã tự nguyện khắc phục toàn bộ hậu quả đã gây ra và đã tiến hành bồi thường cho tất cả các đối tượng bị gây thiệt hại bởi PNTM về vật chất, tài sản, thể chất tinh thần, Ví dụ như PNTM gây ô nhiễm môi trường đã khắc phục được tình trạng ô nhiễm môi trường do hành vi phạm tội gây ra và đã tiến hành bồi thường cho tất cả các đối tượng bị gây thiệt hại bởi hành vi phạm tội gây ô nhiễm môi trường (Điều 235 BLHS).

Miễn hình phạt đối với người hoặc PNTM phạm tội chỉ đặt ra cho những trường hợp nếu như việc áp dụng hình phạt là không cần thiết, không đạt được mục đích của hình phạt hoặc trái với nguyên tắc nhân đạo của luật hình sự Việt Nam. Điều đó có nghĩa, trong một số trường hợp mặc dù PNTM thông qua cá nhân thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội mà BLHS quy định là tội phạm, đáng lẽ PNTM phải chịu TNHS nhưng vì có các điều kiện luật định, thì PNTM không phải chịu hình phạt về tội mà PNTM đó đã thực hiện.

Theo quan điểm PGS.TS. Trịnh Tiến Việt, *Miễn hình phạt là việc TA không buộc người, PNTM phạm tội phải chịu biện pháp cưỡng chế hình sự nghiêm khắc nhất là hình phạt về tội phạm mà các chủ thể này đã thực hiện bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật khi đáp ứng đủ các điều kiện nhất định* [90, tr.195]. Miễn hình phạt có các đặc điểm sau:

- Miễn hình phạt là một hình thức thực hiện TNHS và được thể hiện bằng sự phản ứng đối với PNTM có hành vi phạm tội từ phía Nhà nước. Tức là, PNTM phạm tội bị truy cứu TNHS nhưng không áp dụng biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước là hình phạt. Tuy nhiên, PNTM cũng đã bị Nhà nước lên án về hành vi phạm tội của PNTM do đã xâm phạm đến lợi ích chung của Nhà nước, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa mà theo quy định của Bộ luật này phải bị xử lý hình sự.

- Miễn hình phạt phản ánh chính sách phân hóa tội phạm và PNTM phạm tội, cũng như nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự. Đây là đặc điểm thể hiện các nguyên tắc “nghiêm trị kết hợp với khoan hồng”, “trừng trị kết hợp với giáo dục, thuyết phục, cải tạo” và nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự Việt Nam.

- Miễn hình phạt chỉ do duy nhất cơ quan TA có thẩm quyền áp dụng. Điều này khác với việc miễn TNHS, ngoài cơ quan TA có thể do CQĐT, VKS thực hiện trong giai đoạn trước khi xét xử. Khi tuyên án, trong nội dung bản án TA tuyên (quyết định) không áp dụng hình phạt đối với PNTM bị kết án.

- PNTM được áp dụng miễn hình phạt thì vẫn phải chịu án tích. Khác với cá nhân phạm tội, khi được TA áp dụng miễn hình phạt thì không bị coi là có

án tích,

song đối với PNTM sau 02 năm kể từ ngày chấp hành xong bản án, quyết định thì mới đương nhiên được xóa án tích.

Thứ ba, quy định về các biện pháp tư pháp áp dụng với PNTM phạm tội.

Các biện pháp tư pháp áp dụng với PNTM được quy định tại Khoản 2 Điều 46 và Khoản 1 Điều 82 BLHS 2015 gồm: Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm; trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi; khôi phục lại tình trạng ban đầu; thực hiện một số biện pháp nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra. Cụ thể:

- *Biện pháp tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm (Điều 47)*: Đây là biện pháp tư pháp được cơ quan THTT áp dụng đối với PNTM phạm tội để hỗ trợ hoặc thay thế hình phạt (nếu được miễn TNHS hoặc hình phạt), góp phần phòng ngừa tội phạm. Về đối tượng tịch thu, gồm: Công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội; Vật hoặc tiền do phạm tội hoặc do mua bán, đổi chác những thứ ấy mà có; khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội; Vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành.

- *Biện pháp Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi (Điều 48)*: Đây là biện pháp nhằm bảo vệ quyền sở hữu cũng như quyền bất khả xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người được Hiến pháp quy định. Theo quy định tại khoản 1 Điều 48 BLHS 2015 quy định nghĩa vụ của PNTM phạm tội liên quan đến thiệt hại về vật chất, đó là các nghĩa vụ sau: Trả lại tài sản đã chiếm đoạt cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp; Sửa chữa thiệt hại vật chất do hành vi phạm tội của PNTM gây ra; Bồi thường thiệt hại vật chất được xác định do hành vi phạm tội gây ra (Nếu thiệt hại gây ra về tính mạng, sức khỏe thì PNTM phạm tội bồi thường toàn bộ chi phí hợp lý cho việc mai táng, cấp dưỡng hoặc cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút của người bị hại; thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút và một khoản bồi thường về những thiệt hại về tinh thần của bị hại và người thân theo quy định của pháp luật; Trường hợp phạm tội gây thiệt hại về tinh thần, PNTM phạm tội phải bồi thường về vật chất, công khai xin lỗi người bị hại)

- *Biện pháp Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu (điểm b Khoản 1 Điều 82):* TA có thể quyết định áp dụng biện pháp tư pháp này buộc PNTM phải khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do hành vi phạm tội của pháp nhân gây ra. Đối tượng đó có thể là môi trường, công trình thủy lợi, đê điều, khai thác trái phép tài nguyên sinh vật, công trình phòng chống thiên tai, cảnh quan rừng, khu bảo tồn thiên nhiên ... mà bị hành vi phạm tội xâm phạm, làm thay đổi.

- *Biện pháp Buộc thực hiện một số biện pháp nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra (điểm c Khoản 1 Điều 82):* Đây là biện pháp buộc PNTM phải thực hiện một số biện pháp nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra, bao gồm: (1) buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép; (2) buộc khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh; (3) buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam hoặc tái xuất hàng hóa, vật phẩm, phương tiện được đưa vào lãnh thổ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, nhập khẩu trái với quy định của pháp luật hoặc được tạm nhập, tái xuất nhưng không tái xuất theo đúng quy định của pháp luật; hàng hóa nhập khẩu, quá cảnh xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng hóa giả mạo quyền sở hữu trí tuệ, phương tiện, nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ sau khi đã loại bỏ yếu tố vi phạm; (4) buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại hoặc tang vật khác thuộc đối tượng bị tiêu hủy theo quy định của pháp luật; (5) buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa, bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh, vật phẩm; (6) buộc thu hồi sản phẩm, hàng hóa vi phạm đang lưu thông trên thị trường. Tùy thuộc vào tình hình thực tế, TA có thể quyết định buộc PNTM phạm tội phải thực hiện một hoặc một số biện pháp nêu trên. Điều này phụ thuộc vào phạm vi hậu quả xảy ra hoặc đe dọa xảy ra.

Nghiên cứu về các biện pháp tư pháp có thể áp dụng đối với PNTM phạm tội quy định trong BLHS 2015 nhận thấy: Trong số 04 biện pháp tư pháp áp dụng

đối với PNTM phạm tội thì có hai biện pháp áp dụng chung đối với cá nhân người

phạm tội. Căn cứ vào từng trường hợp phạm tội cụ thể, TA có thể quyết định buộc PNTM phạm tội phải thực hiện một hoặc một số biện pháp tư pháp nêu trên. Tuy vậy, các biện pháp này chưa được quy định về điều kiện áp dụng cụ thể và đặc biệt là trình tự, thủ tục áp dụng trong các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Do đó, trong thực tiễn sẽ rất khó khăn khi áp dụng các biện pháp tư pháp này đối với PNTM phạm tội.

Mặt khác, khi so sánh câu từ quy định tại Khoản 2 Điều 46 và Khoản 1 Điều 82 chúng tôi thấy rằng, đã không có sự thống nhất về mặt câu từ về tên gọi của cùng một biện pháp tư pháp, cụ thể: Khoản 2 Điều 46 quy định “...c) *Khôi phục lại tình trạng ban đầu; d) Thực hiện một số biện pháp nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra*”, còn Khoản 1 Điều 82 quy định “... b) *Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu; c) Buộc thực hiện một số biện pháp nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra*”. Điều này cần phải được chỉnh sửa bảo đảm sự thống nhất trong các lần sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện BLHS tiếp theo.

3.2.1.5. Quy định về xóa án tích đối với pháp nhân thương mại phạm tội

Xóa án tích đối với PNTM đã bị kết án quy định tại Điều 89 BLHS 2015. Theo đó: “*PNTM bị kết án đương nhiên được xóa án tích nếu trong thời hạn 02 năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung, các quyết định khác của bản án hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án mà PNTM không thực hiện hành vi phạm tội mới*”.

Như vậy, theo quy định của BLHS 2015 TNHS của PNTM bao gồm cả việc bị kết án và có án tích. Án tích chỉ được xóa khi có các điều kiện do luật định, thời hạn xóa án tích đối với PNTM bị kết án trong mọi trường hợp đều là 02 năm, không phân biệt là loại hình phạt chính và mức hình phạt chính áp dụng đối với PNTM phạm tội. Bên cạnh đó, thời điểm để bắt đầu tính thời hạn xóa án tích đối với PNTM bị kết án được tính từ khi chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung, các quyết định khác của bản án hoặc khi hết thời hiệu thi hành bản án. Tức là theo quy định của BLHS 2015 thời điểm tính thời hạn để xóa án tích đối với PNTM bị kết án kể từ khi chấp hành xong bản án hoặc kể từ khi hết thời hiệu thi hành bản án.

Cũng giống như cá nhân người bị kết án, điều kiện để được xóa án tích đối với PNTM bị kết án là trong thời hạn tính xóa án tích, PNTM này không phạm tội mới. Do đó, nếu phạm tội mới bất kể là loại tội phạm gì, bị áp dụng hình phạt chính là gì thì án tích của tội cũ sẽ không được xóa.

Tuy nhiên, trong quy định về xóa án tích đối với PNTM bị kết án tại Điều 89 BLHS 2015 không quy định hậu quả pháp lý trong trường hợp PNTM bị kết án chưa được xóa mà pháp nhân đó lại phạm tội mới. Tuy vậy, về áp dụng quy định của BLHS đối với PNTM phạm tội tại Điều 74 BLHS 2015 quy định: *“PNTM phạm tội phải chịu TNHS theo những quy định của Chương này; theo quy định khác của Phần thứ nhất của Bộ luật này không trái với quy định của Chương này”*. Do đó, nếu trong thời hạn 2 năm kể từ khi PNTM bị kết án chấp hành xong bản án hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án mà PNTM đó phạm tội mới, án tích sẽ được tính lại theo quy định tại khoản 2 Điều 73 BLHS 2015: *“kể từ ngày chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung, các quyết định khác người bị kết án chưa được xóa án tích mà thực hiện hành vi phạm tội mới và bị TA kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật thì thời hạn để xóa án tích cũ được tính lại kể từ ngày chấp hành xong hình phạt chính hoặc thời gian thử thách án treo của bản án mới hoặc từ ngày bản án mới hết thời hiệu thi hành”*.

Tuy nhiên, về thời hạn tính xóa án tích đối với PNTM bị kết án sẽ được tính lại kể từ khi chấp hành xong hình phạt chính của bản án mới theo quy định tại khoản 2 Điều 73 BLHS 2015 hay tính lại kể từ khi chấp hành xong bản án mới (đây là cách tính thời hạn xóa án tích dành riêng cho PNTM bị kết án) cần có văn bản hướng dẫn thống nhất. Vì cách tính thời hạn xóa án tích của PNTM bị kết án và người bị kết án có sự khác nhau, thời điểm bắt đầu tính thời hạn xóa án tích cũng khác nhau nên sẽ rất khó áp dụng quy định tại Điều 74 BLHS 2015 (Phần quy định chung) về xóa án tích mà không trái với quy định xóa án tích đối với PNTM bị kết án.

Ngoài ra, Điều 89 BLHS chỉ quy định thời hạn xóa án tích đối với PNTM bị

kết án là 02 năm mà không phụ thuộc vào hình phạt chính được áp dụng. Hình phạt chính áp dụng đối với PNTM gồm 03 loại được quy định tại Điều 33 BLHS, trong đó hình phạt đình chỉ hoạt động vĩnh viễn là chấm dứt hoạt động của PNTM. Đối với PNTM bị áp dụng hình phạt chính là đình chỉ hoạt động vĩnh viễn thì không tính thời hạn xóa án tích vì trường hợp này giống như trường hợp cá nhân người phạm tội bị kết án tử hình nhưng không được giảm án. Tuy vậy, nếu PNTM bị áp dụng hình phạt đình chỉ hoạt động vĩnh viễn về toàn bộ hoạt động thì vấn đề xóa án tích không đặt ra đối với PNTM là hợp lý vì PNTM không còn tồn tại nữa. Nhưng trường hợp PNTM hoạt động trong nhiều lĩnh vực, bị áp dụng hình phạt đình chỉ hoạt động vĩnh viễn về một lĩnh vực, vấn đề xóa án tích được áp dụng sẽ gặp khó khăn và thời hạn áp dụng cho PNTM đó được tính thế nào. Mặt khác, khi PNTM bị áp dụng hình phạt liên quan đến chấm dứt hoạt động kéo theo hậu quả pháp lý về quyền lợi của người lao động, của chủ nợ, các đối tác đang có hợp đồng hợp tác, kinh doanh với pháp nhân, đây cũng là vấn đề chưa được đề cập đến trong các văn bản pháp luật hiện nay.

3.2.2. Quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại phạm tội trong Phần các tội phạm

Trên cơ sở những quy định của phần chung BLHS 2015 về TNHS của PNTM phạm tội, tại 33 điều luật mà PNTM phạm tội phải chịu TNHS thuộc Phần các tội phạm của BLHS đều có thêm một khoản riêng quy định về PNTM phạm tội và khung hình phạt đối với PNTM phạm tội. Nghiên cứu 33 điều luật này NCS thấy rằng:

Thứ nhất, các khoản quy định về PNTM phạm tội và hình phạt đối với PNTM phạm tội đều được kết cấu mở đầu bằng nội dung: “*PNTM phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau...*”.

Điều này một lần nữa khẳng định rằng, khi đưa chế định TNHS của PNTM phạm tội vào BLHS 2015 các nhà làm luật xác định PNTM là chủ thể của tội phạm, chỉ chủ thể của tội phạm mới có thể phạm tội, PNTM là chủ thể tội phạm thì PNTM mới có thể phạm tội. Và do đó, việc mở đầu bằng nội dung: “*PNTM phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau*” là phù hợp.

Về vấn đề này, cũng có quan điểm cho rằng, điều luật quy định “*PNTM phạm tội quy định tại Điều này...*” là quên mất điều kiện PNTM phải chịu TNHS được quy định tại khoản 1 Điều 75 BLHS. Theo quan điểm này, các cơ quan THTT hình sự khi truy cứu TNHS đối với PNTM phải chứng minh PNTM đã phạm tội mà không phải chứng minh các điều kiện tại khoản 1 Điều 75 BLHS [29, tr.91-92]. NCS cho rằng để truy cứu TNHS đối với PNTM, việc chứng minh PNTM phạm tội là chính xác. Tuy nhiên, việc chứng minh PNTM phạm tội bao gồm chứng minh các yếu tố cấu thành tội phạm tại điều luật mà PNTM phải chịu TNHS và chứng minh các điều kiện để PNTM chịu TNHS. Ở đây, không thể cho rằng không phải chứng minh các điều kiện tại khoản 1 Điều 75 BLHS khi chứng minh PNTM phạm tội do điều luật quy định tội phạm cụ thể không đề cập tới các điều kiện chịu TNHS của PNTM phạm tội. Như chúng ta đã biết, việc truy cứu TNHS của cá nhân phạm tội trong các điều luật quy định tội phạm cụ thể rõ ràng không quy định những điều kiện như: Độ tuổi chịu TNHS, tình trạng không có năng lực TNHS... nhưng khi truy cứu TNHS thì phải chứng minh các vấn đề này. Do đó, việc chứng minh các điều kiện để PNTM chịu TNHS tại khoản 1 Điều 75 BLHS luôn là nhiệm vụ bắt buộc của các cơ quan THTT hình sự khi truy cứu TNHS đối với PNTM.

Thứ hai, phân tích về nội dung và kỹ thuật lập pháp đối với 33 tội danh mà PNTM có thể phải chịu TNHS đều có điểm chung là quy định song song TNHS của cá nhân và TNHS của PNTM. Trong đó, khoản 1 quy định dấu hiệu pháp lý và khung hình phạt cơ bản; các khoản tiếp quy định các trường hợp phạm tội tăng nặng, khung hình phạt bổ sung đối với cá nhân phạm tội và khoản có nội dung quy định về PNTM phải chịu TNHS (khoản đặt ở cuối điều luật). Nghiên cứu khoản quy định về PNTM phải chịu TNHS trong các điều luật cụ thể, NCS thấy rằng:

- Có 26 điều luật quy định việc xác định PNTM phải chịu TNHS hoàn toàn căn cứ vào dấu hiệu pháp lý quy định đối với cá nhân phạm tội mà không bổ sung thêm điều kiện để xác định PNTM phạm tội.

- Có 07 điều luật vừa có điểm bổ sung các điều kiện cấu thành tội phạm đối

với PNTM, vừa căn cứ vào cấu thành tội phạm quy định cho cá nhân.

Như vậy, về tổng thể việc xác định PNTM phạm tội cần phải chứng minh được có hành vi phạm tội của cá nhân nhân danh PNTM, vì lợi ích của PNTM, có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của PNTM. Về vấn đề này, trong bài viết *“Hoàn thiện quy định về TNHS của PNTM phạm tội trong BLHS năm 2015”* đăng trên Tạp chí Luật học, số đặc biệt về BLHS năm 2015 (6/2016), tác giả Nguyễn Thị Phương Hoa có đưa ra ví dụ giả định: Có 4 cá nhân ở 4 đại lý tại 4 địa phương của một công ty có hành vi trốn thuế (theo sự chỉ đạo của công ty, 04 cá nhân có hành vi độc lập), mà mỗi cá nhân trốn thuế dưới 100 triệu đồng thì rõ ràng các cá nhân trực tiếp thực hiện hành vi đó chưa đủ yếu tố cấu thành tội trốn thuế. Nhưng hành vi trốn thuế do công ty thực hiện có tổng giá trị hơn 200 triệu đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội trốn thuế theo quy định tại Điều 200 BLHS. Từ đây, tác giả cho rằng mặc dù không có cá nhân phạm tội nhưng vẫn có PNTM phạm tội.

Theo NCS, việc xác định PNTM phạm tội ở đây là chính xác, nhưng không phải là không có cá nhân phạm tội trong trường hợp này. Cá nhân phạm tội trong trường hợp này là cá nhân hoặc các cá nhân đã có hành vi “chỉ đạo, điều hành, chấp thuận” 4 cá nhân ở 4 đại lý thực hiện hành vi trốn thuế. Như vậy, hành vi của cá nhân có thể là trực tiếp thực hiện tội phạm theo sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của PNTM, cũng có thể là hành vi chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận cho cá nhân là người của PNTM thực hiện tội phạm. Tội phạm do cá nhân thực hiện được “đồng nhất” với tội phạm do PNTM thực hiện và cá nhân, PNTM đều phải chịu TNHS về cùng một tội phạm. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với vấn đề xác định trách nhiệm cá nhân mà NCS đã đề cập và phân tích tại mục 3.2.1.2 *“Việc PNTM chịu TNHS không loại trừ trách nhiệm của cá nhân”*.

Thứ ba, về hình phạt chính và hình phạt bổ sung quy định tại 33 tội danh mà PNTM có thể phải chịu TNHS (xem Phụ lục 2).

- Đối với hình phạt chính: Phạt tiền là hình phạt chính quy định đối với tất cả 33 điều luật (chiếm 100%); hình phạt đình chỉ hoạt động có thời hạn được quy định đối với 24/33 điều luật (chiếm 72,73 %) tại các điều 188, 189, 190, 191,

192,

193, 194, 195, 200, 217, 225, 226, 227, 232, 234, 235, 237, 238, 239, 242, 243, 244, 246 và 324 BLHS và hình phạt đình chỉ hoạt động vĩnh viễn được quy định thành một khoản riêng đối với 21/33 điều luật (chiếm 63,64 %) tại các điều 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 200, 203, 211, 234, 235, 237, 238, 239, 243, 244, 245, 300 và 324 BLHS.

- Đối với hình phạt bổ sung: Có 32/33 điều luật (chiếm 96,97%) mà PNTM có thể phải chịu TNHS quy định có hình phạt bổ sung. Trong đó, có 31/32 điều luật quy định đủ 03 hình phạt bổ sung (Cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định; Cấm huy động vốn; Phạt tiền khi không áp dụng là hình phạt chính); 01 điều luật quy định 02 hình phạt bổ sung (Cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định; Cấm huy động vốn).

Nghiên cứu về khung hình phạt áp dụng cho PNTM phạm tội tại các điều luật, đối với các tội phạm về môi trường do pháp nhân thực hiện thường gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường trên diện rộng, gây thiệt hại và tác động đến nhiều mặt của thiên nhiên và đời sống, xã hội, con người, nhưng mức phạt tiền tối đa là 20 tỷ vẫn còn khá nhẹ, chưa đủ tính răn đe phòng ngừa tội phạm. Đối với tội tài trợ khủng bố và rửa tiền, xét về tính chất và mức độ nghiêm trọng của hai tội này, việc áp dụng hình phạt “tiền” và “đình chỉ hoạt động có thời hạn” là chưa phù hợp; chỉ cần áp dụng hình phạt duy nhất là “đình chỉ hoạt động vĩnh viễn” mới đủ sức răn đe, trừng trị và tránh việc pháp nhân tiếp tục phạm tội.

3.3. Nhận xét, đánh giá chung

Sự ra đời của BLHS 2015 đánh dấu bước phát triển mang tính đột phá trong chính sách và tư duy lập pháp hình sự của Nhà nước ta. Điều này đã làm thay đổi tư duy có tính truyền thống về tội phạm và hình phạt, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống các hành vi phạm tội do PNTM thực hiện ở Việt nam trong tình hình mới, tạo cơ sở pháp lý trong hợp tác quốc tế về đấu tranh phòng chống tội phạm, nhất là các loại tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia. Qua phân tích, đánh giá NCS thấy rằng, các quy định của BLHS 2015 về TNHS của PNTM phạm tội đã thể hiện được các nội dung cần thiết để có thể truy cứu TNHS của PNTM phạm tội.

Mặc dù quá trình xây dựng đã nghiên cứu, tham khảo ý kiến đóng góp của các chuyên gia, nhà khoa học và tham khảo kinh nghiệm của một số nước trên thế giới, nhưng do pháp luật hình sự của mỗi quốc gia có những quy định khác nhau về TNHS của pháp nhân nên việc tiếp thu những kinh nghiệm gặp nhiều khó khăn, phức tạp. Trong khi đó, TNHS của PNTM là một chế định lần đầu tiên được quy định trong BLHS, chưa có tiền lệ. Chính vì vậy, việc quy định TNHS của pháp nhân trong BLHS 2015 không tránh khỏi những hạn chế, bất cập nhất định. Ngoài những bất cập, hạn chế tác giả luận án đã nêu khi phân tích các nội dung trong mục 3.2, còn có những điểm hạn chế, bất cập dẫn tới BLHS quy định về TNHS của PNTM phạm tội chưa bảo đảm tính thống nhất.

3.3.1. Về nội dung

Thứ nhất, một số quy định trong BLHS về TNHS của PNTM phạm tội chưa thống nhất, còn mâu thuẫn dẫn đến nhận thức khác nhau về TNHS của PNTM.

Khoản 1 Điều 8 BLHS 2015 qui định: “*Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được qui định trong BLHS, do người có năng lực chịu TNHS hoặc PNTM thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý,...*”. Từ quy định này xác định PNTM là chủ thể của tội phạm. Vấn đề PNTM là chủ thể của tội phạm còn được thể hiện tại một số điều luật của Phần những quy định chung BLHS 2015 như: Điều 2 - Cơ sở của TNHS, Điều 3 - Nguyên tắc xử lý, Điều 6 - Hiệu lực của Bộ luật Hình sự đối với những hành vi phạm tội ở ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Điều 9 – Phân loại tội phạm và các điều 74, 77, 78, 79, 82, 83, 88 tại Chương XI – Những quy định đối với PNTM phạm tội. Ngoài ra, tại các điều luật về tội phạm cụ thể mà PNTM có thể phải chịu TNHS đều có thêm một khoản với nội dung “*PNTM phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:...* ” cũng hàm ý xác định PNTM là chủ thể của tội phạm.

Tuy nhiên, một số điều luật khác quy định về TNHS của PNTM phạm tội lại tạo ra nhận thức PNTM chỉ là chủ thể của TNHS, tội phạm mà PNTM phải chịu TNHS vẫn là tội phạm do cá nhân thực hiện. Cụ thể là:

- Điều luật then chốt nhất trong việc xác định TNHS của PNTM là Điều 75

BLHS, điều luật này thể hiện PNTM dường như chỉ là chủ thể phải chịu TNHS về tội phạm do chủ thể khác là cá nhân thực hiện. Cụ thể, Điều 75 BLHS quy định: “1. PNTM chỉ phải chịu TNHS khi có đủ các điều kiện sau đây: a) Hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh PNTM; b) Hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của PNTM; c) Hành vi phạm tội được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của PNTM; d) Chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 của Bộ luật này.” Từ nội dung được thể hiện tại Điều 75 BLHS cho thấy, chủ thể thực hiện hành vi phạm tội, cũng như chủ thể của tội phạm mà PNTM phải chịu TNHS là cá nhân. Bởi vì, chỉ khi hành vi phạm tội do cá nhân thực hiện mới đặt ra điều kiện “*nhân danh PNTM*”, “*vì lợi ích của PNTM*”, “*có sự điều hành hành, chỉ đạo hoặc chấp thuận của PNTM*”.

- Tương tự quy định tại Điều 76 BLHS 2015 về phạm vi chịu TNHS của PNTM, nội dung điều luật này không thể hiện việc PNTM phạm tội, mà thể hiện PNTM phải chịu TNHS đối với tội phạm được liệt kê khi thỏa mãn các điều kiện tại Điều 75 BLHS. Trong khi đó, Điều 75 BLHS như đã phân tích ở trên, hành vi phạm tội là do cá nhân thực hiện “*nhân danh PNTM*”, “*vì lợi ích của PNTM*”, “*có sự điều hành hành, chỉ đạo hoặc chấp thuận của PNTM*”.

Mặc dù như đã đề cập trong mục 3.2, TNHS của PNTM là dựa trên cơ sở lý luận, các nhà làm luật xác định việc “đồng nhất” tội phạm do cá nhân “*nhân danh PNTM*”, “*vì lợi ích của PNTM*”, “*có sự điều hành hành, chỉ đạo hoặc chấp thuận của PNTM*” là tội phạm do PNTM thực hiện. Tuy vậy, để tạo ra cách hiểu thống nhất, tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng trong thực tiễn thì cần xem xét sửa lại quy định tại Điều 75 BLHS 2015 để phù hợp với các điều luật khác trong việc xác định PNTM là chủ thể của tội phạm.

Thứ hai, về khái niệm tội phạm tại Điều 8 BLHS 2015.

Khoản 1 Điều 8 BLHS 2015 quy định: “*Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội ... do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, ... mà theo quy định của Bộ luật này phải bị xử lý hình sự*”.

Đây là định nghĩa pháp lý về tội phạm dưới dạng phức hợp, tức theo hướng

kết hợp yếu tố nội dung và hình thức; đồng thời bổ sung thêm các yếu tố (dấu hiệu) khác nhau (như lỗi, chủ thể của tội phạm, tính phải chịu hình phạt...). Từ định nghĩa pháp lý về tội phạm như trên, các nhà khoa học luật hình sự đã diễn giải và phân tích thành các dấu hiệu khác nhau để xác định tội phạm. Đó là: (1) Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội; (1) Tội phạm được quy định trong pháp luật hình sự (trái pháp luật hình sự, do pháp luật hình sự cấm...); (3) Tội phạm do người có năng lực trách nhiệm hình sự (đủ độ tuổi luật định) hoặc PNTM thực hiện; (4) Tội phạm được thực hiện một cách có lỗi; (5) Phải chịu hình phạt... Trong đó, dấu hiệu 3, 4, 5 chưa có sự thống nhất cao. Thực tiễn từ trước tới nay, định nghĩa pháp lý về tội phạm như trên về cơ bản được chấp nhận rộng rãi. Tuy nhiên, sau khi đưa quy định TNHS của PNTM vào trong BLHS, tại khoản 1 Điều 8 được các nhà làm luật bổ sung cụm từ “*hoặc pháp nhân thương mại*” thì trong khoa học pháp lý xảy ra cuộc tranh luận PNTM có phải là chủ thể của tội phạm hay không, hay chỉ là chủ thể của TNHS, cũng chính bổ sung như vậy tạo ra một số điểm chưa thống nhất, còn mâu thuẫn dẫn đến nhận thức khác nhau như đã chỉ ra trong suốt nội dung luận án.

Bên cạnh đó, từ nội dung khoản 1 Điều 8 cho thấy, khách thể mà PNTM xâm hại cũng hoàn toàn giống với khách thể mà cá nhân xâm hại, đó là toàn bộ các quan hệ xã hội được luật hình sự xác định và bảo vệ. Tuy nhiên nếu căn cứ vào Điều 76 thì PNTM chỉ được xác định là phạm tội nếu phạm vào các tội được liệt kê ở điều này. Tương ứng với đó là các quan hệ xã hội thuộc về trật tự quản lý kinh tế, môi trường và an toàn công cộng, trật tự công cộng.

Ngoài ra, trong nội dung khoản 1 Điều 8 có thể hiện điều kiện chủ thể của cá nhân phạm tội “*...do người có năng lực trách nhiệm hình sự...*”, trong khi đó lại không thể hiện điều kiện TNHS của pháp nhân. Theo NCS điều này là chưa hợp lý, logic về mặt kỹ thuật lập pháp. Thêm vào đó, trong BLHS thực tế không có điều luật nào quy định về năng lực TNHS mà chỉ có điều luật quy định về tình trạng không có năng lực TNHS (Điều 21).

Từ những phân tích trên, đồng thời với quan điểm xuyên suốt luận án xác

định pháp nhân là chủ thể của tội phạm, NCS cho rằng, cần phải nghiên cứu, bổ sung, xây dựng lại khái niệm tại Khoản 1 Điều 8 BLHS để bảo đảm tính khoa học, thống nhất và xác định đúng bản chất của tội phạm cho dù đó là tội phạm do cá nhân hay pháp nhân thực hiện để không gây ra những tranh luận hoặc cách hiểu khác nhau về tội phạm và phân định giữa khái niệm tội phạm do cá nhân hay tội phạm do pháp nhân thực hiện (*tác giả luận án sẽ trình bày rõ hơn ở phần Chương 4 của luận án*). Ngoài ra, khi đã xác định PNTM là chủ thể thực hiện tội phạm cần nghiên cứu, sửa đổi một số quy định tại các điều luật cụ thể hóa Điều 8 BLHS để bảo đảm sự thống nhất, phù hợp.

3.3.2. Về mặt kỹ thuật lập pháp

Thứ nhất, đối với Phần chung của BLHS 2015.

Ngoài những quy định đối với PNTM phạm tội tại Chương XI, còn một số các điều luật khác về TNHS của PNTM được quy định tại Phần những quy định chung của BLHS 2015. Việc quy định như vậy là chưa bảo đảm tính khoa học trong kỹ thuật lập pháp. Bên cạnh đó, với quan điểm lập pháp xác định PNTM là chủ thể của tội phạm, chủ thể của TNHS thì thuật ngữ trong một số điều luật có liên quan tới TNHS của PNTM chưa bảo đảm tạo ra cách hiểu, cách diễn giải thống nhất.

Thứ hai, đối với Phần tội phạm cụ thể của BLHS 2015.

Như đã phân tích trong mục 3.2, có 07/33 điều luật bổ sung các điều kiện cấu thành tội phạm đối với PNTM, điều này đã tạo ra sự mâu thuẫn giữa 07 điều luật này với 26 điều luật còn lại (căn cứ vào dấu hiệu pháp lý quy định đối với cá nhân phạm tội), không bảo đảm sự thống nhất về mặt kỹ thuật lập pháp. Đồng thời, tạo ra sự không bình đẳng giữa hai chủ thể tội phạm, hai chủ thể chịu TNHS là cá nhân và pháp nhân. Đơn cử, tội buôn lậu quy định tại Điều 188 BLHS, cá nhân thực hiện hành vi buôn lậu có trị giá từ 100 triệu đồng trở lên thì cá nhân đó phải chịu TNHS nhưng PNTM thực hiện hành vi buôn lậu cũng mức giá trị này vẫn chưa phải chịu TNHS.

Có một số hành vi nguy hiểm cho xã hội mà pháp nhân thương mại thực hiện khá phổ biến, tính nguy hiểm cao... nhưng chưa được quy định là PNTM

phải chịu

TNHS (Ví dụ tội đưa hối lộ).

Kết luận Chương 3

1. Trong lịch sử lập pháp hình sự của nước ta trước khi có BLHS 2015, vấn đề TNHS của pháp nhân từng được quy định trong một số sắc lệnh. Tuy vậy, trong thực tiễn xét xử và hướng dẫn của TA tối cao tại các văn bản pháp luật hình sự đều chỉ nghiêng về TNHS của cá nhân, không đề cập TNHS của pháp nhân. Do đó, trên thực tế vấn đề pháp nhân phạm tội và TNHS của pháp nhân phạm tội cũng chưa được áp dụng.

2. Sự ra đời của BLHS 2015 đánh dấu bước phát triển, đột phá trong tư duy lập pháp và chính sách hình sự của Nhà nước ta. Lần đầu tiên trong lịch sử lập pháp hình sự, BLHS quy định TNHS của PNTM. Điều này làm thay đổi tư duy truyền thống về tội phạm và hình phạt, đáp ứng yêu cầu đấu tranh chống các hành vi phạm tội do PNTM thực hiện ở Việt nam, tạo cơ sở pháp lý trong hợp tác quốc tế về đấu tranh phòng chống tội phạm, nhất là các loại tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia.

3. Tác giả luận án tập trung nghiên cứu các quy định của BLHS năm 2015 về TNHS đối với PNTM. Đối với quy định về TNHS của PNTM trong Phần chung tác giả đã phân tích, đánh giá các nội dung cơ sở, phạm vi, điều kiện, hình thức TNHS của PNTM phạm tội; đối với quy định về TNHS của PNTM phạm tội trong Phần các tội phạm, tác giả đã phân tích đánh giá nội dung, kết cấu, kỹ thuật lập pháp và hình phạt tại 33 điều luật mà PNTM có thể phải chịu TNHS. Trong đó, khẳng định một số vấn đề: PNTM vừa là chủ thể của tội phạm, vừa là chủ thể chịu TNHS; cơ sở để truy cứu TNHS đối với PNTM dựa trên dấu hiệu hành vi của cá nhân phạm tội khi cá nhân đó nhân danh PNTM, mang lại lợi ích cho pháp nhân, thực hiện theo sự chỉ đạo, điều hành hay chấp thuận của pháp nhân...; PNTM chỉ phải chịu TNHS khi thực hiện 33 tội danh theo quy định tại Điều 76 của BLHS và nguyên tắc PNTM chịu TNHS không loại trừ TNHS của cá nhân.

4. Trên cơ sở phân tích các quy định của BLHS 2015 về TNHS của PNTM phạm tội, tác giả luận án đưa ra một số nhận xét, đánh giá chỉ ra một số bất cập, hạn chế, mâu thuẫn về nội dung và kỹ thuật lập pháp là cơ sở để kiến nghị, đề xuất các giải pháp sửa đổi, hoàn thiện BLHS ở phần Chương 4 của Luận án.

Chương 4

THỰC TIỄN, YÊU CẦU, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN VÀ BẢO ĐẢM ÁP DỤNG QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VỀ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ CỦA PHÁP NHÂN

4.1. Thực tiễn áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại phạm tội

4.1.1. Việc triển khai, áp dụng các quy định của pháp luật về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại phạm tội

Sau khi BLHS 2015 được ban hành và có hiệu lực, các cơ quan ban ngành có trách nhiệm, đặc biệt là CQĐT, VKS, TA đã tổ chức nghiên cứu, phổ biến những điểm mới trong quy định của BLHS về PNTM phạm tội để thống nhất trong nhận thức và áp dụng pháp luật. Đồng thời, Hội đồng thẩm phán TAND tối cao đã ban hành một số văn bản hướng dẫn thi hành nhằm cụ thể hóa các quy định liên quan tới tội phạm mà PNTM phải chịu TNHS như: Nghị Quyết số 06/2019/NQ- HĐTP ngày 25/10/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Điều 299 về tội khủng bố, Điều 300 về tội tài trợ khủng bố của BLHS; Nghị Quyết số 05/2019/NQ- HĐTP ngày 15/08/2019 hướng dẫn áp dụng Điều 214 về Tội gian lận bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, Điều 215 về Tội gian lận bảo hiểm y tế và Điều 216 về Tội trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động của BLHS; Nghị Quyết số 03/2019/ NQ-HĐTP ngày 24/5/2019 hướng dẫn áp dụng Điều 324 của BLHS về Tội rửa tiền; Nghị Quyết số 05/2018/ NQ-HĐTP ngày 05/11/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 234 về Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã và Điều 244 về Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm của BLHS. Các văn bản hướng dẫn đã được triển khai trong hệ thống cơ quan tư pháp từ Trung ương tới địa phương.

Để đánh giá tình hình triển khai, thực hiện và áp dụng các quy định của BLHS 2015, cũng như các văn bản hướng dẫn có liên quan đến PNTM phạm tội, tác giả luận án đã nghiên cứu các báo cáo tổng kết công tác ngành Kiểm sát hằng

năm (từ

năm 2018 đến tháng 06/2021), theo đó các cơ quan THTT mới chỉ khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử đối với 02 PNTM (*xem Phụ lục 3*). Cụ thể:

Vụ thứ nhất: Trong khoảng thời gian năm 2018 đến tháng 04/2019, Vũ Văn Phụ - là Giám đốc Công ty cổ phần Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp, có địa chỉ tại Phòng 1 nhà N3 tập thể Sư phạm I, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, đồng thời cũng là Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp có địa chỉ tại: Lô A, khu Công nghiệp Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ đã có hành vi sử dụng tem nhãn in dòng chữ “NHÔM VIỆT PHÁP SHAL” dán vào các thanh nhôm định hình do Chi nhánh của Công ty sản xuất để bán ra thị trường; dấu hiệu: “NHÔM VIỆT PHÁP SHAL” đã được Cục sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ cấp văn bằng bảo hộ số 292021 cho Công ty cổ phần Nhôm Việt Pháp SHAL có địa chỉ tại: Lô KT, Khu công nghiệp Phúc Sơn, đường Trần Nhân Tông, phường Ninh Sơn, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. Tổng số nhôm thanh định hình dán tem nhãn “NHÔM VIỆT PHÁP SHAL” do Công ty cổ phần nhôm Việt Pháp – Nhà máy nhôm Việt Pháp SHAL và Chi nhánh của Công ty (hoạt động dưới sự chỉ đạo của Công ty) đã bán ra thị trường có tổng giá trị hàng hóa vi phạm là: 11.106.592.233 đồng và giá trị hàng hóa vi phạm còn tồn trong kho là: 11.995.758.450 đồng. Tổng giá trị hàng hóa đã vi phạm để truy cứu TNHS trong vụ án này là: 23.102.350.683 đồng (*Bản án số 02/2020/HS-ST ngày 14/01/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ*). Trong bản án này, PNTM là Công ty Cổ phần Nhôm Việt Pháp - Nhà máy nhôm Việt Pháp đã phạm tội và phải chịu TNHS. Việc xác định Công ty Cổ phần Nhôm Việt Pháp phạm tội được căn cứ vào hành vi phạm tội của Vũ Văn Phụ - là Giám đốc Công ty cổ phần Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp. Như vậy, về mặt thực tiễn áp dụng pháp luật, các cơ quan THTT đã chứng minh tội phạm do cá nhân thực hiện nhân danh PNTM, vì lợi ích của PNTM, có sự chỉ đạo, điều hành của PNTM và việc truy cứu TNHS của PNTM trong vụ án này (Công ty cổ phần Nhôm Việt Pháp - Nhà máy nhôm Việt Pháp) cũng không loại trừ trách nhiệm của cá nhân (Vũ Văn Phụ - là Giám đốc Công ty Cổ phần Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp).

Vụ thứ hai: Ngày 09/09/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bà Rịa

– Vũng Tàu ra quyết định khởi tố vụ án “*Xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp*” xảy ra tại Công ty cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Việt Nam (trụ sở chính tại số 264 Lê Thánh Tông, phường Bến Thành, Q.1, TP.HCM). Đến ngày 10/12/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ra quyết định khởi tố bị can đối với PNTM là Công ty cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Việt Nam về tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp, quyết định khởi tố bị can được VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phê chuẩn. Ngày 18/01/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu chuyển kết luận điều tra cùng hồ sơ sang VKSND cùng cấp đề nghị truy tố bị can đối với pháp nhân Công ty cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Việt Nam. Ngày 06/05/2021, TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã mở phiên tòa xét xử vụ án. Tuy nhiên, HĐXX đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung hai lần. Lần 1 vào tháng 05/2021 và lần 2 vào tháng 02/2022. Tuy vậy, cả hai lần TA trả hồ sơ chỉ nhằm mục đích đề nghị VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu làm rõ những vấn đề liên quan tới việc có xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu hay không và một số nội dung liên quan đến định giá tài sản. Hiện vụ án vẫn đang trong quá trình tiếp tục giải quyết.

4.1.2. Những hạn chế và nguyên nhân trong việc áp dụng các quy định của pháp luật về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại phạm tội

Thực tiễn xét xử hình sự là nơi biểu hiện tập trung nhất của quá trình truy cứu TNHS và là phòng thí nghiệm thích hợp nhất để kiểm chứng, đánh giá sự phù hợp của các quy định pháp luật hình sự với thực tiễn cuộc sống. Qua đó, những ưu điểm và cả những hạn chế trong quy định và áp dụng pháp luật được bộc lộ, đặt ra yêu cầu phải sớm nghiên cứu hoàn thiện pháp luật, nâng cao chất lượng và hiệu quả áp dụng pháp luật để đấu tranh có hiệu quả với tội phạm [13, tr.101]. Trong những năm qua, số vụ vi phạm pháp luật do PNTM thực hiện là rất lớn, tuy vậy, kể từ khi BLHS 2015 có hiệu lực đến nay, trên thực tế mới chỉ có 02 vụ án hình sự với 02 PNTM bị khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử. Điều này một mặt thể hiện những hạn chế trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm do PNTM

thực hiện, mặt khác cũng thể hiện những khó khăn trong việc đưa chế định TNHS của PNTM vào thực tiễn. Qua nghiên cứu, làm rõ chế định TNHS của PNTM và tổng kết từ thực tiễn áp dụng chế định này, luận án xác định nguyên nhân của hạn chế nêu trên là do:

Một là, do những bất cập, hạn chế ngay trong các quy định về TNHS của PNTM phạm tội. Vấn đề này đã được NCS phân tích và chỉ ra trong Chương 3 của luận án.

Hai là, công tác giải thích, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật hình sự chưa đáp ứng yêu cầu.

Trong thực tiễn lập pháp và hành pháp của nước ta, công tác giải thích, hướng dẫn áp dụng pháp luật có vai trò hết sức quan trọng. Thực tiễn đã chỉ ra rằng, nhiều trường hợp văn bản pháp luật được ban hành, có hiệu lực nhưng chưa có văn bản giải thích, hướng dẫn thi hành thì việc thực thi áp dụng gặp rất nhiều khó khăn, không thống nhất, thậm chí không thực thi được. Từ khi BLHS 2015 ban hành và có hiệu lực đến nay, tính cả thời điểm trước khi BLHS được sửa đổi, bổ sung năm 2017, trong số các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành của các cơ quan có thẩm quyền, chỉ có 02 văn bản đề cập tới TNHS của PNTM, nhưng rất hạn chế. Cụ thể: Điểm h Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành BLHS 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) có quy định: “*Các quy định về TNHS của PNTM tại BLHS 2015 không áp dụng đối với những hành vi phạm tội của PNTM xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018*”; tại Điều 3 Nghị quyết 03/2019/NQ-HĐTP ngày 24/5/2019 hướng dẫn áp dụng Điều 324 của BLHS về tội rửa tiền quy định: “*Tội phạm nguồn ... Hành vi phạm tội nguồn có thể do công dân Việt Nam, PNTM Việt Nam, người không quốc tịch thường trú tại Việt Nam thực hiện trong hoặc ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.*

Cũng được coi là tội phạm nguồn đối với hành vi phạm tội thực hiện ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, do công dân nước ngoài, PNTM nước

ngoài thực hiện mà theo quy định của BLHS Việt Nam, pháp luật của quốc gia, vùng lãnh thổ sở tại quy định là tội phạm”.

Có thể thấy rằng, kể từ khi BLHS 2015 có hiệu lực đến nay, công tác giải thích, hướng dẫn thi hành đối với chế định TNHS của PNTM phạm tội vẫn còn chậm, chưa có văn bản hướng dẫn thi hành riêng. Một vài văn bản có đề cập tới PNTM nhưng còn hạn chế và không giải quyết được những khó khăn, vướng mắc trong việc đưa chế định TNHS của PNTM phạm tội vào thực tiễn.

Ba là, công tác tổ chức thi hành, tập huấn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật hình sự chưa được chú trọng.

Trong thời gian qua, Nhà nước ta đã quan tâm tới công tác tổ chức thi hành, tập huấn, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, đặc biệt là các văn bản pháp luật quan trọng, như BLHS, BLDS, Bộ luật lao động... Các văn bản pháp luật sau khi được ban hành đã được tổ chức thi hành, tuyên truyền, phổ biến bằng nhiều hình thức sinh động góp phần đưa pháp luật vào đời sống, điều chỉnh có hiệu quả các mối quan hệ xã hội, đảm bảo pháp chế XHCN, đạt được mục đích của Nhà nước, đồng thời mang lại lợi ích cho xã hội. Tuy nhiên, đánh giá một cách tổng thể công tác này vẫn là một khâu yếu trong chuỗi hoạt động từ nghiên cứu, xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện.

Trong đó, việc tổ chức tập huấn, tuyên truyền BLHS và các văn bản hướng dẫn mới cho cán bộ, công chức nói chung, những người trực tiếp làm công tác áp dụng pháp luật hình sự (như Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán) nói riêng chưa được thực hiện một cách thường xuyên, liên tục, nhất là ở những vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Bên cạnh đó, bản thân các đối tượng này cũng chưa có sự chủ động trong việc tìm hiểu, cập nhật, lưu giữ, sắp xếp, hệ thống các văn bản pháp luật hình sự. Bên cạnh đó, chế định TNHS của PNTM phạm tội là nội dung mới, hành vi phạm tội của PNTM lại liên quan đến nhiều hoạt động phức tạp trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh, thuế, tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, xuất nhập khẩu... những lĩnh vực này lại thường xuyên có sự thay đổi trong chính sách của Nhà nước. Do đó, nếu không thường xuyên

được bồi dưỡng, tập huấn, phổ biến và cung cấp văn bản pháp luật mới, hoặc không chủ động tìm hiểu, cập nhật rất khó phát hiện những vi phạm và áp dụng pháp luật để xử lý các vi phạm đó. Ở bình diện xã hội, xuất phát từ quan niệm pháp luật hình sự là công việc của Nhà nước, chỉ điều chỉnh mối quan hệ giữa Nhà nước với người phạm tội, nên hầu hết người dân, pháp nhân không quan tâm đến pháp luật hình sự, trừ khi họ “vướng vào vòng lao lý” hoặc có quyền và lợi ích liên quan đến một vụ án hình sự. Đây chính là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng áp dụng TNHS của PNTM phạm tội trong thời gian qua còn nhiều hạn chế.

Bốn là, nhận thức, năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ người THTT còn hạn chế.

Để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm các cơ quan THTT đã chú trọng đến đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ người THTT, chính vì vậy đã góp phần xây dựng đội ngũ người THTT ngày càng nâng cao về chất lượng và số lượng. Tuy nhiên, tội phạm trên các lĩnh vực kinh tế, môi trường nói chung, do PNTM thực hiện nói riêng liên quan đến những hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ phức tạp của lĩnh vực kinh doanh, thương mại như tài chính, kế toán, thuế, tín dụng, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, sở hữu trí tuệ... nên đòi hỏi các Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán được phân công giải quyết phải có những hiểu biết sâu, rộng về kinh tế và quản lý kinh tế.

Thực tế hiện nay, ở bậc đại học chuyên ngành luật, nội dung đào tạo chủ yếu mang nặng tính lý luận, chính trị, pháp lý mà không được đào tạo về kinh tế và quản lý kinh tế. Đồng thời, khi ra trường trong quá trình hoạt động nghề nghiệp, bồi dưỡng nghiệp vụ của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán cũng ít được đào tạo, bồi dưỡng về lĩnh vực này. Do đó, họ thường gặp rất nhiều khó khăn khi giải quyết vụ án kinh tế, môi trường, đặc biệt là do PNTM thực hiện.

Mặt khác, BLHS 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018, cho đến nay đã được gần 05 năm, nhưng mới chỉ có 01 PNTM bị kết án. Do đó, kinh nghiệm thực tiễn của các cơ quan THTT, người THTT trong giải quyết các vụ án có PNTM phạm tội chưa có, đặc biệt là đối với các pháp nhân có tổ chức chặt chẽ, dùng thủ đoạn tinh vi để phạm tội và che giấu tội phạm thì càng khó khăn

hơn; khi xử lý

trường hợp PNTM vi phạm pháp luật sẽ không tránh khỏi lúng túng, thậm chí cách hiểu và áp dụng pháp luật còn khác nhau, nên rất khó đấu tranh với chủ thể này.

Đây là nguyên nhân dẫn đến hoạt động truy cứu, áp dụng chế định TNHS của PNTM trong thời gian qua còn nhiều khó khăn, vướng mắc, hạn chế.

Năm là, trong thời kỳ hội nhập và sự phát triển của nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp được hình thành, phát triển ngày càng phong phú và có vai trò quan trọng trong xã hội (theo số liệu của Tổng cục Thống kê, trong 4 tháng đầu năm 2019 cả nước có 43.305 doanh nghiệp thành lập mới, riêng tháng 4/2019 có 14.854 doanh nghiệp thành lập mới). Đặc biệt, sự phát triển của các công ty với quy mô, cấu trúc và hoạt động ngày càng phức tạp đã tạo ra những thách thức ngày càng lớn cho pháp luật. Hoạt động của các doanh nghiệp không những mang đến những lợi ích to lớn cho sự phát triển của xã hội mà còn gây ra những hậu quả tiêu cực cho xã hội. Sự phát triển quá nhanh chóng và mức độ phức tạp của các pháp nhân cũng đang là một vấn đề khó khăn cho việc xem xét TNHS của các PNTM hiện nay.

4.2. Yêu cầu của việc hoàn thiện và bảo đảm áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự về trách nhiệm hình sự của pháp nhân

4.2.1. Yêu cầu của việc phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa

Từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (1986) tới nay, Đảng và Nhà nước ta nhất quán đường lối phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN. Nền kinh tế của nước ta chuyển đổi từ cơ chế kế hoạch hóa, tập trung, bao cấp sang nền kinh tế thị trường với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế, nhiều hình thức sở hữu và được vận hành theo các quy luật của kinh tế thị trường. Vai trò của thành phần kinh tế tư nhân ngày càng được khẳng định, “*thực sự trở thành một động lực quan trọng trong phát triển kinh tế*” [18, tr.240]. Kinh tế tư nhân trong nước và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ngày càng giữ vai trò trọng yếu trong việc huy động nguồn lực và thúc đẩy tăng trưởng. Cũng như các tổ chức kinh tế khác (PNTM), bên cạnh những mặt tích cực, các doanh nghiệp tư

nhân, tổ chức kinh tế tư nhân còn có những tác động tiêu cực, những hành vi vi phạm pháp luật

ng nghiêm trọng cần phải được điều chỉnh kịp thời.

Hiện nay, BLHS 2015 mới chỉ quy định PNTM là chủ thể chịu TNHS, còn các pháp nhân khác hoặc tổ chức kinh tế tư nhân không thuộc phạm vi điều chỉnh của chủ thể chịu TNHS. Như vậy, vấn đề đặt ra là các pháp nhân khác hoặc tổ chức kinh tế tư nhân, nếu thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội ở mức độ phải bị xử lý hình sự thì hình thức xử lý như thế nào, liệu cùng một loại hành vi nhưng PNTM thì bị xử lý hình sự còn pháp nhân khác hoặc tổ chức kinh tế tư nhân thì không bị xử lý hình sự. Như vậy, sẽ không đảm bảo tính công bằng, bình đẳng đối với các chủ thể, không bảo đảm được đúng như tinh thần quy định của Hiến pháp năm 2013: *“Các thành phần kinh tế đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật”*.

Từ những phân tích trên, có thể khẳng định, việc tiếp tục hoàn thiện quy định về chủ thể phải chịu TNHS trong BLHS là hết sức cần thiết. Trong đó, khi sửa đổi, bổ sung BLHS thì ngoài phạm vi chủ thể là PNTM cần tính đến việc mở rộng thêm các pháp nhân khác, kể cả pháp nhân phi thương mại; doanh nghiệp tư nhân và tổ chức kinh tế tư nhân khác.

4.2.2. Yêu cầu của công tác đấu tranh phòng chống vi phạm và tội phạm do pháp nhân gây ra

Sau hơn 35 năm đổi mới, với chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường định hướng XHCN, với những chính sách kinh tế thông thoáng, hội nhập kinh tế quốc tế, thúc đẩy đầu tư của Nhà nước ta đã tạo điều kiện hết sức thuận để phát triển kinh tế. Tuy nhiên dưới tác động của mặt trái của nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, không ít pháp nhân hoạt động kinh doanh vì chạy theo lợi nhuận đã cố tình thực hiện các hành vi phạm tội trong lĩnh vực kinh doanh, vận tải, gian lận thương mại, trốn thuế, hối lộ, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, sở hữu công nghiệp, làm hàng giả, buôn bán hàng giả, cố tình làm trái các quy định về quản lý kinh tế, các tội phạm liên quan đến tài chính, ngân hàng; các tội phạm về môi trường... ngày càng phổ biến và

ng nghiêm trọng với các thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt, có tổ chức cao, nhiều vụ việc mang tính xuyên quốc gia. Đặc biệt có những hành vi vi phạm pháp luật pháp luật mới có tính chất rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng của pháp nhân trong nhiều lĩnh vực khác nhau (mua bán người, khủng bố, rửa tiền, tội phạm sử dụng công nghệ cao, ma túy, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tham nhũng, hối lộ, đánh bạc...) nhưng chưa được pháp luật hình sự điều chỉnh, quy định.

Thực tiễn nêu trên đặt ra yêu cầu chính sách và pháp luật hình sự cần phải tiếp tục được hoàn thiện và bảo đảm áp dụng để đáp ứng yêu cầu của công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung, tội phạm do pháp nhân thực hiện nói riêng. Theo đó, cần mở rộng phạm vi truy cứu TNHS đối với các hành vi vi phạm pháp luật của pháp nhân đến mức phải xử lý hình sự; bên cạnh đó cũng cần xem xét mở rộng phạm vi chủ thể là pháp nhân phải chịu TNHS, không phân biệt PNTM hay pháp nhân phi thương mại.

4.2.3. Yêu cầu của việc mở rộng hội nhập quốc tế

Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI (2011), Đảng ta đề ra đường lối đối ngoại trong thời kỳ phát triển mới, trong đó có chủ trương rất quan trọng là chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện trên các mặt: Kinh tế, văn hóa, khoa học công nghệ và giáo dục, đào tạo... Nghị quyết số 06-NQ/TW, ngày 05/11/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII xác định hội nhập kinh tế quốc tế là trọng tâm của hội nhập quốc tế, “mở cửa” nền kinh tế, đưa các doanh nghiệp trong nước tham gia tích cực vào cạnh tranh và phân công lao động quốc tế nhằm mở rộng không gian và thị trường để phát triển. Tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII tiếp tục khẳng định: *“Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên Hợp Quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi”*.

Trên phương diện hội nhập quốc tế trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, Đảng và Nhà nước ta đang tích cực thực hiện hội nhập sâu rộng trên nhiều lĩnh vực. Đến nay, chúng ta đã chính thức tham gia, ký kết và thực hiện 14 Hiệp định thương mại tự do (FTA). Đồng thời, Việt Nam đã trở thành thành viên của nhiều công ước quốc tế về phòng, chống tội phạm như: Công ước chống tội phạm

có tổ chức xuyên quốc gia, Công ước chống tham nhũng, Công ước chống tài trợ khủng bố, 40 Khuyến nghị của FATF về chống rửa tiền... Do đó, với việc ghi nhận chủ thể chịu trách nhiệm hình sự là pháp nhân thương mại và phạm vi truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là 33 tội danh được quy định trong BLHS 2015 đã thể hiện những chuyển biến căn bản trong chính sách hình sự của nước ta. Đây cũng là việc nhằm bảo đảm thực hiện các cam kết quốc tế trong đó có vấn đề về TNHS của pháp nhân, đồng thời thể hiện trách nhiệm tuân thủ của Việt Nam với các quy định của luật pháp quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia. Tuy vậy, việc giới hạn về chủ thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự là PNTM, cũng như giới hạn phạm vi truy cứu TNHS đối với PNTM (33 tội danh), thì có thể thấy rằng, chính sách hình sự của Nhà nước ta nói chung, BLHS nước ta nói riêng vẫn chưa nội luật hóa đầy đủ các yêu cầu, khái niệm tổ chức tội phạm của các Công ước mà Việt Nam đã tham gia hoặc ký kết.

Đồng thời, như đã phân tích về TNHS của pháp nhân một số nước trên thế giới tại mục 2.3 phần Chương II của Luận án, thực tiễn lập pháp hình sự của nhiều nước phát triển trên thế giới cũng thấy rằng quy định pháp nhân phạm tội đều có phạm vi điều chỉnh rộng hơn, không chỉ giới hạn đối với PNTM, không có sự khác biệt nhiều trong TNHS của PNTM và pháp nhân phi thương mại. Đây là xu thế chung, mang tính tất yếu khách quan trong xây dựng pháp luật hình sự; trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm của mỗi quốc gia và hội nhập quốc tế, trong đó có Việt Nam.

Để bổ sung, hoàn thiện chế định TNHS của PNTM nhằm đáp ứng yêu cầu của việc hội nhập quốc tế đòi hỏi các cơ quan có thẩm quyền phải tiếp tục nghiên cứu nội dung của các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia có liên quan đến TNHS của pháp nhân; tiếp tục nghiên cứu và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới trong việc quy định TNHS đối với pháp nhân, từ đó từng bước nội luật hóa đầy đủ và xây dựng các quy định về TNHS đối với pháp nhân phù hợp với tình hình thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm của Việt Nam trong tình hình mới. Đây cũng là biện pháp nhằm tăng cường

hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, tạo lòng tin cho các đối tác quốc tế, tạo thuận lợi hơn cho quá trình hội nhập, đặc biệt là hội nhập về kinh tế quốc tế.

4.3. Giải pháp hoàn thiện và bảo đảm áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự về trách nhiệm hình sự của pháp nhân

4.3.1. Hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự về trách nhiệm hình sự của pháp nhân

4.3.1.1. Tiếp tục nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số quy định của Bộ luật hình sự về trách nhiệm hình sự của pháp nhân

Chế định TNHS của PNTM phạm tội là một chế định mới lần đầu tiên được quy định trong BLHS Việt Nam. Theo quan điểm của tác giả, tại thời điểm ban hành BLHS 2015 việc quy định chủ thể chịu TNHS - PNTM và giới hạn phạm vi tội phạm mà PNTM phải chịu TNHS là phù hợp với đặc điểm tình hình kinh tế, xã hội, phù hợp với công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm và quy luật tất yếu khách quan của quá trình xây dựng luật hình sự của nước ta; phù hợp với tính chất lần đầu tiên quy định “vừa làm vừa xem xét rút kinh nghiệm để hoàn thiện”. Tuy nhiên, qua nghiên cứu luật hình sự một số nước trên thế giới và trước yêu cầu công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN và hội nhập quốc tế trong giai đoạn hiện nay, đặc biệt là sau gần 06 năm BLHS ban hành, chế định TNHS của PNTM đã bộc lộ một số điểm hạn chế, mâu thuẫn như tác giả đã chỉ ra trong Chương 3. Do đó, để đáp ứng các yêu cầu của công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung, tội phạm do PNTM thực hiện nói riêng, chế định TNHS của PNTM phạm tội cần phải tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, luận án đề xuất một số điểm cần sửa đổi, bổ sung như sau:

Thứ nhất, đối với Phần chung của BLHS 2015.

- Hoàn thiện khái niệm tội phạm tại Điều 8 BLHS 2015.

Thuật ngữ “*hoặc PNTM*” được đưa vào khái niệm tội phạm tại khoản 1 Điều 8 BLHS 2015 nhằm chỉ tội phạm do PNTM thực hiện bên cạnh tội phạm do cá nhân thực hiện. Vấn đề này đã tạo ra tranh luận trong khoa học pháp lý về việc

PNTM là chủ thể của tội phạm hay chỉ là chủ thể của TNHS khi đối chiếu với một số điều luật khác quy định về TNHS của PNTM phạm tội. Mặt khác, như quan điểm của luận án đã nêu ra ở Chương 3, khái niệm tội phạm tại Khoản 1 Điều 8 BLHS 2015 khi đề cập tới khách thể mà hành vi của PNTM xâm hại quá rộng so với quy định tại Điều 76 BLHS. Do đó, NCS cho rằng, cần phải nghiên cứu, bổ sung, xây dựng lại khái niệm tại Khoản 1 Điều 8 BLHS để bảo đảm tính khoa học, thống nhất và xác định đúng bản chất của tội phạm cho dù đó là tội phạm do cá nhân hay pháp nhân thực hiện để không gây ra những tranh luận hoặc cách hiểu khác nhau về tội phạm và phân định giữa khái niệm tội phạm do cá nhân hay tội phạm do pháp nhân thực hiện, cũng như làm tiền đề quan trọng cho các quy định khác trong việc cụ thể hóa Điều 8.

Về vấn đề khái niệm tội phạm, trong bài viết “*Đổi mới nhận thức một số vấn đề lý luận về tội phạm và cấu thành tội phạm*” của PGS.TS Trần Văn Độ đăng trên Tạp chí Nhân lực Khoa học xã hội số 10/2020, tác giả cho rằng: Trong các hệ thống pháp luật hình sự hiện đại, khái niệm pháp lý về tội phạm được thể hiện theo 3 cách cơ bản: 1) *Khái niệm hình thức*: Tội phạm là hành vi bị cấm trong pháp luật hình sự và phải chịu hình phạt. Khái niệm này chỉ thể hiện dấu hiệu hình thức pháp lý, không thể hiện dấu hiệu nội dung của tội phạm và được quy định trong pháp luật hầu hết các Nhà nước tư sản. 2) *Khái niệm kết hợp nội dung và hình thức*: Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong pháp luật hình sự. Khái niệm này thể hiện 2 dấu hiệu bản chất quan trọng nhất của tội phạm là tính nguy hiểm cho xã hội và tính trái pháp luật hình sự. 3) *Khái niệm phức hợp*: Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội, được quy định trong pháp luật hình sự, do người có năng lực TNHS thực hiện một cách có lỗi. Trong khái niệm này ngoài 2 dấu hiệu đặc trưng thuộc bản chất, nhà làm luật bổ sung thêm một số dấu hiệu thuộc chủ thể của tội phạm, dấu hiệu lỗi và dấu hiệu tính phải chịu xử lý hình sự, hình phạt... Điều 8 BLHS 2015 của Việt Nam khái niệm tội phạm theo cách này.

Cũng trong bài viết này, PGS.TS Trần Văn Độ cho rằng cách quy định thứ

hai là cô đọng, đầy đủ và chặt chẽ nhất khái niệm về tội phạm. Theo đó, *Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong pháp luật hình sự*. Khái niệm này kết hợp một cách hiệu quả nhất hai dấu hiệu cơ bản của tội phạm là tính nguy hiểm cho xã hội và tính trái pháp luật hình sự. Dấu hiệu về chủ thể của tội phạm và dấu hiệu về lỗi không phải là dấu hiệu bản chất của tội phạm mà là những dấu hiệu về điều kiện TNHS của chủ thể. Pháp luật hình sự quy định điều kiện riêng cho mỗi loại chủ thể (cá nhân, pháp nhân).

NCS đồng tình với quan điểm của PGS.TS Trần Văn Độ như trên. Bởi nếu xét về mặt lý luận thì bất kỳ một tội phạm nào cũng có hai dấu hiệu đặc trưng cơ bản là: 1) Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội. Tội phạm trước hết là hành vi được thể hiện ra bên ngoài thế giới khách quan. Các suy nghĩ chủ quan của con người, dù nguy hiểm thế nào đi nữa mà chưa được thể hiện ra thế giới khách quan thì chưa phải là tội phạm. 2) Tội phạm được quy định trong pháp luật hình sự. Đây là dấu hiệu thể hiện bản chất pháp lý, thể hiện dấu hiệu hình thức của tội phạm đã được khẳng định trong pháp luật của các quốc gia trong các thời kỳ và thuộc các hệ thống pháp luật khác nhau.

Xét về mặt thực tiễn trong thực tế điều tra vụ án hình sự, các cơ quan chức năng tiến hành khởi tố vụ án hình sự chủ yếu căn cứ vào hai dấu hiệu của tội phạm, đó là có hành vi nguy hiểm cho xã hội và hành vi đó được quy định trong BLHS.

Việc quy định khái niệm “*Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong pháp luật hình sự*” góp phần khắc phục được mâu thuẫn, tranh luận trong khái niệm tội phạm như đã đề cập, đó là việc PNTM là chủ thể tội phạm hay chủ thể của TNHS, cũng như vấn đề khách thể mà hành vi của PNTM xâm hại. Như vậy, khi chứng minh yếu tố cấu thành tội phạm do cá nhân hay PNTM thực hiện, ngoài xác định hành vi nguy hiểm cho xã hội và được quy định trong pháp luật hình sự phải căn cứ vào các điều kiện TNHS quy định cho cá nhân và pháp nhân.

Từ những phân tích trên, tác giả đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 8 (Khái niệm tội phạm) của BLHS 2015 như sau: “*Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong pháp luật hình sự*”.

- Hoàn thiện quy định về cơ sở của TNHS tại Điều 2 BLHS.

Trong Chương 3, khi phân tích quy định tại Điều 2 BLHS 2015 nói chung, Khoản 2 điều này nói riêng, NCS đã chỉ ra rằng, quy định hiện hành đã dẫn tới những luồng quan điểm khác nhau về việc PTNM là chủ thể tội phạm hay chủ thể của TNHS, có tội phạm do PNTM thực hiện bên cạnh tội phạm do cá nhân thực hiện... Mặt khác, chính quy định hiện hành như vậy cũng đã dẫn tới việc có một số quan điểm đặt ra câu hỏi rằng: Có cần thiết đề cập tới các tội mà PNTM phải chịu TNHS trong điều luật quy định về TNHS của pháp nhân hay không? Lỗi, các giai đoạn phạm tội của PNTM được xác định như thế nào? Quy định ra sao? Đã quy định riêng về cơ sở TNHS của pháp nhân thì cũng phải triển khai các quy định cụ thể về TNHS của pháp nhân như lỗi, các giai đoạn phạm tội...

Từ kết quả nghiên cứu của mình, NCS đã khẳng định rằng, cơ sở TNHS của pháp nhân cũng giống như cơ sở chịu TNHS của cá nhân. Đó là việc xác định cá nhân hoặc pháp nhân phạm vào một tội được BLHS quy định, tức là thực hiện hành vi thỏa mãn các dấu hiệu của cấu thành tội phạm cụ thể (thỏa mãn dấu hiệu tội phạm các điều kiện chịu TNHS được BLHS quy định). Do đó, cũng không cần phải quy định trong điều luật về cơ sở TNHS nội dung thể hiện PNTM phạm vào tội được quy định tại Điều 76 mà chỉ cần quy định phạm vào một tội được BLHS quy định. Ngoài ra, hành vi, lỗi của cá nhân được “đồng nhất” với hành vi, lỗi của pháp nhân, điều này có nghĩa rằng cũng không cần xác định và quy định riêng các vấn đề về lỗi hay giai đoạn phạm tội của PNTM.

Với luận giải như vậy, NCS cho rằng một mặt cần sửa đổi quy định tại Điều 2 về mặt nội dung, đồng thời phải lưu ý lựa chọn về mặt từ ngữ kỹ thuật để bảo đảm tính khoa học, chính xác, đồng thời tạo tiền đề cho các quy định khác về TNHS của pháp nhân được thống nhất. Theo đó, NCS đề xuất sửa đổi Điều 2 theo hướng sau:

Điều 2: Cơ sở của trách nhiệm hình sự

Chỉ một thể nhân hoặc pháp nhân nào phạm một tội đã được Bộ luật hình sự quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự.

- Hoàn thiện quy định về phân loại tội phạm tại Khoản 2 Điều 9.

Như trong Chương 3 của luận án đã phân tích, quy định tại khoản 2 Điều 9 BLHS 2015 về phân loại tội phạm đối với PNTM phạm tội có nhiều điểm bất cập; không thể hiện được những dấu hiệu đặc trưng liên quan đến phân loại tội phạm đối với PNTM, vừa không đảm bảo tính logic. Nội dung của khoản 2 Điều 9 chỉ là sự dẫn chiếu đến khoản 1 Điều 9 và Điều 76 BLHS, nhưng khoản 1 Điều 9 thực chất là quy định phân loại tội phạm đối với cá nhân, nó không có tính tương thích về hình phạt được áp dụng đối với cá nhân và đối với PNTM. Nên không thể căn cứ vào khoản 1 Điều 9 để phân loại tội phạm cho PNTM phạm tội. Mặt khác, việc dẫn chiếu từ khoản 2 Điều 9 sang Điều 76 cũng có những vướng mắc, bất cập như trong Chương 3 luận án đã chỉ rõ.

Ngoài ra, trong Điều 9 BLHS, khoản 1 quy định cách phân loại tội phạm nhưng không nói rõ quy định đó áp dụng cho cá nhân hay pháp nhân; trong khi đó tại khoản 2 lại nêu đối tượng được áp dụng là PNTM. Rõ ràng, nếu khoản 1 được hiểu là phạm vi áp dụng chung cho cả cá nhân và pháp nhân thì không cần thiết quy định khoản 2 để áp dụng cho pháp nhân. Nếu cần thiết phải quy định riêng việc phân loại tội phạm đối với cá nhân, pháp nhân thì khoản 1 phải nói rõ đó là căn cứ phân loại tội phạm đối với cá nhân phạm tội, bên cạnh đó phân loại tội phạm với PNTM ở khoản 2 cũng phải sửa đổi, bổ sung nội dung của khoản này trên cơ sở *“vẫn căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi như với cá nhân tại Khoản 1 nhưng phải lượng hóa bằng hậu quả pháp lý đặc thù mà pháp nhân có thể phải gánh chịu – tức các hình phạt riêng được áp dụng đối với đối tượng này”* [81, tr.76].

Qua nghiên cứu 33 tội danh mà PNTM phải chịu TNHS trong BLHS 2015 NCS thấy rằng: Mặc dù mức hình phạt chính đối với PNTM giữa các điều luật có chỗ chưa thực sự thống nhất và chưa giữ tỷ lệ cố định (số tiền phạt pháp nhân/số năm tù phạt cá nhân) nhưng nếu bị truy cứu cùng một tội thì về cơ bản khoản nào mức cao nhất của khung hình phạt với cá nhân thỏa mãn là ít nghiêm trọng thì pháp nhân bị phạt tiền đến tối đa 3.000.000.000 đồng (và nhiều tội khác mức tối

đa thấp hơn 3.000.000.000 đồng như Điều 216); khoản nào mức cao nhất của khung hình phạt với cá nhân thỏa mãn là nghiêm trọng thì pháp nhân bị phạt tiền tối đa đến 6.000.000.000 đồng; khoản nào mức cao nhất của khung hình phạt với cá nhân thỏa mãn là rất nghiêm trọng thì pháp nhân bị phạt tiền đến 5.000.000.000 đồng (Điều 191), 6.000.000.000 đồng (Điều 195), 7.000.000.000 đồng (Điều 188), 9.000.000.000 đồng (Điều 193), 10.000.000.000 đồng (Điều 236), 12.000.000.000 đồng (Điều 235), đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm; khoản nào mức cao nhất của khung hình phạt với cá nhân thỏa mãn là đặc biệt nghiêm trọng thì pháp nhân bị phạt tiền đến 15.000.000.000 đồng (Điều 194,195), 20.000.000.000 đồng (Điều 194), trường hợp hậu quả lớn hơn, nguy hại hơn thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn.

Với những phân tích như trên, đặt trong bối cảnh chưa có thực tiễn để kiểm chứng như ở Việt Nam về tính chất, mức độ nguy hiểm của các loại tội khác nhau mà pháp nhân phải chịu TNHS và trong mối liên hệ so sánh giữa hành vi của cá nhân với tội phạm mà pháp nhân phải chịu TNHS không cùng một đại lượng để quy đổi tính chất, mức độ nguy hiểm, NCS cho rằng cần sửa đổi, bổ sung và tách khoản 2 Điều 9 BLHS 2015 về phân loại tội phạm đưa vào Chương XI quy định riêng cho pháp nhân phạm tội. Cụ thể là:

Phân loại tội phạm đối với pháp nhân

1) *Tội phạm ít nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với pháp nhân là phạt tiền đến 3.000.000.000 đồng;*

2) *Tội phạm nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với pháp nhân là phạt tiền từ 3.000.000.000 đồng đến 6.000.000.000 đồng;*

3) *Tội phạm rất nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội rất lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với pháp nhân là phạt tiền từ 6.000.000.000 đồng đến 15.000.000.000 đồng, đình chỉ hoạt động có thời hạn;*

4) *Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy*

hiểm cho xã hội đặc biệt lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với pháp nhân là phạt tiền từ 15.000.000.000 đồng đến 20.000.000.000 đồng, đình chỉ hoạt động vĩnh viễn.”

- Hoàn thiện quy định về điều kiện TNHS của pháp nhân.

Trong Chương 3, khi phân tích về điều kiện chịu TNHS của PNTM quy định tại khoản 1 Điều 75 BLHS, NCS cho rằng cần bổ sung thêm điều kiện thể hiện rõ hơn việc xác định hành vi của cá nhân “*nhân danh PNTM*”, “*vì lợi ích của PNTM*” và “*có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của PNTM*”. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với lý luận về điều kiện chịu TNHS của pháp nhân mà NCS đã nêu ra ở Chương 2. Bên cạnh đó, việc quy định về điều kiện thời hiệu truy cứu TNHS đối với pháp nhân trong Điều 75 là không cần thiết

Mặt khác, NCS thấy rằng, trong luật thực định không có quy định riêng về điều kiện chịu TNHS của cá nhân, mà việc xác định điều kiện chịu TNHS được căn cứ vào các quy định có liên quan đến TNHS. Chính vì vậy, khi quy định “*Điều kiện chịu TNHS của PNTM*” đã dẫn tới các quan điểm tranh luận rằng PNTM chỉ là chủ thể của TNHS, rằng quy định về điều kiện chịu TNHS của PNTM là mâu thuẫn với Khoản 1 Điều 8 quy định về khái niệm tội phạm và Khoản 2 Điều 2 quy định về cơ sở TNHS của PNTM. Do đó, NCS cho rằng bên cạnh bổ sung điều kiện như đã đề cập ở trên thì cũng chỉnh sửa về mặt từ ngữ kỹ thuật để bảo đảm tính logic và thống nhất trong việc xác định PNTM là chủ thể của tội phạm.

Với quan điểm như vậy, NCS đề xuất sửa đổi Khoản 1 Điều 75 như sau:

Điều 75. Điều kiện xác định pháp nhân phạm tội và phải chịu trách nhiệm hình sự

1. Pháp nhân được xác định là phạm tội và phải chịu trách nhiệm hình sự khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có hành vi phạm tội của cá nhân phạm vào một trong các tội quy định tại Điều 76;

b) Hành vi phạm tội đó được thực hiện nhân danh pháp nhân, vì lợi ích của pháp nhân và có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân;

- *Mở rộng phạm vi chủ thể pháp nhân chịu TNHS và phạm vi các tội mà pháp nhân phải chịu TNHS.*

Như trong Chương 3 luận án đã phân tích, việc xác định các tội danh mà pháp nhân phải chịu TNHS trong BLHS thể hiện sự thận trọng của nhà làm luật ở nước ta, trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm và phổ biến của những hành vi vi phạm xảy ra trong thực tiễn nhằm xử lý hành vi phạm tội cho phù hợp. Đây là những tội mà thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm thời gian qua đã diễn ra rất phức tạp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và thiệt hại đối với xã hội, với con người, với môi sinh... do pháp nhân gây ra là rất lớn. Đồng thời, phù hợp với các Điều ước quốc tế mà Việt Nam ta là thành viên, như: Công ước của Liên Hợp Quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (TOC), Công ước chống tham nhũng (UNCAC), Nghị định thư về phòng, chống buôn bán người, và các điều ước quốc tế về chống khủng bố và chống tài trợ khủng bố...

Tuy nhiên, trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế trong giai đoạn hiện nay, dưới tác động bởi mặt trái của nó không ít pháp nhân hoạt động kinh doanh chạy theo lợi nhuận đã cố tình thực hiện các hành vi phạm tội; đặc biệt có những hành vi vi phạm pháp luật rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng của pháp nhân trong nhiều lĩnh vực khác nhau (mua bán người, khủng bố, rửa tiền, tội phạm sử dụng công nghệ cao, ma túy, hối lộ, lừa đảo chiếm đoạt tài sản ...) nhưng chưa được pháp luật hình sự điều chỉnh, quy định gây ảnh hưởng nghiêm trọng tình hình trật tự xã hội trong nước và cam kết quốc tế mà Việt Nam đã tham gia. Trong khi đó, pháp nhân cũng thực hiện các hành vi này, thậm chí với quy mô và mức độ nghiêm trọng hơn nhưng không bị xử lý hình sự, gây ra tình trạng bỏ lọt tội phạm.

Tiếp cận chế định TNHS của pháp nhân của một số quốc gia trên thế giới cho thấy, luật hình sự của nhiều quốc gia quy định về pháp nhân phạm tội đều có phạm vi điều chỉnh rộng hơn, vấn đề này đã được một số nhà nghiên cứu khẳng định *“theo luật hình sự của đa số các nước được nghiên cứu (trừ Luật Hình sự Pháp), tổ chức phải chịu TNHS không nhất thiết phải có tư cách pháp nhân từ*

góc độ luật dân sự, thương mại hoặc hành chính. Các tổ chức phạm tội chỉ cần có

ngân sách độc lập để thi hành hình phạt tiền và các hình phạt khác” [43]. Phạm vi các loại tội mà pháp nhân phải chịu TNHS cũng rộng hơn.

Tác giả luận án cho rằng, để đáp ứng yêu cầu của cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm trong điều kiện nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, cũng như bảo đảm việc nội luật hóa cụ thể hơn các Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia, trong các lần sửa đổi, bổ sung BLHS sắp tới cần mở rộng phạm vi chủ thể pháp nhân chịu TNHS và phạm vi các tội mà pháp nhân phải chịu TNHS. Trước mắt, NCS cho rằng cần thiết phải hoàn thiện quy định của BLHS ở hai vấn đề cụ thể sau đây:

1) Cần mở rộng phạm vi chủ thể chịu TNHS, bao gồm pháp nhân (PNTM và pháp nhân phi thương mại), nhóm doanh nghiệp tư nhân và tổ chức hành nghề khác được tổ chức, thành lập theo mô hình doanh nghiệp tư nhân; Quỹ đầu tư chứng khoán, Văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, thay vì chỉ quy định trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại như hiện nay.

2) Cần mở rộng phạm vi các tội phạm mà pháp nhân có thể chịu trách nhiệm hình sự, ngoài nhóm tội liên quan đến trật tự quản lý kinh tế; các tội phạm về môi trường; nhóm tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng như hiện nay, cần bổ sung thêm các tội phạm liên quan đến các lĩnh vực như: nhóm tội an ninh quốc gia; nhóm tội xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe nhân phẩm, danh dự của con người; nhóm tội xâm phạm quyền sở hữu; các tội phạm về ma túy; các tội phạm về tham nhũng, lừa dối (NCS có đề nghị bổ sung thêm 11 tội danh mà pháp nhân phải chịu TNHS thuộc 05 chương của BLHS, vấn đề này được NCS nêu ra cụ thể ở đề xuất ***Phần Các tội phạm***)

- Hoàn thiện quy định về hình phạt đối với pháp nhân phạm tội.

+ Tại Khoản 1 Điều 78 BLHS quy định “*Đình chỉ hoạt động có thời hạn là tạm dừng hoạt động của PNTM trong một hoặc một số lĩnh vực mà PNTM phạm tội gây thiệt hại đến tính mạng, sức khỏe con người, môi trường hoặc an ninh, trật tự, an toàn xã hội và hậu quả gây ra có khả năng khắc phục trên thực tế*”. Tuy nhiên, việc quy định “...*hậu quả gây ra có khả năng khắc phục trên thực tế*” là

chưa thực sự chính xác. Như trường hợp PNTM phạm tội gây ra hậu quả là thiệt hại đến về tính mạng thì rõ ràng không thể khắc phục được. Trên thực tế chỉ có thể khắc phục được nguyên nhân, tác nhân gây ra hậu quả đó. Tác giả luận án cho rằng, để bảo đảm tính chính xác về mặt câu chữ, ngữ nghĩa và hợp lý về mặt thực tế thì cần sửa lại cụm từ “...*hậu quả gây ra có khả năng khắc phục trên thực tế*” thành “...*nguyên nhân gây ra hậu quả có khả năng khắc phục trên thực tế*”. Tức là có thể loại bỏ được nguyên nhân đã gây ra hậu quả, gây ra thiệt hại.

Tác giả luận án đề nghị sửa đổi khoản 1 Điều 78. Đình chỉ hoạt động có thời hạn như sau: “Đình chỉ hoạt động có thời hạn là tạm dừng hoạt động của PNTM trong một hoặc một số lĩnh vực mà PNTM phạm tội gây thiệt hại đến sức khỏe con người, môi trường hoặc an ninh, trật tự, an toàn xã hội và *nguyên nhân gây ra hậu quả đó có khả năng khắc phục trên thực tế*”.

+ Theo Điều 80 BLHS 2015, quy định hình phạt bổ sung cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định được áp dụng khi xét thấy nếu để PNTM bị kết án tiếp tục kinh doanh hoặc hoạt động trong lĩnh vực đó, thì có thể gây nguy hại cho tính mạng, sức khỏe của con người hoặc cho xã hội và thời hạn cấm này được quy định từ 01 năm đến 03 năm. Xét về bản chất, quy định này giống về tính chất cưỡng chế so với hình phạt đình chỉ hoạt động có thời hạn đối với PNTM phạm tội quy định tại Điều 78 BLHS 2015, điều khác biệt ở chỗ, đình chỉ hoạt động có thời hạn là hình phạt chính, còn cấm kinh doanh trong một số hoạt động nhất định là hình phạt bổ sung.

Tuy nhiên, xét về tính nghiêm khắc, hình phạt bổ sung cấm kinh doanh trong một số hoạt động nhất định nghiêm khắc hơn hình phạt chính là đình chỉ hoạt động có thời hạn. Bởi cấm kinh doanh trong một số hoạt động nhất định có thời hạn từ 01 năm đến 03 năm, còn đình chỉ hoạt động có thời hạn chỉ trong thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm. Quy định như vậy, tính cưỡng chế của hình phạt chính không bằng hình phạt bổ sung là không phù hợp. Do đó, theo tác giả, cần quy định thời hạn của hình phạt bổ sung cấm kinh doanh trong một số hoạt động nhất định phải thấp hơn thời hạn của hình phạt chính là đình chỉ hoạt động có thời hạn mới bảo

đảm được tính cường chế của hình phạt chính.

Tác giả luận án đề xuất sửa đổi khoản 3 Điều 80. Cẩm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định BLHS 2015 như sau: “Thời hạn cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định là từ 06 tháng đến 02 năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật”.

- Hoàn thiện quy định về biện pháp tư pháp áp dụng với pháp nhân phạm tội.

+ Bổ sung quy định về điều kiện áp dụng các biện pháp tư pháp.

Như trong Chương 3 luận án đã đề cập, trong số 04 biện pháp tư pháp áp dụng đối với PNTM phạm tội thì có hai biện pháp áp dụng chung đối với cá nhân người phạm tội. Căn cứ vào từng trường hợp phạm tội cụ thể, TA có thể quyết định buộc PNTM phạm tội phải thực hiện một hoặc một số biện pháp tư pháp nêu trên. Tuy vậy, các biện pháp này chưa được quy định về điều kiện áp dụng cụ thể, vì thế, trong thực tiễn sẽ rất khó khăn khi áp dụng các biện pháp tư pháp này đối với PNTM phạm tội. Do đó, chúng tôi cho rằng cần thiết bổ sung thêm quy định về điều kiện áp dụng cụ thể đối với các biện pháp tư pháp áp dụng cho PNTM phạm tội.

+ Bổ quy định tại Khoản 2 Điều 46.

Như trong Chương 3 chúng tôi đã đề cập, khi so sánh câu từ quy định tại Khoản 2 Điều 46 và Khoản 1 Điều 82 chúng tôi thấy rằng, đã không có sự thống nhất về mặt câu từ về tên gọi của cùng một biện pháp tư pháp, cụ thể: Khoản 2 Điều 46 quy định “...c) *Khôi phục lại tình trạng ban đầu; d) Thực hiện một số biện pháp nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra*”, còn Khoản 1 Điều 82 quy định “... b) *Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu; c) Buộc thực hiện một số biện pháp nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra*”. Mặt khác, Điều 82 là nằm trong Chương XI – Những quy định đối với PNTM phạm tội, nó nằm ở Phần chung của BLHS, vừa mang tính áp dụng riêng cho chủ thể là PNTM, đồng thời cũng đã bao hàm cả Khoản 2 Điều 46. Do đó, theo chúng tôi việc quy định thêm Khoản 2 Điều 46 là không thật sự cần thiết.

- Sửa đổi quy định về xóa án tích đối với pháp nhân tại Điều 89 BLHS 2015.

Điều 89 BLHS 2015 quy định thời hạn xóa án tích đối với pháp nhân phạm tội là 2 năm và không phụ thuộc vào hình phạt chính áp dụng. Tuy nhiên, theo quy định của BLHS 2015, hình phạt chính áp dụng đối với PNTM phạm tội bao gồm 3 loại hình phạt: phạt tiền (Điều 77), đình chỉ hoạt động có thời hạn (Điều 78) và đình chỉ hoạt động vĩnh viễn (Điều 79). Trong đó, hình phạt đình chỉ hoạt động vĩnh viễn là chấm dứt hoạt động của pháp nhân, có nghĩa là loại hình phạt không cho phép pháp nhân tiếp tục tồn tại để hoạt động. Do đó, tại Điều 89 BLHS 2015 quy định về tính thời hạn xóa án tích PNTM chấp hành xong hình phạt chính nhưng không loại trừ trường hợp PNTM bị áp dụng loại hình phạt đình chỉ hoạt động vĩnh viễn là không hợp lý.

Do đó, NCS cho rằng, cần sửa đổi quy định về xóa án tích đối với pháp nhân tại Điều 89 BLHS 2015 như sau: *“Pháp nhân bị kết án đương nhiên được xóa án tích nếu trong thời hạn 02 năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt tiền, đình chỉ hoạt động có thời hạn; hình phạt bổ sung, các quyết định khác của bản án hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án mà pháp không thực hiện hành vi phạm tội mới”*.

Thứ hai, đối với các quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại trong Phần Các tội phạm của BLHS 2015.

- *Bổ sung một số tội danh mà pháp nhân phải chịu TNHS ở trong Phần các tội phạm của BLHS.*

Như đã phân tích, ngoài nhóm tội liên quan đến trật tự quản lý kinh tế; các tội phạm về môi trường; nhóm tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng mà PNTM phải chịu TNHS theo quy định của BLHS hiện hành, trên cơ sở yêu cầu về đấu tranh phòng chống tội phạm, thực tế đã xuất hiện các hành vi vi phạm pháp luật của pháp nhân cần pháp luật hình sự điều chỉnh như: Vụ án “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Rửa tiền*” xảy ra tại Công ty cổ phần địa ốc Alibaba do Nguyễn Thái Luyện làm chủ tịch, số nạn nhân lên đến 3.924 người với số tiền bị lừa đảo, chiếm đoạt hơn 2.373 tỷ đồng; vụ án “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” xảy ra tại Công ty Cổ phần Liên kết sản xuất thương mại Việt Nam (gọi tắt Công ty Liên kết Việt, trụ sở tại Hà Nội) và các đơn vị liên quan, số nạn nhân lên đến

66.880

người, số tiền chiếm gần 2.100 tỉ đồng; vụ án “*Tổ chức đánh bạc và đánh bạc thông qua mạng internet*” với quy mô rất lớn tới hàng ngàn tỉ đồng do Nguyễn Văn Dương (Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Đầu tư phát triển an ninh công nghệ cao CNC và Phan Sào Nam (Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần VTC Online) cùng đồng bọn thực hiện; nhiều vụ án ma túy được triệt phá có tình tiết người nước ngoài móc nối với các đối tượng trong nước lập các công ty, doanh nghiệp “bình phong” để ngụy trang cho việc sản xuất, mua bán, vận chuyển ma túy với số lượng rất lớn; vụ buôn bán người dẫn đến cái chết của 39 người Việt Nam khi trốn trong thùng đông lạnh của một xe tải phát hiện ở Anh năm 2019; các trường hợp tham nhũng lớn với quy mô và tính chất nghiêm trọng do tập thể, pháp nhân thương mại thực hiện trong những năm gần đây, có thể kể đến như vụ án Phạm Công Danh, vụ án Mai Văn Dâu, Huỳnh Ngọc Sỹ; gần đây nhất là vụ án đưa, nhận hối lộ xảy ra tại Công ty Việt Á gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến cộng đồng quốc tế và trong nước.

Trên cơ sở đó, ngoài 33 tội danh PNTM phải chịu TNHS đã được quy định trong BLHS, tác giả luận án đề nghị bổ sung thêm 11 tội danh mà pháp nhân phải chịu TNHS thuộc 05 chương của BLHS, gồm: **Điều 150.** Tội mua bán người thuộc Chương XIV. Các tội xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người; **Điều 174.** Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản thuộc Chương XVI các tội xâm phạm sở hữu; **Điều 248.** Tội sản xuất trái phép chất ma túy, **Điều 249.** Tội tàng trữ trái phép chất ma túy, **Điều 250.** Tội vận chuyển trái phép chất ma túy, **Điều 251.** Tội mua bán trái phép chất ma túy, **Điều 253.** Tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán hoặc chiếm đoạt tiền chất dùng vào việc sản xuất trái phép chất ma túy thuộc Chương XX. Các tội phạm về ma túy; **Điều 321.** Tội đánh bạc, **Điều 322.** Tội tổ chức đánh bạc và gá bạc thuộc Mục 4 Chương XXI. Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng; **Điều 353.** Tội tham ô tài sản thuộc Mục 1 và **Điều 364.** Tội đưa hối lộ thuộc Mục 2 Chương XXIII Các tội phạm về chức vụ.

- *Sửa đổi chế tài áp dụng đối với pháp nhân.*

+ Đối với các tội phạm về môi trường cần tăng mức xử phạt tiền. Các tội

phạm về môi trường do pháp nhân thực hiện thường gây ô nhiễm, hủy hoại môi

trường trên diện rộng, gây thiệt hại và tác động đến nhiều mặt của thiên nhiên và đời sống, xã hội con người. Hiện nay, mức phạt tiền tối đa đối với pháp nhân phạm tội là 20 tỷ đồng, đây là một mức phạt cao trong hệ thống pháp luật Việt Nam nhưng chưa thể tương xứng với hậu quả của hành vi mà tội phạm về môi trường do pháp nhân thực hiện gây ra cho xã hội và môi trường. Bên cạnh đó nhiều pháp nhân với quy mô tổ chức và tiềm lực kinh tế lớn thì số 20 tỷ không phải là vấn đề lớn. Vì vậy, cần thiết xem xét mức xử phạt tương ứng với mức độ hậu quả mà pháp nhân gây ra. Đồng thời cần có thêm những chế tài bắt buộc những pháp nhân đó khắc phục những hậu quả thiệt hại cho môi trường.

+ Hình phạt cho pháp nhân đối với tội tài trợ khủng bố và rửa tiền bao gồm phạt tiền, đình chỉ có thời hạn, đình chỉ hoạt động vĩnh viễn. Tuy nhiên xét về tính chất và mức độ nghiêm trọng của hai tội này, theo NCS chỉ cần áp dụng một hình phạt duy nhất là đình chỉ hoạt động vĩnh viễn. Hình phạt duy nhất này là cần thiết nhằm tránh việc pháp nhân tiếp tục phạm tội.

4.3.1.2. Hoàn thiện kỹ thuật lập pháp hình sự theo hướng nâng cao tính minh bạch, khả thi trong các quy định của pháp luật về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại phạm tội

Thứ nhất, đối với phần chung của BLHS 2015.

BLHS 2015 ngoài Chương XI - Những quy định đối với PNTM phạm tội, thì còn rải rác những quy định về TNHS của PNTM trong các điều luật khác. NCS cho rằng việc quy định như vậy là chưa bảo đảm tính khoa học trong kỹ thuật lập pháp. Do đó, theo NCS, cần đưa các quy định có đề cập tới TNHS của pháp nhân về cùng một Chương XI.

Với phân tích như trên, cùng với việc đề xuất mở rộng phạm vi chịu TNHS của pháp nhân, không phân biệt PNTM hay pháp nhân phi thương mại ở các phần trên, để bảo tính khoa học, logic, chính xác nhằm tạo thuận lợi trong việc truy cứu TNHS đối với pháp nhân, NCS đề xuất thiết kế, kết cấu lại như sau:

CHƯƠNG XI. NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ CỦA PHÁP NHÂN

Mục 1. Quy định chung về xử lý hình sự đối với pháp nhân

Điều ...Áp dụng quy định của BLHS đối với pháp nhân phạm tội

Điều ...Nguyên tắc xử lý đối với pháp nhân phạm tội

Điều ...Điều kiện xác định pháp nhân phạm tội và chịu TNHS

Điều ...Phân loại tội phạm đối với pháp nhân

Điều ...Phạm vi chịu TNHS của pháp nhân

Mục 2. Hình phạt và các biện pháp tư pháp đối với pháp nhân

Điều ...Các hình phạt đối với pháp nhân

Điều ...Phạt tiền

Điều ...Đình chỉ hoạt động có thời hạn

Điều ...Đình chỉ hoạt động vĩnh viễn

Điều ...Cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định

Điều ...Cấm huy động vốn

Điều ...Các biện pháp tư pháp áp dụng đối với pháp nhân phạm tội

Mục 3. Quyết định hình phạt

Điều ...Căn cứ quyết định hình phạt đối với pháp nhân phạm tội

Điều ...Các tình tiết giảm nhẹ TNHS áp dụng đối với pháp nhân

Điều ...Các tình tiết tăng nặng TNHS áp dụng đối với pháp nhân

Điều ...Quyết định hình phạt trong trường hợp chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt

Điều ...Quyết định hình phạt trong trường hợp pháp nhân phạm nhiều tội

Điều ...Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án

Điều ...Miễn hình phạt

Mục 4. Thời hiệu thi hành bản án, miễn chấp hành hình phạt,

giảm thời hạn chấp hành hình phạt và xóa án tích

Điều Thời hiệu thi hành bản án

Điều Miễn chấp hành hình phạt

Điều Giảm mức hình phạt đã

tuyên

Điều Hoãn chấp hành hình phạt đình chỉ có thời hạn và hình phạt đình chỉ vĩnh viễn

Điều Tạm đình chỉ chấp hành hình phạt đình chỉ có thời hạn và hình phạt đình chỉ vĩnh viễn

Điều Xóa án tích.

Thứ hai, đối với Phần tội phạm cụ thể của BLHS 2015.

Như đã phân tích trong Chương 3, việc quy định bổ sung các điều kiện để cấu thành tội phạm đối với PNTM phạm tội tại 07/33 điều luật xét về mặt kỹ thuật đã tạo ra sự mâu thuẫn với 26/33 điều luật còn lại, không bảo đảm sự thống nhất về mặt kỹ thuật lập pháp. Bên cạnh đó, về mặt nội dung thấy rằng, quy định tại 07 điều luật này đã tạo ra sự không bình đẳng giữa hai chủ thể tội phạm, hai chủ thể chịu TNHS là cá nhân và pháp nhân.

Vì vậy, để có sự nhất quán trong quy định của các điều luật của Phần các tội phạm về các tội danh mà pháp nhân phải chịu TNHS, BLHS 2015 nên sửa đổi theo hướng không bổ sung dấu hiệu định tội áp dụng riêng biệt cho pháp nhân như 07 tội nói trên mà chỉ nên quy định theo như cách quy định của 26 điều luật còn lại. Đó là: *“Pháp nhân phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:*

Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 điều này thì bị phạt...”.

Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 của điều này thì bị phạt...”.

Ngoài ra, cần tiếp tục nghiên cứu để sớm quy định tội phạm và hình phạt trong các luật chuyên ngành. Như đã phân tích ở phần 4.2 của luận án, việc sửa đổi BLHS theo hướng tội phạm và hình phạt không chỉ được quy định trong BLHS mà còn có thể được quy định trong các luật chuyên ngành sẽ tạo sự linh hoạt trong đấu tranh với các loại tội phạm mới phát sinh, đặc biệt là tội phạm mới trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, thuế.... nhằm tăng cường tính rắn chắc, đồng thời tạo sự ổn định cần thiết của BLHS, giảm áp lực trong việc sửa đổi thường xuyên BLHS. Việc mở rộng nguồn của luật hình sự dẫn đến hệ quả các hành vi phạm tội mới sẽ thường xuyên được cập nhật khi Quốc hội ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung các đạo luật chuyên ngành mà không cần phải sửa đổi BLHS. Phương án này vừa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm, vừa bảo đảm được tính ổn định của BLHS, vừa bảo đảm tính dễ hiểu, dễ áp dụng đối với các tội phạm trong các lĩnh vực phức tạp và yêu cầu kiến thức chuyên môn như kinh tế, tài chính, ngân hàng, thuế.... Theo đó, theo

NCS cần sớm nghiên cứu quy

định tội phạm và hình phạt trong các văn bản luật chuyên ngành như các Luật thuế, Luật chứng khoán, Luật đấu thầu, Luật bảo hiểm xã hội, Luật đất đai, Luật sở hữu trí tuệ... Tất nhiên, việc quy định các tội phạm cụ thể trong các đạo luật chuyên ngành phải tuân thủ và trên cơ sở các quy định tại Phần chung của BLHS.

4.3.2. Giải pháp bảo đảm áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự về trách nhiệm hình sự của pháp nhân

4.3.2.1. Tăng cường giải thích, hướng dẫn áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự về trách nhiệm hình sự của pháp nhân

Xây dựng và ban hành kịp thời các văn bản giải thích, hướng dẫn áp dụng cũng là giải pháp khắc phục phần nào các nguyên nhân xuất phát từ hạn chế trong trình độ nhận thức của người THTT, khắc phục những hạn chế trong kỹ thuật lập pháp hay những hạn chế trong công tác dự báo khi xây dựng luật. Hơn nữa, có thể nhận thấy công tác áp dụng pháp luật nói chung và truy cứu TNHS của PNTM nói riêng chính là cơ sở vững chắc và thường xuyên nhất để thông qua đó có thể ghi nhận những vướng mắc nảy sinh để từ đó hình thành nhu cầu phải có sự giải thích và hướng dẫn cụ thể. Có như vậy, quá trình tố tụng trong vụ án PNTM phạm tội mới tránh được tình trạng oan, sai hoặc bỏ lọt tội phạm. Vì vậy, để hoàn thiện về mặt nội dung quy định của pháp luật về truy cứu TNHS của PNTM, cũng là cơ sở nâng cao hiệu quả công tác áp dụng vào thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm đòi hỏi các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần tăng cường công tác giải thích, hướng dẫn áp dụng đối với các cơ quan THTT để việc áp dụng các quy định pháp luật hình sự đạt hiệu quả cao nhất.

Kể từ khi BLHS 2015 có hiệu lực đến nay, công tác giải thích, hướng dẫn thi hành vẫn còn chậm và chưa có tính toàn diện, đầy đủ. Như trong Chương 3 NCS đã phân tích, đối với chế định TNHS của PNTM, chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào hướng dẫn thi hành riêng. Một vài văn bản có đề cập tới PNTM nhưng còn hạn chế và không giải quyết được những khó khăn, vướng mắc trong việc đưa chế định TNHS của PNTM vào thực tiễn.

Do đó, để chế định TNHS của PNTM phạm tội có thể được hiểu đúng, áp

dụng một cách thống nhất trong hệ thống các cơ quan tư pháp đòi hỏi các cơ quan có thẩm quyền cần phải nghiên cứu xây dựng và ban hành các văn bản giải thích, hướng dẫn riêng về việc áp dụng chế định TNHS của PNTM phạm tội vào thực tiễn. Trong đó, Quốc hội cần tập trung giải thích, Chính phủ và liên ngành Tư pháp Trung ương cần hướng dẫn các vấn đề chủ yếu sau đây:

Một là, việc xác định PNTM và pháp nhân phi thương mại.

Theo quy định tại Điều 75 của BLDS năm 2015: “1. PNTM là pháp nhân có mục tiêu chính là tìm kiếm lợi nhuận và lợi nhuận được chia cho các thành viên; 2. PNTM bao gồm doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác”. Những quy định này vẫn có tính chung chung nên rất khó xác định đó có phải là PNTM hay không, vì vậy, không có cơ sở vững chắc để truy cứu TNHS những đối tượng này.

Để thuận lợi cho việc xác định tổ chức nào là PNTM, tổ chức nào không phải là PNTM, các cơ quan chức năng cần phối hợp ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể. Theo NCS, cần ban hành văn bản liệt kê được danh mục pháp nhân có mục đích tìm kiếm lợi nhuận và lợi nhuận được chia cho các thành viên (nhất là các doanh nghiệp nhà nước và đơn vị sự nghiệp) để có căn cứ xác định là PNTM hay không.

Hai là, về điều kiện chịu TNHS của PNTM

Để áp dụng chế định “*Điều kiện chịu trách nhiệm hình sự của PNTM*” quy định tại Khoản 1 Điều 75 BLHS 2015, phải xác định tội phạm do PNTM thực hiện phải chưa hết thời hiệu truy cứu TNHS quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 27 BLHS.

- Trước khi có thể sửa đổi, bổ sung để chế định “*Điều kiện chịu trách nhiệm hình sự của PNTM*” có thể áp dụng vào thực tiễn trong giai đoạn hiện nay, NCS cho rằng các cơ quan có thẩm quyền cần có hướng dẫn tạm thời về cách phân loại tội phạm đối với tội phạm do PNTM thực hiện để tính thời hiệu truy cứu TNHS của PNTM phạm tội. Trước mắt có thể hướng dẫn phân loại tội phạm do PNTM thực hiện cũng giống như tội phạm do cá nhân thực hiện (nghĩa là dựa vào mức cao nhất của khung hình phạt áp dụng đối với cá nhân phạm tội chứ

không phải là dựa vào hình phạt áp dụng riêng biệt cho PNTM). Cách phân loại như vậy cũng bảo đảm vừa thể hiện đúng cơ sở lý luận về tội phạm – chủ thể của tội phạm chỉ

có thể là cá nhân, việc quy định bổ sung TNHS của pháp nhân không làm thay đổi hiện tượng “tội phạm”; vừa thể hiện đúng bản chất của việc quy định TNHS của pháp nhân chỉ là việc bổ sung các quy định về chủ thể thứ hai phải chịu TNHS, bên cạnh việc quy định TNHS của chủ thể thứ nhất là cá nhân, về cùng một hành vi phạm tội do cá nhân này thực hiện.

- Hướng dẫn về việc như thế nào là hoạt động chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của PNTM cho cá nhân thực hiện hành vi phạm tội nhân dân PNTM, vì lợi ích của PNTM gắn với từng loại hình PNTM.

Như trong Chương 3 NCS đã phân tích, tùy thuộc vào bộ máy, cơ cấu, tổ chức của pháp nhân mà việc chỉ đạo, điều hành có những hình thức khác nhau; không phải mọi hành vi, giao dịch của pháp nhân đều do người đại diện quyết định mà tùy vào loại hình, có những vấn đề cần phải có sự xem xét, quyết định của một bộ phận. Bên cạnh đó, hình thức của việc “*chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của PNTM*” có thể được biểu hiện dưới rất nhiều hình thức khác nhau như lời nói, văn bản. Do đó, để thống nhất áp dụng quy định tại Khoản 1 Điều 75 BLHS, các cơ quan có thẩm quyền cần ban hành văn bản hướng dẫn về vấn đề này.

- *Hướng dẫn áp dụng quy định “Việc PNTM chịu TNHS không loại trừ TNHS của cá nhân”.*

Mặc dù Khoản 2 Điều 75 BLHS 2015 quy định PNTM bị truy cứu TNHS không loại trừ trách nhiệm của cá nhân. Trong Chương 3 NCS cũng đã phân tích và đưa ra quan điểm của mình về việc xác định cá nhân phải chịu trách nhiệm. Tuy vậy, liên quan nhưng vấn đề này thì về mặt thực tiễn vẫn chưa có nhận thức thống nhất, rõ ràng. Cá nhân được đề cập ở đây là ai? Từ trước đến nay, hầu hết trong các vụ việc cụ thể, Nhà nước chỉ truy cứu trách nhiệm của “người đứng đầu” là Giám đốc (Tổng giám đốc) hay Chủ tịch Hội đồng quản trị. Vậy nếu quyết định đó được thông qua bởi một tập thể như Hội đồng quản trị của công ty cổ phần, Hội đồng thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn... thì tất cả thành viên này chịu TNHS hay không? Do đó, vấn đề quy định tại Khoản 2 Điều 75 “*Việc PNTM chịu TNHS không loại trừ TNHS của cá nhân*” cần được hướng dẫn cụ thể.

Ba là, hướng dẫn cách tính thời hạn để xóa án tích đối với PNTM phạm tội.

Trong Chương 3, NCS đã phân tích, trong thời hạn 2 năm kể từ khi PNTM bị kết án chấp hành xong bản án hoặc từ khi hết thời hiệu thi hành bản án mà pháp nhân đó phạm tội mới thì án tích sẽ được tính lại theo quy định ở phần chung là khoản 2 Điều 73 BLHS 2015. Tuy nhiên, về thời hạn tính xóa án tích sẽ được tính lại kể từ khi chấp hành xong hình phạt chính của bản án mới theo quy định tại khoản 2 Điều 73 BLHS 2015 hay là tính lại kể từ khi chấp hành xong bản án mới (đây là cách tính thời hạn xóa án tích dành riêng cho PNTM) thì cần có văn bản hướng dẫn thống nhất. Vì cách tính thời hạn xóa án tích của PNTM bị kết án và người bị kết án có sự khác nhau, thời điểm bắt đầu tính thời hạn xóa án tích cũng khác nhau nên sẽ rất khó áp dụng quy định tại Điều 74 BLHS 2015 về xóa án tích ở phần chung mà không trái với quy định xóa án tích đối với PNTM bị kết án.

Bốn là, hướng dẫn áp dụng các tội cụ thể mà PNTM phải chịu TNHS trong phần Các tội phạm của BLHS 2015.

Kể từ khi BLHS 2015 có hiệu lực đến nay, trong 33 tội mà PNTM phải chịu TNHS thì mới chỉ có 02 tội quy định tại Điều 234 (Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã) và Điều 244 (Tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm) được hướng dẫn tại Nghị quyết 05/2018/NQ-HĐTP, tuy vậy trong các hướng dẫn này không đề cập tới vấn đề TNHS của PNTM phạm tội. Đối với 31 điều luật còn lại chưa được ban hành văn bản hướng dẫn từ đó gây không ít khó khăn cho việc áp dụng, ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng việc giải quyết các vấn đề liên quan tới PNTM phạm tội. Theo NCS, Chính phủ và liên ngành Tư pháp Trung ương cần sớm ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng chế định TNHS của PNTM phạm tội đối với các tội danh mà PNTM có thể phải chịu TNHS, đặc biệt là các tội danh mới hoặc có tính chất phức tạp như các tội: Tội cố ý công bố thông tin sai lệch hoặc che giấu thông tin trong hoạt động chứng khoán (Điều 209); Tội sử dụng thông tin nội bộ để mua bán chứng khoán (Điều 210); Tội thao túng thị trường chứng khoán (Điều 211); Tội làm ô nhiễm môi trường (Điều 235); Tội nhập khẩu, phát tán các loài ngoại lai xâm hại (Điều 246)...

Bên cạnh đó với tình hình chính trị phức tạp tại các khu vực trên thế giới,

đặc biệt là sự lan rộng của các tổ chức khủng bố thì việc ngăn chặn việc các pháp nhân có hành vi tài trợ khủng bố hay rửa tiền nhằm tài trợ khủng bố là hết sức cần thiết. Do đó, cần ban hành những văn bản hướng dẫn mới để thay thế những văn bản hướng dẫn cũ như Nghị định 116/2013 NĐ/CP quy định chi tiết thi hành một số điều luật của Luật phòng, chống rửa tiền...

4.3.2.2. Nâng cao nhận thức, năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ có thẩm quyền áp dụng chế định trách nhiệm hình sự của pháp nhân

Việc nâng cao kiến thức, năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán và người THPTT là hết sức quan trọng, góp phần bảo đảm áp dụng chế định TNHS của PNTM phạm tội. Theo đó, cần tập trung giải quyết tốt các vấn đề trọng yếu sau:

Thứ nhất, vấn đề nâng cao kiến thức pháp luật, năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Trước mắt, tiến hành rà soát và đánh giá lại đội ngũ cán bộ điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, Thẩm phán, Thẩm tra viên làm công tác tố tụng có liên quan đến TNHS của PNTM để lựa chọn, phân công, đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức về kinh tế, hội nhập kinh tế quốc tế, trình độ pháp luật, nghiệp vụ, năng lực chuyên môn có liên quan đến TNHS của PNTM. Hạn chế việc luân chuyển đội ngũ người THPTT có liên quan đến PNTM sang môi trường công tác mới để họ có điều kiện nâng cao trình độ và tích lũy kinh nghiệm nghiệp vụ.

- Về chiến lược lâu dài ngành Công an, Kiểm sát, TA phải chú trọng công tác tuyển chọn, đào tạo sinh viên chuyên ngành luật học ở các cơ sở đào tạo (Học viện, đại học cảnh sát; Học viện TA; Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội, Trường Đại học Luật, Khoa Luật ...) để tạo nguồn tuyển dụng, bổ nhiệm đội ngũ cán bộ, Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán thực hiện chức năng điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự nói chung và các vụ án do PNTM phạm tội nói riêng. Sau khi được tuyển dụng tiếp tục cử các cán bộ trẻ tham gia đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức chuyên sâu về kinh tế, quản lý kinh tế và Luật kinh tế; đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về nghiệp vụ điều tra, nghiệp vụ thực hành quyền

công tổ và

kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử, nghiệp vụ xét xử những vụ án do PNTM phạm tội; nghiên cứu thành lập bộ phận chuyên biệt làm công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ án liên quan đến pháp nhân phạm tội. Đồng thời, thực hiện nghiêm túc, hiệu quả quy định của Luật Tổ chức CQĐT hình sự, Luật Tổ chức VKSND, Luật Tổ chức TAND và các văn bản có liên quan về đánh giá, lựa chọn, bổ nhiệm điều tra viên; thi nâng ngạch Kiểm sát viên, Thẩm phán.

Đối với hệ thống các cơ sở đào tạo của ngành Công an, ngành Kiểm sát, ngành TA cần xây dựng, bổ sung vào chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành luật chuyên sâu về kinh tế, pháp luật, nghiệp vụ có liên quan tới TNHS của PNTM phạm tội. Đồng thời xây dựng các chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng giải quyết vụ án hình sự có liên quan đến PNTM cho đội ngũ cán bộ, điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán khi có nhu cầu từ các địa phương.

Thứ hai, cần chú trọng thực hiện tốt việc giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ làm công tác TTHS có liên quan đến PNTM.

- Triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII về *“Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”* và Kết luận số 01 – KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII gắn với thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (Khóa XI, XII) và Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá". Lấy kết quả học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh là một trong những tiêu chuẩn đánh giá, xếp loại đội ngũ cán bộ làm công tác giải quyết các vụ án hình sự có liên quan đến PNTM hằng năm.

- Tăng cường kỷ cương, kỷ luật công vụ, tổ chức quản lý chặt chẽ, kịp thời phát hiện và xử lý những sai phạm trong hoạt động giải quyết vụ án hình sự có liên quan đến PNTM phạm tội đối với đội ngũ cán bộ, điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán xây dựng đội ngũ này trong sạch, vững mạnh.

Thứ ba, nâng cao năng lực sử dụng công nghệ thông tin và kỹ năng thu thập, phân tích dữ liệu điện tử cho đội ngũ làm công tác TTHS.

Trong thời đại của cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0 hầu hết các doanh nghiệp đã và đang thực hiện số hóa và chuyển đổi số. “Chuyển đổi số” chính là quá trình thay đổi từ mô hình doanh nghiệp truyền thống sang doanh nghiệp số bằng cách áp dụng công nghệ mới như dữ liệu lớn (Big Data), Internet cho vạn vật (IoT), điện toán đám mây (Cloud)... nhằm thay đổi phương thức điều hành, lãnh đạo, quy trình làm việc, văn hóa công ty. Ngoài ra, tội phạm đang có xu hướng di chuyển từ địa bàn thực tế sang địa bàn ảo, trên mạng internet hoặc sử dụng các thiết bị công nghệ để phạm tội, trong đó có cả các tội phạm mà pháp nhân có thể thực hiện như: Tội rửa tiền, Tội tài trợ khủng bố... Như vậy, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đối với PNTM phạm tội đòi hỏi cán bộ, điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán phải có những hiểu biết về công nghệ thông tin (tin học, máy tính, mạng máy tính, internet) và có kỹ năng thu thập, phân tích dữ liệu điện tử. Do đó, việc tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực công nghệ thông tin và kỹ năng thu thập, phân tích dữ liệu điện tử cho đội ngũ làm công tác TTHS có liên quan đến PNTM là hết sức cần thiết cần được quan tâm, động viên và có chính sách hỗ trợ hợp lý trong đào tạo kiến thức về công nghệ thông tin, phần đầu 100% Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán làm công tác TTHS có liên quan đến PNTM biết sử dụng thành thạo máy vi tính, có hiểu biết về phần mềm, về mạng internet, về dữ liệu điện tử và có kỹ năng thu thập, phân tích dữ liệu điện tử.

4.3.2.3. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành đối với hoạt động áp dụng chế định trách nhiệm hình sự của pháp nhân

Việc xác định TNHS của PNTM là vấn đề hết sức phức tạp, phức tạp đến từ tính mới, tính lần đầu của chế định, đến từ phía chủ thể chịu TNHS, từ lĩnh vực của tội phạm mà PNTM thực hiện... Do đó, trong thực tiễn áp dụng chế định này các cơ quan THTT, người THTT đã gặp không ít lúng túng; điều này đòi hỏi trong quá trình áp dụng chế định TNHS của PNTM phạm tội, Thủ trưởng CQĐT, Viện trưởng VKSND, Chánh án TAND các cấp cần tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành đối với hoạt động áp dụng chế định TNHS của pháp

nhân. Đây là

cơ sở quan trọng bảo đảm việc tiến hành các hoạt động tố tụng được nhanh chóng, kịp thời nhằm phát hiện, thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ, đồng thời bảo đảm cho việc áp dụng các quy định khác của BLHS và BLTTHS mà mục đích cuối cùng là bảo đảm cho chế định TNHS của PNTM phạm tội được áp dụng một cách chính xác, đúng pháp luật.

Để thực hiện tốt công tác chỉ đạo, điều hành, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Thủ trưởng CQĐT, Viện trưởng VKSND, Chánh án TAND phải trực tiếp chỉ đạo việc thụ lý và giải quyết vụ án ngay từ khâu tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo và kiến nghị khởi tố; khởi tố vụ án, khởi tố bị can, truy tố, xét xử đối với hành vi phạm tội của PNTM; phân công Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán có năng lực, kinh nghiệm và có kiến thức chuyên môn về kinh tế, thương mại trực tiếp kiểm tra xác minh để phát hiện, thu thập, kiểm tra, thông tin, tài liệu, chứng cứ làm căn cứ cho việc xác định PNTM phạm tội; thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật và thực hiện công tác xét xử. Khi xác định có dấu hiệu PNTM đã phạm tội phải kịp thời ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can; kịp thời phê chuẩn các quyết định tố tụng của Thủ trưởng CQĐT theo đúng quy định pháp luật. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử khi kết thúc mỗi hoạt động như khám xét, thu giữ đồ vật, tài liệu, khởi tố vụ án, lấy lời khai người đại diện của PNTM, khởi tố bị can, hỏi cung bị can; ... Thủ trưởng CQĐT, Viện trưởng VKSND phải trực tiếp nghe Điều tra viên, Kiểm sát viên được phân công báo cáo và cho ý kiến chỉ đạo đối với các hoạt động điều tra tiếp theo. Ngoài ra, Thủ trưởng CQĐT, Viện trưởng, Chánh án cũng cần chỉ đạo sát sao việc thực hiện các mối quan hệ phối hợp liên ngành, giữa điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán trong quá trình điều tra vụ án PNTM phạm tội.

Ngoài ra, Viện trưởng VKSND cấp trên thành lập các đoàn kiểm sát trực tiếp đối với cơ quan điều tra trong việc tiếp nhận, xử lý tin báo tội phạm và kiến nghị khởi tố; kiểm tra đối với các VKSND cấp dưới về công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra, kiểm sát xét xử các vụ án PNTM phạm tội phải đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án.

4.3.2.4. Tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền

trong

việc áp dụng pháp luật để giải quyết vấn đề trách nhiệm hình sự của pháp nhân

Các cơ quan có thẩm quyền THPT thực hiện việc áp dụng chế định TNHS của PNTM phạm tội theo trình tự, thủ tục TTHS sẽ làm phát sinh mối quan hệ tổ tụng giữa các cơ quan này với nhau và giữa cơ quan THPT với các cơ quan, tổ chức hữu quan khác. Mối quan hệ này có tác dụng phối hợp hỗ trợ, chế ước, kiểm soát lẫn nhau trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan, góp phần đảm bảo cho hoạt động điều tra điều tra, truy tố, xét xử vụ án PNTM phạm tội được khách quan, chính xác, hiệu quả, đúng pháp luật. Như vậy, để việc áp dụng chế định TNHS của PNTM phạm tội được chính xác, hiệu quả, các cơ quan THPT cần phải tăng cường mối quan hệ phối hợp và thực hiện tốt các nội dung sau:

Một là, mỗi cơ quan THPT phải xác định đúng, đủ về vai trò và tầm quan trọng của mối quan hệ phối hợp trong việc áp dụng chế định TNHS của PNTM phạm tội. Thường xuyên quán triệt, học tập nâng cao nhận thức cho đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán về vai trò, tầm quan trọng của mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan THPT, giữa các cơ quan THPT với các cơ quan, tổ chức hữu quan khác trong giải quyết các vụ án PNTM phạm tội. Sự thành công trong giải quyết vụ án chính là đánh giá đúng mối quan hệ giữa các cơ quan THPT trong suốt quá trình giải quyết vụ án từ khi tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm do PNTM phạm tội đến khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử. Mối quan hệ này, phải được quán triệt trên cơ sở chủ động, duy trì thường xuyên của các cơ quan, đồng thời phải được tiến hành đồng bộ trong mọi hoạt động điều tra, truy tố, xét xử.

Hai là, tăng cường mối quan hệ giữa VKS với CQĐT trong việc giải quyết tin báo về tội phạm, tố giác và kiến nghị khởi tố đối với PNTM, tăng cường chất lượng hoạt động đề ra yêu cầu điều tra của VKS và thực hiện yêu cầu điều tra của CQĐT.

Để đảm bảo việc khởi tố vụ án được tiến hành thuận lợi, đúng quy định của pháp luật thì VKS, CQĐT phải thường xuyên duy trì mối quan hệ phối hợp nhịp nhàng, kịp thời trong các hoạt động đề ra các yêu cầu điều tra và thực hiện hoạt động điều tra; điều này sẽ tránh được tình trạng vụ án PNTM phạm tội phải trả

hồ sơ điều tra bổ sung, mặt khác cũng tránh được tình trạng sẽ có những vụ án khi hồ

sơ chuyển sang TAND, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử hoặc tại phiên tòa sau khi xét hỏi, tranh luận, TAND quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung do vẫn còn mâu thuẫn về chứng cứ mà TAND không thể khắc phục được hoặc có quan điểm khác nhau về định tội danh, bỏ lọt tội phạm, người phạm tội.

Về phía VKS chủ động phối hợp với CQĐT trong từng hoạt động điều tra, kiểm sát chặt chẽ, chủ động trong việc tiếp cận hồ sơ vụ án kịp thời phát hiện các sai phạm cần khắc phục. Trong suốt quá trình điều tra, truy tố tội phạm do PNTM thực hiện, Kiểm sát viên được giao nhiệm vụ thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra phải có mối quan hệ chặt chẽ với Điều tra viên để nắm tiến độ điều tra, kiểm sát quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ, vật chứng và các hoạt động tố tụng của Điều tra viên. Trong quá trình tiến hành các hoạt động tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, khởi tố vụ án, khởi tố bị can, bắt, khám xét... Kiểm sát viên và Điều tra viên phải trao đổi phối hợp với nhau để giải quyết những vấn đề còn mâu thuẫn, những vấn đề cần tiếp tục điều tra làm rõ để đảm bảo cho điều tra, truy tố các vụ án do PNTM phạm tội đạt chất lượng. Trước khi kết thúc điều tra vụ án do PNTM phạm tội, Kiểm sát viên và Điều tra viên phải cùng nhau phối hợp để phân tích đánh giá chứng cứ để xác định hồ sơ đã đầy đủ chưa để đảm bảo việc kết thúc điều tra vụ án đề nghị VKS truy tố. Nếu vụ án còn có nhiều mâu thuẫn về chứng cứ Kiểm sát viên và Điều tra viên cùng nhau trao đổi những vấn đề cần tiếp tục điều tra xác minh làm rõ, sau khi đã bổ sung đầy đủ các chứng cứ thì báo cáo lãnh đạo hai cơ quan kết thúc điều tra đề nghị VKS truy tố.

Ba là, Trong giải quyết các vụ án hình sự liên quan đến PNTM, CQĐT, VKS, TA phải thực hiện đúng những quy định của pháp luật về truy cứu TNHS đối với pháp nhân gắn với chức năng, nhiệm vụ của mỗi ngành để giải quyết và xử lý các vụ án đạt hiệu quả. Thực tiễn giải quyết các vụ án hình sự hiện nay cho thấy, các quy định của pháp luật về mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan tố tụng (nhất là ở các địa phương) còn mới chỉ dừng ở mức độ chung chung, nhiều khi phụ thuộc vào mối quan hệ giữa các thủ trưởng của các cơ quan tố tụng và giữa các cá nhân khi thực thi công vụ. Vì vậy, để góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác thực hiện chức năng, trong khi chờ các cơ quan có thẩm

quyền

xây dựng văn bản quy định chung về mối quan hệ phối hợp, các cơ quan THTT ở địa phương chủ động chủ trì xây dựng quy chế phối hợp giữa các cơ quan THTT và các ban ngành ở địa phương trong giải quyết các vụ án PNTM phạm tội. Trước mắt, tập trung phối hợp liên ngành trong công tác tiếp nhận, giải quyết, tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố với sự tham gia của các cơ quan ngoài hệ thống tổ tụng như cơ quan thuế, cơ quan tài nguyên môi trường, cơ quan bảo hiểm xã hội.

4.3.2.5. Các giải pháp khác

Ngoài các giải pháp nêu trên, để bảo đảm việc áp dụng các quy định của BLHS về TNHS của PNTM phạm tội, cần thực hiện đồng bộ thêm một số giải pháp sau:

Một là, các cơ quan THTT cần tăng cường và thường xuyên tổ chức các hội nghị, có thể là hội nghị trực tuyến liên ngành để rút kinh nghiệm, trao đổi, thảo luận, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, bất cập, khắc phục tình trạng không thống nhất trong quan điểm xử lý giữa các cơ quan THTT trong các vụ án có PNTM phạm tội.

Hai là, cần mở rộng và tăng cường hợp tác quốc tế trong giải quyết các vụ án PNTM phạm tội. Việc tăng cường hợp tác quốc tế trong giải quyết các vụ án PNTM phạm tội là đáp ứng yêu cầu thực tiễn hiện nay và phù hợp với yêu cầu thực hiện các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia. Với một vấn đề mới như truy cứu TNHS đối với pháp nhân, cần tăng cường hợp tác quốc tế giữa CQĐT, VKSND, TAND của Việt Nam với các cơ quan tố tụng tương ứng của các nước. Trong đó cần chú trọng hợp tác về các nội dung: Trao đổi thông tin về tội phạm; chia sẻ, tập huấn về kỹ năng thu thập, chuyển giao tài liệu, chứng cứ có liên quan đến hoạt động phạm tội của pháp nhân... để trao đổi, tiếp thu kinh nghiệm về lập pháp, tổ chức hệ thống cơ quan tố tụng và việc triển khai thi hành pháp luật ở một số nước trên thế giới với những quy định cụ thể liên quan đến truy cứu PNTM phạm tội, lựa chọn, tiếp thu có chọn lọc để áp dụng vào Việt Nam cho phù hợp và không mâu thuẫn với hệ thống pháp luật trong nước.

Bên cạnh đó, cần tăng cường hợp tác quốc tế với các nước trong lĩnh vực đào

tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán trực tiếp điều tra, truy tố, xét xử các vụ án do PNTM thực hiện. Có thể nói rằng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực là một trong những con đường nhanh nhất để bảo đảm cho việc nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trao đổi kinh nghiệm cho đội ngũ cán bộ Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán. Về quốc gia sẽ hợp tác đào tạo, Bộ công an, VKSND tối cao, TAND tối cao nên lựa chọn những quốc gia có kinh nghiệm trong xử lý tội phạm do PNTM thực hiện như Đức, Anh, Pháp, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Hà Lan, Trung Quốc... Về đối tượng cử đi đào tạo cần lựa chọn những cán bộ trẻ có năng lực trình độ, có kiến thức ngoại ngữ, có triển vọng phát triển.

Cùng với việc cử cán bộ, người THPT ra nước ngoài đào tạo, các cơ quan tư pháp trung ương trong phạm vi thẩm quyền và trên cơ sở các chương trình hợp tác quốc tế về đấu tranh phòng, chống tội phạm có thể tăng cường mời các chuyên gia có kinh nghiệm về điều tra, truy tố, xét xử tội phạm do PNTM thực hiện sang Việt Nam giảng dạy, truyền đạt kinh nghiệm cho đội ngũ cán bộ, người THPT tại Việt Nam.

Ngoài ra, những vụ án do PNTM phạm tội, nhiều đối tượng là lãnh đạo trong pháp nhân với mối quan hệ xã hội rộng rãi, trình độ nghiệp vụ cao, có điều kiện về kinh tế, thông thạo ngoại ngữ hoặc là người nước ngoài... nên nhiều trường hợp khi bị phát hiện, điều tra sẽ bỏ trốn, thậm chí là trốn ra nước ngoài gây khó khăn trong công tác xử lý và thi hành án. Do đó, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, Bộ Công an, VKSND tối cao, TAND tối cao, cần phối hợp với nhau và phối hợp với các cơ quan liên quan đề xuất với Quốc hội, Chính phủ sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật trong nước có quy định của pháp luật Việt Nam với các quy định của Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia; tổ chức đàm phán, xây dựng và ký kết các hiệp định tương trợ tư pháp với các nước trong khu vực và trên thế giới, nhằm bảo đảm cơ sở pháp lý cho việc thực hiện tương trợ tư pháp trong điều tra, truy tố và xét xử các vụ án PNTM phạm tội.

Kết luận Chương 4

1. Từ khi BLHS 2015 có hiệu lực đến nay, các cấp, các ngành đã tiến hành công tác triển khai, quán triệt các nội dung của BLHS, đặc biệt là những điểm mới mà trong đó có chế định TNHS của PNTM. Đến nay có 02 PNTM bị truy cứu TNHS, trong đó có 01 PNTM đã bị kết án, 01 PNTM đã đưa ra xét xử nhưng TA trả hồ sơ điều tra bổ sung. Điều này một mặt thể hiện những hạn chế trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm do PNTM thực hiện, mặt khác cũng thể hiện những khó khăn trong việc đưa chế định TNHS của PNTM vào thực tiễn.

2. Pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng luôn luôn được phát sinh từ những tiền đề, điều kiện kinh tế và bị lệ thuộc vào nó trong suốt quá trình tồn tại và phát triển. Trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN và hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay, đặc biệt là hội nhập kinh tế quốc tế thì vấn đề tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện pháp luật hình sự nói chung, chế định TNHS của PNTM nói riêng, cũng như bảo đảm việc áp dụng các quy định của pháp luật về TNHS của PNTM là yêu cầu hết sức cần thiết.

3. Trên cơ sở làm rõ quy định của pháp luật hình sự về TNHS của PNTM và thực tiễn áp dụng chế định TNHS của PNTM, luận án đã đưa ra các yêu cầu và giải pháp nhằm tiếp tục hoàn thiện chế định TNHS của PNTM và bảo đảm việc áp dụng chế định này. Trong đó luận án đã đề xuất sửa đổi, bổ sung một số điểm, điều, khoản của BLHS 2015 có liên quan đến TNHS của PNTM. Bên cạnh đó để cho việc áp dụng chế định TNHS của PNTM được đúng đắn, hiệu quả, luận án đã xây dựng hệ thống giải pháp bảo đảm áp dụng. NCS tin rằng hệ thống các giải pháp này nếu được thực hiện một cách đồng bộ sẽ góp phần quan trọng vào việc thực thi chế định TNHS của PNTM một cách đúng đắn, có hiệu quả.

KẾT LUẬN

Từ kết quả nghiên cứu cho thấy, luận án đã giải quyết một cách khoa học, bám sát những vấn đề lý luận, pháp luật và thực tiễn áp dụng chế định TNHS của PNTM. Trong đó, luận án đã đi sâu tập trung giải quyết những nội dung cơ bản sau đây:

1. Qua nghiên cứu, phân tích, đánh giá một số công trình khoa học ở trong nước và nước ngoài có liên quan đến vấn đề TNHS của pháp nhân, chưa có công trình nào nghiên cứu một cách có hệ thống, đầy đủ, chuyên sâu, tập trung vào TNHS của pháp nhân, đặc biệt là vấn đề TNHS của PNTM ở Việt Nam, cũng như thực tiễn áp dụng chế định TNHS của PNTM trong những năm vừa qua ở Việt Nam. Những khoảng trống về lý luận, pháp luật về TNHS của PNTM và thực tiễn áp dụng được NCS nghiên cứu, làm rõ trong các chương của luận án.

2. Trên cơ sở nghiên cứu hệ thống lý luận có liên quan đến TNHS, pháp nhân, TNHS của pháp nhân, các quan điểm về cải cách tư pháp, về TNHS của PNTM của Đảng, Nhà nước, của các nhà khoa học trong và ngoài nước; nghiên cứu quy định của BLHS và các văn bản pháp luật có liên quan đến TNHS của PNTM, luận án đã xây dựng, bổ sung, hoàn thiện lý luận về TNHS của pháp nhân. Trong đó, có các vấn đề chủ yếu như: Khái niệm TNHS của PNTM, cơ sở của việc quy định TNHS của PNTM Việt Nam, nội dung và kỹ thuật quy định TNHS của pháp nhân.

3. Thông qua việc nghiên cứu quy định của BLHS và các văn bản pháp luật có liên quan đến TNHS của PNTM, luận án đã phân tích, làm rõ các quy định cụ thể gắn với vấn đề TNHS của PNTM. Trong đó, bên cạnh việc phân tích, làm rõ quy định pháp luật, luận án còn làm rõ những điểm còn hạn chế, bất cập, mâu thuẫn trong các quy định của pháp luật.

4. Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích các báo cáo, số liệu về áp dụng quy định của BLHS về TNHS của PNTM kể từ khi BLHS 2015 có hiệu lực cho đến nay, cũng như qua việc trực tiếp trao đổi, tọa đàm, phỏng vấn trực tiếp các chuyên gia, các cán bộ thực tiễn là công tác TTHS có liên quan đến truy cứu

TNHS của PNTM, luận án đã làm rõ thực tiễn áp dụng quy định của BLHS về TNHS của PNTM.

Trên cơ sở đó luận án đã đưa ra những nhận xét, đánh giá về những kết quả đạt được, những hạn chế, khó khăn, vướng mắc và làm rõ nguyên nhân để làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện pháp luật hình sự và bảo đảm áp dụng quy định của BLHS về TNHS của PNTM.

5. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, pháp luật và thực tiễn TNHS của PNTM, luận án đã làm rõ các yêu cầu của việc hoàn thiện pháp luật, đề xuất các giải pháp hoàn thiện và bảo đảm áp dụng quy định của BLHS về TNHS của PNTM trong thời gian tới.

Với những kết luận trên, NCS tin tưởng rằng kết quả nghiên cứu của luận án sẽ góp phần vào việc bổ sung, hoàn thiện lý luận, pháp luật về TNHS của PNTM, cũng như góp phần quan trọng vào việc bảo đảm áp dụng quy định của BLHS về TNHS của PNTM trong thời gian tới.

Quá trình nghiên cứu, tác giả đã hết sức nỗ lực, cố gắng. Tuy vậy, chắc chắn không tránh khỏi những hạn chế, khiếm khuyết. Tác giả rất mong nhận được ý kiến góp ý của các nhà khoa học, các chuyên gia cũng như các cán bộ thực tiễn và đồng nghiệp để có thể hoàn thiện luận án đạt được chất lượng cao hơn./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Các công trình tiếng việt

1. Ban chấp hành Trung ương, Nghị quyết số 48/NQ-TW ngày 24/05/2005 về chiến lược xây dựng và hoàn thiện pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020, Hà Nội.
2. Ban chấp hành Trung ương, Ban chỉ đạo cải cách tư pháp (2014), *Báo cáo số 35-BC/CCTP “tổng kết 8 năm thực hiện nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”*, Hà nội.
3. Ban soạn thảo BLHS (2015), Bản thuyết minh chi tiết dự thảo BLHS (sửa đổi), Hà Nội.
4. Bảo hiểm xã hội Việt nam (2014), *Thực trạng vi phạm pháp luật và đề xuất hình sự hóa hành vi trốn đóng bảo hiểm cho người lao động*, Báo cáo, Hà Nội.
5. Bộ Tài nguyên & Môi trường (2013), *Báo cáo tổng kết 8 năm thi hành Luật Bảo vệ môi trường 2005 (2005 - 2013)*, Hà Nội.
6. Bộ Tài nguyên & Môi trường (2013), *Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2013 và kế hoạch công tác năm 2014 của ngành tài nguyên và môi trường*, Hà Nội.
7. Bộ Tư pháp (2014), *Đề án TNHS của tổ chức, pháp nhân*, Hà Nội.
8. Bộ Tư pháp Việt Nam (2013), *Báo cáo kết quả Hội thảo “TNHS của pháp nhân” – những vấn đề đặt ra*, Hà Nội.
9. Bộ tư pháp (2014), *Báo cáo gửi UBTWQH (2014) trong quá trình chủ trì soạn thảo BLHS năm 2015*, Hà Nội.
10. TS. Nguyễn Mai Bộ (2011), *Thực trạng quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 về trách nhiệm hình sự và những vấn đề đặt ra* của trong cuốn “*Quy định của phần chung Bộ luật hình sự Việt Nam năm 2015*”, Nhà xuất bản tư pháp [tr.202-221].
11. Nguyễn Chí Công (2017), *Trách nhiệm hình sự đối với các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế*, Luận án tiến sĩ, Khoa luật, Đại học quốc gia Hà Nội.
12. Chủ tịch nước (1956), Sắc lệnh số 282/SL ngày 14/12/1956 kèm theo Luật về chế độ báo chí được Quốc hội thông qua bởi Luật số 100/SL/LO02 ngày 20- 5-1957.

13. Lê Cẩm (2016), Về các điều khoản liên quan đến TNHS của pháp nhân trong phần chung BLHS năm 2015, Tạp chí Kiểm sát số 21, tr26 – 39.
14. Lê Cẩm (2005), *TNHS của pháp nhân (Trong cuốn: Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự - sách chuyên khảo sau đại học)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
15. GS.TSKH Lê Văn Cẩm (2000), *Những vấn đề lý luận cơ bản về trách nhiệm hình sự*, Sách chuyên khảo, Nhà xuất bản Công an nhân dân.
16. Lê Văn Cẩm và Trịnh Tiến Việt (2005), *Trách nhiệm hình sự và miễn trách nhiệm hình sự*, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Kinh tế - Luật.
17. Trần Văn Độ (2014), *Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc quy định TNHS đối với tổ chức, tổ chức, pháp nhân trong luật hình sự Việt Nam*, tài liệu tham khảo phục vụ xây dựng Đề án TNHS của tổ chức, pháp nhân.
18. Trần Văn Độ (2020), *Đổi mới nhận thức một số vấn đề lý luận về Tội phạm và cấu thành tội phạm*, Tạp chí Nhân lực Khoa học xã hội số 10.
19. Trần Văn Dũng (2018), *TNHS của PNTM và những vấn đề cần quan tâm khi xử lý hình sự đối với PNTM theo quy định của BLHS năm 2015*, Chuyên đề đăng trên trang điện tử vkshaugiang.gov.vn ngày 29/3.
20. Trần Văn Dũng (2020), *TNHS của pháp nhân trong BLHS Pháp*, Sách chuyên khảo do nhiều tác giả biên soạn, GS.TS Nguyễn Ngọc Hòa chủ biên, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
21. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật.
22. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật.
23. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật.
24. Nguyễn Minh Đoan (2014), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về trách nhiệm pháp lý của Nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức cơ quan Nhà nước ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia.
25. Trần Văn Độ (2011), *Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc quy định TNHS đối*

với tổ chức, pháp nhân trong luật hình sự Việt Nam, Chuyên đề trong công trình nghiên cứu khoa học cấp bộ “Nghiên cứu so sánh cơ sở lý luận và thực tiễn của việc áp dụng TNHS đối với tổ chức” do TS.Cao Thị Oanh chủ nhiệm.

26. Trần Văn Độ (2017), *Những quy định đối với PNTM phạm tội trong BLHS năm 2015*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 24.
27. Phạm Hồng Hải (1999), *Pháp nhân có thể là chủ thể của tội phạm hay không*, Tạp chí Luật học, số 06/1999.
28. Phạm Hồng Hải (2000), *Pháp nhân có thể là chủ thể của tội phạm hay không?*
Tạp chí Luật học số 3/2000.
29. Trần Đình Hải (2019), *Cần sửa đổi quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 về phân loại tội phạm đối với pháp nhân, Kỷ yếu hội thảo khoa học Quốc tế “TNHS của PNTM phạm tội – Đại học Kiểm sát Hà Nội*.
30. Nguyễn Ngọc Hòa (2017), *Bình luận khoa học BLHS năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Phần chung)*, NXB Tư pháp, Hà Nội.
31. Nguyễn Ngọc Hòa (2014), *TNHS của chủ thể là tổ chức và vấn đề sửa đổi BLHS Việt Nam*, Tạp chí luật học số 12, tr9-16.
32. GS.TS. Nguyễn Ngọc Hòa (Chủ biên, 2015), *Sửa đổi BLHS - Những nhận thức cần thay đổi*, Nxb. Tư pháp
33. Nguyễn Ngọc Hòa (2016), *Khái niệm tội phạm và việc quy định TNHS của PNTM trong BLHS Việt Nam 2015*, Tạp chí Luật học số 03, Trường Đại học luật Hà Nội.
34. Nguyễn Ngọc Hòa chủ biên (2020), *TNHS của pháp nhân – Nhận thức cần thống nhất*, sách chuyên khảo do nhiều tác giả biên soạn, GS.TS Nguyễn Ngọc Hòa chủ biên, Nxb Tư pháp, Hà Nội
35. Phạm Mạnh Hùng (2004), *Chế định TNHS trong luật hình sự Việt Nam*, Luận án tiến sỹ, Trường Đại học Luật Hà Nội.
36. Nguyễn Ngọc Hòa (2014), *TNHS của chủ thể là tổ chức và vấn đề sửa đổi Bộ luật hình sự Việt Nam*, Tạp chí Luật học, số 12.
37. Nguyễn Văn Hương (2016), *TNHS của PNTM theo BLHS năm 2015*, Bài báo khoa học, Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 04.

38. Nguyễn Văn Hương (2020), *TNHS của PNTM – quy định của BLHS năm 2015 và những vấn đề pháp lý phức tạp*, Sách chuyên khảo do nhiều tác giả biên soạn, GS.TS Nguyễn Ngọc Hòa chủ biên, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
39. Nguyễn Văn Khoát (2020), *TNHS của PNTM trong các vụ án kinh tế liên quan đến chức vụ*, Chuyên đề khoa học, VKSND tối cao.
40. Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (2018), *Hoàn thiện chế định lớn về tội phạm của pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành*”, Đại học Quốc gia Hà Nội, Tập 34, Số 1.
41. Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (2022), *Quy định của phần chung Bộ luật hình sự Việt Nam năm 2015*, Nxb Đại học Quốc gia, tr.225.
42. Nguyễn Thị Kim Lành (2018), *Trách nhiệm pháp lý của PNTM theo pháp luật Việt Nam*, luận văn thạc sĩ, Trường Đại học luật, Đại học Huế.
43. Nguyễn Tuyết Mai (2020), *TNHS của pháp nhân trong BLHS Hà Lan*, Sách chuyên khảo do nhiều tác giả biên soạn, GS.TS Nguyễn Ngọc Hòa chủ biên, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
44. Nguyễn Tuyết Mai (2020), *TNHS của pháp nhân trong luật hình sự Mỹ*, Sách chuyên khảo do nhiều tác giả biên soạn, GS.TS Nguyễn Ngọc Hòa chủ biên, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
45. Phạm Quỳnh Nga (2021), *Xác định TNHS của PNTM phạm tội vi phạm quy định về bảo vệ động vật nguy cấp, quý hiếm*, Bài viết đăng trên trang điện tử vksndtc.vn.
46. Hoàn Trí Ngọc (2016), *TNHS của pháp nhân trong văn kiện pháp lý quốc tế*, Tạp chí Nghiên cứu pháp luật số 20/2016.
47. Cao Thị Oanh (2011), *Nghiên cứu, so sánh cơ sở lý luận và thực tiễn việc áp dụng TNHS đối với tổ chức*, Đề tài khoa học cấp Bộ.
48. Cao Thị Oanh (2011), *Sự cần thiết của quy định TNHS đối với pháp nhân ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Luật học, số 12.
49. TS. Cao Thị Oanh (2011), *Nghiên cứu so sánh cơ sở lý luận và thực tiễn việc áp dụng trách nhiệm hình sự của pháp nhân*, Đề tài khoa học cấp Bộ.
50. Hoàng Thị Tuệ Phương (2006), *TNHS của pháp nhân*, Luận văn thạc sĩ luật học, ĐH Luật TP HCM.

51. Hoàng Thị Tuệ Phương (2020), TNHS của pháp nhân trong luật hình sự Úc, Sách chuyên khảo do nhiều tác giả biên soạn, GS.TS Nguyễn Ngọc Hòa chủ biên, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
52. Lương Thị Mỹ Quỳnh (2016), *Một số vấn đề về TNHS của PNTM và thủ tục truy cứu TNHS đối với PNTM*, Bài báo khoa học, Tạp chí khoa học pháp lý, số 07, trường Đại học luật thành phố Hồ Chí Minh.
53. Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội (2018), *Giáo trình luật hình sự phần chung*. NXB Chính trị quốc gia.
54. Đinh Văn Quế (2018), *TNHS của PNTM theo BLHS năm 2015*, Bài báo khoa học, Tạp chí Luật sư số 04, Liên đoàn Luật sư Việt Nam.
55. Nguyễn Quang Quý (1973), *Hình luật tổng quát*, NXB Lửa thiêng, Sài Gòn.
56. Quốc hội (2013), *Hiến pháp 2013*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
57. Quốc hội (2015), *Bộ luật hình sự năm 2015*, Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
58. Quốc hội (1999), *Bộ luật hình sự năm 1999*, Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
59. Quốc hội (1985), *Bộ luật hình sự năm 1985*, Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
60. Quốc hội (2015), *BLDS năm 2015*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
61. Quốc hội (2014), *Luật Doanh nghiệp năm 2014*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
62. Quốc hội (2014), *Luật Đầu tư năm 2014*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
63. Quốc hội (2015), *Bộ luật TTHS năm 2015*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
64. GS.TS.Lê Thị Sơn (2020), TNHS của đơn vị trong pháp luật hình sự Áo, Sách chuyên khảo do nhiều tác giả biên soạn, GS.TS Nguyễn Ngọc Hòa chủ biên, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
65. PGS.TS.Nguyễn Thị Thuận (2020), *Trách nhiệm pháp lý và TNHS của pháp nhân trong luật quốc tế*, Sách chuyên khảo do nhiều tác giả biên soạn, GS.TS Nguyễn Ngọc Hòa chủ biên, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
66. Nguyễn Thất Thành (2013), *TNHS của pháp nhân theo pháp luật hình sự của một số nước trên thế giới và lựa chọn cho Việt Nam*, Bài báo khoa học, tạp chí TA số 09.
67. Thạc sĩ Trần Thanh Thủy (2020), TNHS của đơn vị trong BLHS Trung Quốc, Sách chuyên khảo do nhiều tác giả biên soạn, GS.TS Nguyễn Ngọc Hòa chủ

biên, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

68. TS.Đào Lệ Thu (2020), *TNHS của tổ chức trong BLHS Thụy Sĩ*, Sách chuyên khảo do nhiều tác giả biên soạn, GS.TS Nguyễn Ngọc Hòa chủ biên, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
69. TS. Đào Lệ Thu (2020), *TNHS của tổ chức trong luật hình sự Anh*, Sách chuyên khảo do nhiều tác giả biên soạn, GS.TS Nguyễn Ngọc Hòa chủ biên, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
70. TS. Trịnh Quốc Toàn (2011), *Trách nhiệm hình sự của pháp nhân trong pháp luật hình sự*, Sách chuyên khảo.
71. Trịnh Quốc Toàn, Giáo trình Luật hình sự Việt Nam (Phần chung) của Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.
72. Kinh Thị Tuyết (2020), *TNHS đối với pháp nhân theo Luật hình sự Việt Nam – Một số vấn đề cần hoàn thiện*, Bài viết đăng trên Tạp chí công thương điện tử (<https://amp> ngày 28/2/2020)
73. Nguyễn Xuân Thanh, Bùi Thế Phương (2021), *TNHS của PNTM trong BLHS năm 2015*, bài viết đăng trên trang điện tử vksbinhdingh.gov.vn ngày 26/2.
74. Phạm Tài Tuệ (2018), *Những điểm mới trong quy định về Tội buôn lậu của BLHS năm 2015 so sánh với BLHS năm 1999*, Bài viết đăng trên trang điện tử tapchitoaan.vn ngày 05/3.
75. Minh Thu (2018), *Xử lý hình sự doanh nghiệp nợ, trốn đóng bảo hiểm xã hội*, Bài báo khoa học, Tạp chí tài chính số 03/2018, Bộ Tài chính.
76. TA nhân dân tối cao (1975), Tập luật lệ về hình sự, Hà Nội
77. TS. Trịnh Quốc Toàn (), *Một số suy nghĩ về việc xây dựng chế định TNHS của pháp nhân trong Luật hình sự Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo: Hình sự hóa và thực thi pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong Công ước của Liên hợp quốc và pháp luật Việt Nam.
78. TS. Trịnh Quốc Toàn (2014), *TNHS của tổ chức, pháp nhân trong luật hình sự một số nước theo truyền thống luật Châu Âu lục địa*, Tài liệu tham khảo phục vụ nội dung Đề án “TNHS của tổ chức, pháp nhân”.
79. TS. Trịnh Quốc Toàn (2011), *TNHS của pháp nhân trong pháp luật hình sự*,

Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

80. Tổng Cục thuế (2013 – 2014), *Báo cáo về tình hình nợ động thuế năm 2013 – 2014*, Hà Nội.
81. Trường Đại học kiểm sát Hà Nội (2019), *Trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại phạm tội*, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế.
82. Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội (2018), *Giáo trình luật hình sự phần chung*. NXB Chính trị quốc gia.
83. Trường Đại học Kinh tế quốc dân (2012), *Giáo trình Quản lý học*, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân.
84. Từ điển luật học năm 2006 (2006), NXB Tư pháp, Hà Nội.
85. Ủy ban thường vụ Quốc hội (2015), Báo cáo số 251/BC-UBTVQH12 về giải trình, tiếp thu, chỉnh lý về Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLHS năm 1999.
86. Đào Trí Úc (2015), *Vấn đề TNHS của Tổ chức, pháp nhân trong luật hình sự*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 03/2015.
87. Đào Trí Úc (1999), Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 9/1999.
88. Đào Trí Úc (2017), *Chính sách hình sự thể hiện trong BLHS năm 2015*, Tạp chí Khoa học pháp lý, Số 01/2017.
89. Đào Trí Úc (1995), *Những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
90. PGS.TS Trịnh Tiến Việt (2021), *TNHS và loại trừ TNHS*, Sách chuyên khảo, Nxb Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội.
91. PGS.TS. Trịnh Tiến Việt (2022), *Thực trạng quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 và những trường hợp loại trừ trách nhiệm hình sự và các vấn đề thực tiễn đặt ra*, trong cuốn “*Quy định của phần chung Bộ luật hình sự Việt Nam năm 2015*”, Nhà xuất bản tư pháp [tr.172-202].
92. PGS.TS. Trịnh Tiến Việt (2013), *Tội phạm và trách nhiệm hình sự*” Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật.
93. Viện ngôn ngữ học (2018), *Theo từ điển tiếng Việt*, Chủ biên GS. Hoàng Phê, NXB Hồng Đức.

94. Viện sử học Việt Nam, Quốc triều hình luật, NXB Pháp lý, Hà Nội.
95. Thạc sĩ Lưu Hải Yến (2020), TNHS của đơn vị trong BLHS Nhật Bản, Sách chuyên khảo do nhiều tác giả biên soạn, GS.TS Nguyễn Ngọc Hòa chủ biên, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
96. Thạc sĩ Lưu Hải Yến (2020), TNHS của PNTM – Sự cần thiết và nội dung các quy định có liên quan trong BLHS năm 2015, Sách chuyên khảo do nhiều tác giả biên soạn, GS.TS Nguyễn Ngọc Hòa chủ biên, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

II. Các công trình tiếng nước ngoài

97. Andrew Ashworth (2019), *Principle of Criminal Law*, Đại học Oxford.
98. A. Braas (1946), *Précis de droit criminel*”, *Bruxlles- liège, Bruylant*, Cộng hòa Bỉ.
99. Actes du congrès (1920)
100. Carna AR (2014), *TNHS của pháp nhân, những so sánh quốc tế trong pháp luật của Hoa Kỳ, Anh, Tây Ban Nha và Ý*, Bài viết đăng trên Tạp chí Khoa học Dân sự & Pháp lý.
101. Canadian Dredge & Dock Co.c. La Reine (1985) 1 R.C.S.66.
102. Donnedieu De Vabres (1947), *Traite de droit criminel et de législation pénale compare*.
103. Dr. Mark Dsouza (2020), *Doanh nghiệp trong luật hình sự - biện pháp xác định toàn diện - Thuyết nhận dạng*, Bài nghiên cứu xuất bản trực tuyến bởi Nhà xuất bản Đại học Cambridge.
104. Dorothy makgwale Farisani (2017), *TNHS của pháp nhân ở Nam Phi?*, Khoa Luật học, Đại học Nam Phi, *Phiên bản trực tuyến* ISSN 2411-7870, *Phiên bản in* ISSN 1021-545X tại Fundamina (Pretoria) vol.23 n.1 Pretoria 2017.
105. F. Desport et và F. Legunehec (1996), *Le nouveau droit penal, droit penal ge'ne'ral, t.1,2^e e'd.*
106. Fernández Díaz, Carmen Rocío (2016), *TNHS của pháp nhân: một nghiên cứu so sánh giữa Tây Ban Nha và Peru*, Đại học Công giáo Peru.
107. Gennady A Esakov (2010), *TNHS của doanh nghiệp: Đánh giá so sánh*, Tạp chí Luật của Đại học Thành phố Hồng Kông.

108. Gert Vermeulen (2012), Wendy De Bondt, Charlotte Ryckman, *Trách nhiệm pháp lý của các tội phạm tại EU*, Viện nghiên cứu quốc tế về chính sách hình sự, châu Âu, Nhà xuất bản Makl.
109. Haus, *Principes généraux de droit pénal belge, Gand, Librairie générale ad. Hoste.*
110. Hiệp hội dược phẩm Lon don (1880), *The pharmaceutical society. v. The London and provincial supply association ltd*, Quyết định xử phạt.
111. H.L. Bolton (engineering) (1957), *Company ltd. v. T.J. Graham &son ltd i.q.b.159, 172.*
112. I.H. Leigh: *The criminal Liability of Corporation in English Law*. London, 1969
113. Kensuke itoh (1993-1997), *Những thành tựu và hạn chế về mặt lý luận trong việc pháp luật hoá TNHS của tổ chức tại Nhật Bản*, Nhật Bản.
114. Marta Uhlířová (2014), *TNHS của pháp nhân - so sánh luật của Cộng hòa Séc và cộng hòa Áo*, Bài viết đăng trên Tạp chí Kinh tế và Tài chính Procedia 12.
115. M.F.C Von Savigny, *Traité de droit romain*, trad. de ch. ruenoux, Paris, librairie firmin didot 1841.
116. M. Hauriou (1933), *Le pouvoir, L'ordre et la liberté*”, Paris.
117. M. Delmas-marty (1993), *Droit pénal d'affaires*, Paris.
118. Moulongui (1994), *l'e'le'ment moral dans la responsabilite' pe'nalle des personnes morales*, R.T.D.
119. M. Hauriou aux sources du droit: *Le pouvoir, L'ordre et la liberté*, Cahiers de la nouvelle journée, (23) Paris, Bloud & gay, 1933, 126-127
120. Nhóm các các luật sư từ 18 văn phòng toàn cầu của công ty luật đa quốc gia Linklaters (2016), *Corporate criminal liability - A review of law and practice across the globe*”, Tập san nghiên cứu.
121. R. Garraud (1926), *Traité de droit criminel*, Paris, Sirey.
122. Rodríguez-López, Silvia (2017), *TNHS của pháp nhân đối với tội phạm buôn bán người trong luật quốc tế và châu Âu*, Bài viết đăng trên Tạp chí thông tin buôn bán người , Tập 1, Số 1, tháng 2 năm 2017.

123. Thomas Hobbes, *Léviathan* (1971), *Trad. par f. tricaud*” Paris, Sirey.
124. V. Simonart (1995), *la personnalité morale en droit compare*, Bruxelles, Bruylant.

III. Tài liệu từ internet

125. <https://tkshcm.edu.vn/chuyen-de-trach-nhiem-hinh-su-cua-phap-nhan-thuong-mai> (TS.Nguyễn Duy Khoát: Chuyên đề “trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại trong các vụ án kinh tế liên quan đến chức vụ và những đặc trưng của các tội lợi dụng chức vụ quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi (điều 358), tội giả mạo công tác (điều 359) và tội lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ, quyền hạn để trục lợi (điều 366) bộ luật hình sự năm 2015).
126. <http://eng.hi138.com>, China, Japan and South Korea on the criminal liability of legal persons, Free Papers Download Center, Posted:2008-6-23 9:13:00 Browse:5321.
127. <http://gso.gov.vn> (Ruot-sach-trang-2020.pdf)
128. <http://bacninh.toaan.gov.vn/webcenter/portal/bacninh/chitiettin?dDocName=TAND165283> (Đỗ Nhật Ánh (2020), *Bàn về quy định TNHS của PNTM trong BLHS năm 2015*).
129. <https://tapchitoaan.vn/truy-cuu-trach-nhiem-hinh-su-doi-voi-phap-nhan-thuong-mai-pham-toi> (Bạch Ngọc Du, *Truy cứu TNHS đối với PNTM phạm tội*).
130. <http://www.gso.gov.vn/px-web-2/?pxid=V0503&theme=Doanh%20ngiệp>.
131. www.tapchitoaan.vn/diem-bat-cap-trach-nhiem-hinh-su-doi-voi-phap-nhan-thuong-mai (Đinh Thị Ngọc Bích (2019), *Điểm bất cập TNHS đối với PNTM*).

PHỤ LỤC 1

TÌNH HÌNH VI PHẠM PHÁP LUẬT CỦA PHÁP NHÂN Ở VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM GẦN ĐÂY

Trong những năm qua đây dưới tác động của mặt trái nền kinh tế thị trường, tình hình vi phạm pháp luật nói chung diễn ra hết sức phức tạp, trong đó không ít pháp nhân hoạt động kinh doanh vì chạy theo lợi nhuận cục bộ đã có sự thông đồng từ người phụ trách đến nhân viên, thực hiện nhiều hành vi trái pháp luật mang tính chất tội phạm trong nhiều lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội, trong đó phổ biến là các vi phạm sau đây:

- Vi phạm trong lĩnh vực thuế:

Trong những năm qua, hành vi trốn thuế bằng nhiều hình thức khác nhau của các pháp nhân cũng xảy ra rất phổ biến, làm giảm thu ngân sách cho Nhà nước hàng chục ngàn tỷ đồng. Chỉ tính giai đoạn 2010 – 2018, công tác thanh tra, kiểm tra của ngành Thuế đã phát hiện có tổng số 642.423 doanh nghiệp vi phạm thuế thu nhập doanh nghiệp (số doanh nghiệp vi phạm tăng mạnh, từ 31.759 doanh nghiệp năm 2010 lên 103.211 doanh nghiệp năm 2017 và 95.936 doanh nghiệp năm 2018) với tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp thu về là 35.922,09 tỷ đồng và giảm lỗ là 185.002,2 tỷ đồng.

Đáng lưu ý là tại một số địa phương, tỷ lệ vi phạm lên đến 100% như Cục thuế Bắc Giang (thanh tra 16 doanh nghiệp thì cả 16 đều vi phạm). Tỷ lệ này diễn ra tương tự tại Hòa Bình (16/16), Gia Lai (15/15)... Tại một số tỉnh, thành phố khác dù mức độ vi phạm không đến 100% nhưng tỷ lệ này cũng rất lớn như Hà Nội (thanh tra 332 doanh nghiệp thì phát hiện có 326 đơn vị vi phạm, số tiền giảm lỗ hơn 1.500 tỉ đồng, truy thu, phạt, truy hoàn gần 498 tỉ đồng); hay Thành phố Hồ Chí Minh khi các cơ quan chức năng tiến hành thanh tra 193 doanh nghiệp FDI, có tới 164 doanh nghiệp vi phạm, giảm lỗ hơn 870 tỉ đồng và truy thu, phạt gần 173 tỉ đồng [7, tr.8].

- Vi phạm trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại:

Trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thương mại, tình trạng pháp nhân là các doanh nghiệp kinh doanh trái phép, buôn lậu, gian lận thương mại... cũng xảy ra khá phổ biến, gây thiệt hại nghiêm trọng cho nền kinh tế, tác động xấu tới môi trường sản xuất kinh doanh. Phương thức thủ đoạn chủ yếu của các doanh nghiệp này thường là quay vòng hóa đơn chứng từ; mua bán hóa đơn để hợp thức hóa hàng nhập lậu, gian lận trong việc kê khai giá trên hóa đơn bán hàng để giảm thuế giá trị gia tăng. Theo thống kê của Báo cáo tổng kết năm 2019 về công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả của Ban Chỉ đạo 389 tỉnh Lạng Sơn, các lực lượng chức năng đã kiểm tra 6.322 vụ; xử phạt vi phạm hành chính 5.023 vụ; tổng số tiền xử lý vi phạm hành chính hơn 131 tỉ đồng. Trong đó: tiền phạt vi phạm hành chính gần 40 tỉ đồng; phạt bổ sung, truy thu thuế hơn 46 tỉ đồng; tiền thanh lý hàng tịch thu 3.5 tỉ đồng; trị giá hàng hoá tịch thu gần 42 tỉ đồng; đã khởi tố 397 vụ/576 đối tượng.

- Vi phạm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng:

Vì lợi nhuận nên một số pháp nhân là ngân hàng đã nói lỏng điều kiện tín dụng, không tuân thủ nghiêm túc một số trình tự, thủ tục, quy định cho vay; không chuyển nhóm nợ theo quy chế; cho vay không có tài sản thế chấp hoặc tài sản thế chấp không đủ thủ tục pháp lý, thiếu sự kiểm tra năng lực tài chính của khách hàng, khâu thẩm định không đến nơi đến chốn, nâng giá trị tài sản hình thành trong tương lai từ nguồn vốn vay để được vay tiền cao hơn, bù cho vốn đối ứng, định giá tài sản thế chấp cao hơn so với thực tế... làm thất thoát một lượng đặc biệt lớn tài sản, làm tăng nợ xấu, thậm chí để một số cá nhân chiếm đoạt hàng ngàn tỷ đồng. Hậu quả này không chỉ gây thiệt hại lớn cho tài sản Nhà nước và công dân mà còn tác động tiêu cực tới các chính sách phát triển kinh tế, xã hội trong thời gian dài, thậm chí gây mất an ninh tiền tệ. Một ví dụ điển hình là Công ty cho thuê tài chính 2 thuộc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn (ALCII) đã có một loạt sai phạm về quản lý kinh tế như hạch toán sai các khoản thu, chi; không quản lý được tài sản cho thuê; không trích lập dự phòng đầu tư dài hạn theo quy

định của pháp luật; chi phí dự phòng rủi ro thấp... dẫn đến tài chính của Công ty mất cân đối nghiêm trọng, lâm vào tình trạng phá sản; tổn thất lên tới 1.937 tỷ đồng tài sản của Nhà nước; số nợ xấu khó thu hồi rất lớn; số lỗ đã lớn gấp 10 lần vốn Điều lệ [7, tr.9].

- Vi phạm trong lĩnh vực bảo hiểm:

Theo báo cáo của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, các hành vi vi phạm của các pháp nhân về bảo hiểm đang gia tăng với tính chất ngày càng phức tạp, hậu quả ngày càng nặng nề. Các hành vi vi phạm phổ biến của các pháp nhân là: Vi phạm nghĩa vụ đóng bảo hiểm của người sử dụng lao động; dùng thủ đoạn gian dối để thụ hưởng trái phép các chế độ bảo hiểm và vi phạm trong quản lý và thực hiện bảo hiểm. Theo thống kê của Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Nam, tính đến cuối tháng 11/2021, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tự nguyện với tổng số tiền hơn 238 tỉ đồng, trong đó có 1.167 doanh nghiệp nợ kéo dài từ 3 tháng trở lên với số tiền 130 tỷ đồng. Trong năm 2021, Bảo hiểm xã hội Thành phố Hồ Chí Minh thống kê có 60.000 doanh nghiệp, đơn vị nợ đọng bảo hiểm xã hội với số tiền gần 3.100 tỷ đồng. Tính đến hết tháng 10/2020, Bảo hiểm xã hội Thành phố Hà Nội thống kê toàn thành phố có 68.449 doanh nghiệp, đơn vị nợ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, với tổng số tiền là 4.627,6 tỷ đồng; số nợ trên ảnh hưởng tới 1.180.590 lao động trên địa bàn.

- Vi phạm trên lĩnh vực môi trường:

Thực tiễn hội nhập kinh tế quốc tế những năm qua cho thấy, Việt Nam đã mở ra một giai đoạn mới trong quá trình phát triển kinh tế – xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Bên cạnh hiệu quả về phát triển kinh tế – xã hội, Việt Nam cũng đối diện với vấn đề môi trường bị ô nhiễm. Các khu công nghiệp, làng nghề, khu đô thị được hình thành nhanh chóng; các hoạt động du lịch, y tế làm cho nguồn rác thải công nghiệp cũng như rác thải sinh hoạt, y tế đưa vào môi trường ngày càng nhiều, gây ô nhiễm không khí, đất, nước.

Hầu hết các khu công nghiệp chưa có hệ thống xử lý môi trường tập trung hoặc có nhưng hoạt động chỉ mang tính chất đối phó; việc các doanh nghiệp, cơ

sở sản xuất xả nước thải trực tiếp ra sông, biển là khá phổ biến. Tình trạng nhập khẩu trái phép chất thải vào nước ta dưới hình thức phế liệu làm nguyên liệu sản xuất trong nước, kể cả thiết bị công nghệ lạc hậu dẫn đến nguy cơ biến nước ta thành bãi thải công nghiệp. Tình trạng săn bắt, buôn bán động vật hoang dã, quý hiếm xảy ra hết sức nghiêm trọng, làm giảm tính đa dạng sinh học; số vụ ngộ độc thực phẩm, ngộ độc hóa chất bảo vệ thực vật tăng nhanh làm cho tình hình tội phạm về môi trường và vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường ở Việt Nam ngày càng gia tăng, không những ảnh hưởng tới tính mạng, sức khỏe và tài sản của cá nhân mà còn gây thiệt hại nghiêm trọng đối với môi trường nói chung.

Theo Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2016 – 2020 của Bộ Tài nguyên môi trường, ở cấp Trung ương đã tiến hành thanh tra, kiểm tra đối với gần 3.000 cơ sở công nghiệp, cụm công nghiệp trên phạm vi cả nước, phát hiện và xử phạt đối với khoảng 1.400 tổ chức vi phạm với số tiền phạt hơn 200 tỷ đồng. Ở cấp địa phương cũng đã tiến hành hơn 2.100 cuộc thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường đối với khoảng 9.100 cơ sở khu công nghiệp, cụm công nghiệp, phát hiện và xử phạt vi phạm hành chính đối với 4.100 đối tượng với tổng số tiền lên tới gần 100 tỷ đồng. Giai đoạn 2016 - 2020, Bộ Công an đã kiểm tra, phát hiện gần 113.000 vụ với 113.800 đối tượng vi phạm pháp luật về môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm; cơ quan Cảnh sát điều tra các cấp đã khởi tố, đề nghị khởi tố trên 1.400 vụ với 2.260 bị can; xử phạt, đề xuất xử phạt vi phạm hành chính gần 93.300 vụ với tổng số tiền gần 1.350 tỷ đồng. Bộ Công an cũng đã có nhiều văn bản kiến nghị với các bộ, ngành chức năng, UBND các địa phương về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật về môi trường, như: hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất rắn rắn công nghiệp và xử lý nước thải đô thị tập trung tại một số tỉnh phía Nam; tình hình ô nhiễm môi trường tại các nhà máy, cơ sở sản xuất lớn, các khu công nghiệp; công tác bảo đảm an ninh, an toàn nguồn nước sạch phục vụ sinh hoạt; tình trạng chặt phá rừng, khai thác gỗ trái phép ở các tỉnh Tây Nguyên; công tác chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của Công ty Formosa Hà Tĩnh và Nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân tại Bình Thuận...

Qua đấu tranh, xử lý đã góp phần phòng ngừa, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của doanh nghiệp và người dân.

- Vi phạm trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ:

Theo Báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Luật sở hữu trí tuệ của Bộ Khoa học và Công nghệ, trong giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2016, cơ quan Quản lý thị trường trong cả nước đã tiến hành xử phạt vi phạm hành chính đối với 179.857 vụ có liên quan đến hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, với tổng số tiền xử phạt là 591.720.045 đồng. Cơ quan có thẩm quyền thanh tra, xử lý hành chính đối với các hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp, trong giai đoạn từ 01/7/2006 đến 30/6/2016, Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ đã tiến hành 386 vụ thanh tra trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp, xử phạt hành chính đối với 269 vụ, với mức tiền phạt là 7.700.000.000 đồng. Thực tiễn cho thấy hầu hết các vụ xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đều được xử lý bằng biện pháp hành chính và tập trung chủ yếu vào đối tượng hàng nhái, hàng giả về nhãn hiệu và hàng xâm phạm kiểu dáng công nghiệp. Hình thức xử phạt được áp dụng chủ yếu là phạt cảnh cáo, phạt tiền và tịch thu hàng hóa giả mạo về nhãn hiệu.

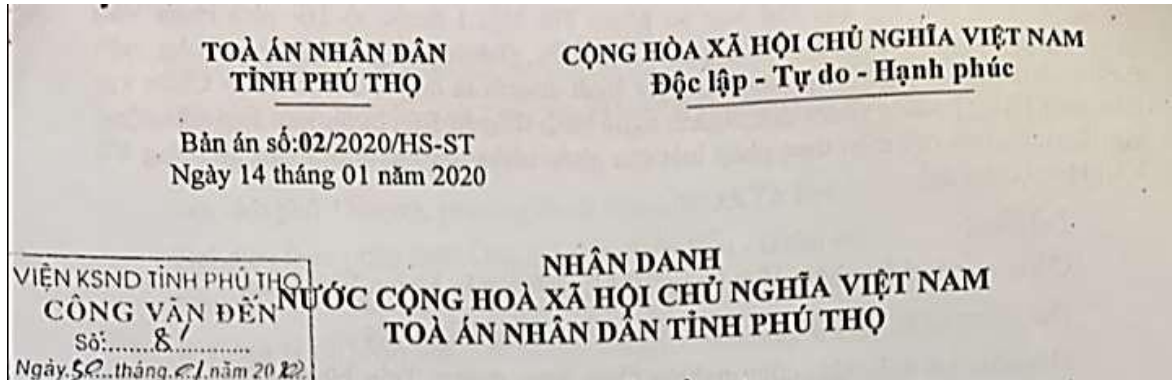
Tuy đã có nhiều nỗ lực từ phía các cơ quan thực thi quyền sở hữu công nghiệp, nhưng thực tế cho thấy tình trạng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ ở nước ta vẫn đang diễn ra ngày càng phổ biến và phức tạp. Điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể quyền, làm nản lòng các nhà đầu tư, gây tác động tiêu cực đến đời sống kinh tế, xã hội. Có thể khẳng định rằng một trong những điểm yếu và thách thức lớn nhất của hệ thống sở hữu công nghiệp của nước ta hiện nay là chính là hiệu quả của hoạt động thực thi quyền còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn, đặc biệt là việc thực thi quyền sở hữu công nghiệp bằng biện pháp tư pháp.

PHỤ LỤC 2.
THỐNG KÊ HÌNH PHẠT ĐƯỢC ÁP DỤNG ĐỐI VỚI PNTM PHẠM
TỘI TRONG BLHS 2015

Nhóm tội	Điều luật	Hình phạt chính			Hình phạt bổ sung		
		Phạt tiền	Đình chỉ hoạt động có thời hạn	Đình chỉ hoạt động vĩnh viễn	Cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong	Cấm huy động vốn	Phạt tiền, khi không áp dụng là hình phạt
Chương XVIII - CÁC TỘI XÂM PHẠM TRẬT TỰ QUẢN LÝ KINH TẾ	188	X	X	X	X	X	X
	189	X	X	X	X	X	X
	190	X	X	X	X	X	X
	191	X	X	X	X	X	X
	192	X	X	X	X	X	X
	193	X	X	X	X	X	X
	194	X	X	X	X	X	X
	195	X	X	X	X	X	X
	196	X			X	X	X
	200	X	X	X	X	X	X
	203	X		X	X	X	X
	209	X			X	X	X
	210	X			X	X	X
	211	X		X	X	X	X
	213	X			X	X	
	216	X					
	217	X	X		X	X	X
	225	X	X		X	X	X
	226	X	X		X	X	X
	227	X	X		X	X	X
	232	X	X		X	X	X
	234	X	X	X	X	X	X
	235	X	X	X	X	X	X

Chương XIX - CÁC TỘI PHẠM VỀ MÔI TRƯỜNG	237	X	X	X	X	X	X
	238	X	X	X	X	X	X
	239	X	X	X	X	X	X
	242	X	X		X	X	X
	243	X	X	X	X	X	X
	244	X	X	X	X	X	X
	245	X		X	X	X	X
	246	X	X		X	X	X
Chương XXI - CÁC TỘI XÂM PHẠM ATCC, TTCC	300	X		X	X	X	X
	324	X	X	X	X	X	X

PHỤ LỤC 3
BẢN ÁN ĐỐI VỚI PHÁP NHÂN THƯƠNG MẠI
MÀ TÒA ÁN ĐÃ TUYÊN



Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hồ Văn Việt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo

Bà Nguyễn Thị Phẩm

Thư ký phiên toà: Ông Phạm Việt Hưng- Cán bộ Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ: Bà Hà Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2019 TA nhân dân tỉnh Phú Thọ đã đưa ra xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 71/2019/TLHS-ST ngày 02 tháng 12 năm 2019.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2019/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Vũ Văn Phú**, sinh năm 1972; Hộ khẩu thường trú: P1 N3, tập thể Đại học sư phạm I, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: số nhà 25, ngõ 12, đường Hàm Nghi, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Nơi làm việc: Giám đốc Công ty cổ phần nhôm Việt Pháp - Nhà máy nhôm Việt Pháp tại Hà Nội và

Chi nhánh Công ty cổ phần nhôm Việt Pháp - Nhà máy nhôm Việt Pháp tại khu công nghiệp Trung Hà, xã Hồng Đa, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ; Con ông: Vũ Văn Mịch, sinh năm 1926 và bà: Lương Thị Xê - đã chết; Anh chị em ruột: gia đình có 05 người, bị cáo là con thứ 5; Vợ: Nguyễn Hải Anh, sinh năm 1974; Con: có 03 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2012; Tiền án - Tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú trong giai đoạn điều tra. Hiện đang bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ áp dụng biện pháp cho gia đình bảo lãnh. (Có mặt).

2. Công ty cổ phần nhôm Việt Pháp - Nhà máy nhôm Việt Pháp

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0104242130 do Sở kế hoạch và tư TP Hà Nội cấp ngày 05/11/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 10/11/2017; Địa chỉ: Phòng 1 - nhà N3 - tập thể Đại học sư phạm I thuộc tổ 16 – Phố Phạm Văn Trường, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật của công ty theo đăng ký kinh doanh là ông Vũ Văn Phú - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc; Ngành nghề kinh doanh: Buôn bán kim loại và quặng kim loại; Người đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phạm tội: Ông Vũ Văn Hải; (có mặt).

*** Bị hại:**

Công ty cổ phần nhôm Việt Pháp SHAL - Nhà máy Nhôm Việt Pháp

Đại diện: Ông Đinh Huy Chinh - Chức vụ: Tổng Giám đốc

Địa chỉ: Lô KT, khu công nghiệp Phúc Sơn, đường Trần Nhân Tông, phường Ninh Sơn, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện theo ủy quyền:

1. Bà Hoàng Thị Thanh Huyền, sinh năm 1978 (Có mặt).

Địa chỉ: 25L, ngõ 3 Hàm Long, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

2. Ông Lê Xuân Lộc, sinh năm 1978 (Có mặt). Địa chỉ: Linh Quy, Kim Sơn, Gia Lâm, Hà Nội.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Công ty TNHH TM và DV Mạnh Quy (Có đơn xin xét xử vắng mặt). Địa chỉ: thôn Khê Tang, xã Cự Khê, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội. Đại diện: Bà Lê Thị Hoàng Quy, sinh năm 1982
Địa chỉ: thôn Khê Tang, xã Cự Khê, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.
2. Công ty TNHH XD và TM Minh Đức (Có đơn xin xét xử vắng mặt). Địa chỉ: số 87A, thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Văn Đức - Giám đốc
Địa chỉ: số 87A, thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
3. Công ty cổ phần Nhôm Xingfa Shalumi - Nhà máy nhôm Xingfa Shalumi (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: số 115A, đường Phan Trọng Tuệ, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội Đại diện theo pháp luật: Bà Ngô Thị Ánh - Giám đốc
4. Công ty TNHH TM Đông Quang (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: số 23, ngõ 165/15, đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
Đại diện theo pháp luật: Bà Đoàn Phương Châm – Giám đốc.
Địa chỉ: thôn Nội Am, xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.
5. Công ty TNHH giấy Cozy (Vắng mặt).
Địa chỉ: phố Thượng, phường Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.
Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến Bền - Giám đốc.
Địa chỉ: thôn Đại Sơn, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.
6. Công ty cổ phần sản xuất nhôm Xingfa - Nhà máy nhôm Xingfa (Có mặt). Địa chỉ: số 1, nhà N3 tập thể Đại học sư phạm I, phường Dịch Vọng Hậu,
quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn Phụ - Giám đốc
Nơi Hộ khẩu thường trú: P1 N3, tập thể Đại học sư phạm I, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội;
Nơi cư trú: Số nhà 25, ngõ 12, đường Hàm Nghi, phường Cầu Diễn, quận

Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/4/2019, Công ty cổ phần nhôm Việt Pháp SHAL- Nhà máy nhôm Việt Pháp, có địa chỉ tại: Lô KT, khu công nghiệp Phúc Sơn, đường Trần Nhân Tông, phường Ninh Sơn, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình làm đơn tố cáo gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Phú Thọ về việc một số đơn vị kinh doanh đã có hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp được Cục sở hữu trí tuệ cấp văn bằng bảo hộ cho Công ty. Sau khi thụ lý đơn, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Phú Thọ đã tiến hành xác minh và khởi tố vụ án hình sự, điều tra và xác định:

Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy nhôm Việt Pháp (*sau đây viết tắt là Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Hà Nội*) hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104242130 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 05/11/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 10/11/2017; Địa chỉ: Phòng 1 - nhà N3 - tập thể Đại học sư phạm I thuộc tổ 16 – Phố Phạm Văn Trường, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật của công ty theo đăng ký kinh doanh là ông Vũ Văn Phụ - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc; Nghề nghiệp kinh doanh: Buôn bán kim loại và quặng kim loại.

Ngày 29/9/2015, Công ty CP Nhôm Việt Pháp – Hà Nội thành lập chi nhánh Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy nhôm Việt Pháp (*sau đây viết tắt là chi nhánh Công ty nhôm Việt Pháp – Phú Thọ*), có địa chỉ khu công nghiệp Trung Hà, xã Hồng Đa, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104242130-001 do Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp, do ông Vũ Văn Phụ là người đại diện theo pháp luật. Chi nhánh Công ty CP Nhôm Việt Pháp- Phú Thọ hạch toán độc lập và kê khai thuế tại Chi cục thuế huyện Tam Nông.

Ngày 05/10/2015, Ban Quản lý các KCN tỉnh Phú Thọ cấp chứng nhận đăng ký đầu tư số 2440754642 cho Công ty CP Nhôm Việt Pháp- Hà Nội, đầu tư

dự án "*Xây dựng nhà máy sản xuất và gia công nhôm* " để sản xuất, kinh doanh nhôm

thanh, cửa nhôm và cửa cuốn. Công ty Nhôm Việt Pháp- Hà Nội bỏ vốn xây dựng và ủy quyền cho Chi nhánh Công ty CP nhôm Việt Pháp- Phú Thọ thực hiện dự án (Chi nhánh công ty cổ phần nhôm Việt Pháp- Phú Thọ vẫn do ông Vũ Văn Phụ là người đứng đầu).

Từ đầu năm 2018 đến tháng 4 năm 2019, Vũ Văn Phụ là giám đốc của 02 công ty: Công ty cổ phần Nhôm Việt Pháp- Nhà máy nhôm Việt Pháp (Hà Nội) và Công ty cổ phần sản xuất Nhôm Xingfa- Nhà máy Nhôm Xingfa địa chỉ tại: số 1, nhà N3 tập thể Đại học Sư phạm I, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội đồng thời cũng là người đứng đầu Chi nhánh Công ty Nhôm Việt Pháp- Phú Thọ đã chỉ đạo nhân viên của 02 Công ty trên và Chi nhánh sản xuất, gia công các sản phẩm nhôm thanh định hình, dán các loại tem nhãn trong đó có tem nhãn mang nhãn hiệu “NHÔM VIỆT PHÁP SHAL” trùng với nhãn hiệu được bảo hộ của Công ty CP Nhôm Việt Pháp SHAL địa chỉ tại: Lô KT, KCN Phúc Sơn, phường Ninh Sơn, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình để bán ra thị trường bằng hình thức sau:

Công ty cổ phần Nhôm Việt Pháp- Phú Thọ không sản xuất được nhôm thanh định hình. Sau khi mua nhôm phế liệu của các đơn vị, cá nhân, Chi nhánh Công ty cổ phần Nhôm Việt Pháp - Phú Thọ sản xuất thành nhôm phôi bilet rồi thuê Công ty CP DST Hà Nội địa chỉ: phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội do ông Mai Xuân Thắng làm giám đốc gia công cán nhôm bilet thành nhôm thanh định hình sau đó nhập về kho của Chi nhánh Công ty cổ phần Nhôm Việt Pháp- Phú Thọ. Vũ Văn Phụ đã chỉ đạo các tổ sản xuất của Chi nhánh Công ty cổ phần Nhôm Việt Pháp- Phú Thọ thực hiện các công đoạn đánh bóng, phun sơn.

Ngày 01/11/2017, ông Vũ Văn Phụ đại diện Công ty cổ phần nhôm Việt Pháp- Hà Nội ký hợp đồng nguyên tắc số 36/HDMB/COZY-VPA với Công ty TNHH giấy Cozy địa chỉ: Phố Thượng, phường Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh nội dung hợp đồng: Công ty TNHH giấy Cozy bán các loại tem dán bảo vệ bề mặt sản phẩm nhôm thanh định hình cho Công ty cổ phần nhôm Việt Pháp- Hà Nội trong đó có tem dán nhãn hiệu ghi dòng chữ “NHÔM VIỆT PHÁP

SHAL”. Có được tem nhãn Vũ Văn Phụ chỉ đạo Công ty cổ phần nhôm Việt Pháp - Hà Nội chuyển lên cho Chi nhánh Công ty cổ phần Nhôm Việt Pháp- Phú Thọ để thực hiện dán lên nhôm thanh định hình. Sau đó Chi nhánh Công ty cổ phần Nhôm Việt Pháp- Phú Thọ xuất bán thành phẩm cho Công ty cổ phần Nhôm Việt Pháp- Hà Nội và Công ty cổ phần sản xuất Nhôm Xingfa- Nhà máy Nhôm Xingfa để bán ra thị trường.

Bằng hình thức trên từ đầu năm 2018 đến tháng 4 năm 2019, Vũ Văn Phụ đã chỉ đạo Chi nhánh Công ty cổ phần Nhôm Việt Pháp - Phú Thọ sản xuất nhôm thanh định hình dán tem nhãn “NHÔM VIỆT PHÁP SHAL” với tổng số lượng 316.045,05kg sau đó bán cho 04 công ty với tổng số lượng 144.770,05kg.

Cụ thể:

- Công ty TNHH TM và DV Mạnh Quy địa chỉ: thôn Khê Tang xã Cự Khê, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội với số lượng là 2.379kg trị giá 173.437.280đ
- Công ty TNHH TM và DV Minh Đức địa chỉ: 87A, thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên với số lượng là 87.765,55kg trị giá 7.593.633.103đ
- Công ty cổ phần Nhôm xingfa Shalumi- Nhà máy nhôm Xingfa Shalumi địa chỉ: số 115A, đường Phan Trọng Tuệ, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội với số lượng là 3.966,5kg trị giá 344.688.850đ;
- Công ty TNHH TM Đông Quang địa chỉ: số 23, ngõ 165/15, đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội với số lượng 34.856kg trị giá 2.994.833.000đ.

Còn 171.275kg đang tồn kho. Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Phú Thọ đã tạm giữ 42.405 thanh nhôm định hình tương đương 171.275kg nhôm có dán tem nhãn “NHÔM VIỆT PHÁP SHAL” đang còn tồn kho chưa xuất bán ra thị trường tại Chi nhánh Công ty cổ phần Nhôm Việt Pháp- Phú Thọ.

Tổng giá trị hàng hóa vi phạm đã bán ra thị trường là: 11.106.592.233đ.

Ngày 9/4/2019, Cơ quan CSĐT- Công an tỉnh Phú Thọ có Quyết định trưng cầu giám định số 112/CSĐT trưng cầu Viện khoa học sở hữu trí tuệ - Bộ khoa

học và Công nghệ. Nội dung trung cầu giám định: *Việc chi nhánh Công ty CP
nhôm*

Việt Pháp- Phú Thọ sản xuất nhôm thanh định hình dán tem nhãn "NHÓM VIỆT PHÁP SHAL " có xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu "NHOM VIỆT PHÁP SHAL " của Công ty CP nhôm Việt pháp Shal- Ninh Bình không?

Ngày 22/04/2019, Viện khoa học sở hữu trí tuệ- Bộ khoa học và Công nghệ có Kết luận giám định sở hữu Công nghiệp số: NH174-19TC/KLGD kết luận: Sản phẩm nhôm thanh định hình gắn dấu hiệu "NHÓM VIỆT PHÁP SHAL " như thể hiện trên mẫu vật là hàng hóa giả mạo đối với nhãn hiệu "NHÓM VIỆT PHÁP SHAL " được bảo hộ theo GCNĐKNH số 292021 của Công ty CP Nhôm Việt Pháp SHAL- Nhà máy Nhôm Việt Pháp".

Ngày 10/07/2019, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Phú Thọ có công văn số 13 gửi Hội đồng định giá thường xuyên định giá tài sản trong TTHS tỉnh Phú Thọ yêu cầu định giá tài sản 42.405 thanh nhôm định hình tương đương trọng lượng 171.275kg tạm giữ nêu trên. Ngày 02/08/2019, kết luận định giá tài sản số 05 của Hội đồng định giá thường xuyên định giá tài sản trong TTHS tỉnh Phú Thọ xác định: Giá trị 42.405 thanh nhôm định hình tương đương trọng lượng 171.275kg là 11.995.758.450đ.

Ngoài ra trong quá trình điều tra Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Phú Thọ còn phát hiện và tạm giữ 11.391 thanh nhôm định hình. Trong đó: 7.087 thanh nhôm định hình tem nhãn "JMA ALUMINIUM"; 2.152 thanh nhôm định hình tem nhãn "viXING FA^RUMI" và 3 chữ Hán".

Ngày 09/04/2019, Cơ quan CSĐT- Công an tỉnh Phú Thọ đã có văn bản số 544 và 543 đề nghị Viện khoa học sở hữu trí tuệ - Bộ khoa học và Công nghệ giám định nhãn hiệu "viXING FA^RUMI" và 3 chữ Hán" và "JMA ALUMINIUM" gắn trên sản phẩm nhôm thanh định hình đã tạm giữ nêu trên có xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu được bảo hộ không?

Ngày 23, 26/4/2019, Viện khoa học sở hữu trí tuệ- Bộ khoa học và Công nghệ có kết luận giám định sở hữu công nghiệp số NH177-19TC/KLGD, NHI 76- 19TC/KLGD kết luận dấu hiệu "JMA ALUMINIUM"; "viXING FA^RUMI" và 3 chữ Hán" gắn trên sản phẩm nhôm thanh định hình như được thể hiện trên

mẫu

vật là yếu tố xâm phạm quyền (quy định tại Điều 11 Nghị định 105/2006 sửa đổi) đối với nhãn hiệu được bảo hộ theo GCNĐKNH số 297083,11254 của Guangdong JMA Aluminum Profile Factory (Group) Co., Ltd; Sandong Xinfu Aluminum Electricity (Group) Co., Ltd.

Ngày 23/10/2019, Cơ quan CSĐT- Công an tỉnh Phú Thọ đã có công văn số 2509, 2510 gửi Công ty TNHH Đại Tín và Liên danh địa chỉ: Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội là công ty đại diện cho Guangdong JMA Aluminum Profile Factory (Group) Co., Ltd tại Việt Nam và Công ty cổ phần sở hữu công nghiệp Invesip địa chỉ 117 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội là công ty đại diện cho Sandong Xinfu Aluminum Electricity (Group) Co., Ltd tại Việt Nam đề nghị 02 công ty làm việc với Guangdong JMA Aluminum Profile Factory (Group) Co., Ltd và Sandong Xinfu Aluminum Electricity (Group) Co., Ltd để xác định 02 công ty trên có đề nghị yêu cầu khởi tố đối với Vũ Văn Phú về tội Xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp không?

Ngày 25/10/2019 và 01/11/2019 Công ty cổ phần sở hữu công nghiệp Invesip, Công ty TNHH Đại Tín và Liên danh đã có văn bản số 573, 866 gửi Cơ quan CSĐT- Công an tỉnh Phú Thọ xác định: 2 công ty đều không liên lạc được với Sandong Xinfu Aluminum Electricity (Group) Co., Ltd; Guangdong JMA Aluminum Profile Factory (Group) Co., Ltd.

Do tội danh này được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại, quy định tại khoản 1 Điều 155 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, nên tại thời điểm này Cơ quan CSĐT- Công an tỉnh Phú Thọ không có căn cứ để xử lý trong vụ án này mà tách ra xử lý sau là phù hợp.

Ngoài việc chịu trách nhiệm cá nhân, tại khoản 4 của Điều 226 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và các Điều 74, 75 BLHS còn quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại.

Điều 75 BLHS quy định: Điều kiện chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại:

“1. Pháp nhân thương mại chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh pháp nhân thương mại;*
- b) Hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân thương mại;*
- c) Hành vi phạm tội được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân thương mại;...”*

Trong vụ án này, Công ty cổ phần Nhôm Việt Pháp- Hà Nội là pháp nhân thương mại đã nhân danh công ty ký kết các hợp đồng mua bán, sản xuất nhôm thanh định hình; ký các hợp đồng in tem nhãn ghi dòng chữ “NHÔM VIỆT PHÁP SHAL” xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp của Công ty cổ phần nhôm Việt pháp SHAL- Nhà máy nhôm Việt Pháp có địa chỉ tại tỉnh Ninh Bình được nhà nước bảo hộ, sau đó Công ty đã chỉ đạo Chi nhánh dán tem nhãn vi phạm lên sản phẩm nhôm thanh định hình, bán ra thị trường, Công ty cổ phần nhôm Việt Pháp- Hà Nội đã xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp của Công ty cổ phần nhôm Việt Pháp SHAL- Ninh Bình.

Tại Cơ quan điều tra Vũ Văn Phụ đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Như vậy, giá trị hàng hóa vi phạm trong vụ án này là:

1. Giá trị hàng hóa đã bán ra thị trường: *11.106.592.233đ*; do việc xuất kho bán hàng không tách từng loại nhôm, nên không xác định được lợi nhuận từ việc bán nhôm thanh định hình có dán tem nhãn xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp;

2. Giá trị hàng hóa tồn kho: *11.995.758.450đ*;

Tổng giá trị hàng hóa vi phạm là: 23.102.350.683đ (Hai mươi ba tỷ một trăm linh hai triệu ba trăm năm mươi nghìn sáu trăm tám mươi ba đồng).

Cáo trạng số 01/CT-VKS-P2 ngày 24 tháng 12 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ truy tố các bị cáo về tội cụ thể như sau:

Bị cáo Vũ Văn Phụ đã phạm vào tội “Xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp”. Tội phạm và hình phạt được áp dụng theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 226 Bộ luật Hình sự.

Công ty cổ phần nhôm Việt Pháp- Nhà máy nhôm Việt Pháp (tại Hà Nội) đã phạm vào tội “Xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 226 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo tội danh, điều luật đã được bản Cáo trạng viện dân và đề nghị Hội đồng xét xử:

a. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Vũ Văn Phụ và Công ty cổ phần nhôm Việt Pháp- Nhà máy nhôm Việt Pháp phạm tội: “Xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp”.

b. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 226; điểm i,s,t khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 35 BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Văn Phụ từ 200.000.000đ đến 400.000.000đ.

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 226; điểm d,đ khoản 1 Điều 84; Điều 77 BLHS, đề nghị xử phạt Công ty cổ phần nhôm Việt Pháp- Nhà máy nhôm Việt Pháp từ 2.000.000. 000đ đến 2.500.000.000đ.

** Hình phạt bổ sung:*

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Phụ và pháp nhân vi phạm.

c. Xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 106 BLTTHS: tịch thu tiêu hủy 05 thùng catton tem nhãn vi phạm; 04 thanh nhôm định hình;

Áp dụng điểm đ khoản 3 Điều 82 BLHS: buộc Công ty cổ phần nhôm Việt Pháp- Nhà máy nhôm Việt Pháp phải tháo dỡ toàn bộ tem nhãn vi phạm trên hàng hóa là 42.405 thanh nhôm định hình (là tem nhãn mang dòng chữ “NHÔM VIỆT PHÁP SHAL”); trả lại cho Công ty cổ phần Nhôm Việt Pháp- Nhà máy nhôm Việt Pháp 42.405 thanh nhôm định hình đã được tháo dỡ tem nhãn vi phạm.

d. Về trách nhiệm khác:

Về yêu cầu bồi thường của Công ty cổ phần nhôm Việt Pháp SHAL- Nhà máy nhôm Việt Pháp, số tiền 23.102.350.683đ là không có căn cứ; Công ty nhôm

Ninh Bình không đưa ra được căn cứ nào chứng minh cho thiệt hại của mình. Do đó, căn cứ khoản 6 Điều 203; Điều 204; điểm c khoản 1 Điều 205 Luật sở hữu trí tuệ đề nghị Hội đồng xét xử buộc Công ty cổ phần nhôm Việt Pháp- Nhà máy nhôm Việt Pháp phải bồi thường cho Công ty cổ phần nhôm Việt Pháp SHAL- Nhà máy nhôm Việt Pháp SHAL số tiền từ 300-500 triệu đồng.

Buộc Công ty cổ phần nhôm Việt Pháp- Nhà máy nhôm Việt Pháp chấm dứt việc sản xuất nhôm thanh định hình gắn tem nhãn có dấu hiệu “NHÔM VIỆT PHÁP SHAL”.

Đ. Về án phí

Bị cáo Phụ và Công ty cổ phần nhôm Việt Pháp- Nhà máy nhôm Việt Pháp mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong cụ an hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TA

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Vũ Văn Phụ và Đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại Công ty cổ phần nhôm Việt Pháp - Nhà máy nhôm Việt Pháp đã khai nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo Đại diện theo pháp luật của pháp nhân thương mại phạm tội cơ bản phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp lời khai của những người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã xác định:

Trong khoảng thời gian năm 2018 đến tháng 4/2019, Vũ Văn Phụ- là Giám đốc Công ty CP Nhôm Việt Pháp- Nhà máy Nhôm Việt Pháp, có địa chỉ tại Phòng 1- nhà N3- Tập thể sư phạm I- quận Cầu Giấy- thành phố Hà Nội, đồng thời cũng là Giám đốc Chi nhánh Công tyCP Nhôm Việt Pháp- Nhà máy Nhôm Việt Pháp có địa chỉ tại: Lô A, khu Công nghiệp Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ đã có hành vi sử dụng tem nhãn in dòng chữ “*NHÔM VIỆT PHÁP SHAL*” dán vào các thanh nhôm định hình do Chi nhánh của Công ty sản xuất để

bán ra thị trường; dấu hiệu: “*NHÔM VIỆT PHÁP SHAL*” đã được Cục sở hữu trí tuệ- Bộ khoa học công nghệ cấp văn bằng bảo hộ số 292021 cho Công ty CP Nhôm Việt Pháp SHAL có địa chỉ tại: Lô KT, Khu công nghiệp Phúc Sơn, đường Trần Nhân Tông, phường Ninh Sơn, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. Tổng số nhôm thanh định hình dán tem nhãn “*NHÔM VIỆT PHÁP SHAL*” do Công ty cổ phần Nhôm Việt Pháp- Nhà máy nhôm Việt Pháp SHAL và Chi nhánh của Công ty (hoạt động dưới sự chỉ đạo của Công ty) sản xuất ra là 316.045,05kg nhôm sau đó Chi nhánh Công ty cổ phần nhôm Việt Pháp- Nhà máy nhôm Việt Pháp (có địa chỉ tại Trung Hà- Tam Nông) đã bán cho Công ty cổ phần nhôm Việt Pháp- Nhà máy nhôm Việt Pháp (Hà Nội) và Công ty cổ phần sản xuất nhôm Xingfa- Nhà máy nhôm xingfa đã bán nhôm thành phẩm cho 04 công ty gồm: Công ty TNHH TM và DV Mạnh Quy; Công ty TNHH XD và TM Minh Đức; Công ty cổ phần Nhôm xingfa Shalumi- Nhà máy nhôm Xingfa Shalumi; Công ty TNHH TM Đông Quang với tổng số lượng là: 144.770,05 kg . Còn lại 171.275kg đang tồn kho tương đương với 42.405 thanh nhôm định hình. Cơ quan điều tra đã tạm giữ số nhôm vi phạm nêu trên.

Tổng giá trị hàng hóa vi phạm đã bán ra thị trường là: 11.106.592.233đ.

Giá trị hàng hóa vi phạm còn tồn trong kho là: 11.995.758.450đ.

Như vậy, tổng giá trị hàng hóa đã vi phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự trong vụ án này là: 23.102.350.683đ (Hai mươi ba tỷ một trăm linh hai triệu ba trăm năm mươi nghìn sáu trăm tám mươi ba đồng).

Về hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu “*NHÔM VIỆT PHÁP SHAL*”, cá nhân bị cáo Vũ Văn Phụ là người chỉ đạo, điều hành toàn bộ hoạt động, sản xuất, mua bán của Công ty CP Nhôm Việt Pháp- Nhà máy nhôm Việt Pháp (tại Hà Nội) và Chi nhánh nhôm Việt Pháp- Nhà máy nhôm Việt Pháp (tại Phú Thọ) nên Vũ Văn Phụ phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi “Xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp” và pháp nhân thương mại Công ty cổ phần nhôm Việt Pháp- Nhà máy nhôm Việt Pháp (tại Hà Nội) cũng phải chịu trách nhiệm hình sự về tội danh này.

Tại bản cáo trạng số 01/CT-VKS-P2 nầy 24 tháng 12 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ chưa xác định tình tiết phạm tội 02 lần trở lên là tình tiết định khung hình phạt đối với bị cáo Vũ Văn Phụ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 226 Bộ luật Hình sự và tình tiết phạm tội 02 lần trở lên là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại phạm tội được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 85 Bộ luật Hình sự là chưa đầy đủ. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng 02 tình tiết trên đối với bị cáo Phụ và pháp nhân thương mại phạm tội là phù hợp.

Như vậy, hành vi của Vũ Văn Phụ đã phạm tội “Xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp” theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 226 Bộ luật Hình sự; hành vi của Công ty cổ phần nhôm Việt Pháp- Nhà máy nhôm Việt Pháp đã phạm tội “Xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 226 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố là đúng quy định của pháp luật

[2] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo, phạm nhân thương mại phạm tội là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp của người khác, gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty TNHH nhôm Việt Pháp SHAL (tại Ninh Bình) đồng thời xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của nhà nước. Do vậy cần phải xét xử nghiêm, mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo, pháp nhân thương mại phạm tội và phòng ngừa tội phạm về xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp nói chung.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò của bị cáo trong vụ án thấy rằng:

Về tình tiết tăng nặng:

Bị cáo Vũ Văn Phụ và Công ty CP Nhôm Việt Pháp- Nhà máy nhôm Việt Pháp không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Pháp nhân thương mại phạm tội Công ty CP Nhôm Việt Pháp- Nhà máy nhôm Việt Pháp phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm c khoản 1 Điều 85 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ:

Đối với bị cáo Vũ Văn Phụ quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong thời gian tại ngoại để phục vụ điều tra bị cáo đã cung cấp thông tin cho Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Phú Thọ để xác lập chuyên án mang bí số “T919” đấu tranh với hành vi trốn thuế mua bán trái phép hóa đơn của các công ty, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, thành phố Hải Phòng và một số tỉnh thành khác. Qua đấu tranh chuyên án Cơ quan cảnh sát Điều tra - Công an tỉnh Phú Thọ đã khởi tố 04 vụ án về tội “Trốn thuế” trên địa bàn huyện Hạ Hòa và huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. Ngày 10/01/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Phú Thọ đã có công văn số 182/CV-CQCSĐT đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đó là mẹ đẻ bị cáo bà Lương Thị Xê là người có công với cách mạng được nhà nước tặng thưởng huân chương. Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự do vậy để thể hiện chính sách Khoan hồng của pháp luật chỉ cần áp dụng hình phạt tiền cũng đủ để giáo dục đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

Đối với Công ty CP Nhôm Việt Pháp- Nhà máy nhôm Việt Pháp trong quá trình hoạt động có nhiều đóng góp trong việc thực hiện chính sách xã hội đã được UBND quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội và UBND huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ tặng thưởng bằng khen trong nhiều năm; Ngày 10/01/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Phú Thọ đã có công văn số 182/GY-CQCSĐT đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho Công ty CP Nhôm Việt Pháp- Nhà máy nhôm Việt Pháp nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm d, đ khoản 1 Điều 84 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử thấy rằng chỉ cần áp dụng hình phạt tiền cũng đủ để răn đe giáo dục đối với pháp nhân thương mại phạm tội.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Cần áp dụng khoản 3 Điều 226 Bộ luật Hình sự cấm bị cáo Vũ Văn Phú đảm nhiệm chức vụ 18 (Mười tám) tháng kể từ khi chấp hành xong hình phạt.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với Công ty CP Nhôm Việt Pháp- Nhà máy nhôm Việt Pháp.

[5] Đối với số nhôm thanh định hình gắn tem nhãn “NHÔM VIỆT PHÁP SHAL” do Công ty CP Nhôm Việt Pháp- Nhà máy Nhôm Việt Pháp có địa chỉ tại Hà Nội đã bán cho các đơn vị, đến nay không xác định được số tiền lãi thu được vì các đơn vị mua bán nhiều loại thanh nhôm cùng thời điểm, không bóc tách từng loại, nên không xác định được tiền thu lời bất chính từ việc bán nhôm thanh định hình xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp xét thấy là phù hợp.

Đối với số nhôm thanh định hình gắn tem nhãn mang dòng chữ nước ngoài và gắn tem nhãn mang dòng chữ “JMA ALUMINIUM” đã có kết luận là xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp của 02 đơn vị của Trung Quốc. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, hai đơn vị trên chưa có quan điểm về việc đề nghị xử lý hay không, do đó, Cơ quan CSĐT- Công an tỉnh Phú Thọ có quan điểm tách ra khi nào làm rõ sẽ xử lý sau là phù hợp.

Đối với việc các Công ty TNHH TM và DV Mạnh Quy; Công ty TNHH XD và TM Minh Đức; Công ty cổ phần Nhôm xingfa Shalumi- Nhà máy nhôm Xingfa Shalumi; Công ty TNHH TM Đông Quang; Công ty cổ phần sản xuất Nhôm xingfa - Nhà máy nhôm Xingfa là các công ty các mua các thanh nhôm giả mạo của Công ty CP Nhôm Việt Pháp- Nhà máy Nhôm Việt Pháp để sử dụng và bán ra thị trường; Công ty TNHH giấy Cozy là công ty đã có hợp đồng in ấn tem nhãn giả mạo cho Công ty CP Nhôm Việt Pháp- Nhà máy Nhôm Việt Pháp dán vào các thanh nhôm để bán ra thị trường. Hội đồng xét xử xét thấy các công ty trên ký kết hợp đồng mua bán với Công ty CP Nhôm Việt Pháp- Nhà máy Nhôm Việt Pháp là ngay thẳng, không biết việc vi phạm pháp luật của Công ty CP Nhôm Việt Pháp- Nhà máy Nhôm Việt Pháp do vậy không đề cập xử lý đối với các công ty trên là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra và trước khi xét xử bị hại có đề nghị buộc bị cáo và pháp nhân thương mại phạm tội có trách nhiệm:

- Bồi thường thiệt hại uy tín bị xâm phạm theo quy định pháp luật.

- Bồi thường thiệt hại vật chất thực tế với số tiền là 23.102.350.683đ (*Hai mươi ba tỷ một trăm linh hai triệu ba trăm năm mươi nghìn sáu trăm tám mươi ba đồng*).

- Không đề nghị bị cáo, pháp nhân thương mại phạm tội phải bồi thường thiệt hại về tinh thần.

Tại phiên tòa hôm nay, Quan điểm của bị cáo, pháp nhân thương mại phạm tội nhất trí bồi thường thiệt hại uy tín bị xâm hại cho bị hại 14.950.000đ (Mười bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng). Không nhất trí bồi thường thiệt hại vật chất thực tế với số tiền là 23.102.350.683đ (*Hai mươi ba tỷ một trăm linh hai triệu ba trăm năm mươi nghìn sáu trăm tám mươi ba đồng*). Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét căn cứ khoản 6 Điều 203, Điều 204, điểm c khoản 1 Điều 205 Luật sở hữu trí tuệ bị cáo, pháp nhân thương mại phạm tội nhất trí bồi thường số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện bị hại không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào để chứng minh cho đề nghị về phần bồi thường thiệt hại vật chất số tiền 23.102.350.683đ (*Hai mươi ba tỷ một trăm linh hai triệu ba trăm năm mươi nghìn sáu trăm tám mươi ba đồng*). Do vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét giải quyết. Cần áp dụng khoản 6 Điều 203, Điều 204, điểm C, khoản 1 Điều 205 Luật sở hữu trí tuệ buộc bị cáo, pháp nhân thương mại phạm tội có trách nhiệm liên đới bồi thường cho Công ty TNHH nhâm Việt Pháp SHAL (tại Ninh Bình) số tiền là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng).

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại uy tín cần áp dụng Điều 592 Bộ luật dân sự buộc bị cáo, pháp nhân thương mại phạm tội có trách nhiệm liên đới bồi thường

cho Công ty TNHH nhôm Việt Pháp SHAL (tại Ninh Bình) số tiền là 14.950.000đ (Mười bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Tổng là 514.950.000đ (Năm trăm mười bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng)

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 05 thùng catton bên trong có được Tem nhãn có “VIỆT PHÁP SHAL” và tem nhãn có dòng chữ “viXING FA^RUMI”; 04 đoạn thanh nhôm là vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 42.405 thanh nhôm định hình là vật chứng vụ án có giá trị sử dụng. Đại diện của bị hại đề nghị xem xét áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự thu xung quỹ nhà nước số vật chứng trên. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo, pháp nhân thương mại phạm tội đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại tài sản bị thu giữ để đảm bảo quyền lợi của công ty cũng như người lao động trong công ty. Ngày 07/01/2020 tập thể người lao động đang làm việc tại Công ty CP Nhôm Việt Pháp-Nhà máy nhôm Việt Pháp có đơn đề nghị xin nhận lại tài sản bị Cơ quan cảnh sát điều tra thu giữ để giảm bớt khó khăn cũng như tạo điều kiện cho người lao động của công ty có thêm việc làm, đảm bảo thu nhập. Công ty xin cam kết xóa bỏ mọi dấu hiệu vi phạm trên thanh nhôm mới cho vào tái sử dụng trong sản xuất và lưu thông. Hội đồng xét xử xét thấy số vật chứng trên là tài sản của Chi nhánh Công ty CP Nhôm Việt Pháp- Nhà máy nhôm Việt Pháp và đề nghị của tập thể người lao động của Chi nhánh Công ty CP Nhôm Việt Pháp- Nhà máy nhôm Việt Pháp (tại Phú Thọ) là có căn cứ nên cần áp dụng điểm đ khoản 3 Điều 82 Bộ luật hình sự trả lại

42.405 thanh nhôm định hình cho Chi nhánh Công ty CP Nhôm Việt Pháp- Nhà máy nhôm Việt Pháp (tại Phú Thọ) nhưng buộc Chi nhánh Công ty CP Nhôm Việt Pháp- Nhà máy nhôm Việt Pháp (tại Phú Thọ) loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa, bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh và vật phẩm trước khi tái sử dụng trong sản xuất và lưu thông trong quá trình thi hành án. Tạm giữ số tài sản trên để đảm bảo Thi hành án.

[8] Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ

đã đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự để lên cho bị cáo mức hình phạt

dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo Phụ đề nghị này là không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với pháp nhân thương mại phạm tội đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Bị cáo, pháp nhân thương mại phạm tội phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự. Những người tham gia tố tụng được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[10] Các quyết định của cơ quan cảnh sát điều tra; Viện kiểm sát được thực hiện theo đúng trình tự thủ tục của Bộ luật TTHS. Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện việc điều tra, thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong TTHS đã đảm bảo khách quan đúng quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Vũ Văn Phụ và Công ty CP Nhôm Việt Pháp- Nhà máy nhôm Việt Pháp phạm tội “Xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp”

[2] Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Căn cứ điểm b, đ khoản 2, khoản 3 Điều 226; điểm i, s, t khoản 1, khoản Điều 51; Điều 54; Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với Vũ Văn Phụ.

Phạt bị cáo Vũ Văn Phụ số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng). Bị cáo phải nộp một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Vê hình phạt bổ sung: cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề kể từ khi chấp hành xong thời gian thử thách.

- Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 226; điểm d, đ khoản 1 Điều 84; điểm c khoản 1 Điều 85; Điều 77 Bộ luật Hình sự đối với Công ty CP Nhôm Việt Pháp – Nhà máy Nhôm Việt Pháp.

Xử phạt Công ty CP Nhôm Việt Pháp – Nhà máy Nhôm Việt Pháp số tiền là 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng). Công ty CP Nhôm Việt Pháp – Nhà máy Nhôm Việt Pháp phải nộp một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Vê hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với Công ty CP Nhôm Việt Pháp – Nhà máy Nhôm Việt Pháp.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 592 và Điều 357 Bộ luật Dân sự; khoản 6 Điều 203; Điều 204; điểm c khoản 1 Điều 205 Luật sơ hữ trí tuệ.

Buộc bị cáo Vũ Văn Phụ và Công ty CP Nhôm Việt Pháp- Nhà máy nhôm Việt Pháp có trách nhiệm liên đới bồi thường cho Công ty TNHH nhôm Việt Pháp SHAL (tại Ninh Bình) số tiền 514.950.000đ (Năm trăm mười bốn triệu chín trăm nghìn đồng). Trong đó: Bồi thường thiệt hại về uy tín là số tiền 14.950.000đ (Mười bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng); Bồi thường về thiệt hại vật chất là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng). Kỷ phần bị cáo Phụ phải bồi thường là 257.475.000đ (Hai trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn). Công ty CP Nhôm Việt Pháp- Nhà máy nhôm Việt Pháp là 257.475.000đ (Hai trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị hại có đơn yêu cầu mà bị cáo Vũ Văn Phụ, pháp nhân thương mại phạm tội vẫn chưa trả được số tiền trên thì còn phải chịu lãi đối với số tiền chưa trả được. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo Điều 357 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 luật thi hành án dân sự thì đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành á, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7 7a, 7b và Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4] Về xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47; điểm đ khoản 3 Điều 82 Bộ luật hình sự; khoản 2 khoản 3 Điều 106 Bộ luật TTHS.

- Tịch thu tiêu hủy 05 thùng catton bên trong có đựng tem nhãn có dòng chữ “NHÔM VIỆT PHÁP SHAL” và tem có dòng chữ “viXING FA^RUMI”; 04 đoạn thanh nhôm.

- Trả lại cho Công ty CP Nhôm Việt Pháp- Nhà máy nhôm Việt Pháp 42.405 thanh nhôm định hình nhưng buộc Công ty CP Nhôm Việt Pháp- Nhà máy nhôm Việt Pháp loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa, bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh và vật phẩm trước khi tái sử dụng trong sản xuất và lưu thông trong quá trình thi hành án. Tạm giữ 42.405 thanh nhôm định hình để đảm bảo thi hành án. *(Tình trạng vật chứng được mô tả theo biên bản giao nhận vật chứng của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ ngày 13 tháng 01 năm 2020).*

[5] Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật TTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí TA.

Buộc bị cáo Vũ Văn Phụ; Công ty CP Nhôm Việt Pháp- Nhà máy nhôm Việt Pháp mỗi bị cáo phải nộp 200.000.đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Buộc bị cáo Vũ Văn Phụ; Công ty CP Nhôm Việt Pháp- Nhà máy nhôm Việt Pháp mỗi bị cáo phải chịu 12.873.000đ (Mười hai triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn đồng) tiền án phí dân sự trong vụ án hình sự.

